**Phần thứ hai**

HƯớNG DẫN THựC HIệN CHUẩN KIếN THứC, Kĩ NĂNG
môn lịch sử trung học cơ sở

**LỚP 6**

**Mở đầu**

**SƠ LƯỢC VỀ MÔN LỊCH SỬ**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

*Nhận biết được :*

- Xã hội loài người có lịch sử hình thành và phát triển

- Mục đích học tập Lịch sử (để biết gốc tích tổ tiên, quê hương đất nước, để hiểu hiện tại).

- Phương pháp học tập (cách học, cách tìm hiểu lịch sử) một cách thông minh trong việc nhớ và hiểu.

- Cách tính thời gian trong lịch sử.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Xã hội loài người có lịch sử hình thành và phát triển**

Sử dụng kênh hình, những hiểu biết thực tế trong đời sống, để
biết được :

- Lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ.

- Lịch sử còn là một khoa học, có nhiệm vụ tìm hiểu và khôi phục lại quá khứ của con người và xã hội loài người.

**2. Mục đích học tập Lịch sử**

- Để biết được cội nguồn của tổ tiên, quê hương, dân tộc mình,
để hiểu cuộc sống đấu tranh và lao động sáng tạo của dân tộc mình và của cả loài người trong quá khứ xây dựng nên xã hội văn minh như ngày nay.

- Để hiểu được những gì chúng ta đang thừa hưởng của ông cha trong quá khứ và biết mình phải làm gì cho tương lai.

**3. Phương pháp học tập Lịch sử**

- Dựa vào đâu để biết và khôi phục lại lịch sử :

+ Ghi nhớ các khái niệm thế nào là "tư liệu lịch sử", "tư liệu truyền miệng", "tư liệu hiện vật" và "tư liệu chữ viết" (qua kênh hình và dẫn chứng cụ thể bằng lời).

+ Sưu tầm và trình bày lại một vài tư liệu lịch sử ở địa phương.

- Sưu tầm, đọc, ghi chép và trình bày lại một số sự kiện lịch sử.

**4. Cách tính thời gian trong lịch sử**

Hiểu được các khái niệm "thập kỉ" "thế kỉ", "thiên niên kỉ", thời gian "trước Công nguyên", "sau Công nguyên" ; làm bài tập về tính thời gian.

a) Hiểu diễn biến lịch sử theo trình tự thời gian.

b) Hiểu nguyên tắc của phép làm lịch : dựa vào chu kì vòng quay của Trái Đất quanh trục của nó, của Mặt Trăng quanh Trái Đất, của Trái Đất quanh Mặt Trời, tạo nên ngày, đêm, tháng và mùa trong năm.

c) Hai cách làm lịch :

- Dựa theo chu kì vòng quay của Mặt Trăng quanh Trái Đất :
âm lịch.

- Dựa theo chu kì vòng quay của Trái Đất quanh Mặt Trời :
dương lịch.

d) Cách ghi và tính thời gian theo Công lịch : trước Công nguyên và sau Công nguyên.

**KHÁI QUÁT LỊCH SỬ THẾ GIỚI
NGUYÊN THUỶ VÀ CỔ ĐẠI**

***Chủ đề 1***

**XÃ HỘI NGUYÊN THUỶ**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

*Nhận biết được :*

- Sự xuất hiện con người trên Trái đất : thời điểm, động lực...

- Sự khác nhau giữa Người tối cổ và Người tinh khôn.

- Vì sao xã hội nguyên thuỷ tan rã : sản xuất phát triển, nảy sinh của cải dư thừa ; sự xuất hiện giai cấp ; nhà nước ra đời.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

Chủ đề "Xã hội nguyên thuỷ" trong sách Lịch sử 6 chỉ được học trong một tiết. Vì vậy, với thời lượng và trình độ HS lớp 6, chương trình chỉ yêu cầu một số nội dung rất cơ bản trên cơ sở hiểu và nhớ các khái niệm, thuật ngữ. Cần sử dụng kênh hình để HS phân biệt "Vượn cổ", "Người tối cổ" , "Người tinh khôn".

**1. Sự xuất hiện con người trên Trái đất : thời điểm, động lực...**

- Khái niệm *Vượn cổ* : loài vượn có dáng hình người, sống cách ngày nay khoảng 5 - 6 triệu năm.

- Khái niệm *Người tối cổ* :

+ Thời gian xuất hiện : khoảng 3- 4 triệu năm trước.

+ Đặc điểm : thoát khỏi giới động vật, con người hoàn toàn đi đứng bằng 2 chân, đôi tay đã trở lên khéo léo, có thể cầm nắm và biết sử dụng những hòn đá, cành cây... làm công cụ.

+ Biết chế tạo công cụ và phát minh ra lửa.

+ Nơi tìm thấy di cốt : Đông Phi, Đông Nam Á, Trung Quốc,
châu Âu...

- *Người tinh khôn :*

+ Thời gian xuất hiện : 4 vạn năm trước.

+ Đặc điểm : có cấu tạo cơ thể như người ngày nay, thể tích sọ não lớn, tư duy phát triển.

+ Nơi tìm thấy di cốt : ở khắp các châu lục.

- Động lực của quá trình chuyển biến từ vượn thành người :

+ Vai trò của lao động : tạo ra con người và xã hội loài người.

+ Nêu những điểm thể hiện sự tiến hóa của bản thân con người.

- Xác định trên lược đồ thế giới các địa điểm xuất hiện con người.

**2. Sự khác nhau giữa Người tối cổ và Người tinh khôn**

*Sử dụng hình 5 - SGK, lập bảng so sánh :*

- Ở Người tối cổ : trán thấp và bợt ra phía sau, u mày nổi cao ; khắp cơ thể còn phủ một lớp lông ngắn ; dáng đi còn hơi còng, lao về phía trước ; thể tích sọ não từ 850 cm3 đến 1100 cm3.

- Ở Người tinh khôn : mặt phẳng, trán cao, không còn lớp lông trên người, dáng đi thẳng, bàn tay nhỏ, khéo léo, thể tích sọ não lớn : 1450 cm3.

**3. Vì sao xã hội nguyên thuỷ tan rã ?**

*Biết được sản xuất phát triển, dẫn đến của cải dư thừa ; giai cấp xuất hiện ; nhà nước ra đời :*

- Khoảng 4000 năm TCN, con người phát hiện ra kim loại (đồng và quặng sắt) và dùng kim loại làm công cụ lao động.

- Nhờ công cụ bằng kim loại, con người có thể khai phá đất hoang, tăng diện tích trồng trọt... sản phẩm làm ra nhiều, xuất hiện của cải dư thừa.

- Một số người chiếm hữu của dư thừa, trở nên giàu có... xã hội phân hóa thành kẻ giàu, người nghèo. Xã hội nguyên thuỷ dần dần
tan rã.

***Chủ đề 2***

**XÃ HỘI CỔ ĐẠI**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Nêu được sự xuất hiện các quốc gia cổ đại ở phương Đông và phương Tây (thời điểm, địa điểm).

- Trình bày sơ lược về tổ chức và đời sống xã hội ở các quốc gia cổ đại.

- Nêu được thành tựu chính của nền văn hóa cổ đại phương Đông (lịch, chữ tượng hình, toán học, kiến trúc) và phương Tây (lịch, chữ cái a,b,c, ở nhiều lĩnh vực khoa học, văn học, kiến trúc, điêu khắc).

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

Chủ đề này được học trong ba bài 4, 5 và 6 : bài 4 trình bày về các quốc gia cổ đại phương Đông, bài 5 - Các quốc gia cổ đại phương Tây và bài 6 - Văn hóa cổ đại, với hai mô hình xã hội khác nhau. Tuy nhiên, chuẩn kiến thức, kĩ năng của chương trình nêu ra những yêu cầu chung cho cả ba bài. Vì vậy, mỗi nội dung trên đây cần xác định những chuẩn kiến thức, kĩ năng riêng cho từng bài.

**1. Sự xuất hiện các quốc gia cổ đại ở phương Đông và phương Tây (thời điểm, địa điểm)**

*Nêu được sự xuất hiện các quốc gia cổ đại ở phương Đông và phương Tây :*

- Ở phương Đông :

+ Thời gian xuất hiện : cuối thiên niên kỉ IV đầu thiên niên kỉ III TCN.

+ Địa điểm : ở Ai Cập, khu vực Lưỡng Hà, Ấn Độ và Trung Quốc ngày nay, trên lưu vực các dòng sông lớn như sông Nin ở Ai Cập,
Ơ-phơ-rát và Ti-gơ-rơ ở Lưỡng Hà, sông Ấn và sông Hằng ở Ấn Độ, Hoàng Hà và Trường Giang ở Trung Quốc.

- Ở phương Tây :

+ Thời gian xuất hiện : đầu thiên niên kỉ I TCN.

+ Địa điểm : trên các bán đảo Ban Căng và I-ta-li-a, mà ở đó có rất ít đồng bằng, chủ yếu là đất đồi, khô và cứng, nhưng lại có nhiều hải cảng tốt, thuận lợi cho buôn bán đường biển.

- Sử dụng bản đồ, để xác định vị trí của các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây.

**2. Sơ lược về tổ chức và đời sống xã hội ở các quốc gia cổ đại.**

*Trình bày được sơ lược về tổ chức và đời sống xã hội ở các quốc gia cổ đại :*

***a) Ở các quốc gia cổ đại phương Đông***

- Đời sống kinh tế :

+ Ngành kinh tế chính là nông nghiệp ;

+ Biết làm thuỷ lợi, đắp đê ngăn lũ, đào kênh máng dẫn nước vào ruộng.

+ Thu hoạch lúa ổn định hằng năm.

- Các tầng lớp xã hội : 3 tầng lớp chính :

+ Nông dân công xã, đông đảo nhất và là tầng lớp lao động, sản xuất chính trong xã hội.

+ Quý tộc là tầng lớp có nhiều của cải và quyền thế, bao gồm vua, quan lại và tăng lữ.

+ Nô lệ là những người hầu hạ, phục dịch cho quý tộc ; thân phận không khác gì con vật.

-Tổ chức xã hội :

Tổ chức bộ máy nhà nước do vua đứng đầu :

+ Vua có quyền đặt ra luật pháp, chỉ huy quân đội, xét xử những người có tội, được coi là người đại diện của thần thánh ở dưới trần gian.

+ Bộ máy hành chính từ trung ương đến địa phương : giúp việc cho vua, lo việc thu thuế, xây dựng cung điện, đền tháp và chỉ huy quân đội (vẽ sơ đồ).

***b) Ở các quốc gia cổ đại phương Tây***

-Đời sống kinh tế :

+ Ngành kinh tế chính là thủ công nghiệp (luyện kim, đồ mĩ nghệ, đồ gốm, làm rượu nho, dầu ô liu) và thương nghiệp (xuất khẩu các mặt hàng thủ công, rượu nho, dầu ô liu, nhập lúa mì và súc vật).

+ Ngoài ra, còn trồng trọt cây lưu niên như nho, ô liu, cam, chanh...

- Các tầng lớp xã hội :

+ Giai cấp chủ nô : gồm các chủ xưởng thủ công, chủ các thuyền buôn, chủ các trang trại..., rất giàu có và có thế lực về chính trị, sở hữu nhiều nô lệ.

+ Giai cấp nô lệ, với số lượng rất đông, là lực lượng lao động chính trong xã hội, bị chủ nô bóc lột và đối xử rất tàn bạo.

- Tổ chức xã hội :

+ Giai cấp thống trị : chủ nô nắm mọi quyền hành.

+ Nhà nước do giai cấp chủ nô bầu ra, làm việc theo thời hạn.

+ Khái niệm "xã hội chiếm hữu nô lệ" : là xã hội có hai giai cấp chính là chủ nô và nô lệ, trong đó giai cấp chủ nô thống trị và bóc lột giai cấp nô lệ.

**3. Thành tựu chính của nền văn hóa cổ đại phương Đông (lịch, chữ tượng hình, toán học, kiến trúc) và phương Tây (lịch, chữ cái a,b,c, các lĩnh vực khoa học, văn học, kiến trúc, điêu khắc).**

*Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn hoá cổ đại phương Đông và phương Tây :*

***a) Thành tựu văn hoá của các quốc gia cổ đại phương Đông***

- Biết làm lịch và dùng lịch âm : năm có 12 tháng, mỗi tháng
có 29 hoặc 30 ngày ; biết làm đồng hồ đo thời gian bằng bóng nắng mặt trời.

- Sáng tạo chữ viết, gọi là chữ tượng hình (vẽ mô phỏng vật thật để nói lên ý nghĩ của con người) ; viết trên giấy Pa-pi-rút, trên mai rùa, trên thẻ tre, trên các phiến đất sét...

- Toán học : phát minh ra phép đếm đến 10, các chữ số từ 1 đến 9 và số 0, tính được số Pi bằng 3,16.

- Kiến trúc : các công trình kiến trúc đồ sộ như Kim tự tháp ở Ai Cập, thành Ba-bi-lon ở Lưỡng Hà...

-Kết hợp sử dụng kênh hình, tài liệu tham khảo để khắc sâu
kiến thức.

***b) Thành tựu văn hóa của các quốc gia cổ đại phương Tây***

- Biết làm lịch và dùng lịch dương, chính xác hơn : 1 năm có 365 ngày và 6 giờ, chia thành 12 tháng.

- Sáng tạo ra hệ chữ cái a, b, c... có 26 chữ cái, gọi là hệ chữ cái La-tinh, đang được dùng phổ biến hiện nay.

- Các ngành khoa học :

+ Phát triển cao, đặt nền móng cho các ngành khoa học sau này.

+ Một số nhà khoa học nổi tiếng trong các lĩnh vực : Ta-lét, Pi-ta-go, Ơ-cơ-lít (Toán học) ; Ác-si-mét (Vật lí) ; Pla-tôn, A-ri-xtốt (Triết học) ; Hê-rô-đốt, Tu-xi-đít (Sử học) ; Stơ-ra-bôn (Địa lí)...

- Kiến trúc và điêu khắc với nhiều công trình nổi tiếng như : đền Pác-tê-nông ở A-ten, đấu trường Cô-li-dê ở Rô-ma, tượng Lực sĩ ném đĩa, thần Vệ nữ ở Mi-lô...

- Kết hợp sử dụng kênh hình, tài liệu tham khảo để khắc sâu
kiến thức.

**LỊCH SỬ VIỆT NAM
TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN THẾ KỈ X**

***Chủ đề 1***

**BUỔI ĐẦU LỊCH SỬ NƯỚC TA**

Chủ đề này bao gồm các bài 8, 9 trong SGK.

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

Hiểu biết những điểm chính về :

- Dấu tích Người tối cổ tìm thấy trên đất nước Việt Nam : hang Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (Lạng Sơn) ; Núi Đọ (Thanh Hoá) ; Xuân Lộc (Đồng Nai) ; công cụ ghè đẽo thô sơ.

- Dấu tích của Người tinh khôn được tìm thấy trên đất nước Việt Nam (ở giai đoạn đầu : mái đá Ngườm - Thái Nguyên, Sơn Vi - Phú Thọ ; ở giai đoạn phát triển : Hoà Bình, Bắc Sơn, Quỳnh Văn, Hạ Long...).

- Sự phát triển của Người tinh khôn so với Người tối cổ.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Dấu tích Người tối cổ tìm thấy trên đất nước Việt Nam**

*Biết và ghi nhớ :*

- Khái niệm "dấu tích" (cái còn lại của thời xa xưa, của quá khứ tương đối xa).

- Đặc điểm Người tối cổ : vẫn còn những dấu tích của loài vượn (trán thấp và bợt ra phía sau, mày nổi cao, xương hàm nhô ra phía trước, trên người còn một lớp lông bao phủ...) ; đã hoàn toàn đi bằng hai chân, hai chi trước đã biết cầm nắm, hộp sọ đã phát triển, thể tích sọ não lớn, biết sử dụng và chế tạo công cụ.

- Những dấu tích của Người tối cổ trên đất Việt Nam được tìm thấy là những chiếc răng của Người tối cổ, những mảnh đá được ghè mỏng ở nhiều chỗ, có hình thù rõ ràng, dùng để chặt, đập ; có niên đại cách đây 40 - 30 vạn năm.

- Xác định trên bản đồ Việt Nam các địa điểm tìm thấy dấu tích Người tối cổ : các hang Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (Lạng Sơn) ; Núi Đọ (Thanh Hoá) ; Xuân Lộc (Đồng Nai).

- Sử dụng hình 18, 19 trong SGK ghi nhớ đặc điểm công cụ của Người tối cổ, hình 24 để xác định các địa điểm tìm thấy dấu tích Người tối cổ.

**2. Dấu tích của Người tinh khôn được tìm thấy trên đất nước Việt Nam**

- Ghi nhớ đặc điểm Người tinh khôn : cấu tạo cơ thể giống như người ngày nay, xương cốt nhỏ hơn Người tối cổ, bàn tay nhỏ, khéo léo, các ngón tay linh hoạt, hộp sọ và thể tích não phát triển (1450 cm3), trán cao, mặt phẳng, cơ thể gọn và linh hoạt.

- Nhận biết và ghi nhớ dấu tích của Người tinh khôn được tìm thấy trên đất nước Việt Nam ở *giai đoạn đầu* : đó là những chiếc rìu bằng hòn cuội, được ghè đẽo thô sơ, có hình thù rõ ràng, được tìm thấy ở mái đá Ngườm (Thái Nguyên), Sơn Vi (Phú Thọ) có niên đại khoảng 3 - 2 vạn năm cách ngày nay.

- Nhận biết và ghi nhớ dấu tích của Người tinh khôn được tìm thấy trên đất nước Việt Nam ở *giai đoạn phát triển* : Đó là những công cụ được mài ở lưỡi như rìu ngắn, rìu có vai, một số công cụ bằng xương, bằng sừng, đồ gốm, được tìm thấy ở Hoà Bình, Bắc Sơn (Lạng Sơn), Quỳnh Văn (Nghệ An), Hạ Long (Quảng Ninh)..., có niên đại từ 12000 đến 4000 năm cách ngày nay.

- Quan sát các hình 20, 21, 22 và 23 trong SGK, so sánh với hình 18, 19 để phân biệt điểm khác nhau giữa công cụ của Người tối cổ với công cụ của Người tinh khôn (dựa vào mô tả trong SGK), thảo luận về "*Sự khác nhau ở giai đoạn đầu và giai đoạn phát triển của Người tinh khôn được thể hiện ở điểm chủ yếu nào ?*".

- Lập bảng thống kê về dấu tích của Người tinh khôn trên đất nước Việt Nam.

**3. Sự phát triển của Người tinh khôn so với Người tối cổ**

*Nhận biết được sự phát triển của Người tinh khôn so với Người tối cổ :*

*- Đời sống vật chất :*

+ Người tinh khôn thường xuyên cải tiến và đạt được những bước tiến về chế tác công cụ.

+ Từ thời Sơn Vi, con người đã ghè đẽo các hòn cuội thành rìu ; đến thời Hoà Bình - Bắc Sơn họ đã biết dùng các loại đá khác nhau để mài thành các loại công cụ như rìu, bôn, chày.

+ Họ biết dùng tre, gỗ, xương, sừng làm công cụ và biết làm đồ gốm ; biết trồng trọt (rau, đậu, bí, bầu...) và chăn nuôi (chó, lợn).

Sử dụng kênh hình trong SGK, trao đổi về sự tiến bộ trong chế tạo công cụ lao động và vật dụng ; ý nghĩa của việc xuất hiện nghề nông, chăn nuôi...

- *Tổ chức xã hội :*

+ Người tinh khôn sống thành từng nhóm ở trong hang động, những vùng thuận tiện, thường định cư lâu dài ở một số nơi (Hoà Bình - Bắc Sơn).

+ Bước đầu biết : do công cụ sản xuất tiến bộ, sản xuất phát triển nên đời sống không ngừng được nâng cao, dân số ngày càng tăng, dần dần hình thành mối quan hệ xã hội.

Hình thành các khái niệm :

Chế độ thị tộc : *tổ chức của* *những người có cùng quan hệ lâu dài, cùng huyết thống đã họp thành một nhóm riêng cùng sống trong một hang động hay mái đá, hoặc trong một vùng nhất định nào đó*.

Thị tộc mẫu hệ (hay thị tộc mẫu quyền) : *là chế độ của những người cùng huyết thống, sống chung với nhau và tôn người mẹ lớn tuổi nhất lên làm chủ.*

- *Đời sống tinh thần :*

+ Người tối cổ đã biết chế tác và sử dụng dùng đồ trang sức ; biết vẽ những hình mô tả cuộc sống tinh thần của mình.

+ Người tối cổ đã hình thành một số phong tục tập quán : thể hiện trong mộ táng có chôn theo lưỡi cuốc đá.

Trong thời kì nguyên thuỷ con người bắt đầu quan tâm đến đời sống tinh thần thể hiện ở việc làm đẹp bản thân và bày tỏ tình cảm đối với người chết. Đó là một bước tiến đáng kể trong sự phát triển của loài người.

***Chủ đề 2***

**THỜI KÌ VĂN LANG - ÂU LẠC**

**Nội dung 1 : NHỮNG BIẾN CHUYỂN TRONG ĐỜI SỐNG KINH TẾ, XÃ HỘI**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

Nắm được những nét chính về :

- Trình độ sản xuất, công cụ của người Việt cổ thể hiện qua các di chỉ : Phùng Nguyên (Phú Thọ), Hoa Lộc (Thanh Hoá). Phát minh ra thuật luyện kim.

- Hiểu được ý nghĩa, tầm quan trọng của sự ra đời nghề nông trồng lúa nước.

- Những biểu hiện về sự chuyển biến xã hội : chế độ phụ hệ dần dần thay thế cho chế độ mẫu hệ.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Trình độ sản xuất, công cụ của người Việt cổ**

*Nhận biết được trình độ sản xuất, công cụ của người Việt cổ :*

- Nhận biết và ghi nhớ : Người nguyên thuỷ trên đất nước ta lúc đầu sinh sống ở các hang động, tiếp tục mở rộng vùng cư trú đến các vùng chân núi, thung lũng ven khe suối, vùng đất bãi ven sông.

- Nhận biết và ghi nhớ được ở một số di chỉ : Phùng Nguyên (Phú Thọ), Hoa Lộc (Thanh Hoá), Lung Leng (Kon Tum), có niên đại cách đây 4000 - 3500 năm, các nhà khảo đã phát hiện hàng loạt công cụ : rìu đá, bôn đá được mài nhẵn toàn bộ, có hình dáng cân xứng ; những đồ trang sức, những loại đồ gốm khác nhau như bình, vò, vại, bát đĩa... Những mảnh gốm thường in hoa văn, hình chữ S nối nhau, đối xứng, hoặc in những con dấu nổi liền nhau...

Quan sát các hình 28, 29, 30 trong SGK để nhận biết và so sánh với các công cụ thời trước (Hoà Bình, Bắc Sơn, Hạ Long) : đạt được trình độ cao về mặt kĩ thuật chế tác công cụ.

**2. Phát minh ra thuật luyện kim**

*Nhận biết và ghi nhớ người Việt cổ đã phát minh ra thuật luyện kim :*

- Người Phùng Nguyên, Hoa Lộc phát minh ra thuật luyện kim.

- Kim loại được dùng đầu tiên là đồng.

- Thuật luyện kim ra đời đánh dấu bước tiến trong chế tác công cụ sản xuất, làm cho sản xuất phát triển.

**3. ý nghĩa, tầm quan trọng của sự ra đời nghề nông trồng
lúa nước**

*Hiểu được ý nghĩa, tầm quan trọng của sự ra đời nghề nông trồng lúa nước :*

- Ở các di chỉ Phùng Nguyên - Hoa Lộc, các nhà khoa học đã phát hiện hàng loạt lưỡi cuốc đá được mài nhẵn toàn bộ ; tìm thấy gạo cháy, dấu vết thóc lúa bên cạnh các bình, vò đất nung lớn..., chứng tỏ về nghề nông trồng lúa nước trên đất nước ta đã ra đời.

Trên các vùng cư trú rộng lớn ở đồng bằng ven sông, ven biển, cây lúa nước dần dần trở thành cây lương thức chính của con người. Cây lúa cũng được trồng ở vùng thung lũng, ven suối.

- Nghề nông trồng lúa nước có ý nghĩa và tầm quan trọng đặc biệt trong quá trình tiến hoá của con người : từ đây con người có thể định cư lâu dài ở đồng bằng ven các con sông lớn ; cuộc sống trở nên ổn định hơn, phát triển hơn cả về vật chất và tinh thần.

**4. Những biểu hiện về sự chuyển biến xã hội**

*Nhận biết được chuyển biến xã hội :*

- Từ khi thuật luyện kim được phát minh và nghề nông trồng lúa nước ra đời con người phải chuyên tâm làm một công việc nhất định ; sự phân công lao động đã được hình thành : phụ nữ ngoài việc nhà, thường tham gia sản xuất nông nghiệp và làm đồ gốm, dệt vải. Nam giới, một phần làm nông nghiệp, đi săn, đánh cá ; một phần chuyên hơn làm công việc chế tác công cụ, đúc đồng, làm đồ trang sức..., về sau, được gọi chung là làm nghề thủ công.

- Từ khi có sự phân công lao động, sản xuất ngày càng phát triển, cuộc sống con người ngày càng ổn định ; ở các vùng đồng bằng ven các con sông lớn hình thành các làng bản (chiềng, chạ), các làng bản ở vùng cao cũng nhiều hơn trước. Dần dần hình thành các cụm chiềng, chạ hay làng bản, có quan hệ chặt chẽ với nhau được gọi là *bộ lạc*. Vị trí của người đàn ông trong sản xuất và gia đình, làng bản ngày càng cao hơn. Chế độ phụ hệ dần dần thay thế cho chế độ mẫu hệ.

- Hiểu và ghi nhớ các khái niệm : *Bộ lạc, chế độ phụ hệ, thị tộc.*

**Nội dung 2 : NƯỚC VĂN LANG**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

Biết được :

- Điều kiện ra đời của nước Văn Lang : sự phát triển sản xuất, làm thuỷ lợi và giải quyết các vấn đề xung đột.

- Sơ lược về nước Văn Lang (thời gian thành lập, địa điểm), tổ chức nhà nước Văn Lang, đời sống vật chất, các nghề thủ công, ăn, mặc, ở, đi lại...), đời sống tinh thần (lễ hội, tín ngưỡng) của cư dân.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Điều kiện ra đời của nước Văn Lang**

*Nhận biết và ghi nhớ điều kiện ra đời nước Văn Lang :*

- Vào khoảng các thế kỉ VIII - VII TCN, ở vùng đồng bằng ven các con sông lớn thuộc Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay, đã hình thành những bộ lạc lớn. Sản xuất phát triển, mâu thuẫn giữa người giàu và người nghèo đã nảy sinh và ngày càng tăng thêm.

- Việc mở rộng nghề nông trồng lúa nước ở vùng đồng bằng ven các các con sông lớn thường xuyên phải đối mặt với hạn hán, lụt lội. Vì vậy, cần phải có người chỉ huy đứng ra tập hợp nhân dân các làng bản để giải quyết vấn đề thuỷ lợi bảo vệ mùa màng.

- Các làng, bản khi giao lưu với nhau cũng có xung đột. Ngoài xung đột giữa người Lạc Việt với các tộc người khác còn xảy ra xung đột giữa các bộ lạc Lạc Việt với nhau. Để có cuộc sống yên ổn cần phải chấm dứt các cuộc xung đột đó.

(Khai thác nội dung truyện cổ tích, thần thoại như Sơn Tinh - Thuỷ Tinh để hiểu hơn về công tác trị thuỷ của Nhà nước Văn Lang).

- Liên hệ kiến thức đã học về sự xuất hiện các quốc gia cổ đại phương Đông.

**2. Sơ lược về nước Văn Lang**

*Biết và ghi nhớ thời gian, địa bàn thành lập Nhà nước Văn Lang ; những nét chính về tổ chức nhà nước, đời sống vật chất và tinh thần :*

- *Thời gian, địa bàn thành lập :*

+ Bộ lạc Văn Lang cư trú trên vùng đất ven sông Hồng là vùng có nghề đúc đồng phát triển sớm, dân cư đông đúc. Bộ lạc Văn Lang là một trong những bộ lạc hùng mạnh nhất thời đó.

+ Vào khoảng thế kỉ VII TCN, ở vùng Gia Ninh (Phú Thọ), có vị thủ lĩnh dùng tài năng khuất phục được các bộ lạc và tự xưng là Hùng Vương, đóng đô ở Bạch Hạc (thuộc Phú Thọ ngày nay), đặt tên nước là Văn Lang.

Sử dụng truyền thuyết như Âu Cơ - Lạc Long Quân để minh hoạ bài học.

- *Tổ chức Nhà nước Văn Lang :*

+ Sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước :

HÙNG VƯƠNG

LẠC HẦU – LẠC TƯỚNG

(trung ương)

LẠC TƯỚNG
(bộ)

Bồ chính

(chiềng, chạ)

Bồ chính

(chiềng, chạ)

Bồ chính

(chiềng, chạ)

Bồ chính

(chiềng, chạ)

LẠC TƯỚNG
(bộ)

+ Trình bày theo sơ đồ tổ chức Nhà nước Văn Lang : Chính quyền trung ương (vua, lạc hầu, lạc tướng) ; ở địa phương (chiềng, chạ) ; đơn vị hành chính : nước - bộ (chia nước làm 15 bộ, dưới bộ là chiềng, chạ) ; Vua nắm mọi quyền hành trong nước, đời đời cha truyền con nối và đều gọi là Hùng Vương.

+ Nhà nước Văn Lang tuy chưa có luật pháp, quân đội, nhưng đã là một tổ chức chính quyền cai quản cả nước.

- *Đời sống vật chất :*

+ Nước Văn Lang là một nước nông nghiệp, thóc lúa đã trở thành lương thực chính, ngoài ra, cư dân còn trồng khoai, đậu, cà, bầu, bí, chuối, cam...

+ Nghề trồng dâu, đánh cá, chăn nuôi gia súc và các nghề thủ công như làm đồ gốm, dệt vải, xây nhà, đóng thuyền... đều được chuyên môn hoá.

+ Nghề luyện kim đạt trình độ kĩ thuật cao. Cư dân cũng bắt đầu biết rèn sắt.

- Thức ăn chính của người Văn Lang là cơm nếp, cơm tẻ, rau, cà, thịt, cá, biết làm mắm và dùng gừng làm gia vị. Họ ở nhà sàn mái cong hình thuyền hay mái tròn hình mui thuyền làm bằng gỗ, tre, nứa, lá. Làng, chạ thường gồm vài chục gia đình, sống ven đồi, ven sông, ven biển. Họ đi lại bằng thuyền. Về trang phục, nam đóng khố mình trần, nữ mặc váy, áo xẻ giữa, có yếm che ngực, tóc cắt ngắn hoặc bỏ xoã, búi tó, hoặc tết đuôi xam. Ngày lễ họ thích đeo các đồ trang sức như vòng tay, khuyên tai, đội mũ cắm lông chim hoặc bông lau.

- *Đời sống tinh thần :*

+ Xã hội thời Văn Lang đã chia thành nhiều tầng lớp khác nhau : những người quyền quý, dân tự do, nô tì. Sự phân biệt các tầng lớp còn chưa sâu sắc.

+ Thường tổ chức lễ hội, vui chơi (một số hình ảnh về lễ hội đã được ghi lại trên mặt trống đồng).

+ Cư dân Văn Lang có một số phong tục, tập quán (qua truyện "Tấm Cám", "Bánh chưng, bánh giầy"...)

**Nội dung 3 : NƯỚC ÂU LẠC**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

Trình bày được :

- Hoàn cảnh ra đời và tổ chức nhà nước Âu Lạc, sự tiến bộ trong sản xuất (sử dụng công cụ bằng đồng, bằng sắt, chăn nuôi, trồng trọt, các nghề thủ công).

- Thành Cổ Loa và sơ lược diễn biến cuộc kháng chiến chống Triệu Đà năm 179 TCN.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tần (hoàn cảnh ra đời nhà nước Âu Lạc)**

*Ghi nhớ diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống quân Tần :*

- Năm 218 TCN, nhà Tần đánh xuống phương Nam để mở rộng bờ cõi.

***-*** Sau 4 năm chinh chiến, quân Tần kéo đến vùng Bắc Văn Lang, nơi người Lạc Việt cùng sống với người Tây Âu (Âu Việt), vốn có quan hệ gần gũi với nhau từ lâu đời.

- Cuộc kháng chiến bùng nổ. Người thủ lĩnh Tây Âu bị giết, nhưng nhân dân Tây Âu - Lạc Việt không chịu đầu hàng. Họ tôn người kiệt tuấn tên là Thục Phán lên làm tướng, ngày ở trong rừng, đêm đến ra đánh quân Tần.

- Năm 214 TCN, người Việt đã đại phá quân Tần, giết được Hiệu úy Đồ Thư. Kháng chiến thắng lợi vẻ vang.

**2. Nước Âu Lạc ra đời**

*Ghi nhớ sự ra đời của Nhà nước Âu Lạc :*

- Sau cuộc kháng chiến chống Tần thắng lợi, năm 207 TCN, Thục Phán buộc vua Hùng nhường ngôi cho mình và sáp nhập hai vùng đất cũ của người Tây Âu và Lạc Việt thành một nước mới, đặt tên nước là Âu Lạc. Thục Phán tự xưng An Dương Vương, đóng đô ở Phong Khê (nay là vùng Cổ Loa, huyện Đông Anh - Hà Nội).

***-*** Bộ máy nhà nước thời An Dương Vương không có gì thay đổi so với thời Hùng Vương. Tuy nhiên, quyền hành của Nhà nước đã cao và chặt chẽ hơn trước. Vua có quyền thế hơn trong việc trị nước.

**3. Sự tiến bộ trong sản xuất**

*Nhận biết được sự thay đổi rõ nét về sản xuất và đời sống xã hội của nước Âu Lạc :*

- Trong nông nghiệp, lưỡi cày đồng được cải tiến và được dùng phổ biến hơn. Lúa gạo, khoai, đậu, củ, rau... làm ra ngày một nhiều.

- Chăn nuôi, đánh cá, săn bắn đều phát triển.

- Các nghề thủ công như làm đồ gốm, dệt, làm đồ trang sức đều tiến bộ. Các ngành luyện kim và xây dựng đặc biệt phát triển. Giáo, mác, mũi tên đồng, rìu đồng, cuốc sắt, rìu sắt được sản xuất ngày càng nhiều.

- Quan sát hình 31, 32, 33 so với các hình 39, 40 trong SGK để nhận biết việc chế tác công cụ sản xuất bằng đồng, bằng sắt đã đạt được trình độ kĩ thuật cao.

**4. Thành Cổ Loa**

*Biết sử dụng kênh hình để mô tả nét chính về thành Cổ Loa và giá trị của nó :*

- Sau cuộc kháng chiến chống Tần thắng lợi, An Dương Dương Vương cho xây dựng ở Phong Khê, một khu thành đất rộng hơn nghìn trượng, có ba vòng khép kín với chu vi khoảng 16000 m như hình trôn ốc, sau này gọi là Loa thành hay thành Cổ Loa.

- Các thành đều có hào bao quanh và thông nhau.

- Bên trong thành Nội là nơi ở, làm việc của An Dương Vương và các Lạc hầu, Lạc tướng.

- Ở vào thời điểm cách đây hơn 2000 năm, khi mà trình độ kĩ thuật chung còn rất thấp kém thì công trình thành Cổ Loa là một biểu tượng rất đáng tự hào của nền văn minh Việt cổ.

**5. Cuộc kháng chiến chống Triệu Đà năm 179 TCN**

*Nhận biết và ghi nhớ diễn biến chính của cuộc kháng chiến, nguyên nhân thất bại của nước Âu Lạc :*

- Năm 207 TCN, nhân lúc nhà Tần suy yếu, Triệu Đà cắt đất ba quận lập thành nước Nam Việt, rồi đem quân đánh xuống Âu Lạc.

- Quân dân Âu Lạc với vũ khí tốt, tinh thần chiến đấu dũng cảm đã giữ vững được nền độc lập.

- Triệu Đà biết không thể đánh bại được, bèn vờ xin hoà và dùng mưu kế chia rẽ nội bộ nước ta.

- Năm 179 TCN, Triệu Đà lại sai quân sang đánh chiếm nước ta, An Dương Vương do chủ quan không đề phòng, lại mất hết tướng giỏi nên bị thất bại nhanh chóng. Nước ta rơi vào ách thống trị của nhà Triệu.

- Nguyên nhân thất bại của Âu Lạc :

+ Do An Dương Vương chủ quan, thiếu cảnh giác, nội bộ mất đoàn kết.

+ Nhớ lại truyện Mị Châu - Trọng Thuỷ (đơn giản hoá sự thực về âm mưu cướp nước Âu Lạc của Triệu Đà).

***Chủ đề 3***

**THỜI KÌ BẮC THUỘC
VÀ CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP**

**Nội dung 1 : CUỘC KHỞI NGHĨA HAI BÀ TRƯNG VÀ CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC HÁN**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Trình bày được một số nét khái quát tình hình Âu Lạc từ thế kỉ II TCN đến hết thế kỉ I : Chính sách thống trị tàn bạo của phong kiến phương Bắc đối với nước ta (xoá tên nước ta, đồng hoá và bóc lột tàn bạo dân ta).

- Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng : công việc chuẩn bị, sự ủng hộ của nhân dân, diễn biễn, kết quả.

- Công cuộc xây dựng đất nước sau khi giành được độc lập.

Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Hán (thời gian, những trận đánh chính, kết quả).

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Tình hình Âu Lạc từ thế kỉ II TCN đến thế kỉ I**

*Nhận biết và ghi nhớ tình hình Âu Lạc từ thế kỉ II TCN đến thế kỉ I :*

- Sau thất bại của An Dương Vương năm 179 TCN, Triệu Đà sáp đất đai Âu Lạc vào Nam Việt, chia Âu Lạc thành hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân.

- Năm 111 TCN, nhà Hán chiếm Âu Lạc và chia lại thành ba quận : Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam, gộp với sáu quận của Trung Quốc thành châu Giao.

- Đứng đầu châu Giao là Thứ sử coi việc chính trị, Đô uý coi việc quân sự và đều là người Hán. Ở các quận, huyện nhà Hán vẫn để các Lạc tướng trị dân như cũ.

**2. Chính sách thống trị tàn bạo của phong kiến phương Bắc đối với nước ta**

*Biết được chính sách thống trị của phong kiến phương Bắc :*

- Ra sức bóc lột dân ta bằng các thứ thuế, nhất là thuế muối, thuế sắt... và bắt cống nạp những sản vật quý như ngà voi, sừng tê, ngọc trai...

- Cho người Hán sang ở lẫn với dân ta, bắt dân ta phải theo phong tục tập quán của họ, âm mưu đồng hoá dân tộc ta.

- Hình thành khái niệm "*thời Bắc thuộc"* (khoảng thời gian từ sau thất bại của An Dương Vương năm 179 TCN, nước ta bị Triệu Đà thôn tính và bị sáp nhập vào nước Nam Việt. Từ đó, nước ta liên tục bị các triều đại phong kiến phương Bắc thống trị cho đến khi Ngô Quyền đánh bại quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm 938 mới kết thúc, tất cả tổng cộng hơn 1000 năm, sử gọi thời kì này là thời Bắc thuộc).

- Nêu nhận xét về chính sách cai trị tàn bạo của bọn phong kiến phương Bắc đối với nhân dân ta.

**3. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng**

*Nhận biết và ghi nhớ diễn biến chính cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng :*

- Hai chị em Trưng Trắc, Trưng Nhị là con gái Lạc tướng huyện Mê Linh, chồng bà Trưng Trắc là Thi Sách, con trai Lạc tướng huyện Chu Diên (vùng Đan Phượng và Từ Liêm – Hà Nội ngày nay).

- Dưới ách thống trị tàn bạo của nhà Hán, hai gia đình Lạc tướng bí mật cùng nhau tìm cách liên kết với các thủ lĩnh mọi miền đất nước để chuẩn bị nổi dậy. Không may, Thi Sách bị quân Hán giết hại.

- Mùa xuân năm 40 (tháng 3 dương lịch), Hai Bà Trưng dựng cờ khởi nghĩa ở Hát Môn (nay thuộc Hà Nội), nghĩa quân nhanh chóng làm chủ Mê Linh, rồi tiến về Cổ Loa, Luy Lâu.

- Tô Định hốt hoảng bỏ thành lẻn trốn về Nam Hải. Quân Hán ở các quận, huyện khác bị đánh tan. Cuộc khởi nghĩa thắng lợi.

- Hiểu được nguyên nhân dẫn tới cuộc khởi nghĩa là do ách đô hộ thống trị tàn bạo của nhà Hán đã làm nhân dân ta ở khắp nơi căm phẫn, muốn nổi dậy chống lại.

- Mục tiêu của cuộc khởi nghĩa : giành lại độc lập cho Tổ quốc, nối tiếp sự nghiệp của các vua Hùng.

- Xác định trên lược đồ nơi Hai Bà Trưng khởi nghĩa, nêu rõ nguyên nhân cuộc nổi dậy.

**4. Công cuộc xây dựng đất nước sau khi giành được độc lập**

*Nhận biết, ghi nhớ những việc làm của Hai Bà Trưng sau khởi nghĩa thắng lợi :*

- Trưng Trắc được tôn làm vua (Trưng Vương), đóng đô ở Mê Linh và phong chức tước cho những người có công.

- Các lạc tướng được giữ quyền cai quản các huyện. Bãi bỏ luật pháp của chính quyền đô hộ cũ, xá thuế hai năm liền cho dân.

**5. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Hán**

*Trình bày trên lược đồ nêu những nét chính về diễn biến cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Hán :*

- Thời gian kháng chiến : từ tháng 4 - 42 đến tháng 11 - 43.

- Mã Viện chỉ huy đạo quân gồm hai vạn quân tinh nhuệ, hai nghìn xe thuyền các loại và nhiều dân phu.

- Những trận đánh chính :

+ Quân Hán tấn công Hợp Phố, quân ta chiến đấu dũng cảm và chủ động rút khỏi Hợp Phố.

+ Tại Lãng Bạc, đã diễn ra những cuộc chiến ác liệt giữa quân ta và quân Hán.

+ Quân ta lui về giữ Cổ Loa và Mê Linh rồi về Cấm Khê. Cuối tháng 3 - 43 (ngày 6 tháng Hai âm lịch), Hai Bà Trưng hi sinh oanh liệt trên đất Cấm Khê.

- Cuộc kháng chiến còn tiếp tục đến tháng 11 - 43. Mùa thu năm 44, Mã Viện thu quân về nước, quân đi mười phần, khi về chỉ còn bốn, năm phần.

- Ý nghĩa cuộc khởi nghĩa : thể hiện ý chí quật cường, bất khuất của dân tộc.

- Giải thích vì sao nhân dân ta tôn thờ Hai Bà Trưng. Liên hệ với địa phương (đường phố, đền thờ, di tích ...).

**Nội dung 2 : TỪ SAU TRƯNG VƯƠNG ĐẾN TRƯỚC LÝ NAM ĐẾ
(Giữa thế kỉ I - Giữa thế kỉ VI)**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

Đôi nét về tình hình nước ta từ giữa thế kỉ I đến giữa thế kỉ VI :

- Chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc : sáp nhập nước ta vào lãnh thổ nhà Hán, tổ chức bộ máy cai trị, thi hành chính sách bóc lột và đồng hoá.

- Sự phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp : sử dụng công cụ sản xuất, dùng sức kéo trâu, bò, trồng lúa hai vụ, nghề gốm, nghề dệt...

- Sự phân hoá xã hội, sự truyền bá văn hoá phương Bắc (chữ Hán, Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo) và cuộc đấu tranh gìn giữ văn hoá dân tộc (tiếng nói, phong tục tập quán).

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Chế độ cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nước ta từ giữa thế kỉ I đến giữa thế kỉ VI**

*Nhận biết nội dung chủ yếu các chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc đối với dân ta :*

- Đầu thế kỉ III, nhà Ngô tách châu Giao thành Quảng Châu và Giao Châu.

- Đưa người Hán sang làm Huyện lệnh.

- Thu nhiều thứ thuế, nặng nhất là thuế muối và thuế sắt, lao dịch và nộp cống nặng nề

- Tiếp tục đưa người Hán sang ở lẫn với dân ta, bắt dân ta phải theo phong tục tập quán của họ.

- Nhận xét về chính sách thống trị của nhà Hán.

**2. Sự phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp**

*Nhận biết những biểu hiện thay đổi trong tình hình kinh tế nước ta từ thế kỉ I đến thế kỉ VI :*

- Mặc dù còn hạn chế về kĩ thuật, nhưng nghề sắt vẫn phát triển : các công cụ như rìu, mai, cuốc, dao... ; vũ khí như kiếm, giáo, mác... làm bằng sắt được dùng phổ biến.

- Biết đắp đê phòng lụt, biết trồng lúa hai vụ một năm.

- Nghề gốm, nghề dệt,... cũng được phát triển

- Các sản phẩm nông nghiệp và thủ công không bị sung làm đồ cống nạp mà được trao đổi ở các chợ làng. Chính quyền đô hộ giữ độc quyền ngoại thương.

**3. Sự phân hoá xã hội, sự truyền bá văn hoá phương Bắc và cuộc đấu tranh gìn giữ văn hoá dân tộc**

*Nhận biết được sự phân hoá xã hội, sự truyền bá văn hoá phương Bắc và cuộc đấu tranh gìn giữ văn hoá dân tộc :*

- Lập sơ đồ về sự phân hoá xã hội và phân tích sơ đồ :

|  |  |
| --- | --- |
| **Thời Văn Lang - Âu Lạc** | **Thời kì bị đô hộ** |
| **Vua** | **Quan lại đô hộ** |
| **Quý tộc** | **Hào trưởng người Việt, địa chủ người Hán**  |
| **Nông dân công xã** | **Nông dân công xã** |
|  | **Nông dân lệ thuộc** |
| **Nô tì** | **Nô tì** |

- Chính quyền đô hộ mở một số trường học dạy chữ Hán tại các quận, huyện và tiến hành du nhập Nho giáo, Đạo giáo... và những luật lệ, phong tục tập quán của người Hán vào nước ta.

- Tổ tiên ta đã kiên trì đấu tranh bảo vệ tiếng nói, phong tục và nếp sống của dân tộc ; đồng thời cũng tiếp thu những tinh hoa của nền văn hoá Trung Quốc và các nước khác làm phong phú thêm nền văn hoá của mình.

- Hình thành khái niệm "đồng hóa".

**4. Cuộc khởi nghĩa Bà Triệu**

*Nhận biết và ghi nhớ nguyên nhân diễn biến chính, ý nghĩa của khởi nghĩa :*

- Nguyên nhân : nhân dân ta không cam chịu kiếp sống nô lệ...

- Năm 248, cuộc khởi nghĩa bùng nổ. Từ căn cứ Phú Điền (Hậu Lộc - Thanh Hoá), Bà Triệu lãnh đạo nghĩa quân đánh phá các thành ấp của của nhà Ngô ở quận Cửu Chân, rồi từ đó đánh ra khắp Giao Châu.

Nhà Ngô cử 6000 quân sang đàn áp. Cuộc khởi nghĩa thất bại. Bà Triệu hi sinh trên núi Tùng (Phú Điền - Hậu Lộc - Thanh Hoá).

- Ý nghĩa : khẳng định ý chí bất khuất của dân tộc trong cuộc đấu tranh giành lại độc lập dân tộc.

**Nội dung 3 : KHỞI NGHĨA LÝ BÍ. NƯỚC VẠN XUÂN (542- 602)**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Chính sách đô hộ của nhà Lương đối với nước ta.

- Lý Bí và nước Vạn Xuân :

+ Con người và sự nghiệp của Lý Bí (quê hương và hoạt động...).

+ Diễn biến khởi nghĩa (sự ủng hộ của các hào kiệt khắp nơi, khởi nghĩa bùng nổ và thắng lợi. Lý Bí lên ngôi Hoàng đế, đặt tên nước là Vạn Xuân).

- Cuộc kháng chiến chống quân Lương xâm lược (diễn biến chính : thời Lý Bí lãnh đạo, thời Triệu Quang Phục lãnh đạo, kết quả).

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Chính sách đô hộ của nhà Lương**

*Biết được chính sách đô hộ của nhà Lương :*

- Về hành chính : nhà Lương chia lại đất nước ta thành các quận, huyện và đặt tên mới : Giao Châu (đồng bằng và trung du Bắc Bộ) ; Ái Châu (Thanh Hoá) ; Đức Châu, Lợi Châu, Minh Châu (Nghệ - Tĩnh) và Hoàng Châu (Quảng Ninh).

- Chủ trương chỉ có tôn thất nhà Lương và một số dòng họ lớn mới được giao chức vụ quan trọng trong bộ máy cai trị.

- Nhà Lương đặt ra hàng trăm thứ thuế.

- Sử dụng hình 47 trong SGK và trao đổi về chính sách đô hộ nhà Lương có gì khác với các triều đại phong kiến phương Bắc trước và nêu nguyên nhân các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta.

**2. Cuộc khởi nghĩa của Lý Bí (Lý Bôn) và sự thành lập nước Vạn Xuân**

*Nhận biết và biết trình bày được theo lược đồ những nét diễn biến chính của cuộc khởi nghĩa ; kết quả, ý nghĩa :*

- Lý Bí (Lý Bôn) : quê vùng Thái Bình (mạn bắc Sơn Tây, nay thuộc Hà Nội), được cử giữ chức chỉ huy quân đội ở Đức Châu (nam Nghệ An - Hà Tĩnh). Do căm ghét bọn đô hộ ông đã từ quan về quê, ngấm ngầm chuẩn bị khởi nghĩa.

- Năm 542, khởi nghĩa Lý Bí bùng nổ. Hào kiệt khắp nơi kéo về hưởng ứng :

- Ở Chu Diên có Triệu Túc và con là Triệu Quang Phục ; ở Thanh Trì có Phạm Tu ; ở Thái Bình có Tinh Thiều...). Chỉ chưa đầy 3 tháng, nghĩa quân đã chiếm được hầu hết các quận, huyện, Tiêu Tư bỏ chạy về Trung Quốc.

+ Tháng 4 - 542 và đầu năm 543, nhà Lương hai lần đưa quân sang đàn áp, quân ta chủ động tiến đánh quân địch và giành thắng lợi.

+ Mùa xuân năm 544, Lý Bí lên ngôi Hoàng đế (Lý Nam Đế), đặt tên nước là Vạn Xuân, xây dựng kinh đô ở vùng cửa sông Tô Lịch (Hà Nội), lập triều đình với hai ban văn, võ.

+ Kết quả, ý nghĩa : khởi nghĩa thắng lợi, Lý Bí lên ngôi Hoàng đế, lập nước riêng, thể hiện tinh thần, ý chí độc lập.

**3. Cuộc kháng chiến chống quân Lương xâm lược**

*Trình bày được diễn biến chính hai giai đoạn của cuộc kháng chiến chống quân Lương :*

- Thời Lý Bí lãnh đạo :

+ Tháng 5 - 545, nhà Lương cử Dương Phiêu và Trần Bá Tiên chỉ huy một đạo quân lớn theo hai đường thuỷ bộ tiến xuống Vạn Xuân.

+ Quân ta chặn đánh địch không được, phải lui về giữ thành ở cửa sông Tô Lịch, thành vỡ. Lý Nam Đế rút về giữ thành Gia Ninh (Phú Thọ), rồi rút về hồ Điển Triệt, sau đó phải rút vào động Khuất Lão (Tam Nông - Phú Thọ). Năm 548, Lý Nam Đế mất.

- Thời Triệu Quang Phục lãnh đạo :

+ Triệu Quang Phục là người có công lớn trong cuộc khởi nghĩa, được Lý Bí tin cậy. Sau thất bại ở hồ Điển Triệt, Triệu Quang Phục được trao quyền chỉ huy cuộc kháng chiến chống lại quân Lương.

+ Ông cho lui quân về vùng Dạ Trạch (Hưng Yên), lợi dụng địa thế vùng Dạ Trạch, tổ chức đánh du kích, tình thế giằng co kéo dài. Năm 550, nhà Lương có loạn, Trần Bá Tiên phải bỏ về nước. Quân
ta phản công, đánh tan quân xâm lược, kết thúc thắng lợi cuộc
kháng chiến.

- Sau khi đánh bại quân Lương, Triệu Quang Phục lên ngôi vua (Triệu Việt Vương), tổ chức lại chính quyền.

- 20 năm sau, Lý Phật Tử cướp ngôi của Triệu Quang Phục. Năm 603, 10 vạn quân Tùy tấn công Vạn Xuân, Lý Phật Tử bị bắt giải về Trung Quốc.

**Nội dung 4 : ĐẤT NƯỚC TA TRONG CÁC THẾ KỈ VII - IX**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Những thay đổi lớn về chính trị - kinh tế nước ta dưới ách đô hộ của nhà Đường : An Nam đô hộ phủ, tổ chức bộ máy cai trị do quan lại người Hán cai quản tới cấp huyện, tăng cường bóc lột...).

- Các cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan, Phùng Hưng : diễn biễn, kết quả.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Tình hình chính trị - kinh tế nước ta dưới ách đô hộ của nhà Đường**

*Biết được sự thay đổi của tình hình nước ta thời kì trước thế kỉ VII :*

- Năm 679, nhà Đường đổi Giao Châu thành An Nam đô hộ phủ. Phủ đô hộ đặt ở Tống Bình, các châu, huyện do người Trung Quốc cai trị, ở miền núi do các tù trưởng địa phương tự cai quản, các hương và xã do người Việt tự cai quản.

- Nhà Đường tiến hành sửa sang đường bộ từ Trung Quốc sang Tống Bình và từ Tống Bình tới các quận huyện, xây thành, đắp luỹ, tăng thêm quân số...

- Ngoài thuế ruộng đất, nhà Đường còn đặt thêm nhiều thuế mới : muối, sắt, đay, gai ; tăng cường cống nạp những sản vật quý hiếm như ngọc trai, sừng tê... đặc biệt nộp cống vải (quả)

- Quan sát lược đồ - hình 48 - SGK tìm hiểu về sự thay đổi tổ chức hành chính, nêu chính sách đô hộ và phân tích nguyên nhân dẫn đến các cuộc khởi nghĩa.

**2. Cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan**

*Trình bày được diễn biến chính và kết quả của cuộc khởi nghĩa :*

- Mai Thúc Loan người làng Mai Phụ (Kẻ Mỏm) huyện Thạch Hà -
Hà Tĩnh. Thuở nhỏ ông đi ở cho nhà giàu, chăn trâu, kiếm củi.

- Đến thế kỉ VIII, cuộc khởi nghĩa bùng nổ ở Hoan Châu. Nhân dân Ái Châu, Diễn Châu nổi dậy hưởng ứng. Mai Thúc Loan xưng đế, nhân dân thường gọi là Mai Hắc Đế và chọn vùng Sa Nam (Nam Đàn) để xây dựng căn cứ.

- Mai Hắc Đế liên kết với nhân dân khắp Giao Châu và Cham-pa, tấn công Tống Bình. Viên đô hộ là Quang Sở Khách phải chạy về Trung Quốc.

- Năm 722, nhà Đường cử 10 vạn quân sang đàn áp, Mai Hắc Đế thua trận.

- Sử dụng lược đồ để trình bày diễn biến cuộc khởi nghĩa, tìm hiểu thêm về Mai Thúc Loan.

**3. Cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng**

*Trình bày được diễn biến cuộc khởi nghĩa :*

- Phùng Hưng quê làng Đường Lâm (Sơn Tây, nay thuộc Hà Nội). Ông nối nghiệp cha làm quan lang ở Đường Lâm. Ông hay giúp đỡ người nghèo, ai cũng mến phục.

- Khoảng năm 776, Phùng Hưng cùng em là Phùng Hải đã họp quân khởi nghĩa ở Đường Lâm, được nhân dân ủng hộ. Sau đó, nghĩa quân tiến về bao vây Tống Bình, viên Đô hộ là Cao Chính Bình phải cố thủ trong thành rồi sinh bệnh chết. Phùng Hưng chiếm thành, sắp xếp việc cai trị.

- Phùng Hưng mất, con là Phùng An nối nghiệp. Năm 791, nhà Đường đem quân đàn áp, Phùng An ra hàng.

- Sử dụng lược đồ để trình bày diễn biến cuộc khởi nghĩa ; tìm hiểu thêm về Phùng Hưng.

Rút ra ý nghĩa hai cuộc khởi nghĩa : thể hiện ý chí, quyết tâm của nhân dân ta đấu tranh cho độc lập, tự do của Tổ quốc .

**Nội dung 5 : NƯỚC CHAM-PA TỪ GIỮA THẾ KỈ II ĐẾN THẾ KỈ X**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Nhà nước Cham-pa độc lập được thành lập : địa bàn, quá trình xây dựng và mở rộng.

- Tình hình kinh tế, văn hoá : biết sử dụng công cụ bằng sắt, trồng lúa nước, các loại cây ăn quả và khai thác lâm thổ sản, chữ viết, tôn giáo, phong tục tập quán...

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Quá trình thành lập Nhà nước Cham-pa độc lập**

*Trình bày được quá trình nước Cham-pa độc lập ra đời:*

- Thời Hán, sau khi chiếm được Giao Chỉ, Cửu Chân, quân Hán đã đánh xuống phía nam, chiếm đất của của người Chăm cổ, sáp nhập vào quận Nhật Nam, đặt ra huyện Tượng Lâm.

- Cuối thế kỉ II, nhân dân Tượng Lâm, dưới sự lãnh dạo của Khu Liên, đã nổi dậy giành quyền độc lập. Khu Liên tự xưng làm vua, đặt tên nước là Lâm Ấp.

- Các vua Lâm Ấp thường tấn công quân sự các nước láng giềng, mở rộng lãnh thổ, phía bắc đến Hoành Sơn (huyện Tây Quyển), phía nam đến Phan Rang, rồi đổi tên nước là Cham-pa.

**2. Tình hình kinh tế, văn hoá Cham-pa từ thế kỉ II đến thế X**

*Biết được nét chính tình hình kinh tế - văn hóa Cham-pa từ thế kỉ II đến thế X :*

- Người Chăm biết sử dụng công cụ bằng sắt, dùng trâu bò kéo cày, nguồn sống chủ yếu là trồng lúa nước mỗi năm hai vụ. Ngoài ra còn làm ruộng bậc thang ở sườn đồi núi.

- Họ biết trồng các loại cây ăn quả (cau, dừa, mít...) và các loại cây khác (bông gai...).

- Biết khai thác lâm thổ sản (trầm hương, ngà voi, song tê...), làm đồ gốm, đánh cá...

- Người Chăm buôn bán với nhân dân các quận ở Giao Châu, Trung Quốc và Ấn Độ.

- Chú ý những sự kiện về mối quan hệ giữa người Chăm và người Kinh về mặt văn hóa ; những thành tựu văn hóa, nghệ thuật của người Chăm.

**Nội dung 6 : ÔN TẬP CHỦ ĐỀ "THỜI KÌ BẮC THUỘC VÀ CHỐNG BẮC THUỘC"**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Ghi nhớ khái quát ách thống trị của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nhân dân ta.

- Cuộc đấu tranh của nhân dân ta (các cuộc khởi nghĩa lớn) chống ách Bắc thuộc.

- Những chuyển biến về kinh tế, văn hoá.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Ách thống trị của các triều đại phong kiến Trung Quốc đối với nhân dân ta**

*Khái quát được ách thống trị của các triều đại phong kiến phương Bắc :*

- Giai đoạn từ năm 179 TCN đến thế kỉ X trong lịch sử nước ta được gọi là thời Bắc thuộc vì nước ta liên tiếp bị các triều đại phong kiến Trung Quốc đô hộ.

- Phong kiến phương Bắc đã xoá bỏ tên nước ta (Âu Lạc), chia thành các quận, huyện, nhập vào các quận, huyện của Trung Quốc với những tên gọi khác nhau (lập bảng thống kê qua từng giai đoạn bị đô hộ).

- Phong kiến phương Bắc cai trị nhân dân ta rất hà khắc, thâm độc nhất là chính sách đồng hoá.

**2. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta chống ách Bắc thuộc**

Lập bảng thống kê các cuộc khởi nghĩa lớn trong thời Bắc thuộc theo mẫu :

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Tên cuộckhởi nghĩa** | **Ngườilãnh đạo** | **Tóm tắtdiễn biến chính** | **Kết quả - Ý nghĩa** |
|  |  |  |  |  |

**3. Sự chuyển biến về kinh tế, văn hoá**

*Khái quát được những chuyển biến về kinh tế, văn hoá ở nước ta thời Bắc thuộc :*

- Xuất phát từ nhu cầu của cuộc sống và yêu cầu của công cuộc đấu tranh giành độc lập, nền kinh tế nước ta thời Bắc thuộc vẫn có bước phát triển (dẫn chứng cụ thể về nông nghiệp, thủ công nghiệp,...).

- Về văn hoá : chữ Hán, đạo Phật, đạo Nho,... được truyền bá vào nước ta. Tuy nhiên nhân dân ta vẫn sử dụng tiếng nói của tổ tiên và sống theo phong tục tập quán riêng của dân tộc (nêu ví dụ).

⇒ Ý nghĩa : chứng tỏ sức sống mãnh liệt, không gì có thể tiêu diệt được của nền văn hoá Việt, trở thành nền tảng cho cuộc đấu tranh giành độc lập.

***Chủ đề 4***

**BƯỚC NGOẶT LỊCH SỬ Ở ĐẦU THẾ KỈ X**

**Nội dung 1 : CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH QUYỀN TỰ CHỦ CỦA HỌ KHÚC, HỌ DƯƠNG**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Nhận biết hoàn cảnh Khúc Thừa Dụ giành được quyền tự chủ.

- Hiểu được ý nghĩa những việc làm của Khúc ThừaDụ : chấm dứt trên thực tế ách đô hộ của phong kiến phương Bắc.

***-*** Cuộckháng chiến chống quân Nam Hán xâm lược (lần thứ nhất) dưới sự lãnh đạo của Dương Đình Nghệ.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Cuộc đấu tranh giành quyền tự chủ của họ Khúc**

*Nhận biết và ghi nhớ hoàn cảnh, kết quả của cuộc đấu tranh giành quyền tự chủ của họ Khúc :*

Khúc Thừa Dụ quê Hồng Châu (Ninh Giang - Hải Dương), sống khoan hoà, được mọi người mến phục.

*- Cuộc đấu tranh giành quyền tự chủ :*

+ Từ cuối thế kỉ IX, nhà Đường suy yếu bởi các cuộc khởi nghĩa của nông dân liên tiếp nổ ra (đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa Hoàng Sào).

+ Giữa năm 905, Tiết độ sứ An Nam là Độc Cô Tổn bị giáng chức, lợi dụng cơ hội đó, được sự ủng hộ của nhân dân, Khúc Thừa Dụ đã nổi dậy đánh chiếm Tống Bình rồi tự xưng Tiết độ sứ, xây dựng một chính quyền tự chủ.

+ Đầu năm 906, vua Đường buộc phải phong cho Khúc Thừa Dụ làm Tiết độ sứ.

- Giải thích "Vì sao Khúc Thừa Dụ được phong làm Tiết độ sứ ?".

**2. Những việc làm của họ Khúc và ý nghĩa**

*-* *Trình bày được những chính sách của họ Khúc và ý nghĩa của những chính sách đó :*

- Khúc Thừa Dụ làm Tiết độ sứ được hai năm thì mất (907), con trai là Khúc Hạo lên thay.

- Họ Khúc đã xây dựng đất nước tự chủ : đặt lại các khu vực hành chính, cử người trông coi mọi việc đến tận xã ; xem xét và định lại mức thuế, bãi bỏ các thứ lao dịch thời Bắc thuộc, lập lại sổ hộ khẩu...

- Những việc làm của họ Khúc chứng tỏ người Việt tự cai quản và tự quyết định tương lai của mình, chấm dứt trên thực tế ách đô hộ của phóng kiến Trung Quốc.

**3. Cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán xâm lược (lần thứ nhất) dưới sự lãnh đạo của Dương Đình Nghệ (930 - 931)**

*Trình bày được diễn biến cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán do Dương Đình Nghệ lãnh đạo :*

- Năm 917, Khúc Hạo mất, con là Khúc Thừa Mĩ lên thay. Mùa thu năm 930, quân Nam Hán sang xâm lược nước ta. Khúc Thừa Mĩ chống cự không nổi, bị bắt đem về Trung Quốc. Nhà Nam Hán thiết lập ách thống trị nước ta, đặt cơ quan độ hộ ở Tống Bình.

- Năm 931, Dương Đình Nghệ, đem quân từ Thanh Hoá tấn công và chiếm được Tống Bình. Quân tiếp viện của Nam Hán vừa đến đã bị đánh tan. Dương Đình Nghệ tự xưng Tiết độ sứ, tiếp tục xây dựng đất nước tự chủ.

- Sử dụng lược đồ trong SGK, hình 54 trình bày diễn biến cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán ; lập niên biểu cuộc kháng chiến.

**Nội dung 2 : NGÔ QUYỀN VÀ CHIẾN THẮNG BẠCH ĐẰNG NĂM 938**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Tình hình nước ta từ sau khi Dương Đình Nghệ bị giết đến khi Ngô Quyền mang quân từ Ái Châu (Thanh Hoá) ra Bắc, chuẩn bị chống quân xâm lược.

- Trận đánh trên sông Bạch Đằng của quân ta : diễn biễn, kết quả và ý nghĩa.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Tình hình nước ta từ sau khi Dương Đình Nghệ bị giết đến khi Ngô Quyền mang quân từ Ái Châu (Thanh Hoá) ra Bắc**

*Biết được tình hình nước ta từ sau khi Dương Đình Nghệ bị giết và những việc làm của Ngô Quyền :*

- Năm 937, Kiều Công Tiễn giết Dương Đình Nghệ để đoạt chức Tiết độ sứ. Được tin đó, Ngô Quyền liền kéo quân ra Bắc (giới thiệu về Ngô Quyền).

- Kiều Công Tiễn cầu cứu nhà Nam Hán. Năm 938, Nam Hán đem quân sang xâm lược nước ta lần thứ hai.

- Ngô Quyền vào thành Đại La (Tống Bình) bắt giết Kiều Công Tiễn, khẩn trương chuẩn bị chống xâm lược.

- Chuẩn bị cho trận chiến trên sông sông Bạch Đằng : đóng hàng nghìn cọc đẽo nhọn và có bịt sắt...

- Tìm hiểu vài nét về tiểu sử của Ngô Quyền, khai thác hình 55 trong SGK để biết về việc chuẩn bị trận đánh trên sông Bạch Đằng.

**2. Trận đánh trên sông Bạch Đằng của quân ta**

*Ghi nhớ diễn biến chính trận đánh trên sông Bạch Đằng và ý nghĩa :*

- Cuối năm 938, đoàn thuyền quân Nam Hán do Lưu Hoằng Tháo chỉ huy tiến vào vùng biển nước ta. Lúc này, nước triều đang dâng cao, quân ta ra đánh nhử quân giặc vào cửa sông Bạch Đằng, quân giặc kéo qua trận địa bãi cọc ngầm mà không biết.

- Khi nước triều bắt đầu rút, quân ta dốc toàn lực lượng tấn công, quân Nam Hán phải rút chạy, thuyền xô vào cọc nhọn... Hoằng Tháo bị giết tại trận. Trận Bạch Đằng của Ngô Quyền kết thúc hoàn toàn thắng lợi.

- Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 đã chấm dứt hoàn toàn ách thống trị hơn một nghìn năm của phong kiến phương Bắc, khẳng định nền độc lập lâu dài của Tổ quốc.

**LỚP 7**

**KHÁI QUÁT LỊCH SỬ THẾ GIỚI TRUNG ĐẠI**

***Chủ đề 1***

**XÃ HỘI PHONG KIẾN CHÂU ÂU**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Trình bày sự ra đời xã hội phong kiến ở châu Âu.

- Hiểu biết sơ giản về thành thị trung đại : sự ra đời, các quan hệ kinh tế, sự hình thành tầng lớp thị dân.

- Các phong trào Văn hoá Phục hưng, Cải cách tôn giáo, Chiến tranh nông dân Đức. Ý nghĩa của các phong trào này.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Sự hình thành xã hội phong kiến ở châu Âu**

*Trình bày được sự ra đời xã hội phong kiến ở châu Âu :*

- Cuối thế kỉ V, người Giéc-man xâm chiếm, tiêu diệt các quốc gia cổ đại phương Tây, thành lập nhiều vương quốc mới : Ăng-glô Xắc-xông, Phơ-răng, Tây Gốt, Đông Gốt...

- Trên lãnh thổ của Rô-ma, người Giéc-man đã :

+ Chiếm ruộng đất của chủ nô, đem chia cho nhau.

+ Phong cho các tướng lĩnh, quý tộc các tước vị như : công tước, hầu tước...

- Những việc làm của người Giéc-man đã tác động đến xã hội, dẫn tới sự hình thành các tầng lớp mới :

+ Lãnh chúa phong kiến : là các tướng lĩnh và quý tộc có nhiều ruộng đất và tước vị, có quyền thế và rất giàu có.

+ Nông nô : là những nô lệ được giải phóng và nông dân, không có ruộng đất, làm thuê, phụ thuộc vào lãnh chúa.

- Xã hội phong kiến ở châu Âu đã được hình thành.

**2. Lãnh địa phong kiến**

*-* Hình thành khái niệm "lãnh địa" : là khu đất rộng, trở thành vùng đất riêng của lãnh chúa - như một vương quốc thu nhỏ.

*-* Tổ chức và hoạt độngcủa lãnh địa :

+ Lãnh địa bao gồm có đất đai, dinh thự với tường cao, hào sâu, kho tàng, đồng cỏ, đầm lầy... của lãnh chúa.

+ Nông nô nhận đất canh tác của lãnh chúa và nộp tô thuế, ngoài ra còn phải nộp nhiều thứ thuế khác.

+ Lãnh chúa bóc lột nông nô, họ không phải lao động, sống sung sướng, xa hoa.

*-* Đặc trưng cơ bản của lãnh địa : là đơn vị kinh tế, chính trị độc lập mang tính tự cung, tự cấp, đóng kín của một lãnh chúa.

- Quan sát tranh "Lâu đài và thành quách của lãnh chúa’’ trong SGK, miêu tả lãnh địa và cuộc sống của lãnh chúa trong lãnh địa.

**3. Sự xuất hiện thành thị trung đại**

*Hiểu biết một số nét cơ bản về thành thị trung đại :*

- Nguyên nhân ra đời :

+ Thời kỳ phong kiến phân quyền : các lãnh địa đều đóng kín, không có trao đổi buôn bán với bên ngoài.

+ Từ cuối thế kỉ XI, do sản xuất thủ công phát triển, thợ thủ công đã đem hàng hóa ra những nơi đông người để trao đổi, buôn bán, lập xưởng sản xuất.

+ Từ đây hình thành các thị trấn, rồi phát triển thành thành phố, gọi là thành thị.

*-* Hoạt độngcủa thành thị : cư dân chủ yếu của thành thị là thợ thủ công và thương nhân, họ lập các phường hội, thương hội để cùng nhau sản xuất và buôn bán.

*-* Vai trò : thúc đẩy sản xuất, làm cho xã hội phong kiến phát triển.

- Quan sát bức tranh "Hội chợ ở Đức" trong SGK và nêu nhận xét về hoạt động của hội chợ thời trung đại.

**4. Sự hình thành chủ nghĩa tư bản ở châu Âu**

*Biết được nguyên nhân, trình bày được những cuộc phát kiến địa lí lớn và ý nghĩa của chúng ; trình bày được sự hình thành của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu :*

***a) Những cuộc phát kiến lớn về địa lí***

- Nguyên nhân : do nhu cầu phát triển sản xuất. Tiến bộ về kĩ thuật hàng hải : la bàn, hải đồ, kĩ thuật đóng tàu...

*-* Những cuộc phát kiến lớn :

Cuối thế kỉ XV đầu thế kỉ XVI, nhiều cuộc phát kiến lớn về địa lí được tiến hành như : B. Đi-a-xơ đến cực Nam châu Phi (1487) ;
Va-xcô đơ Ga-ma đến Tây Nam Ấn Độ (1498) ; C.Cô-lôm-bô tìm ra châu Mĩ (1492) ; Ph.Ma-gien-lan đi vòng quanh Trái Đất (1519 - 1522).

*- Ý nghĩa các cuộc phát kiến địa lí* : thúc đẩy thương nghiệp phát triển, đem lại nguồn lợi khổng lồ cho giai cấp tư sản châu Âu.

- Xác định được trên lược đồ những địa danh mà các nhà phát kiến địa lí đã đi đến.

- Quan sát bức tranh "Tàu Ca-ra-ven" trong SGK và nhận xét về kĩ thuật đóng tàu.

- Tìm hiểu một số nét về cuộc đời của C.Cô-lôm-bô.

*b) Sự hình thành chủ nghĩa tư bản ở châu Âu*

- Sự ra đời của giai cấp tư sản : Quý tộc, thương nhân trở lên giàu có nhờ cướp bóc của cải và tài nguyên ở các nước thuộc địa. Họ mở rộng sản xuất, kinh doanh, lập đồn điền, bóc lột sức lao động người làm thuê, giai cấp tư sản ra đời.

- Giai cấp vô sản được hình thành từ những người nông nô bị tước đoạt ruộng đất, buộc phải vào làm việc trong các xí nghiệp của tư sản.

- Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa được hình thành.

**5. Phong trào Văn hoá Phục hưng**

*Hiểu được nguyên nhân, trình bày được khái niệm, nội dung và ý nghĩa của phong trào Văn hoá Phục hưng :*

- Nguyên nhân : sự kìm hãm, vùi dập của chế độ phong kiến đối với các giá trị văn hoá. Sự lớn mạnh của giai cấp tư sản có thế lực về kinh tế nhưng không có địa vị chính trị, xã hội.

- Khái niệm "phong trào Văn hoá Phục hưng" :là khôi phục những tinh hoa văn hoá cổ đại Hi Lạp và Rô-ma, đồng thời phát triển nó ở tầm cao mới.

- Nội dung phong trào :

+ Lên án nghiêm khắc Giáo hội Ki-tô, đả phá trật tự xã hội phong kiến.

+ Đề cao giá trị con người, đề cao khoa học tự nhiên, xây dựng thế giới quan duy vật.

- Ý nghĩa :

+ Phát động quần chúng đấu tranh chống lại xã hội phong kiến.

+ Mở đường cho sự phát triển của văn hoá châu Âu và nhân loại.

- Quan sát hình 6 - SGK, qua đó biết được tài năng của hoạ sĩ
Lê-ô-na đơ Vanh-xi.

**6. Phong trào Cải cách tôn giáo**

*Trình bày được phong trào Cải cách tôn giáo :*

- Nguyên nhân : sự thống trị về tư tưởng, giáo lí của chế độ phong kiến là lực cản đối với giai cấp tư sản. Yêu cầu đặt ra phải tiến hành cải cách.

- Diễn biến :

+ Cải cách của M. Lu-thơ (Đức) : lên án những hành vi tham lam và đồi bại của Giáo hoàng, đòi bãi bỏ những thủ tục, nghi lễ phiền toái.

+ Cải cách của Can-vanh (Thuỵ Sĩ) : chịu ảnh hưởng những cải cách của Lu-thơ, hình thành một giáo phái mới gọi là đạo Tin lành.

- Hệ quả : đạo Ki-tô bị chia thành hai giáo phái : Cựu giáo là
Ki-tô giáo cũ và Tân giáo, mâu thuẫn và xung đột với nhau. Bùng lên cuộc chiến tranh nông dân Đức.

- Quan sát hình 7-M. Lu-thơ trong SGK, tìm hiểu những nét chính về cuộc đời ông.

**7. Chiến tranh nông dân Đức**

*Nêu được nguyên nhân, diễn biến và ý nghĩa của cuộc chiến tranh nông dân Đức:*

- Nguyên nhân nổ ra chiến tranh :

+ Đến thế kỉ XVI, ở Đức tầng lớp thị dân có thế lực kinh tế nhưng lại bị chế độ phong kiến cát cứ kìm hãm.

+ Ảnh hưởng của cải cách tôn giáo của Lu-thơ.

*- Diễn biến :*

+ Lãnh đạo là Tô-mát Muyn-xe, trong giai đoạn đầu phong trào nông dân chiếm được 1/3 lãnh thổ Đức.

+ Do nội bộ của nghĩa quân không thống nhất, bọn phong kiến tập trung lực lượng đàn áp, phong trào thất bại.

*- Ý nghĩa :*

+ Đây là cuộc chiến tranh nông dân vĩ đại nhất châu Âu.

+ Phản ánh lòng căm thù của nông dân bị áp bức.

+ Góp phần vào trận chiến chống chế độ phong kiến.

***Chủ đề 2***

**XÃ HỘI PHONG KIẾN PHƯƠNG ĐÔNG**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Một số điểm nổi bật về kinh tế, chính trị, những thành tựu tiêu biểu nhất về văn hoá của Trung Quốc trong thời kì phong kiến.

- Các vương triều, văn hoá Ấn Độ.

- Các quốc gia phong kiến độc lập ở Đông Nam Á (thời điểm xuất hiện, địa bàn). Những nét nổi bật về kinh tế, chính trị, văn hoá.

- Trình bày được những nét chung nhất của xã hội phong kiến phương Đông : sự hình thành và phát triển, cơ sở kinh tế - xã hội, nhà nước phong kiến.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

I. TRUNG QUốC thời PHONG KIếN

**1. Tình hình chính trị**

*Biết được nét nổi bật của tình hình chính trị Trung Quốc thời phong kiến :*

*Sự hình thành xã hội phong kiến :*

+ Nhà nước ở Trung Quốc ra đời sớm (2000 TCN) ở vùng đồng bằng Hoa Bắc.

+ Xã hội phong kiến hình thành từ thế kỉ III TCN, thời Tần.

Quan lại và nông dân giàu chiếm nhiều ruộng, có quyền lực trở thành địa chủ.

Nhiều nông dân mất ruộng, phải nhận ruộng của địa chủ trở thành tá điền, phải nộp một phần hoa lợi cho địa chủ gọi là địa tô. Xã hội phong kiến Trung Quốc được xác lập.

- *Tổ chức bộ máy nhà nước :*

+ Thời Tần : chia đất nước thành các quận, huyện và trực tiếp cử quan lại đến cai trị ; thi hành chế độ cai trị rất hà khắc.

+ Nhà Hán lên thay thì chế độ pháp luật hà khắc được bãi bỏ.

+ Thời Đường : tổ chức bộ máy nhà nước được củng cố hoàn thiện hơn ; cử người thân tín đi cai quản các địa phương, mở nhiều khoa thi để tuyển chọn nhân tài.

- Thời Nguyên thi hành nhiều biện pháp phân biệt đối xử giữa các dân tộc : Người Mông Cổ có địa vị cao nhất, hưởng mọi đặc quyền ; người Hán có địa vị thấp kém và bị cấm đoán đủ thứ,...

- Liên hệ các triều đại phong kiến Trung Quốc với các triều đại phong kiến Việt Nam để thấy được sự ảnh hưởng về tổ chức bộ máy nhà nước.

*Chính sách đối ngoại :* Các triều đại phong kiến Trung Quốc đều tiến hành mở rộng lãnh thổ bằng các cuộc chiến tranh xâm lược : Triều Tiên, Nội Mông, Đại Việt..., mỗi khi xâm lược Đại Việt đều chịu thất bại nặng nề.

**3. Tình hình kinh tế Trung Quốc qua các triều đại**

*Biết được những nét chủ yếu về tình hình kinh tế Trung Quốc qua các triều đại phong kiến :*

- Thời Tần - Hán : ban hành chế độ đo lường thống nhất, giảm tô thuế, khuyến khích nông dân nhận ruộng cày và khẩn hoang...

- Thời Đường : thi hành nhiều biện pháp giảm tô, lấy ruộng công và ruộng bỏ hoang chia cho nông dân - thực hiện chế độ quân điền, do đó sản xuất phát triển. Kinh tế thời Đường phồn thịnh.

- Thời Tống : mở mang các công trình thuỷ lợi, khuyến khích sản xuất thủ công nghiệp như khai mỏ, luyện kim, dệt lụa..., phát minh
ra la bàn, thuốc súng, nghề in, giấy viết, kĩ thuật đóng thuyền có
bánh lái...

- Thời Minh – Thanh : thủ công nghiệp phát triển, xuất hiện mầm mống tư bản chủ nghĩa như nhiều xưởng dệt, gốm chuyên môn hoá, có nhiều nhân công làm việc.

- Ngoại thương phát triển, đã buôn bán với nhiều nước Đông Nam Á, Ấn Độ, Ba Tư...

- Khẳng định được sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường.

**4. Thành tựu về văn hoá**

*Trình bày được những thành tựu tiêu biểu nhất về văn hoá của Trung Quốc trong thời kì phong kiến :*

- Tư tưởng : Nho giáo trở thành hệ tư tưởng và đạo đức của giai cấp phong kiến.

- Văn học : thời Đường xuất hiện nhiều nhà thơ nổi tiếng như Lý Bạch, Đỗ Phủ... Đến thời Minh - Thanh xuất hiện những bộ tiểu thuyết có giá trị : *Tam quốc diễn nghĩa, Tây du kí,*...

- Sử học : có các bộ *Sử kí* (của Tư Mã Thiên), *Hán thư, Đường thư, Minh sử*...

- Nghệ thuật kiến trúc : với nhiều công trình độc đáo như Cố cung, những bức tượng Phật sinh động,...

- Quan sát hình 9. "Cố cung (Trung Quốc)" trong SGK và nhận xét về kiến trúc của Trung Quốc thời phong kiến.

- Quan sát hình 10. "Liễn men trắng xanh thời Minh" trong SGK để biết được sự phát triển của nghề thủ công Trung Quốc thời phong kiến.

II. ấN Độ THờI PHONG KIếN

**1. Các vương triều trong lịch sử Ấn Độ**

***a) Những trang sử đầu tiên***

*Biết được những trang sử đầu tiên của Ấn Độ :*

- Khoảng 2500 năm TCN đến 1500 TCN, dọc theo 2 bờ sông Ấn, sông Hằng ở vùng Đông Bắc Ấn đã xuất hiện những thành thị của người Ấn.

- Các thành thị - tiểu vương quốc này liên kết với nhau hình thành nhà nước rộng lớn Ma-ga-đa ở hạ lưu sông Hằng (thế kỉ VI TCN), phát triển hùng mạnh dưới thời vua A-sô-ca, cuối thế kỉ III TCN.

- Từ sau thế kỉ III TCN, Ấn Độ lại chia thành nhiều quốc gia nhỏ. Đến đầu thế kỉ IV, lại được thống nhất dưới vương triều Gúp-ta.

***b) Ấn Độ thời phong kiến***

*Trình bày được những nét chính về Ấn Độ thời phong kiến :*

*- Vương triều Gúp-ta :*

Thời kì này,Ấn Độ trở thành một quốc gia phong kiến hùng mạnh, công cụ sắt được sử dụng rộng rãi, kinh tế - xã hội và văn hoá phát triển.

Đến đầu thế kỉ VI, Vương triều Gúp-ta bị diệt vong, sau đó Ấn Độ luôn luôn bị nước ngoài xâm lược, cai trị.

*- Vương triều Hồi giáo Đê-li :*

Thế kỉ XII, Ấn Độ bị Thổ Nhĩ Kì xâm lược, lập ra triều đại Hồi giáo Đê-li, thi hành chính sách cướp đoạt ruộng đất và cấm đoán đạo Hin-đu, mâu thuẫn dân tộc căng thẳng.

*- Vương triều Ấn Độ Mô-gôn :*

Thế kỉ XVI, người Mông Cổ chiếm đóng Ấn Độ, lập Vương triều Mô-gôn, xóa bỏ sự kì thị tôn giáo, khôi phục kinh tế và phát triển văn hoá Ấn Độ.

- Giữa thế kỉ XIX, Ấn Độ trở thành thuộc địa của nước Anh.

- So sánh để thấy được sự giống và khác nhau giữa *Vương triều Hồi giáo Đê-li và Vương triều Mô-gôn.*

**2. Văn hoá Ấn Độ**

*Biết được Ấn Độ có nền văn hoá lâu đời, là một trong những trung tâm văn minh lớn của loài người, đạt nhiều thành tựu :*

- Chữ viết : chữ Phạn là chữ viết riêng, dùng làm ngôn ngữ, văn tự để sáng tác các tác phẩm văn học, thơ ca. Đây là nguồn gốc của chữ viết Hin-đu.

- Tôn giáo : đạo Bà La Môn có bộ Kinh Vê-đa là bộ kinh
cầu nguyện xưa nhất ; đạo Hin-đu là một tôn giáo phổ biến ở Ấn Độ hiện nay.

- Nền văn học Hin-đu : với giáo lí, luật pháp, sử thi, thơ ca... có ảnh hưởng đến đời sống xã hội.

- Kiến trúc : ảnh hưởng sâu sắc của các tôn giáo với những công trình kiến trúc đền thờ, ngôi chùa độc đáo còn được giữ lại đến ngày nay.

- Quan sát hình 11 - Cổng vào động 1 đền A-jan-ta (đầu thế kỉ VI) trong SGK và nhận xét về nghệ thuật kiến trúc Ấn Độ.

- Nhận biết được ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ đến văn hoá Việt Nam qua các công trình kiến trúc.

III. CÁC QUỐC GIA PHONG KIẾN ĐÔNG NAM Á

**1. Điều kiện tự nhiên của các nước Đông Nam Á**

Xác định được vị trí, điểm chung nổi bật về điều kiện tự nhiên của các nước Đông Nam Á :

- Đông Nam Álà một khu vực rộng lớn, hiện nay gồm 11 nước.

- Đặc điểm chung về điều kiện tự nhiên :

+ Chịu ảnh hưởng của gió mùa, tạo nên hai mùa rõ rệt : mùa khô và mùa mưa.

+ Khí hậu nhiệt đới ẩm, mưa nhiều thuận lợi cho việc trồng lúa nước và các loại rau, củ, quả.

**2. Sự hình thành các quốc gia ở Đông Nam Á**

*Trình bày được sự hình thành các quốc gia ở Đông Nam Á :*

***a) Sự hình thành các quốc gia cổ***

- Đến những thế kỉ đầu Công nguyên, cư dân ở đây biết sử dụng công cụ sắt. Chính thời gian này các quốc gia đầu tiên ở Đông Nam Áxuất hiện.

- Trong 10 thế kỉ đầu Công nguyên, có hàng loạt các quốc gia nhỏ được hình thành : Vương quốc Cham-pa ở Trung bộ Việt Nam, Vương quốc Phù Nam ở hạ lưu sông Mê Công...

***b) Sự hình thành và phát triển của các quốc gia phong kiến***

- Từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVIII, là thời kì phát triển thịnh vượng của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á :

+ Biểu hiện của sự phát triển là quá trình mở rộng, thống nhất lãnh thổ và đạt nhiều thành tựu văn hoá.

+ Một số quốc gia hình thành và phát triển : Mô-giô-pa-hít (In-đô-nê-xi-a), Đại Việt, Cham-pa, Ăng-co (trên bán đảo Đông Dương)...

- Đến thế kỉ XIII, do sự tấn công của người Mông Cổ, người Thái phải di cư xuống phía nam, rồi lập nên Vương quốc Su-khô-thay, một bộ phận khác lập nên Vương quốc Lan Xang (thế kỉ XIV)...

- Nửa sau thế kỉ XVIII, các quốc gia phong kiến Đông Nam Ásuy yếu, giữa thế kỉ XIX trở thành thuộc địa của tư bản phương Tây.

- Quan sát hình 12, 13 - SGK và nhận xét về những thành tựu văn hoá của các vương quốc cổ ở Đông Nam Á.

- Xác định trên lược đồ vị trí một số vương quốccổ ở Đông
Nam Á.

**3. Vương quốc Cam-pu-chia và Vương quốc Lào**

*Trình bày được những nét chính về Vương quốc Cam-pu-chia và Vương quốc Lào :*

***a) Vương quốc Cam-pu-chia***

*- Thời kì Chân Lạp* : Thời kì tiền sử trên đất Cam-pu-chia đã
có người sinh sống. Trong quá trình xuất hiện nhà nước, tộc người Khơ-me được hình thành, họ giỏi săn bắn, giỏi đào ao, đắp hồ chứa nước... Đến thế kỉ VI, Vương quốc Chân Lạp ra đời.

- *Thời kì Ăng-co* (từ thế kỉ IX đến thế kỉ XV) là thời kì phát triển huy hoàng của chế độ phong kiến Cam-pu-chia :

+ Nông nghiệp phát triển.

+ Lãnh thổ mở rộng.

+ Văn hoá độc đáo, mà tiêu biểu nhất là kiến trúc đền tháp như Ăng-co Vát, Ăng-co Thom.

- Sau thời kì Ăng-co, Cam-pu-chia bước vào giai đoạn suy yếu kéo dài, đến năm 1863 thì bị Pháp xâm lược.

- Quan sát hình 14. "Khu đền tháp Ăng-co Vát (Cam-pu-chia)" - SGK, nhận xét về nghệ thuật kiến trúc của Cam-pu-chia và so sánh với các công trình kiến trúc của Ấn Độ để thấy được sự ảnh hưởng của kiến trúc Ấn Độ.

- Lập niên biểu các giai đoạn phát triển chính của lịch sử
Cam-pu-chia đến giữa thế kỉ XIX.

***b) Vương quốc Lào***

- Tộc người đầu tiên trên lãnh thổ Lào là người Lào Thơng, về sau có thêm một nhóm người Thái di cư đến gọi là người Lào Lùm, với nghề trồng lúa nương, săn bắn và làm một số nghề thủ công.

- Giữa thế kỉ XIV, các bộ tộc Lào thống nhất thành một nước riêng, gọi là Lan Xang (nghĩa là Triệu Voi).

- Đất nước Triệu Voi đạt được sự thịnh vượng trong các thế kỉ
XV - XVII.

- Chính sách đối ngoại : giữ quan hệ hoà hiếu với Đại Việt,
Cam-pu-chia, nhưng kiên quyết chiến đấu chống quân xâm lược Miến Điện.

- Sang thế kỉ XVIII, Lan Xang suy yếu bị Xiêm thôn tính, tiếp đó đến cuối thế kỉ XIX bị thực dân Pháp đô hộ.

- Quan sát hình 15. Thạt Luổng (Lào) - SGK và nhận xét về kiến trúc của Vương quốc Lào.

- Lập niên biểu các giai đoạn phát triển chính của lịch sử Lào đến giữa thế kỉ XIX.

IV. NHữNG NéT CHUNG Về Xã HộI PHONG KIếN

**1. Sự hình thành và phát triển của xã hội phong kiến**

*Biết so sánh về quá trình hình thành và phát triển của xã hội phong kiến ở các nước phương Đông và phương Tây để rút ra những điểm khác biệt :*

- Xã hội phong kiến phương Đông :

+ Hình thành sớm, vào thời kì trước Công nguyên (như Trung Quốc), phát triển chậm, mức độ tập quyền lớn hơn so với ở xã hội phong kiến phương Tây.

+ Khủng hoảng, suy vong kéo dài và sau này rơi vào tình trạng lệ thuộc hoặc thuộc địa của chủ nghĩa tư bản phương Tây.

- Xã hội phong kiến phương Tây :

+ Ra đời muộn (thế kỉ V), phát triển nhanh.

+ Xuất hiện chủ nghĩa tư bản trong lòng chế độ phong kiến.

Lúc đầu quyền lực của nhà vua bị hạn chế trong lãnh địa, mãi đến thế kỉ XV khi các quốc gia phong kiến được thống nhất, quyền lực mới tập trung trong tay nhà vua.

- Lập bảng so sánh sự khác nhau giữa xã hội phong kiến phương Đông và xã hội phong kiến phương Tây.

**2. Cơ sở kinh tế - xã hội của chế độ phong kiến**

*Trình bày được nét chính về cơ sở kinh tế - xã hội của chế độ phong kiến :*

- Cơ sở kinh tế chủ yếu của chế độ phong kiến là sản xuất nông nghiệp, kết hợp với chăn nuôi và một số nghề thủ công. Sản xuất nông nghiệp đóng kín ở các công xã nông thôn (phương Đông) hay các lãnh địa (phương Tây).

- Ruộng đất nằm trong tay lãnh chúa hay địa chủ, giao cho nông dân hay nông nô sản xuất.

- Xã hội gồm hai giai cấp cơ bản là địa chủ và nông dân lĩnh canh (phương Đông), lãnh chúa phong kiến và nông nô (phương Tây). Địa chủ, lãnh chúa bóc lột nông dân và nông nô bằng địa tô.

- Riêng ở xã hội phong kiến phương Tây, từ thế kỉ XI, công thương nghiệp phát triển.

**LỊCH SỬ VIỆT NAM
TỪ THẾ KỈ X ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX**

***Chủ đề 3***

**BUỔI ĐẦU ĐỘC LẬP THỜI NGÔ - ĐINH - TIỀN LÊ
(Thế kỉ X)**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Trình bày được những điểm chủ yếu sau :

+ Sự ra đời của các triều đại Ngô - Đinh - Tiền Lê ; tổ chức nhà nước thời Ngô – Đinh - Tiền Lê.

+ Đời sống kinh tế : quyền sở hữu ruộng đất, khai hoang, đào vét kênh ngòi ; một số nghề thủ công ; đúc tiền, các trung tâm buôn bán.

+ Về xã hội : các giai tầng trong xã hội (nông dân tự do, thợ thủ công, người buôn bán nhỏ, nô tì).

- Công lao của Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh, Lê Hoàn trong công cuộc củng cố nền độc lập và bước đầu xây dựng đất nước.

- Biết trình bày cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ nhất theo lược đồ.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1.** **Buổi đầu độc lập thời Ngô - Đinh - Tiền Lê (thế kỉ X) :**

*Biết được những nét lớn về mặt chính trị, kinh tế, văn hoá,... của buổi đầu độc lập thời Ngô - Đinh - Tiền Lê :*

***a*) *Những nét lớn về mặt chính trị của buổi đầu độc lập thời Ngô***

\* *Thời Ngô :*

- Tổ chức nhà nước :

+ Năm 939, Ngô Quyền lên ngôi vua, chọn Cổ Loa làm kinh đô.

+ Xây dựng chính quyền :

Trung ương : Vua đứng đầu quyết định mọi việc ; đặt các chức quan văn, võ, quy định lễ nghi, sắc phục của quan lại các cấp.

Ở địa phương : cử các tướng có công coi giữ các châu quan trọng (Đinh Công Trứ - Thứ sử châu Hoan, Kiều Công Hãn - Thứ sử châu Phong...).

- Sau khi Ngô Quyền mất (năm 944) : Dương Tam Kha tiếm quyền, các phe phái nổi lên khắp nơi. Năm 950, Ngô Xương Văn dẹp được Dương Tam Kha, nhưng cuộc tranh chấp giữa các thế lực, thổ hào địa phương vẫn tiếp diễn, 12 tướng lĩnh chiếm cứ các vùng địa phương. Sử gọi là "Loạn 12 sứ quân".

- Tìm hiểu về Ngô Quyền. Phân tích để hiểu việc Ngô Quyền xưng vương, đặt nền móng cho một quốc gia độc lập bằng việc định đô, xây dựng cung điện, tổ chức bộ máy nhà nước theo cách riêng
của mình.

- Nguyên nhân dẫn đến "Loạn 12 sứ quân" và hậu quả của tình trạng này, nhất là ở thời điểm nước ta ở buổi đầu độc lập. Khi Ngô Quyền mất, hai con trai còn nhỏ, chưa đủ uy tín, lại bị Dương Tam Kha tiếm quyền, các thế lực cát cứ, thổ hào địa phương khắp nơi lần lượt nổi dậy. Đất nước trở nên rối loạn. Trong khi đó nhà Tống đang có mưu đồ xâm lược nước ta.

Chú ý tìm hiểu khái niệm "Loạn 12 sứ quân".

\* *Công cuộc dẹp "Loạn 12 sứ quân" và tổ chức bộ máy nhà nước thời Đinh :*

- Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế (Đinh Tiên Hoàng), đặt tên nước là Đại Cồ Việt (nước Việt lớn), đóng đô ở Hoa Lư
(Ninh Bình).

- Năm 970, vua Đinh đặt niên hiệu là Thái Bình, phong vương cho các con, cử các tướng thân cận nắm giữ các chức vụ chủ chốt ; xây dựng cung điện, đúc tiền ... sai sứ sang giao hảo với nhà Tống.

- Nhận xét về công lao của Đinh Bộ Lĩnh :

+ Dẹp "Loạn12 sứ quân".

+ Đinh Bộ Lĩnh đã tiến thêm một bước trong việc xây dựng chính quyền độc lập, tự chủ ; khẳng định chủ quyền quốc gia (đặt tên nước, không dùng niên hiệu phong kiến phương Bắc, chủ động bang giao với nhà Tống...).

\* *Tổ chức chính quyền thời Tiền Lê :*

- Lê Hoàn :

+ Sinh ra trong một gia đình nghèo ở Thanh Hoá, bố mẹ mất sớm, phải làm con nuôi một viên quan họ Lê, lớn lên ông phò tá Đinh Liễn, giúp Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân.

+ Được vua Đinh phong chức Thập đạo tướng quân Điện tiền chỉ huy sứ.

+ Khi Đinh Tiên Hoàng mất, ông làm phụ chính cho vua Đinh Toàn (còn nhỏ tuổi).

+ Trước nguy cơ xâm lược của nhà Tống, ông được Thái hậu họ Dương và quan lại đồng tình đã suy tôn lên làm vua, lập nên nhà Lê (sử gọi là Tiền Lê).

- Tổ chức chính quyền :

+ Bộ máy cai trị ở trung ương, vua nắm mọi quyền hành, giúp vua có thái sư, đại sư và quan lại gồm hai ban văn, võ ; các con vua được phong vương và trấn giữ các nơi quan trọng.

+ Cả nước chia thành 10 lộ, dưới lộ có phủ và châu.

+ Xây dựng quân đội (10 đạo và hai bộ phận cấm quân và quân địa phương).

Hiểu được nhà Tiền Lê đã tiến thêm một bước trong việc xây
dựng chính quyền độc lập tự chủ. Đây là sự hoàn thiện chính quyền ở trung ương, chia lại đơn vị hành chính cả nước, chú trọng xây dựng quân đội...

***b) Về kinh tế***

+ Quyền sở hữu ruộng đất nói chung thuộc về làng xã, theo tập tục chia nhau cày cấy, nộp thuế, đi lính và làm lao dịch cho nhà vua. Việc đào vét kênh mương, khai khẩn đất hoang... được chú trọng, nên nông nghiệp ổn định và bước đầu phát triển ; nghề trồng dâu tằm cũng được khuyến khích..., các năm 987, 989 được mùa.

+ Xây dựng một số xưởng thủ công : từ thời Đinh đã có xưởng đúc tiền, chế vũ khí, may mũ áo... xây cung điện, chùa chiền.

+ Các nghề thủ công cổ truyền cũng phát triển như dệt lụa, làm gốm.

+ Nhiều trung tâm buôn bán và chợ làng quê được hình thành. Nhân dân hai nước Việt - Tống thường qua lại trao đổi hàng hoá ở vùng biên giới.

- Hiểu được nguyên nhân thành công trong bước đầu xây dựng nền kinh tế tự chủ : nông nghiệp (các biện pháp khuyến nông : đào vét kênh, vua tổ chức lễ cày tịch điền...) ; thủ công nghiệp (đất nước
đã độc lập, các thợ thủ công lành nghề không còn bị bắt đưa sang Trung Quốc).

***c) Về văn hoá, xã hội***

- Xã hội chia thành ba tầng lớp : tầng lớp thống trị gồm vua, quan văn võ (cùng một số nhà sư) ; tầng lớp bị trị mà đa số là nông dân tự do, cày ruộng công làng xã ; tầng lớp cuối cùng là nô tì (số lượng không nhiều).

- Nho học chưa tạo được ảnh hưởng, giáo dục chưa phát triển. Đạo Phật được truyền bá rộng rãi, chùa chiền được xây dựng khắp nơi, nhà sư được nhân dân quý trọng. Nhiều loại hình văn hoá dân gian
như ca hát, nhảy múa, đua thuyền... tồn tại và phát triển trong thời
gian này.

- Vẽ sơ đồ về tổ chức xã hội thời Ngô - Đinh - Tiền Lê, qua đó để hiểu được "Vì sao một số nhà sư lại thuộc tầng lớp thống trị ?".

**2. Cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần thứ nhất**

*Trình bày theo lược đồ*, *ghi nhớ nét chính về diễn biến, ý nghĩa lịch sử cuộc kháng chiến chống Tống :*

***-*** Diễn biến của kháng chiến :

+ Đầu năm 981, quân Tống theo hai đường thuỷ, bộ tiến đánh nước ta.

+ Lê Hoàn trực tiếp tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến.

+ Nhiều trận chiến diễn ra trên sông Bạch Đằng. Trên bộ quân ta chặn đánh địch quyết liệt. Quân Tống đại bại.

- Ý nghĩa :

+ Chiến thắng biểu thị ý chí quyết tâm chống ngoại xâm của quân dân ta.

+ Chứng tỏ bước phát triển mới của đất nước và khả năng bảo vệ độc lập dân tộc của Đại Cồ Việt.

**3. Công lao của Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh, Lê Hoàn**

*Hiểu và ghi nhớ công lao to lớn của Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh, Lê Hoàn trong công cuộc củng cố nền độc lập và bước đầu xây dựng đất nước :*

- *Ngô Quyền :*

+ Người tổ chức và lãnh đạo quân dân ta làm nên chiến thắng trên sông Bạch Đằng năm 938. Đó là một chiến thắng vĩ đại của dân tộc ta, kết thúc ách thống trị hơn một nghìn năm của phong kiến phương Bắc đối với nước ta, mở ra kỉ nguyên độc lập, tự chủ của Tổ quốc.

+ Ngô Quyền xưng vương, đặt nền móng cho một quốc gia độc lập đã khẳng định đất nước ta có giang sơn, bờ cõi riêng, do người Việt làm chủ và quyết định vận mệnh của mình.

- *Đinh Bộ Lĩnh* :

+ Là người có công lớn trong việc dẹp "Loạn12 sứ quân". Vì trước nguy cơ ngoại xâm mới (mưu đồ xâm lược nước ta của nhà Tống) đòi hỏi phải nhanh chóng thống nhất lực lượng để đối phó, đó cũng là nguyện vọng của nhân dân ta thời bấy giờ. Đinh Bộ Lĩnh đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử đó.

+ Việc đặt tên nước, chọn kinh đô và không dùng niên hiệu của hoàng đế Trung Quốc đã khẳng định đất nước ta là "nước Việt lớn", nhà Đinh có ý thức xây dựng nền độc lập, tự chủ.

- *Lê Hoàn :*

Người tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Tống năm 981 giành thắng lợi, có ý nghĩa lịch sử to lớn.

⇒ Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh, Lê Hoàn là những vị anh hùng của dân tộc, được nhân dân kính trọng, nhiều nơi có đền thờ.

***Chủ đề 4***

**NƯỚC ĐẠI VIỆT THỜI LÝ
(Thế kỉ XI - đầu thế kỉ XIII)**

**Nội dung 1 : NHÀ LÝ ĐẨY MẠNH CÔNG CUỘC XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Trình bày sơ lược bối cảnh ra đời của nhà Lý ; việc dời đô ra Thăng Long : nguyên nhân, ý nghĩa.

- Tổ chức bộ máy nhà nước ; tổ chức quân đội ; bộ luật đầu tiên của nước ta và chính sách đối nội, đối ngoại của nhà Lý.

- Miêu tả những nét chính của bức tranh về kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục thời Lý (sự chuyển biến của nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp. Các giai tầng trong xã hội, những thành tựu văn hoá tiêu biểu : lập Văn miếu, Quốc tử giám, mở khoa thi, nghệ thuật phát triển, đặc biệt là kiến trúc và điêu khắc).

- Kể về một số nhân vật lịch sử và công trình kiến trúc tiêu biểu.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1.** **Nhà Lý được thành lập**

*Trình bày sơ lược bối cảnh ra đời của nhà Lý, việc dời đô ra Thăng Long và tổ chức bộ máy nhà nước thời Lý :*

- *Bối cảnh ra đời nhà Lý :*

+ Năm 1005, Lê Hoàn mất, Lê Long Đĩnh nối ngôi và năm 1009 thì qua đời.

+ Triều thần chán ghét nhà Lê đã tôn Lý Công Uẩn lên ngôi vua. Nhà Lý được thành lập.

- Lý Thái Tổ với việc dời đô ra Đại La, đổi tên là thành Thăng Long (1010) :

Quan sát bản đồ, tìm hiểu vị trí, địa thế thuận lợi cho việc dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long.

Ghi nhớ : *vùng này mặt đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ thấp trũng tối tăm, muôn vật hết sức tươi tốt phồn thịnh. Xem khắp đất Việt đó là nơi thắng địa, thực là chỗ
hội tụ quan yếu của bốn phương. Đúng là nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời.*

- *Tổ chức bộ máy nhà nước :*

+ Năm 1054, nhà Lý đổi tên nước là Đại Việt và tiến hành xây dựng chính quyền quân chủ bằng cách tổ chức bộ máy nhà nước.

+ Chính quyền trung ương : đứng đầu là vua, dưới có quan đại thần và các quan ở hai ban văn, võ.

+ Chính quyền địa phương : cả nước chia thành 24 lộ, dưới lộ là phủ, dưới phủ là huyện, dưới huyện là hương, xã.

⇒ Đó là chính quyền quân chủ, nhưng khoảng cách giữa chính quyền với nhân dân, giữa vua với dân chưa phải là đã xa lắm. Nhà Lý luôn coi dân là gốc rễ sâu bền.

**2. Luật pháp, quân đội và chính sách đối nội, đối ngoại thời Lý**

*Biết được những nét chính về luật pháp và quân đội và chính sách đối nội, đối ngoại thời Lý :*

- *Luật pháp :*

+ Năm 1042, nhà Lý ban hànhbộ luật thành văn đầu tiên của nước ta - bộ*Hình thư.*

+Bao gồm những quy định chặt chẽ việc bảo vệ nhà vua và cung điện, xem trọng việc bảo vệ của công và tài sản của nhân dân, nghiêm cấm việc giết mổ trâu bò, bảo vệ sản xuất nông nghiệp. Người phạm tội bị xử phạt nghiêm khắc.

*- Quân đội :*

+ Quân đội thời Lý bao gồm quân bộ và quân thuỷ.

+ Vũ khí có giáo mác, dao, kiếm, cung, nỏ, máy bắn đá.

+ Trong quân còn chia làm hai loại : cấm quân và quân địa phương.

*- Chính sách đối nội, đối ngoại :*

+ Củng cố khối đoàn kết dân tộc.

+ Đặt quan hệ ngoại giao bình thường với nhà Tống, Cham-pa.

+ Kiên quyết bảo toàn lãnh thổ.

**3. Thành tựu đạt được về kinh tế, văn hoá thời Lý**

*Trình bày được những chuyển biến về kinh tế và văn hoá thời Lý:*

- *Về kinh tế :*

**+** Nông nghiệp : Nhà nước có nhiều biện pháp quan tâm sản xuất nông nghiệp (lễ cày tịch điền, khuyến khích khai hoang, đào kênh mương, đắp đê phòng lụt, cấm giết hại trâu bò...), nhiều năm mùa màng bội thu.

**+** Thủ công nghiệp và thương nghiệp : nghề dệt, làm đồ gốm, xây dựng đền đài, cung điện, nhà cửa rất phát triển. Các nghề làm đồ trang sức bằng vàng, bạc ; làm giấy, đúc đồng, rèn sắt... đều được mở rộng. Nhiều công trình nổi tiếng do thợ thủ công dựng nên như chuông Quy Điền, tháp Báo Thiên (Hà Nội), vạc Phổ Minh (Nam Định)...

**+** Việc mua bán trong nước và với nước ngoài được mở mang hơn trước. Vân Đồn là nơi buôn bán rất sầm uất.

+ Nguyên nhân của sự phát triển : Đất nước độc lập, hoà bình và ý thức dân tộc là động lực to lớn thúc đẩy sự phát triển.

*- Về xã hội, văn hoá, giáo dục :*

+ Xã hội :

Vua quan là bộ phận chính trong giai cấp thống trị, một số quan lại, một số ít dân thường có nhiều ruộng cũng trở thành địa chủ.

Thành phần chủ yếu trong xã hội là nông dân gắn bó với làng, xã ; họ phải làm các nghĩa vụ cho nhà nước và nộp tô cho địa chủ ; một số đi khai hoang lập nghiệp ở nơi khác. Những người làm nghề thủ công sống rải rác ở các làng xã phải nộp thuế và làm nghĩa vụ với nhà vua. Nô tì phục vụ trong cung điện, các nhà quan.

+ Văn hoá, giáo dục :

Năm 1070, Văn Miếu được xây dựng ở Thăng Long, năm 1076, mở Quốc tử giám. Nhà nước quan tâm giáo dục, khoa cử. Văn học chữ Hán bước đầu phát triển.

Các vua Lý rất sùng đạo Phật, khắp nơi đều dựng chùa, tô tượng, đúc chuông...

Ca hát, nhảy múa, trò chơi dân gian ; kiến trúc, điêu khắc... đều phát triển, với phong cách nghệ thuật đa dạng, độc đáo và linh hoạt, tiêu biểu là chùa Một Cột, tượng Phật A-di-đà, hình rồng thời Lý.

Việc xây dựng Văn miếu và Quốc tử giám đánh dấu sự ra đời của nền giáo dục Đại Việt.

- Quan sát các hình trong sách SGK, nhận biết những thành tựu về văn hoá - nghệ thuật đã đánh dấu sự ra đời của một nền văn hoá riêng biệt của dân tộc - văn hoá Thăng Long.

**Nội dung 2 : CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG XÂM LƯỢC TỐNG
(1075 - 1077)**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Giai đoạn thứ nhất (1075) :

+ Âm mưu xâm lược của nhà Tống.

+ Nhà Lý chủ động tấn công trước để phòng vệ.

- Giai đoạn thứ hai (1076 - 1077) : tường thuật lại diễn biến theo lược đồ và tranh ảnh, tóm tắt kết cục của cuộc kháng chiến chống Tống của quân dân thời Lý. Nêu tài năng và công lao của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống Tống : chủ động tấn công trước, lập phòng tuyến Như Nguyệt, chỉ huy quân đội đánh đuổi được quân Tống xâm lược, chủ động giảng hoà.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Âm mưu xâm lược Đại Việt của nhà Tống**

*Biết được âm mưu xâm lược Đại Việt của nhà Tống :*

- Từ giữa thế kỉ XI, tình hình nhà Tống gặp phải những khó khăn : nội bộ mâu thuẫn, nông dân khởi nghĩa, vùng biên cương phía bắc nhà Tống hai nước Liêu - Hạ quấy nhiễu... Đối với nước ta, nhà Tống quyết định dùng chiến tranh để giải quyết tình trạng khủng hoảng trong nước và đưa nước ta trở lại chế độ đô hộ như trước.

- Nhà Tống xúi giục vua Cham-pa đánh lên từ phía Nam, còn ở biên giới phía Bắc của Đại Việt nhà Tống ngăn cản việc buôn bán, dụ dỗ các tù trưởng dân tộc.

**2. Tổ chức kháng chiến của nhà Lý**

*Hiểu được nhà Lý đứng trước âm mưu xâm lược của nhà Tống đã chủ động chuẩn bị kháng chiến ra sao :*

- Nhà Lý cử Lý Thường Kiệt làm người chỉ huy, tổ chức cuộc kháng chiến, quân đội được mộ thêm quân và tăng cường canh phòng, luyện tập, làm thất bại âm mưu dụ dỗ của nhà Tống. Lý Thánh Tông cùng Lý Thường Kiệt đem quân đánh Cham-pa.

- Thực hiện chủ trương "tiến công trước để tự vệ", tháng
10 - 1075, Lý Thường Kiệt đem 10 vạn quân bất ngờ tấn công vào châu Khâm, châu Liêm (Quảng Đông), sau khi tiêu diệt các căn cứ, kho tàng của giặc, Lý Thường Kiệt kéo quân về tấn công châu Ung (Quảng Tây). Sau 42 ngày chiến đấu, quân ta hạ thành Ung Châu và nhanh chóng rút quân về nước.

Hiểu được chủ trương "tiến công trước để tự vệ" là một chủ trương độc đáo, sáng tạo. Tiến công để tự vệ chứ không phải là xâm lược.

- Ghi nhớ cuộc tiến công diễn ra rất nhanh chỉ nhằm vào các căn cứ quân sự, kho tàng, quân lương mà quân Tống chuẩn bị để tiến hành cuộc xâm lược. Sau khi thực hiện mục đích của mình, quân ta đã nhanh chóng rút quân về nước.

**3. Trận chiến trên phòng tuyến sông Như Nguyệt**

*Biết miêu tả, hiểu được tác dụng của phòng tuyến trên sông Như Nguyệt ;* *ghi nhớ những nét chính về cuộc tấn công xâm lược nước ta của nhà Tống và cuộc kháng chiến chống Tống của quân dân nhà Lý :*

+ Miêu tả phòng tuyến.

+ Hiểu vì sao ta xây dựng phòng tuyến ở các vị trí chiến lược ở biên giới (dự đoán nơi quân xâm lược nhất định đi qua) và trên sông trên sông Như Nguyệt (đoạn sông này tuy ngắn nhưng nó án ngữ mọi con đường phía bắc chạy về Thăng Long)?

+ Cuối năm 1076, nhà Tống cử một đạo quân lớn theo hai đường thuỷ, bộ tiến hành xâm lược Đại Việt.

+ Tháng 1-1077, 10 vạn quân bộ do Quách Quỳ, Triệu Tiết chỉ huy vượt biên giới qua Lạng Sơn tiến xuống.

+ Quân ta chặn đánh, đến trước bờ bắc sông Như Nguyệt quân Tống bị quân ta chặn lại. Quân thuỷ của nhà Tống bị quân ta chặn đánh ở vùng ven biển nên không thể tiến sâu vào để hỗ trợ cho cánh quân bộ.

+ Quân Tống nhiều lần tấn công vào phòng tuyến để tiến xuống phía Nam phòng tuyến trên sông Như Nguyệt, nhưng bị quân ta
đẩy lùi.

+ Quân Tống chán nản, chết dần chết mòn. Cuối năm 1077, quân ta phản công, quân Tống thua to.

+ Quân ta chủ động kết thúc chiến tranh bằng đề nghị "giảng hoà", quân Tống chấp thuận ngay, vội đem quân về nước...

- Hiểu được cách kết thúc cuộc kháng chiến của Lý Thường Kiệt rất độc đáo (để bảo đảm mối quan hệ bang giao hoà hiếu giữa hai nước sau chiến tranh, không làm tổn thương danh dự của nước lớn, bảo đảm hoà bình dài lâu. Đó là truyền thống nhân đạo của dân tộc ta).

- Ý nghĩa cuộc kháng chiến : Nền độc lập, tự chủ của Đại Việt được giữ vững.

- Vẽ và trình bày theo lược đồ trận chiến tại phòng tuyến Như Nguyệt.

- Chỉ ra được công lao của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống Tống.

***Chủ đề 5***

**NƯỚC ĐẠI VIỆT THỜI TRẦN (THẾ KỈ XIII - XIV)
VÀ NHÀ HỒ (ĐẦU THẾ KỈ XV)**

**Nội dung 1 : NƯỚC ĐẠI VIỆT Ở THẾ KỈ XIII**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Trình bày những nét chính về chính trị, kinh tế, xã hội cuối thời Lý dẫn tới sự sụp đổ của triều đại Lý. Trần Cảnh lên ngôi vua, thiết lập triều đại Trần.

- Biết những nét chính về tổ chức bộ máy nhà nước, quân đội thời Trần (quy củ hơn thời Lý), nông nghiệp (đắp đê, khai hoang), thủ công nghiệp (hình thành các phường hội ở Thăng Long), thương nghiệp (hình thành nhiều chợ và trung tâm buôn bán), văn hoá giáo dục
thời Trần.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Nhà Trần được thành lập**

*Biết được bối cảnh thành lập triều đại Trần :*

- Từ cuối thế kỉ XII, nhà Lý suy yếu, chính quyền không chăm lo đời sống nhân dân, quan lại ăn chơi sa đoạ.

- Kinh tế khủng hoảng, mất mùa, dân li tán.

- Một số thế lực phong kiến địa phương nổi dậy, nhà Lý buộc phải dựa vào thế lực họ Trần để chống lại các lực lượng nổi loạn.

- Tháng 12 năm Ất Dậu (đầu năm 1226), Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh. Nhà Trần được thành lập.

- Nhận xét về sự ra đời của nhà Trần.

**2. Việc xây dựng bộ máy quan lại và tổ chức đơn vị hành chính**

*Biết được những nét chính về tổ chức bộ máy nhà nước thời Trần :*

- Bộ máy quan lại thời Trần cũng giống như thời Lý, được tổ chức theo chế độ quân chủ trung ương tập quyền, gồm 3 cấp : triều đình, các đơn vị hành chính trung gian từ lộ, phủ, huyện, châu và cấp hành chính cơ sở là xã. Thời Trần thực hiện chế độ Thái thượng hoàng.

- Đặt thêm một số cơ quan như Quốc sử viện, Thái y viện, Hà đê sứ, Khuyến nông sứ, Đồn điền sứ...

- Cả nước chia lại thành 12 lộ.

- Các quý tộc họ Trần được phong vương hầu và ban thái ấp.

- So sánh để tìm ra những điểm giống và khác nhau, những điểm mới trong việc xây dựng bộ máy quan lại và đơn vị hành chính thời Trần so với thời Lý và nhận thấy tổ chức bộ máy quan lại và các đơn vị hành chính thời Trần được hoàn chỉnh và chặt chẽ hơn thời Lý ; chế độ tập quyền thời Trần được củng cố hơn thời Lý.

**3. Luật pháp thời Trần**

*Biết được những nét chính về luật phỏp thời Trần :*

- Ban hành bộ luật mới mang tên Quốc triều hình luật, nội dung giống như bộ luật thời Lý nhưng được bổ sung thêm. Luật xác nhận và bảo vệ quyền tư hữu tài sản.

- Cơ quan pháp luật được tăng cường và hoàn thiện. Thẩm hình viện là cơ quan chuyên việc xét xử kiện cáo.

Nhận xét về những điểm giống nhau và khác nhau về luật pháp thời Trần và thời Lý.

**4. Quân đội thời Trần**

*Trình bày được nét chính về tình hình quân đội thời Trần :*

- Quân đội gồm có cấm quân (đạo quân bảo vệ kinh thành, triều đình và nhà vua) và quân ở các lộ ; ở làng xã có hương binh ; ngoài ra còn có quân của các vương hầu.

- Quân đội được tuyển theo chính sách "ngụ binh ư nông" ; "quân lính cốt tinh nhuệ, không cốt đông" ; xây dựng tinh thần đoàn kết. (Hình thành khái niệm "ngụ binh ư nông").

- Học tập binh pháp và luyện tập võ nghệ...

- Bố trí tướng giỏi, quân đông ở vùng hiểm yếu, nhất là biên giới phía Bắc.

- Biết và đánh giá những chủ trương và biện pháp tích cực, tiến bộ trong việc xây dựng quân đội ("ngụ binh ư nông" ; "quân lính cốt tinh nhuệ, không cốt đông" ; xây dựng tinh thần đoàn kết).

- Phân tích được những chủ trương trên để tìm ra tác dụng tích cực của nó trong việc phát triển kinh tế và bảo vệ đất nước.

-Quan sát hình 27 - *Hình chiến binh thời Trần* trong SGK và nhận xét về trang bị vũ khí quân đội thời Trần.

**5. Phục hồi và phát triển kinh tế thời Trần**

*Trình bày được nét chính về sự phục hồi và phát triển kinh tế
thời Trần :*

- Nông nghiệp : đẩy mạnh công cuộc khẩn hoang, đắp đê phòng lụt, đào sông, nạo vét kênh. Đặt chức Hà đê sứ để trông coi, đốc thúc việc đắp đê. Nông nghiệp nhanh chóng phục hồi và phát triển.

- Thủ công nghiệp : các xưởng thủ công của nhà nước và nhân dân được phục hồi và phát triển các nghề như đồ gốm, chế tạo vũ khí, đúc đồng, làm giấy...

- Thương nghiệp : chợ mọc lên ngày càng nhiều ở các làng, xã. ở kinh thành Thăng Long, bên cạnh Hoàng thành, đã có 61 phường. Buôn bán với nước ngoài cũng phát triển nhất là ở cảng Vân Đồn (Quảng Ninh).

- Chỉ ra những chủ trương, biện pháp mang tính tích cực của nhà Trần trong việc phục hồi và phát triển kinh tế và tác dụng của nó trong việc xây dựng quốc gia Đại Việt hưng thịnh.

**Nội dung 2 : BA LẦN KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC
MÔNG - NGUYÊN (Thế kỉ XIII)**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Biết được sức mạnh quân sự của quân Mông - Nguyên và quyết tâm xâm lược Đại Việt của chúng qua những tư liệu lịch sử cụ thể.

- Những nét chính về diễn biến ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên của quân dân nhà Trần theo lược đồ : những trận đánh quyết định như Đông Bộ Đầu (kháng chiến lần thứ nhất) ; Tây Kết, Hàm Tử, Chương Dương (kháng chiến lần thứ hai) và Vân Đồn, Bạch Đằng (kháng chiến lần thứ ba).

Tinh thần toàn dân đoàn kết, quyết tâm kháng chiến của quân dân thời Trần qua các sự kiện, nhân vật lịch sử cụ thể, tiêu biểu.

- Nguyên nhân thắng lợi của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông- Nguyên dưới thời Trần.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Âm mưu xâm lược Đại Việt của Mông – Nguyên**

*Biết được sức mạnh quân sự của quân Mông - Nguyên và âm mưu quyết tâm xâm lược Đại Việt của chúng :*

- Đầu thế kỉ XIII, nhà nước phong kiến Mông Cổ được thành lập. Với một lực lượng quân sự mạnh và hiếu chiến, quân Mông Cổ đã liên tiếp xâm lược và thống trị nhiều nước và gieo rắc nỗi kinh hoàng, sợ hãi ở châu Á, châu Âu.

- Năm 1257, Mông Cổ tiến đánh Nam Tống nhằm xâm chiếm toàn bộ Trung Quốc. Để đạt được mục đích, quân Mông Cổ quyết định xâm lược Đại Việt rồi đánh thẳng lên phía nam Trung Quốc.

- Năm 1279, Nam Tống bị quân Mông Cổ tiêu diệt, Trung Quốc hoàn toàn bị Mông Cổ thống trị (năm 1271, Hốt Tất Liệt đã lập ra nhà Nguyên).

- Năm 1283, nhà Nguyên cử Toa Đô chỉ huy 10 vạn quân tiến đánh Cham-pa. Sau khi chiếm được Cham-pa, quân Nguyên cố thủ ở phía bắc, chờ phối hợp đánh Đại Việt.

- Sau hai lần xâm lược Đại Việt bị thất bại, vua Nguyên ra lệnh đình chỉ cuộc tấn công Nhật Bản, tập trung mọi lực lượng kể cả ý đồ đánh lâu dài để đánh Đại Việt lần thứ ba để trả thù. Cuối tháng 12 năm 1287, 30 vạn quân thuỷ, bộ tiến đánh Đại Việt.

**2. Sự chuẩn bị kháng chiến của nhà Trần**

*Biết và hiểu về sự chuẩn bị kháng chiến của nhà Trần :*

- Cuối năm 1257, khi được tin quân Mông Cổ chuẩn bị xâm lược, nhà Trần đã ban lệnh cho cả nước sắm sửa vũ khí, các đội dân binh được thành lập, ngày đêm luyện tập...

- Thái độ kiên quyết của nhà Trần trong việc bắt giam sứ giả Mông Cổ, ban lệnh cho cả nước chuẩn bị chống quân xâm lược.

- Chủ trương đánh giặc đúng đắn của nhà Trần (thể hiện qua việc huy động toàn dân tham gia kháng chiến).

**3. Các chiến thắng tiêu biểu**

*Trình bày trên lược đồ nét chính diễn biến ba lần kháng chiến chống Mông* - *Nguyên ; hiểu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử :*

***a) Cuộc kháng chiến lần thứ nhất chống quân Mông Cổ (1258)***

- Tháng 1 - 1258, 3 vạn quân Mông Cổ, do Ngột Lương Hợp Thai chỉ huy, tiến vào xâm lược Đại Việt. Quân giặc theo đường sông Thao tiến xuống Bạch Hạc (Phú Thọ) rồi tiến đến vùng Bình Lệ Nguyên (Vĩnh Phúc) thì bị chặn lại ở phòng tuyến do vua Trần Thái Tông
chỉ huy.

- Để bảo toàn lực lượng, nhà Trần chủ trương cho quân rút khỏi kinh thành Thăng Long, thực hiện "vườn không nhà trống". Giặc vào kinh thành không một bóng người và lương thực. Chúng đã điên cuồng tàn phá kinh thành. Thiếu lương thực, lại bị quân dân ta chống trả, chưa đầy một tháng lực lượng chúng bị tiêu hao dần.

- Nhà Trần mở cuộc phản công lớn ở Đông Bộ Đầu (bến sông Hồng, ở phố Hàng Than - Hà Nội ngày nay). Ngày 29 - 1 - 1258, quân Mông Cổ thua trận phải rút chạy về nước. Cuộc kháng chiến lần thứ nhất chống quân xâm lược Mông Cổ kết thúc thắng lợi.

***b) Cuộc kháng chiến lần thứ hai chống quân xâm lược Nguyên (1285)***

- Sau khi biết tin quân Nguyên đánh Cham-pa, vua Trần triệu tập các vương hầu, quan lại họp ở Bình Than (Chí Linh - Hải Dương) để bàn kế đánh giặc. Trần Quốc Tuấn được vua giao cho chỉ huy cuộc kháng chiến. Ông soạn *Hịch tướng sĩ* để động viên tinh thần chiến đấu của quân sĩ.

- Đầu năm 1285, vua Trần mời các vị bô lão họp Hội nghị Diên Hồng ở Thăng Long để bàn kế đánh giặc.

Cả nước được lệnh chuẩn bị sẵn sàng, quân đội tập trận lớn ở Đông Bộ Đầu.

- Cuối tháng 1- 1285, Thoát Hoan chỉ huy 50 vạn quân tiến công Đại Việt. Quân ta do Trần Hưng Đạo chỉ huy, sau một số trận chiến ở biên giới đã chủ động rút về Vạn Kiếp (Chí Linh - Hải Dương). Giặc đến, ta rút về Thăng Long thực hiện "vườn không nhà trống", rồi rút về Thiên Trường (Nam Định). Quân Nguyên tuy chiếm được Thăng Long, nhưng chỉ dám đóng quân ở phía bắc sông Nhị (sông Hồng).

Toa Đô từ Cham-pa đánh ra Nghệ An, Thanh Hoá. Thoát Hoan mở cuộc tấn công xuống phía nam tạo thế "gọng kìm" hi vọng tiêu diệt chủ lực ta và bắt sống vua Trần. Quân ta chiến đấu dũng cảm, Thoát Hoan phải rút quân về Thăng Long. Quân Nguyên lâm vào tình thế bị động, thiếu lương thực trầm trọng.

- Từ tháng 5 - 1285, quân ta bắt đầu phản công, nhiều trận đánh lớn như : Tây Kết, Hàm Tử (Khoái Châu - Hưng Yên), Chương Dương (Thường Tín - Hà Nội). Quân ta tiến vào Thăng Long. Quân Nguyên tháo chạy. Sau hơn 2 tháng phản công, quân ta đã đánh tan hơn 50 vạn quân Nguyên, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến lần thứ hai chống quân Nguyên.

- Sử dụng lược đồ, kênh hình, tài liệu tham khảo, nêu nhận xét về nghệ thuật đánh giặc của nhà Trần (lấy yếu đánh mạnh, lấy ít đánh nhiều...)

- Tìm hiểu về Trần Hưng Đạo, Trần Quốc Toản, Hội nghị Diên Hồng.

***c) Cuộc kháng chiến lần thứ ba chống quân xâm lược Nguyên (1287 - 1288)***

- Đứng trước nguy cơ bị xâm lược, nhà Trần khẩn trương chuẩn bị, tăng cường quân ở nhưng nơi hiểm yếu, nhất là vùng biên giới và vùng biển.

- Cuối tháng 12 - 1287, quân Nguyên tiến vào nước ta. Cánh quân bộ do Thoát Hoan chỉ huy vượt biên giới đánh vào Lạng Sơn, Bắc Giang rồi kéo về Vạn Kiếp. Cánh quân thuỷ do Ô Mã Nhi chỉ huy theo đường biển tiến vào sông Bạch Đằng rồi tiến về Vạn Kiếp.

- Tại Vân Đồn, Trần Khánh Dư chỉ huy quân mai phục, khi đoàn thuyền của Trương Văn Hổ đến, quân ta đánh dữ dội. Phần lớn thuyền lương của giặc bị đắm, số còn lại bị ta chiếm.

- Cuối tháng 1- 1288, Thoát Hoan vào thành Thăng Long trống vắng. Sau trận Vân Đồn, tình thế quân Nguyên ngày càng khó khăn, nhiều nơi xung yếu bị quân ta tấn công chiếm lại, lương thực ngày càng cạn kiệt, Thăng Long có nguy cơ bị cô lập. Thoát Hoan quyết định rút quân về Vạn Kiếp và từ đây rút quân về nước theo hai đường thuỷ, bộ.

- Nhà Trần mở cuộc phản công ở cả hai mặt trận thuỷ, bộ. Tháng 4 - 1288, đoàn thuyền của Ô Mã Nhi đã lọt vào trận địa bãi cọc trên sông Bạch Đằng do quân ta bố trí từ trước, cuộc chiến đấu ác liệt diễn ra, Ô Mã Nhi bị bắt sống. Trên bộ, Thoát Hoan dẫn quân từ Vạn Kiếp theo hướng Lạng Sơn rút về Trung Quốc, bị quân dân ta liên tục
chặn đánh.

- Cuộc kháng chiến lần thứ ba chống quân Nguyên đã kết thúc thắng lợi vẻ vang.

- Sử dụng lược đồ, tranh ảnh, tài liệu tham khảo, nêu nhận xét về cách đánh của quân ta trong trận Bạch Đằng.

- So sánh với cách đánh giặc trên sông Bạch Đằng của Ngô Quyền năm 938.

***d) Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử***

- Nguyên nhân thắng lợi :

+ Tất cả các tầng lớp nhân dân, các thành phần dân tộc đều tham gia đánh giặc, bảo vệ quê hương đất nước tạo thành khối đại đoàn kết toàn dân, trong đó các quý tộc, vương hầu là hạt nhân.

+ Sự chuẩn bị chu đáo về mọi mặt cho mỗi cuộc kháng chiến. Đặc biệt, nhà Trần rất quan tâm chăm lo sức dân, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân bằng nhiều biện pháp để tạo nên sự gắn bó giữa triều đình và nhân dân.

+ Tinh thần hi sinh, quyết chiến quyết thắng của toàn dân mà nòng cốt là quân đội.

+ Chiến lược, chiến thuật đúng đắn, sáng tạo của Vương triều Trần đặc biệt là của vua Trần Nhân Tông, các danh tướng Trần Hưng Đạo, Trần Quang Khải, Trần Khánh Dư, đã buộc giặc từ thế mạnh chuyển dần sang thế yếu, từ chủ động chuyển sang bị động để tiêu diệt chúng, giành thắng lợi.

- Ý nghĩa lịch sử :

+ Đập tan tham vọng và ý chí xâm lược Đại Việt của đế chế Mông -
Nguyên, bảo vệ được độc lập, toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của dân tộc.

+ Thể hiện sức mạnh của dân tộc, đánh bại mọi kẻ thù xâm lược (góp phần nâng cao lòng tự hào dân tộc, củng cố niềm tin cho
nhân dân...)

+ Góp phần xây dựng truyền thống dân tộc, xây dựng học thuyết quân sự, để lại nhiều bài học cho đời sau trong cuộc đấu tranh chống xâm lược.

**4. Sự phát triển kinh tế, văn hóa thời Trần**

*Trình bày được nét chính sự phát triển kinh tế, văn hóa thời Trần :*

- Kinh tế :

+ Nông nghiệp : công cuộc khai khẩn đất hoang, thành lập làng, xã được mở rộng, đê điều được củng cố. Các vương hầu, quý tộc chiêu tập dân nghèo đi khai hoang lập điền trang. Nhà Trần ban thái ấp cho quý tộc.

Hình thành các khái niệm "điền trang", "thái ấp", "vương hầu", "quý tộc".

Nhận xét về nguyên nhân sự phát triển nông nghiệp (các biện pháp khuyến nông : đắp đê, khai hoang, lập ấp...).

+ Thủ công nghiệp :

Thủ công nghiệp do nhà nước trực tiếp quản lí rất phát triển và mở rộng nhiều ngành nghề : làm đồ gốm tráng men, dệt vải, chế tạo vũ khí, đóng thuyền đi biển...

- Quan sát kênh hình 35 - Thạp gốm hoa nâu (thế kỉ XIII - XIV) và hình 36 - Gạch đất nung chạm khắc nổi (thế kỉ XIII - XIV) trong SGK và nhận xét về sự phát triển của nghề thủ công thời Trần.

- Văn hoá :

+ Tín ngưỡng cổ truyền được duy trì và có phần phát triển hơn như tục thờ cúng tổ tiên và các anh hùng dân tộc...

+ Đạo Phật tuy vẫn phát triển nhưng không bằng thời Lý.

+ Nho giáo ngày càng phát triển, địa vị Nho giáo ngày càng cao và được trọng dụng.

+ Các hình thức sinh hoạt văn hoá dân gian : ca hát, nhảy múa, chèo tuồng, các trò chơi...vẫn duy trì, phát triển.

- Văn học :

Nền văn học (bao gồm cả văn học chữ Hán, chữ Nôm) phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc, chứa đựng sâu sắc lòng yêu nước, tự hào dân tộc, được phát triển mạnh ở thời Trần, làm rạng rỡ cho nền văn hoá Đại Việt.

Nhớ một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu đã học : *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn, *Phú sông Bạch Đằng* của Trương Hán Siêu...

- Giáo dục và khoa học - kĩ thuật :

+ Quốc tử giám được mở rộng, các lộ, phủ đều có trường học, các kì thi được tổ chức ngày càng nhiều.

+ Năm 1272, tác phẩm *Đại Việt sử kí* của Lê Văn Hưu ra đời.

+ Y học có Tuệ Tĩnh.

+ Về khoa học, Hồ Nguyên Trừng và các thợ thủ công chế tạo được súng thần công và đóng các loại thuyền lớn...

- Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc với các công trình nổi tiếng : tháp Phổ Minh (Nam Định), thành Tây Đô (Thanh Hoá).

- Quan sát các kênh hình 37- Tháp Phổ Minh (Nam Định) và hình 38 – Hình đầu rồng men lục trong SGK, nêu nhận xét về sự phát triển của nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc.

**Nội dung 3 : SỰ SUY SỤP CỦA NHÀ TRẦN CUỐI THẾ KỈ XIV VÀ NHỮNG CẢI CÁCH CỦA HỒ QUÝ LY**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Sự yếu kém của vua quan cuối thời Trần trong việc quản lí và điều hành đất nước ; tình hình kinh tế, xã hội (xuất hiện các cuộc đấu tranh của nông dân, nô tì).

- Giải thích sự sụp đổ của nhà Trần. Nhà Hồ được thành lập.

- Nêu các chính sách của Hồ Quý Ly : Cải tổ hàng ngũ quan lại, hạn điền, hạn nô ; bước đầu đánh giá tác động của các chính sách của Hồ Quý Ly.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1.** **Sự sụp đổ của nhà Trần**

*Biết được tình hình kinh tế thời Trần ; trình bày trên lược đồ những cuộc khởi nghĩa nông dân nửa cuối thế kỉ kỉ XIV*

- Tình hình kinh tế :

+ Từ nửa sau thế kỉ XIV, nhà nước không còn quan tâm đến sản xuất nông nghiệp, đê điều ; các công trình thuỷ lợi không được chăm lo, tu sửa, nhiều năm xảy ra mất mùa. Nông dân phải bán ruộng, thậm chí cả vợ con cho quý tộc và địa chủ.

+ Quý tộc, địa chủ ra sức cướp ruộng đất công của làng xã. Triều đình bắt dân nghèo mỗi năm phải nộp ba quan tiền thuế đinh.

- Tình hình xã hội :

+ Vua, quan, quý tộc, địa chủ thả sức ăn chơi xa hoa, xây dựng nhiều dinh thự, chùa chiền...

+ Trong triều nhiều kẻ gian tham, nịnh thần làm rối loạn kỉ cương phép nước... Chu Văn An dâng sớ đòi chém 7 tên nịnh thần nhưng nhà vua không nghe.

+ Khi vua Trần Dụ Tông mất (1369), Dương Nhật Lễ lên thay, tình hình càng trở nên rối loạn, nông dân nổi dậy khởi nghĩa khắp nơi.

+ Đầu năm 1344, Ngô Bệ hô hào nông dân ở Yên Phụ (Hải Dương) đứng lên khởi nghĩa, bị triều đình đàn áp nên thất bại.

+ Đầu năm 1390, nhà sư Phạm Sư Ôn hô hào nông dân ở Quốc Oai (Sơn Tây) nổi dậy. Nghĩa quân đã chiếm thành Thăng Long trong
ba ngày. Cuộc khởi nghĩa thất bại vì bị triều đình tập trung lực lượng đàn áp...

- Nhận xét về Vương triều Trần ở nửa cuối thế kỉ XIV.

- Xác định được trên lược đồ các địa danh diễn ra khởi nghĩa nông dân cuối thế kỉ XIV.

**2. Nhà Hồ và những cải cách của Hồ Quý Ly**

*Trình bày được sự thành lập nhà Hồ và những cải cách của Hồ Quý Ly :*

- Nhà Hồ được thành lập :

+ Các cuộc khởi nghĩa của nông dân đã làm cho nhà Trần không còn đủ sức giữ vai trò của mình.

+ Năm 1400, Hồ Quý Ly, một viên quan đã từng giữ chức vụ cao nhất trong triều, phế truất vua Trần và lên làm vua, lập ra nhà Hồ.

+ Quốc hiệu Đại Việt đổi thành Đại Ngu.

- Giải thích sự sụp đổ của nhà Trần. Nhà Hồ được thành lập.

- Những cải cách của Hồ Quý Ly :

*+* Về chính trị :

Thay thế dần các võ quan cao cấp do quý tộc, tôn thất nhà Trần nắm giữ bằng những người không phải họ Trần thân cận với mình.

Đổi tên một số đơn vị hành chính cấp trấn và quy định cách làm việc của bộ máy chính quyền các cấp. Các quan ở triều đình phải về các lộ để nắm sát tình hình.

+ Về kinh tế, tài chính :

Phát hành tiền giấy thay cho tiền đồng ; ban hành chính sách ‘hạn điền", quy định lại biểu thuế đinh, thuế ruộng.

+ Về xã hội: ban hành chính sách "hạn nô" ; năm đói kém bắt nhà giàu phải bán thóc cho dân...

*+* Về văn hoá, giáo dục :bắt nhà sư dưới 50 tuổi phải hoàn tục ; cho dịch chữ Hán ra chữ Nôm, yêu cầu mọi người phải học.

*+* Về quân sự :thực hiện một số biện pháp nhằm tăng cường củng cố quân sự và quốc phòng.

*-* Ý nghĩa, tác dụng và hạn chế của cải cách Hồ Quý Ly :

+ Ý nghĩa, tác dụng :

Góp phần hạn chế tệ tập trung ruộng đất của của quý tộc, địa chủ, làm suy yếu thế lực của quý tộc tôn thất nhà Trần.

Tăng cường nguồn thu nhập của nhà nước và tăng cường quyền lực của nhà nước quân chủ trung ương tập quyền. Cải cách văn hoá - giáo dục có nhiều tiến bộ.

*+* Hạn chế :

Một số chính sách chưa triệt để (gia nô, nô tì chưa được giải phóng thân phận), chưa phù hợp với tình hình thực tế.

Chính sách cải cách cũng chưa giải quyết được những yêu cầu bức thiết của cuộc sống đông đảo nhân dân.

**Nội dung 4 : SƠ KẾT NHỮNG THÀNH TỰU VỀ CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, QUÂN SỰ, VĂN HOÁ CỦA ĐẠI VIỆT TỪ THẾ KỈ XI
ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XIV**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Lập niên biểu và kể tên các cuộc kháng chiến, một số trận đánh, nhân vật lịch sử tiêu biểu trong các cuộc kháng chiến.

- Những thành tựu chính về kinh tế : thuỷ lợi, khai hoang, thủ công nghiệp, thương nghiệp.

- Những thành tựu về văn hoá - giáo dục ; đạo Phật, tổ chức thi cử, chữ Nôm, kiến trúc, điêu khắc...

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Các cuộc kháng chiến**

Lập bảng hệ thống kiến thức theo nội dung sau :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cuộc kháng chiến** | **Thời gian** | **Trận đánh tiêu biểu** | **Nhân vật lịch sử tiêu biểu** |
| **Chống Tống** | **Năm 981** | **Nhiều trận diễn ra trên sông Bạch Đằng** | **Lê Hoàn** |
| **...** | **...** | **...** | **...** |

**2. Những thành tựu chính về kinh tế**

Lập bảng hệ thống kiến thức theo nội dung sau :

|  |  |
| --- | --- |
| **Lĩnh vực** | **Những thành tựu chính** |
| **Thuỷ lợi** | **- Nhà Lý chú ý tiến hành đào kênh mương, khai ngòi, đắp đê phòng lụt.****- Nhà Trần tiến hành đắp đê, đào sông, nạo vét kênh... đặt chức Hà đê sứ.** |
| ***...*** | **...** |

**3. Những thành tựu về văn hoá - giáo dục ; đạo Phật, tổ chức thi cử, chữ Nôm, kiến trúc, điêu khắc...**

Lập bảng hệ thống kiến thức theo nội dung sau :

|  |  |
| --- | --- |
| **Lĩnh vực văn hoá** | **Thành tựu qua các thời kì Lý – Trần** |
| **Tư tưởng, tôn giáo** | **- Thời Lý, các vua và nhân dân rất sùng đạo Phật.****- Thời Trần, đạo Phật phát triển nhưng không bằng thời Lý ; đạo Nho ngày càng phát triển.** |
| ***...*** | **...** |

***Chủ đề 6***

**NƯỚC ĐẠI VIỆT ĐẦU THẾ KỈ XV. THỜI LÊ SƠ**

**Nội dung 1 : CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN MIMH XÂM LƯỢC ĐẦU THẾ KỈ XV**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Trình bày dược âm mưu bành trướng và những thủ đoạn thống trị của nhà Minh.

- Tường thuật diễn biến cuộc kháng chiến của nhà Hồ và hai cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của quý tộc Trần là Trần Ngỗi, Trần Quý Khoáng.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Cuộc xâm lược của quân Minh và sự thất bại của nhà Hồ**

*Trình bày được cuộc xâm lược của nhà Minh và cuộc kháng chiến của nhà Hồ :*

- Tháng 11 - 1406, nhà Minh huy động 20 vạn quân cùng hàng chục vạn dân phu, do tướng Trương Phụ cầm đầu, chia làm hai cánh tràn vào biên giới nước ta.

- Quân xâm lược Minh tràn qua biên giới ở Lạng Sơn, nhà Hồ chống cự không được phải lui về bờ nam sông Nhị (sông Hồng), cố thủ ở thành Đa Bang (Ba Vì, nay thuộc Hà Nội).

- Cuối tháng 1 - 1407, quân Minh đánh chiếm Đa Bang rồi tràn xuống chiếm Đông Đô (Thăng Long), nhà Hồ lui về Tây Đô (Thanh Hoá).

- Tháng 4 - 1407, quân Minh chiếm Tây Đô, nhà Hồ chạy về Hà Tĩnh, Hồ Quý Ly bị bắt vào tháng 6 - 1407. Cuộc kháng chiến của nhà Hồ thất bại.

- Nêu nguyên nhân khiến cuộc kháng chiến của nhà Hồ nhanh chóng bị thất bại.

**2. Âm mưu xâm lược và chính sách cai trị của nhà Minh**

*Trình bày được âm mưu xâm lược và chính sách cai trị của nhà Minh đối với nước ta :*

- Nhà Minh biến nước ta thành quận, huyện của Trung Quốc như thời Bắc thuộc : thiết lập chính quyền thống trị trên khắp nước ta ; đổi tên nước ta thành quận Giao Chỉ và sáp nhập vào Trung Quốc.

- Thi hành chính sách đồng hoá triệt để ở tất cả các mặt, bóc lột dân ta thông qua hàng trăm thứ thuế rất tàn bạo, tàn phá các công trình văn hoá, lịch sử, đốt sách hoặc mang về Trung Quốc...

- Trong vòng 20 năm đô hộ nước ta, nhà Minh đã làm cho xã hội nước ta thêm khủng hoảng sâu sắc, đất nước bị tàn phá, lạc hậu, nhân dân lâm vào cảnh lầm than điêu đứng.

**3. Những cuộc khởi nghĩa của quý tộc nhà Trần**

*Trình bày được những nét chính diễn biến các cuộc khởi nghĩa :*

*-* Cuộc khởi nghĩa của Trần Ngỗi (1407 - 1409) :

+ Trần Ngỗi là con của vua Trần, tháng 10 - 1407, tự xưng là Giản Định Hoàng đế.

+ Đầu năm 1408, Trần Ngỗi kéo quân vào Nghệ An, được Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân hưởng ứng.

+ Tháng 12 - 1408, nghĩa quân kéo đánh thành Bô Cô (Nam Định).

+ Sau đó, Trần Ngỗi nghe lời gièm pha giết hại hai tướng Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân. Cuộc khởi nghĩa tan rã dần.

*-* Cuộc khởi nghĩa của Trần Quý Khoáng (1409 - 1414) :

+ Sau khi Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân bị giết, con của hai ông là Đặng Dung và Nguyễn Cảnh Dị cùng nhiều nghĩa quân bỏ vào Nghệ An, đưa Trần Quý Khoáng lên ngôi vua, hiệu là Trùng Quang đế.

+ Cuộc khởi nghĩa phát triển từ Thanh Hoá đến Hoá Châu.

+ Tháng 8 - 1413, quân Minh tăng cường đàn áp, cuộc khởi nghĩa thất bại.

- Phân tích nguyên nhân dẫn đến thất bại của những cuộc khởi nghĩa của quý tộc Trần.

- Khái quát đặc điểm các cuộc khởi nghĩa chống quân Minh (trước khởi nghĩa Lam Sơn).

**Nội dung 2 : CUỘC KHỞI NGHĨA LAM SƠN (1418 - 1427)**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Lập niên biểu và tường thuật diễn biễn của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn trên bản đồ : từ lập căn cứ địa, xây dựng lực lượng, chống địch vây quét và mở rộng vùng hoạt động ở miền Tây Thanh Hoá đến chuyển căn cứ vào Nghệ An, mở rộng vùng giải phóng vào Tân Bình, Thuận Hoá rồi phản công diệt viện và giải phóng đất nước. Nhớ tên một số nhân vật và địa danh lịch sử cùng những chiến công tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa (vai trò của các tầng lớp nhân dân, sự lãnh đạo tài tình của bộ máy chỉ huy).

- Nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn : lòng yêu nước, đoàn kết của nhân dân ; chiến lược, chiến thuật đúng đắn, sáng tạo...

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Nét chính về Lê Lợi và Nguyễn Trãi**

*Biết được nét chính về Lê Lợi và Nguyễn Trãi là những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Lam Sơn :*

- Lê Lợi (1385 - 1433), là một hào trưởng có uy tín ở Lam Sơn. Căm giận quân cướp nước, ông đã dốc hết tài sản, chiêu tập nghĩa sĩ ở khắp nơi để chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa.

- Nghe tin Lê Lợi đang chuẩn bị dựng cờ khởi nghĩa, nhiều người yêu nước từ khắp nơi tìm về Lam Sơn, trong đó có Nguyễn Trãi.

- Đầu năm 1418, Lê Lợi cùng 18 người trong bộ chỉ huy cuộc khởi nghĩa đã tiến hành Hội thề ở Lũng Nhai (Thanh Hoá). Ngày 2 tháng giêng năm Mậu Tuất (7- 2- 1418), Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn và tự xưng là Bình Định Vương.

**2. Những nét chính về diễn biến - những chiến thắng tiêu biểu**

*Lập niên biểu và tường thuật được diễn biễn của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn trên lược đồ :*

- Những năm đầu hoạt động của nghĩa quân Lam Sơn :

+ Do lực lượng còn mỏng và yếu, quân Minh nhiều lần tấn công bao vây căn cứ Lam Sơn. Nghĩa quân phải ba lần rút lên núi Chí Linh, chịu đựng rất nhiều khó khăn, gian khổ, nhiều tấm gương chiến đấu hi sinh dũng cảm xuất hiện, tiêu biểu là Lê Lai.

+ Mùa hè năm 1423, Lê Lợi đề nghị tạm hoà, được quân Minh chấp nhận, nghĩa quân trở về Lam Sơn và tiếp tục hoạt động.

+ Cuối năm 1424, quân Minh trở mặt tấn công Lam Sơn. Cuộc khởi nghĩa chuyển sang giai đoạn mới.

*-* Giải phóng Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hoá và tiến quân ra Bắc (1424- 1426) :

+ Giải phóng Nghệ An (năm 1424) : Theo kế hoạch của Nguyễn Chích, được Lê Lợi chấp thuận, ngày 12 - 10 - 1424, nghĩa quân bất ngờ tấn công Đa Căng (Thọ Xuân - Thanh Hoá), sau đó hạ thành Trà Lân. Trên đà thắng đó, nghĩa quân tiến đánh Khả Lưu, phần lớn Nghệ An được giải phóng.

+ Giải phóng Tân Bình, Thuận Hoá (năm 1425) : Tháng 8 - 1425, Trần Nguyên Hãn, Lê Ngân chỉ huy nghĩa quân tiến vào giải phóng Tân Bình, Thuận Hoá, vùng giải phóng của nghĩa quân kéo dài từ Thanh Hoá đến đèo Hải Vân. Quân Minh chỉ còn mấy thành luỹ bị cô lập và bị nghĩa quân vây hãm.

+ Tiến quân ra Bắc, mở rộng phạm vi hoạt động (cuối năm 1426) : Tháng 9 - 1426, nghĩa quân chia làm ba đạo tiến quân ra Bắc :

• Đạo thứ nhất, tiến ra giải phóng miền Tây Bắc, ngăn chặn viện binh từ Vân Nam sang.

• Đạo thứ hai, giải phóng vùng hạ lưu sông Nhị (sông Hồng) và chặn đường rút lui của giặc từ Nghệ An về Đông Quan.

• Đạo thứ ba, tiến thẳng về Đông Quan.

Nghĩa quân đi đến đâu cũng được nhân dân ủng hộ về mọi mặt. Nghĩa quân chiến thắng nhiều trận lớn, quân Minh phải rút vào thành Đông Quan cố thủ. Cuộc khởi nghĩa chuyển sang giai đoạn phản công.

- Khởi nghĩa Lam Sơn toàn thắng (cuối năm 1426 - cuối
năm 1427) :

+ Trận Tốt Động - Chúc Động (cuối năm 1426) : Tháng 10 - 1426, 5 vạn viện binh giặc do Vương Thông chỉ huy kéo vào thành Đông Quan, nâng số quân Minh ở đây lên 10 vạn. Để giành thế chủ động, ngày 7 - 11- 1426, Vương Thông tiến đánh quân chủ lực của nghĩa quân ở Cao Bộ (Chương Mĩ - Hà Nội). Biết trước âm mưu của giặc, quân ta phục binh ở Tốt Động - Chúc Động. Kết quả, 5 vạn tên giặc bị tử thương, bắt sống trên 1 vạn ; Vương Thông bị thương tháo chạy về Đông Quan. Nghĩa quân thừa thắng kéo về vây hãm thành Đông Quan và giải phóng thêm nhiều châu, huyện.

+ Trận Chi Lăng - Xương Giang (tháng 10 - 1427) :

• Đầu tháng 10 - 1427, 15 vạn viện binh được chia thành hai đạo từ Trung Quốc kéo sang. Một đạo do Liễu Thăng chỉ huy từ Quảng Tây kéo vào Lạng Sơn. Đạo thứ hai do Mộc Thạnh chỉ huy từ Vân Nam kéo vào theo hướng Hà Giang.

• Ngày 8 - 10, Liễu Thăng bị nghĩa quân phục kích và giết ở ải Chi Lăng, Phó tướng là Lương Minh lên thay tiếp tục tiến xuống Xương Giang, bị nghĩa quân phục kích ở Cần Trạm, Phố Cát, bị tiêu diệt 3 vạn tên. Mấy vạn tên còn lại cố tiến xuống Xương Giang co cụm giữa cánh đồng nhưng bị nghĩa quân tấn công từ nhiều hướng, gần 5 vạn tên bị tiêu diệt, số còn lại bị bắt sống.

• Cùng lúc đó, Lê Lợi sai đem các chiến lợi phẩm ở Chi Lăng đến doanh trại Mộc Thạnh. Mộc Thạnh biết Liễu Thăng đã bị giết, hoảng sợ vội rút quân về nước.

• Nghe tin cả hai đạo viện binh bị tiêu diệt, Vương Thông ở Đông Quan khiếp đảm vội xin hoà và chấp nhận mở hội thề Đông Quan
(10 - 12 - 1427) để được an toàn rút quân về nước. Lê Lợi chấp nhận lời xin hoà của Vương Thông, cuộc khởi nghĩa chống quân Minh kết thúc thắng lợi.

• Ngày 3 - 1 - 1428, toán quân cuối cùng của Vương Thông rút khỏi nước ta. Đất nước sạch bóng quân thù.

**3. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử**

*Hiểu được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc
khởi nghĩa :*

*-* Nguyên nhân :

+ Nhân dân ta có lòng yêu nước nồng nàn, ý chí bất khuất, quyết tâm giành lại độc lập tự do cho đất nước.

+ Tất cả các tầng lớp nhân dân không phân biệt già trẻ, nam nữ, các thành phần dân tộc đều đoàn kết đánh giặc, hăng hái tham gia cuộc khởi nghĩa, gia nhập lực lượng vũ trang, tự vũ trang đánh giặc, ủng hộ, tiếp tế lương thực cho nghĩa quân.

+ Nhờ đường lối chiến lược, chiến thuật đúng đắn, sáng tạo của bộ tham mưu, đứng đầu là Lê Lợi, Nguyễn Trãi.

*-* Ý nghĩa lịch sử :

+ Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi đã kết thúc 20 năm đô hộ tàn bạo của phong kiến nhà Minh.

+ Mở ra một thời kì phát triển mới của dân tộc - thời Lê sơ.

**Nội dung 3 : CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN TẬP QUYỀN BUỔI ĐẦU THỜI LÊ SƠ (Thế kỉ XV)**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Trình bày sơ lược tổ chức nhà nước thời Lê sơ.

- Nêu những điểm chính của bộ luật Hồng Đức.

- Tình hình kinh tế - xã hội, văn hoá, giáo dục.

- Một số danh nhân và công trình văn hoá tiêu biểu.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1.** **Tổ chức bộ máy chính quyền**

*Trình bày được về tổ chức bộ máy chính quyền thời Lê sơ :*

- Sau khi đánh đuổi quân Minh ra khỏi đất nước, Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế, khôi phục lại quốc hiệu Đại Việt.

- Tổ chức bộ máy chính quyền : đứng đầu triều đình là vua. Vua trực tiếp nắm mọi quyền hành, kể cả chức tổng chỉ huy quân đội.

- Giúp việc cho vua có các quan đại thần. Ở triều đình có sáu bộ : Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công. Ngoài ra, còn có một số cơ quan chuyên môn như Hàn lâm viện (soạn thảo công văn), Quốc sử viện (viết sử), Ngự sử đài (can gián vua và các triều thần).

- Thời Lê Thái Tổ, Thái Tông, cả nước chia làm 5 đạo ; từ thời Thánh Tông, được chia lại thành 13 đạo thừa tuyên. Đứng đầu mỗi đạo thừa tuyên là ba ti phụ trách ba mặt hoạt động khác nhau của mỗi đạo. Dưới đạo có phủ, châu, huyện và xã.

- Quan sát hình 44 - *Lược đồ hành chính nước Đại Việt thời Lê sơ* trong SGK để biết được tên các đạo thừa tuyên và so sánh sự khác nhau với nước Đại Việt thời Trần.

**2. Tổ chức quân đội**

*Biết được về tổ chức quân đội thời Lê sơ :*

- Quân đội được tổ chức theo chế độ "ngụ binh ư nông".

- Quân đội có hai bộ phận chính : quân triều đình và quân địa phương ; bao gồm bộ binh, thuỷ binh, tượng binh và kị binh.

- Vũ khí có đao, kiếm, cung tên, hoả đồng, hoả pháo.

- Quân đội được luyện tập thường xuyên và bố trí canh phòng khắp nơi, nhất là những nơi hiểm yếu.

- Nhận xét về quân đội thời Lê, so sánh với quân đội thời Trần.

**3. Luật pháp**

*Trình bày được nét nổi bật về luật pháp thời Lê :*

- Vua Lê Thánh Tông cho biên soạn và ban hành một bộ luật mới mang tên là Quốc triều hình luật (thường gọi là luật Hồng Đức).

- Nội dung chính của bộ luật là bảo vệ quyền lợi của vua, hoàng tộc ; bảo vệ quyền lợi của quan lại và giai cấp thống trị, địa chủ phong kiến. Đặc biệt bộ luật có những điều luật bảo vệ chủ quyền quốc gia, khuyến khích phát triển kinh tế, gìn giữ những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, bảo vệ một số quyền của phụ nữ.

- Nhận xét về bộ luật Hồng Đức.

**4. Tình hình kinh tế**

*Biết được về tình hình kinh tế nông nghiệp, công nghiệp và thương nghiệp nước ta thời Lê :*

- Nông nghiệp :

+ Hai mươi năm dưới ách thống trị của nhà Minh, nước ta lâm vào tình trạng xóm làng điêu tàn, ruộng đồng bỏ hoang, đời sống nhân dân cực khổ, nhiều người phải phiêu tán.

+ Nhà Lê cho 25 vạn lính (trong tổng số 35 vạn) về quê làm ruộng ngay sau chiến tranh. Còn lại 10 vạn lính, chia làm 5 phiên thay nhau về quê sản xuất.

+ Kêu gọi dân phiêu tán về quê làm ruộng.

+ Đặt một số chức quan chuyên lo sản xuất nông nghiệp : Khuyến nông sứ, Hà đê sứ, Đồn điền sứ... thi hành chính sách quân điền, cấm giết trâu, bò và bắt dân đi phu trong mùa gặt, cấy.

Nhờ các biện pháp tích cực, sản xuất nông nghiệp nhanh chóng phục hồi và phát triển.

- Thủ công nghiệp, thương nghiệp :

+ Nhiều làng thủ công chuyên nghiệp nổi tiếng ra đời. Thăng Long là nơi tập trung nhiều ngành nghề thủ công nhất.

+ Các công xưởng do nhà nước quản lí gọi là Cục bách tác, chuyên sản xuất đồ dùng cho vua, vũ khí, đúc tiền...

+ Khuyến khích lập chợ mới và họp chợ.

+ Buôn bán với nước ngoài được phát triển, các sản phẩm sành, sứ, vải lụa, lâm sản quý là những mặt hàng được thương nhân nước ngoài ưa chuộng.

**5. Tình hình xã hội**

*Biết được nét chính về tình hình các giai cấp, tầng lớp trong xã hội :*

- Giai cấp nông dân chiếm tuyệt đại đa số dân cư trong xã hội và sống chủ yếu ở nông thôn, họ có rất ít hoặc không có ruộng đất, phải cày cấy thuê cho địa chủ, quan lại và phải nộp tô.

- Thương nhân, thợ thủ công ngày càng đông, họ nộp thuế cho nhà nước.

- Nô tì là tầng lớp xã hội thấp kém nhất, số lượng giảm dần. Nhà nước cấm bán mình làm nô tì hoặc bức dân tự do làm nô tì.

- Nhờ sự nỗ lực của nhân dân và chính sách khuyến nông của nhà nước nên đời sống nhân dân được ổn định, dân số ngày càng tăng, nhiều làng mới được thành lập. Đại Việt là quốc gia cường thịnh nhất Đông Nam Á thời bấy giờ.

**6. Tình hình văn hoá - giáo dục**

*Trình bày được những chính sách của nhà nước và sự phát triển của văn hoá, giáo dục, văn học, khoa học và nghệ thuật :*

- Giáo dục và khoa cử :

+ Vua Lê Thái Tổ cho dựng lại Quốc tử giám ở kinh thành Thăng Long ; ở các đạo, phủ đều có trường công, hằng năm mở khoa thi để tuyển chọn quan lại. Đa số dân đều có thể đi học trừ kẻ phạm tội và làm nghề ca hát.

+ Nội dung học tập, thi cử là các sách của đạo Nho. Đạo Nho chiếm địa vị độc tôn. Phật giáo, Đạo giáo bị hạn chế.

+ Thời Lê sơ (1428- 1527), tổ chức được 26 khoa thi, lấy đỗ 989 tiến sĩ và 20 trạng nguyên.

- Văn học, khoa học, nghệ thuật :

+ Văn học chữ Hán tiếp tục chiếm ưu thế ; văn học chữ Nôm giữ vị trí quan trọng. Văn thơ thời Lê sơ có nội dung yêu nước sâu sắc, thể hiện niềm tự hào dân tộc, khí phách anh hùng và tinh thần bất khuất của dân tộc.

+ Sử học có tác phẩm *Đại Việt sử kí*, *Đại Việt sử kí toàn thư*...

+ Địa lí có tác phẩm *Hồng Đức bản đồ*, *Dư địa chí*...

+ Y học có tác phẩm *Bản thảo thực vật toát yếu*...

+ Toán học có tác phẩm *Đại thành toán pháp*...

+ Nghệ thuật sân khấu ca, múa, nhạc, chèo, tuồng... đều phát triển.

+ Điêu khắc có phong cách khối đồ sộ, kĩ thuật điêu luyện.

**7. Một số danh nhân văn hoá xuất sắc của dân tộc**

*Biết được những nét chính về một số danh nhân văn hoá xuất sắc của dân tộc :*

-Nguyễn Trãi (1380 - 1442) :

+ Là nhà chính trị, quân sự tài ba, anh hùng dân tộc và danh nhân văn hoá thế giới.

+ Có nhiều tác phẩm giá trị : *Bình Ngô sách, Quân trung từ mệnh tập, Bình Ngô đại cáo, Quốc âm thi tập*...

+ Tư tưởng của ông tiêu biểu cho tư tưởng của thời đại. Cả cuộc đời ông luôn nêu cao lòng nhân nghĩa, yêu nước thương dân.

-Lê Thánh Tông (1442 - 1497) :

+ Là một vị vua anh minh, một tài năng xuất sắc trên nhiều lĩnh vực kinh tế, chính trị, quân sự và văn, thơ.

+ Có nhiều tác phẩm giá trị : *Quỳnh uyển cửu ca, Châu cơ thắng thưởng, Hồng Đức quốc âm thi tập*...

+ Thơ, văn của ông chứa đựng tinh thần yêu nước và tinh thần dân tộc sâu sắc.

-Ngô Sĩ Liên (thế kỉ XV) : Là nhà sử học nổi tiếng ở thế kỉ XV, là một trong những tác giả bộ *Đại Việt sử kí toàn thư* (15 quyển).

-Lương thế Vinh (1442 - ?) : Là nhà toán học nổi tiếng thời Lê sơ, với nhiều tác phẩm có giá trị : *Đại thành toán pháp, Thiền môn
giáo khoa.*

***Chủ đề 7***

**NƯỚC ĐẠI VIỆT Ở CÁC THẾ KỈ XVI- XVIII**

**Nội dung 1 : SỰ SUY YẾU CỦA NHÀ NƯỚC PHONG KIẾN TẬP QUYỀN (Thế kỉ XVI - XVIII)**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Trình bày tổng quát bức tranh chính trị, xã hội Việt Nam ở các thế kỉ XVI - XVIII : Sự sa đoạ của triều đình phong kiến, những phe phái dẫn đến mâu thuẫn xung đột, tranh giành quyền lợi ngày càng gay gắt trong nội bộ giai cấp thống trị.

- Cuộc đấu tranh của nông dân dẫn đến bùng nổ những cuộc khởi nghĩa ở Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Tình hình chính trị, xã hội Việt Nam ở các thế kỉ XVI - XVIII**

*Biết được tình hình triều đình nhà Lê ; biết được nguyên nhân, trình bày được diễn biến, kết quả các cuộc khởi nghĩa nông dân Đàng Ngoài trên lược đồ ; nguyên nhân hình thành Nam - Bắc triều và diễn biến, hậu quả của cuộc chiến tranh ; nguyên nhân dẫn tới sự phân tranh Trịnh - Nguyễn, diễn biến, hậu quả của cuộc chiến tranh :*

***a) Sự sa đoạ của triều đình phong kiến nhà Lê từ thế kỉ XVI***

- Từ đầu thế kỉ XVI, vua, quan ăn chơi xa xỉ, xây dựng cung điện, lâu đài tốn kém.

- Nội bộ triều Lê "chia bè kéo cánh", tranh giành quyền lực. Dưới triều Lê Uy Mục, quý tộc ngoại thích nắm hết quyền lực, giết hại công thần nhà Lê.

- Dưới triều Lê Tương Dực, tướng Trịnh Duy Sản gây bè phái, đánh giết nhau liên miên suốt hơn 10 năm.

***b) Khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài***

***-*** Nguyên nhân :

+ Lợi dụng triều đình rối loạn, quan lại ở địa phương "cậy quyền thế ức hiếp dân, vật dụng trong dân gian cướp lấy đến hết", "dùng của như bùn đất..., coi dân như cỏ rác".

+ Đời sống nhân dân, nhất là nông dân, lâm vào cảnh khốn cùng.

*-* Diễn biến : Từ năm 1511, các cuộc khởi nghĩa nổ ra ở nhiều nơi trong nước. Tiêu biểu nhất là cuộc khởi nghĩa của Trần Cảo ở Đông Triều (Quảng Ninh, 1516), nghĩa quân cạo trọc đầu chỉ để ba chỏm tóc, gọi là quân ba chỏm. Nghĩa quân ba lần tấn công Thăng Long, có lần chiếm được, vua Lê phải chạy vào Thanh Hoá.

*-* Kết quả : Các cuộc khởi nghĩa lần lượt bị đàn áp và thất bại, nhưng đã góp phần làm cho triều đình nhà Lê mau chóng sụp đổ.

***c) Sự hình thành Nam - Bắc triều***

*-* Nguyên nhân :

+ Mạc Đăng Dung vốn là võ quan, đã tiêu diệt các thế lực đối lập, thâu tóm mọi quyền hành, cương vị như tể tướng.

+ Năm 1527, Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê lập ra triều Mạc (sử cũ gọi là Bắc triều).

*-* Diễn biến :

+ Năm 1533, Nguyễn Kim, một võ quan triều Lê đã chạy vào Thanh Hoá, lập một người thuộc dòng dõi nhà Lê lên làm vua, lấy danh nghĩa "phù Lê diệt Mạc" (sử cũ gọi là Nam triều).

+ Hai tập đoàn phong kiến này đánh nhau liên miên hơn 50 năm, chiến trường kéo dài suốt một vùng từ Thanh - Nghệ ra Bắc, gây nhiều đau khổ cho nhân dân. Đến năm 1592, Nam triều chiếm được Thăng Long, họ Mạc chạy lên Cao Bằng, chiến tranh Nam- Bắc triều mới chấm dứt.

*-* Hậu quả : Nhân dân bị đói khổ, đất nước bị chia cắt.

***d) Cuộc chiến tranh Trịnh- Nguyễn***

*-* Nguyên nhân :

+ Năm 1545, Nguyễn Kim chết, con rể là Trịnh Kiểm lên thay nắm toàn bộ binh quyền, hình thành thế lực họ Trịnh.

+ Người con cả của Nguyễn Kim là Nguyễn Uông bị đầu độc chết, người con thứ là Nguyễn Hoàng đã được vào trấn thủ Thuận Hoá, Quảng Nam.

+ Từ đó hình thành thế lực họ Nguyễn.

*-* Diễn biến :

+ Đầu thế kỉ XVII, cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn bùng nổ.

+ Trong thời gian từ năm 1627 đến năm 1672, họ Trịnh và họ Nguyễn đánh nhau bảy lần, vùng đất Quảng Bình - Hà Tĩnh trở thành chiến trường.

+ Không tiêu diệt được nhau, hai bên lấy sông Gianh (Quảng Bình) làm ranh giới chia cắt đất nước, kéo dài đến cuối thế kỉ XVIII.

Quan sát lược đồ 48 (SGK) xác định sông Gianh (Quảng Bình) -
ranh giới chia cắt đất nước.

*-* Hậu quả :

+ Đất nước bị chia cắt.

+ Ở Đàng Ngoài, đến đời Trịnh Tùng thì xưng vương, xây phủ chúa bên cạnh triều Lê ; tuy nắm mọi quyền hành nhưng vẫn phải dựa vào vua Lê, nhân dân gọi là "vua Lê - chúa Trịnh".

+ Ở Đàng Trong, con cháu họ Nguyễn cũng truyền nối nhau cầm quyền, nhân dân gọi là "chúa Nguyễn".

+ Nhân dân bị đói khổ, li tán.

**Nội dung 2 : TÌNH HÌNH KINH TẾ VÀ VĂN HOÁ Ở CÁC THẾ KỈ XVI - XVIII**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Trình bày tổng quát bức tranh kinh tế cả nước :

+ Nông nghiệp Đàng Trong phát triển hơn nông nghiệp Đàng Ngoài. Nguyên nhân của sự khác nhau đó.

+ Thủ công nghiệp phát triển : chợ phiên, thị tứ và sự xuất hiện thêm một số thành thị. Sự phồn vinh của các thành thị.

- Nêu được những điểm mới về mặt tư tưởng, tôn giáo và văn học, nghệ thuật : sự du nhập của Thiên Chúa giáo ; chữ Quốc ngữ ra đời ; sự phát triển rực rỡ của văn học và nghệ thuật dân gian.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Tình hình kinh tế**

*Trình bày tổng quát bức tranh kinh tế cả nước :*

*-* Nông nghiệp ở Đàng Ngoài :

+ Cuộc chiến tranh Nam - Bắc triều đã phá hoại nghiêm trọng nền sản xuất nông nghiệp. Chính quyền Lê - Trịnh ít quan tâm đến công tác thuỷ lợi và tổ chức khai hoang.

+ Ruộng đất công làng xã bị cường hào đem cầm bán.

+ Ruộng đất bỏ hoang, mất mùa, đói kém xảy ra dồn dập, nhất là vùng Sơn Nam và Thanh - Nghệ, nông dân phải bỏ làng đi phiêu tán.

*-* Nông nghiệp ở Đàng Trong :

+ Các chúa Nguyễn tổ chức di dân khai hoang, cấp lương ăn, nông cụ, thành lập làng ấp mới ở khắp vùng Thuận - Quảng.

+ Năm 1698, Nguyễn Hữu Cảnh khi kinh lí phía Nam đã đặt phủ Gia Định.

+ Nhờ khai hoang và điều kiện tự nhiên nên nông nghiệp phát triển nhanh, nhất là vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Khái quát, rút ra nguyên nhân nông nghiệp Đàng Ngoài không phát triển (do chiến tranh giữa các thế lực phong kiến ; do nhà nước không quan tâm đến thuỷ lợi, đê điều... do cường hào, ác bá chiếm đoạt ruộng đất công ngày càng nghiêm trọng, nông dân mất ruộng phải phiêu tán khắp nơi...) ; nông nghiệp ở Đàng Trong phát triển (vì diện tích không ngừng mở rộng - khai hoang, lập ấp... điều kiện tự nhiên thuận lợi...).

*-* Thủ công nghiệp : Từ thế kỉ XVII, xuất hiện thêm nhiều làng
thủ công, trong đó có nhiều làng thủ công nổi tiếng : gốm Thổ Hà
(Bắc Giang), Bát Tràng (Hà Nội), dệt La Khê (Hà Nội), rèn sắt ở Nho Lâm (Nghệ An)...

*-* Thương nghiệp :

+ Buôn bán phát triển, nhất là ở các vùng đồng bằng và ven biển, các thương nhân châu Á và châu Âu thường đến phố Hiến và Hội An buôn bán tấp nập.

+ Xuất hiện thêm một số đô thị, ngoài Thăng Long còn có Phố Hiến (Hưng Yên), Thanh Hà (Thừa Thiên - Huế ), Hội An (Quảng Nam), Gia Định (Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay).

+ Các chúa Trịnh và chúa Nguyễn cho thương nhân nước ngoài vào buôn bán để nhờ họ mua vũ khí. Về sau, các chúa thi hành chính sách hạn chế ngoại thương, do vậy từ nửa sau thế kỉ XVIII, các thành thị suy tàn dần.

Tìm hiểu về các làng nghề nổi tiếng trong nước và của địa phương mình.

Sử dụng hình 51 - Bình gốm Bát Tràng (sản xuất năm 1627) trong SGK để biết được sự phát triển của nghề thủ công.

Sử dụng hình 52 - Một cảnh của Thăng Long thế kỉ XVII (tranh vẽ ở thế kỉ XVII) trong SGK và nhận xét về thương nghiệp thời kì này.

**2. Tình hình văn hoá**

*Trình bày được nét chính về tình hình văn hoá ở các thế kỉ
XVI - XVII. Chú ý nêu được những điểm mới về mặt tư tưởng, tôn giáo và văn học, nghệ thuật :*

- Tôn giáo :

+ Nho giáo vẫn được chính quyền phong kiến đề cao trong học tập, thi cử và tuyển lựa quan lại.

+ Phật giáo và Đạo giáo thời Lê sơ bị hạn chế, đến lúc này được phục hồi.

+ Nhân dân vẫn giữ nếp sống văn hoá truyền thống, qua các lễ hội đã thắt chặt tình đoàn kết làng xóm và bồi dưỡng tinh thần yêu quê hương, đất nước.

+ Từ năm 1533, các giáo sĩ (Bồ Đào Nha) theo thuyền buôn đến nước ta truyền bá đạo Thiên Chúa. Sang thế kỉ XVII - XVIII, hoạt động của các giáo sĩ ngày càng tăng.

+ Hoạt động của đạo Thiên Chúa không hợp với cách cai trị của các chúa Trịnh - Nguyễn nên nhiều lần bị cấm, nhưng các giáo sĩ vẫn tìm cách để truyền đạo.

- Sự ra đời của chữ Quốc ngữ :

+ Cho đến thế kỉ XVII, tiếng Việt đã phong phú và trong sáng. Một số giáo sĩ phương Tây, trong đó có giáo sĩ A-lếc-xăng đơ Rốt là người có đóng góp quan trọng, đã dùng chữ cái La-tinh để ghi âm tiếng Việt và sử dụng trong việc truyền đạo.

+ Đây là thứ chữ viết tiện lợi, khoa học, dễ phổ biến, lúc đầu chỉ dùng trong việc truyền đạo, sau lan rộng ra trong nhân dân và trở thành chữ Quốc ngữ của nước ta cho đến ngày nay.

- Văn học và nghệ thuật dân gian :

+ Các thế kỉ XVI - XVII, tuy văn học chữ Hán chiếm ưu thế, nhưng văn học chữ Nôm cũng phát triển mạnh, có truyện Nôm dài hơn 8.000 câu như bộ *Thiên Nam ngữ lục*. Nội dung truyện Nôm thường viết về hạnh phúc con người, tố cáo những bất công xã hội... các nhà thơ Nôm nổi tiếng như Nguyễn Bỉnh Khiêm, Đào Duy Từ...

+ Sang thế kỉ XVIII, văn học dân gian phát triển mạnh mẽ, bên cạnh truyện Nôm dài như Phan Trần, Nhị Độ Mai... còn có truyện Trạng Quỳnh, truyện Trạng Lợn...

+ Nghệ thuật dân gian như múa trên dây, múa đèn, ảo thuật, điêu khắc... nghệ thuật sân khấu như chèo, tuồng, hát ả đào... được phục hồi và phát triển.

- So sánh vai trò của Nho giáo thế kỉ XVI - XVII với vai trò độc tôn của Nho giáo ở thời Lê. Giải thích tại sao Nho giáo mất dần hiệu lực độc tôn và do vậy Đạo giáo và Phật giáo có cơ hội hồi phục.

-Hiểu được đạo Thiên Chúa được truyền vào nước ta trong bối cảnh cả nước đang diễn ra cuộc chiến tranh tương tàn giữa các tập đoàn phong kiến (Mạc - Trịnh - Nguyễn) và các tầng lớp nhân dân đang sống trong hoàn cảnh cơ cực, khốn cùng, bế tắc.

-Hiểu được sự ra đời của chữ Quốc ngữ xuất phát từ nhu cầu truyền đạo của các giáo sĩ đạo Thiên Chúa. Trải qua thời gian dài, nhờ tiện lợi, dễ học và khoa học nên chữ Quốc ngữ được nhân dân ta tiếp nhận, trở thành chữ viết chính thức của dân tộc.

**Nội dung 3 : KHỞI NGHĨA NÔNG DÂN ĐÀNG NGOÀI THẾ KỈ XVIII**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Nêu những biểu hiện về đời sống khổ cực của nông dân và giải thích nguyên nhân chính của hiện trạng đó.

- Kể tên các cuộc khởi nghĩa nông dân tiêu biểu và trình bày theo lược đồ một vài cuộc khởi nghĩa : nguyên nhân bùng nổ và thất bại, diễn biễn chính và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa đó.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Nguyên nhân khởi nghĩa**

*Biết được những biểu hiện về đời sống khổ cực của nông dân và giải thích nguyên nhân chính của hiện trạng đó* :

- Từ giữa thế kỉ XVIII, chính quyền vua Lê, chúa Trịnh quanh năm hội hè, yến tiệc vung phí tiền của. Quan lại, binh lính ra sức đục khoét nhân dân.

- Quan lại, địa chủ ra sức cướp đoạt ruộng đất của nông dân, sản xuất nông nghiệp đình đốn, thiên tai, hạn hán xảy ra liên tiếp ; công thương nghiệp sa sút, chợ phố điêu tàn. Vào những năm 40 của thế kỉ XVIII, hàng chục vạn nông dân chết đói, nhiều người phải bỏ làng đi phiêu tán.

**2. Diễn biến của cuộc khởi nghĩa**

*Dùng lược đồ Việt Nam ở thế kỉ XVI để xác định những nơi diễn ra các cuộc khởi nghĩa nông dân và trình bày diễn biến chính :*

- Trong khoảng 30 năm của thế kỉ XVIII, khắp đồng bằng Bắc Bộ và vùng Thanh - Nghệ đã nổ ra hàng loạt cuộc khởi nghĩa nông dân.

+ Khởi nghĩa Nguyễn Dương Hưng (1737) ở Sơn Tây.

+ Nguyễn Danh Phương (1740 - 1751) ở Sơn Tây, sau lan rộng ra Thái Nguyên và Tuyên Quang...

+ Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Nguyễn Hữu Cầu (1741 - 1751) và Hoàng Công Chất (1739 - 1769) :

• Khởi nghĩa Nguyễn Hữu Cầu (1741 - 1751), còn gọi là quận He. Cuộc khởi nghĩa bắt đầu từ Đồ Sơn (Hải Phòng), sau lan ra Kinh Bắc, uy hiếp Thăng Long rồi lan xuống Sơn Nam và Thanh Hoá -
Nghệ An.

• Khởi nghĩa Hoàng Công Chất (1739 - 1769), bắt đầu ở Sơn Nam, sau chuyển lên Tây Bắc. Các dân tộc Tây Bắc hết lòng ủng hộ cuộc khởi nghĩa. Hoàng Công Chất có công lớn trong việc bảo vệ vùng biên giới và giúp dân ổn định cuộc sống.

- Các cuộc khởi nghĩa trước sau đều bị thất bại, nhiều thủ lĩnh
bị bắt, bị xử tử, nhưng cũng đã góp phần làm cho cơ đồ họ Trịnh
lung lay.

- Sử dụng hình 55 (SGK) để hiểu quy mô rộng lớn của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài.

- Chỉ ra được ý nghĩa các cuộc khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII.

**Nội dung 4 : PHONG TRÀO NÔNG DÂN TÂY SƠN**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Biết lập niên biểu và trình bày tiến trình của cuộc khởi nghĩa nông dân Tây Sơn chống phong kiến và chống ngoại xâm : cuộc khởi nghĩa bùng nổ (ở ấp Tây Sơn, năm 1771) ; chiếm thành Quy Nhơn (1773), lật đổ chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong (1777) ; tiêu diệt quân xâm lược Xiêm (1785) ; phong trào Tây Sơn phát triển ra Đàng Ngoài, lật đổ chính quyền vua Lê - chúa Trịnh, đặt nền tảng cho việc thống nhất đất nước (1788) ; chống quân Thanh (1788 - 1789).

- Thuật lại một số trận đánh quan trọng trong tiến trình phát triển của cuộc khởi nghĩa nông dân Tây Sơn trên lược đồ.

- Kể tên một số nhân vật lịch sử tiêu biểu trong cuộc khởi nghĩa nông dân Tây Sơn.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Khởi nghĩa nông dân Tây Sơn**

*Biết được nguyên nhân bùng nổ khởi nghĩa nông dân Tây Sơn ; biết lập niên biểu và trình bày tiến trình của cuộc khởi nghĩa nông dân Tây Sơn lật đổ chính quyền phong kiến Nguyễn ở Đàng Trong và vua Lê - chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, chống ngoại xâm :*

- Nguyên nhân bùng nổ :

+ Từ giữa thế kỉ XVIII, chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong suy yếu dần. Ở triều đình, Trương Phúc Loan nắm hết quyền hành, tự xưng "quốc phó", khét tiếng tham nhũng.

+ Ở các địa phương, quan lại, cường hào kết thành bè cánh, đàn áp, bóc lột nhân dân thậm tệ và đua nhau ăn chơi xa xỉ.

+ Nông dân bị lấn chiếm ruộng đất và phải chịu nhiều thứ thuế, nỗi oán giận của các tầng lớp nhân dân ngày càng dâng cao.

+ Ba anh em nhà Tây Sơn căm thù sâu sắc chính quyền nhà Nguyễn, hiểu được nguyện vọng của nhân dân muốn lật đổ họ Nguyễn, đã huy động được đông đảo lực lượng nhân dân và một bộ phận trong tầng lớp thống trị tham gia nên cuộc khởi nghĩa Tây Sơn nhanh chóng phát triển.

- Khởi nghĩa Tây Sơn bùng nổ :

+ Mùa xuân năm 1771, ba anh em nhà Tây Sơn là Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ lên vùng Tây Sơn thượng đạo (An Khê - Gia Lai) lập căn cứ, dựng cờ khởi nghĩa.

+ Nghĩa quân được các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là đồng bào thiểu số ủng hộ, lực lượng ngày càng mạnh, nghĩa quân đánh xuống Tây Sơn hạ đạo (Tây Sơn - Bình Định) rồi mở rộng xuống đồng bằng. Đi đến đâu nghĩa quân cũng "lấy của người giàu chia cho người nghèo"... Các tầng lớp nhân dân tham gia nghĩa quân ngày càng đông, kể cả hào mục địa phương cũng nổi dậy hưởng ứng.

Tìm hiểu đôi nét về tiểu sử ba em nhà Tây Sơn, nhất là Nguyễn Huệ.

- Tây Sơn lật đổ chính quyền họ Nguyễn :

+ Tháng 9 - 1773, quân Tây Sơn chiếm được phủ Quy Nhơn, địa bàn hoạt động của nghĩa quân rộng suốt từ Quảng Nam đến Bình Thuận.

+ Chúa Trịnh cử tướng Hoàng Ngũ Phúc chỉ huy 3 vạn quân tiến công chiếm Phú Xuân, chúa Nguyễn phải vượt biển vào Gia Định.

+ Quân Tây Sơn ở thế bất lợi ; mạn Bắc có quân Trịnh, mạn Nam có quân Nguyễn. Trước tình hình đó, Nguyễn Nhạc tạm hoà hoãn với quân Trịnh để dồn sức đánh chúa Nguyễn.

+ Trong lần tiến quân năm 1777, Tây Sơn bắt giết được chúa Nguyễn, chỉ còn Nguyễn Ánh chạy thoát. Chính quyền họ Nguyễn đến đây bị lật đổ.

- Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút (1785) :

+ Nguyễn Ánh cầu cứu vua Xiêm, năm 1784, hơn 5 vạn quân thuỷ, bộ Xiêm đã kéo vào đánh chiếm miền Tây Gia Định (các tỉnh miền Tây Nam Bộ) và gây nhiều tội ác đối với nhân dân.

+ Tháng 1 - 1785, Nguyễn Huệ kéo quân vào Gia Định và bố trí trận địa ở khúc sông Tiền, đoạn từ Rạch Gầm đến Xoài Mút (Châu Thành - Tiền Giang) để nhử quân địch. Quân Xiêm bị tấn công bất ngờ nên bị tiêu diệt gần hết, chỉ còn vài nghìn tên sống sót theo đường bộ chạy về nước. Nguyễn Ánh thoát chết, sang Xiêm lưu vong.

Sử dụng hình 58 trong SGK để trình bày diễn biến trận thuỷ chiến.

+ Ý nghĩa của chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút :

• Đây là một trong những trận thuỷ chiến lớn nhất và lừng lẫy nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta.

• Chiến thắng quân xâm lược Xiêm đã đưa phong trào Tây Sơn phát triển lên một trình độ mới. Từ đây, phong trào Tây Sơn trở thành phong trào quật khởi của cả dân tộc.

- Hạ thành Phú Xuân - tiến quân ra Bắc diệt họ Trịnh :

+ Tháng 6 - 1786, được sự giúp sức của Nguyễn Hữu Chỉnh, nghĩa quân Tây Sơn nhanh chóng hạ thành Phú Xuân rồi tiến ra Nam sông Gianh, giải phóng toàn bộ đất Đàng Trong.

+ Với khẩu hiệu "phù Lê diệt Trịnh", Tây Sơn tiến quân ra Bắc. Giữa năm 1786, Nguyễn Huệ đánh Thăng Long, chúa Trịnh bị dân bắt đem nộp cho Tây Sơn. Chính quyền họ Trịnh sụp đổ. Nguyễn Huệ vào thành, giao chính quyền cho vua Lê rồi trở về Nam.

Sử dụng hình 57 (SGK), miêu tả việc Tây Sơn hạ thành Phú Xuân và tiến quân ra vùng Nam sông Gianh.

- Ý nghĩa việc Tây Sơn tiêu diệt chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong và lật đổ chính quyền họ Trịnh ở Đàng Ngoài :

+ Tạo ra những điều kiện cơ bản cho sự thống nhất đất nước.

+ Đáp ứng nguyện vọng của nhân dân cả nước.

-Nguyễn Hữu Chỉnh mưu phản - Nguyễn Huệ thu phục Bắc Hà :

+ Sau khi quân Tây Sơn rút về Nam, tình hình Bắc Hà lại rối loạn, Lê Chiêu Thống không dẹp nổi nên mời Nguyễn Hữu Chỉnh ra giúp và đánh tan tàn dư họ Trịnh. Nguyễn Hữu Chỉnh từ đó lộng quyền và ra mặt chống lại Tây Sơn.

Nguyễn Huệ sai Vũ Văn Nhậm ra Bắc trị tội Chỉnh. Vũ Văn Nhậm lại kiêu căng, có mưu đồ riêng. Giữa năm 1788, Nguyễn Huệ lại ra Bắc diệt Nhậm.

+ Các sĩ phu nổi tiếng ở Bắc Hà như Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích, Nguyễn Thiếp... hết lòng giúp Nguyễn Huệ xây dựng chính quyền ở Bắc Hà.

-Quang Trung đại phá quân Thanh :

+ Lê Chiêu Thống sai người sang cầu cứu nhà Thanh. Vua Càn Long nhà Thanh nhân cơ hội này thực hiện âm mưu xâm lược nước ta để mở rộng lãnh thổ xuống phía nam.

+ Cuối năm 1788, nhà Thanh tiến hành xâm lược nước ta. Tôn Sĩ Nghị chỉ huy 29 vạn quân, chia thành 4 đạo tiến vào nước ta.

+ Trước thế mạnh lúc đầu của giặc, Ngô Văn Sở và Ngô Thì Nhậm một mặt cho quân rút khỏi Thăng Long về xây dựng phòng tuyến ở Tam Điệp - Biện Sơn ; một mặt cho người về Phú Xuân cấp báo với Nguyễn Huệ.

+ Tại Thăng Long, quân Thanh ra sức cướp bóc, đốt nhà, giết người rất tàn bạo. Lê Chiêu Thống tìm cách trả thù, báo oán rất tàn ngược... khiến cho lòng căm thù của nhân dân ta đối với quân cướp nước và bè lũ bán nước đã lên cao độ.

+ Trước tình thế đó, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế (1788), lấy niên hiệu là Quang Trung và lập tức tiến quân ra Bắc. Trên đường đi, đến Nghệ An và Thanh Hoá, Quang Trung đều tuyển thêm quân.

+ Từ Tam Điệp, Quang Trung chia quân làm 5 đạo : đạo chủ lực do Quang Trung chỉ huy tiến thẳng về Thăng Long ; đạo thứ hai và thứ ba đánh vào Tây Nam Thăng Long ; đạo thứ tư tiến ra Hải Dương ; đạo thứ năm tiến lên Lạng Giang chặn đường rút lui của giặc.

+ Đêm 30 Tết, quân ta vượt sông Gián Khẩu (sông Đáy), tiêu diệt toàn bộ quân địch ở đồn tiền tiêu. Mờ sáng mồng 5 Tết, quân ta đánh đồn Ngọc Hồi, quân Thanh chống cự không nổi, bỏ chạy tán loạn. Cùng lúc đó, đạo quân của đô đốc Long đánh đồn Đống Đa, tướng giặc là Sầm Nghi Đống khiếp sợ, thắt cổ tự tử. Tôn Sĩ Nghị bàng hoàng cùng một số võ quan vội vượt sông Nhị (sông Hồng) sang Gia Lâm. Trưa mồng 5 Tết, Quang Trung cùng đoàn quân Tây Sơn chiến thắng kéo vào thành Thăng Long.

Sử dụng hình 59 (SGK) để trình bày diễn biến chính trận đánh đồn Ngọc Hồi - Đống Đa (Tết Kỉ Dậu - 1789).

-Nguyên nhân thắng lợi :

+ Nhờ ý chí đấu tranh chống áp bức bóc lột, tinh thần yêu nước, đoàn kết và hi sinh cao cả của nhân dân ta.

+ Sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Quang Trung và bộ chỉ huy nghĩa quân. Quang Trung là anh hùng dân tộc vĩ đại.

-Ý nghĩa lịch sử :

+ Thắng lợi của phong trào Tây Sơn trong việc lật đổ chính quyền phong kiến thối nát Nguyễn - Trịnh - Lê đã xoá bỏ ranh giới chia cắt đất nước, đặt nền tảng cho việc thống nhất quốc gia.

+ Thắng lợi của phong trào Tây Sơn trong việc chống quân xâm lược Xiêm và Thanh có ý nghĩa lịch sử to lớn : giải phóng đất nước, giữ vững nền độc lập cuả Tổ quốc, một lần nữa đập tan tham vọng xâm lược nước ta của các đế chế quân chủ phương Bắc.

- Đánh giá những cống hiến của phong trào nông dân Tây Sơn đối với lịch sử dân tộc.

- Lập niên biểu các hoạt động của phong trào Tây Sơn từ năm 1771 đến năm 1789.

**Nội dung 5 : QUANG TRUNG VÀ CÔNG CUỘC KIẾN THIẾT ĐẤT NƯỚC**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Trình bày những việc làm chính của Quang Trung về kinh tế, chính trị, văn hoá.

- Nêu được tác dụng những việc làm của Quang Trung : góp phần ổn định trật tự xã hội, phát triển văn hoá và bảo vệ Tổ quốc.

- Lập bảng tóm tắt những công lao chính của Quang Trung đối với sự nghiệp giữ nước, chống ngoại xâm và xây dựng đất nước.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Phục hồi kinh tế, xây dựng văn hoá dân tộc**

*Trình bày được những việc làm chính của Quang Trung về kinh tế, chính trị, văn hoá :*

- Bắt tay xây dựng chính quyền mới, đóng đô ở Phú Xuân.

- Ra "Chiếu khuyến nông" để giải quyết tình trạng ruộng đất bỏ hoang và nạn lưu vong, nhờ đó sản xuất nông nghiệp được phục hồi nhanh chóng.

- Bãi bỏ hoặc giảm nhẹ nhiều loại thuế, nhờ đ ó nghề thủ công và buôn bán được phục hồi dần.

- Ban bố "Chiếu lập học", các huyện, xã được nhà nước khuyến khích mở trường học ; dùng chữ Nôm làm chữ viết chính thức của
nhà nước.

**2. Chính sách quốc phòng và ngoại giao**

*Trình bày được chính sách quốc phòng và ngoại giao của
Quang Trung :*

- Sau chiến thắng Đống Đa, nền an ninh và toàn vẹn lãnh thổ vẫn bị đe doạ : phía Bắc, Lê Duy Chỉ vẫn lén lút hoạt động ở biên giới ; phía Nam, Nguyễn Ánh cầu viện Pháp và chiếm lại Gia Định.

- Tiếp tục thi hành chế độ quân dịch. Tổ chức quân đội bao gồm bộ binh, thuỷ binh, tượng binh và kị binh ; có chiến thuyền lớn chở được voi chiến hoặc 500 - 600 lính...

- Chính sách ngoại giao đối với nhà Thanh : mềm dẻo nhưng kiên quyết bảo vệ từng tấc đất của Tổ quốc. Đối với Nguyễn ánh, quyết định mở cuộc tấn công lớn để tiêu diệt, kế hoạch đang tiến hành thì Quang Trung đột ngột từ trần (16 - 9 - 1792). Quang Toản lên kế nghiệp, nhưng từ đó nội bộ triều đình Phú Xuân suy yếu dần.

- Nhận xét chính sách ngoại giao khôn khéo của Quang Trung.

- Lập bảng tóm tắt những công lao chính của Quang Trung đối với sự nghiệp giữ nước chống ngoại xâm và xây dựng đất nước.

***Chủ đề 8***

**VIỆT NAM NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX**

**Nội dung 1 : CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN NHÀ NGUYỄN**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Sự thành lập nhà Nguyễn. Các chính sách về chính trị - kinh tế của nhà Nguyễn và tác động của nó tới tình hình chính trị và kinh tế của xã hội Việt Nam ở nửa đầu thế kỉ XIX.

- Các cuộc nổi dậy của nhân dân : khởi nghĩa Phan Bá Vành, Nông Văn Vân, Cao Bá Quát : những nét chính như mục tiêu, người lãnh đạo, thành phần tham gia, kết quả.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Nhà Nguyễn lập lại chế độ phong kiến tập quyền**

*Trình bày được việc nhà Nguyễn lập lại chế độ phong kiến tập quyền :*

- Nguyễn Ánh đánh bại triều Tây Sơn :

+ Khoảng giữa năm 1802, Nguyễn Ánh kéo quân ra Bắc rồi tiến thẳng về Thăng Long, Nguyễn Quang Toản chạy lên Bắc Giang thì bị bắt. Triều đại Tây Sơn chấm dứt.

+ Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi vua, đặt niên hiệu là Gia Long, chọn Phú Xuân làm kinh đô, lập ra triều Nguyễn ; năm 1806, lên ngôi Hoàng đế.

+ Nhà Nguyễn lập lại chế độ phong kiến tập quyền : vua trực tiếp điều hành mọi việc từ trung ương đến địa phương ; ban hành bộ Hoàng triều luật lệ (Luật Gia Long) năm 1815.

- Các năm 1831- 1832, nhà Nguyễn chia cả nước thành 30 tỉnh và 1 phủ trực thuộc (Thừa Thiên) ; quân đội bao gồm nhiều binh chủng, xây thành trì và thiết lập hệ thống trạm ngựa dọc theo chiều dài đất nước.

- Quan sát hình 61 trong SGK để biết được về các đơn vị hành chính Việt Nam thời Nguyễn (từ năm 1832) và giải thích nội dung chính của bộ Hoàng triều luật lệ, thể hiện rõ ý đồ bảo vệ quyền hành tuyệt đối của nhà vua, đề cao địa vị của quan lại...

**2. Kinh tế dưới triều Nguyễn**

*Biết được các chính sách về kinh tế của nhà Nguyễn và tác động của nó tới tình hình chính trị và kinh tế của xã hội Việt Nam ở nửa đầu thế kỉ XIX :*

- Về nông nghiệp :

+ Chú ý việc khai hoang và thi hành các biện pháp di dân lập ấp và đồn điền ; đặt lại chế độ quân điền...

+ Tuy một số huyện mới được thành lập (lấn biển) Tiền Hải (Thái Bình), Kim Sơn (Ninh Bình) và hàng trăm đồn điền được thành lập ở Nam Kì, nhưng không mang lại hiệu quả thiết thực cho nông dân. Thời Tự Đức, có nơi như phủ Khoái Châu (Hưng Yên) đê vỡ 18 năm liền.

- Về công thương nghiệp :

+ Nhà nước lập nhiều xưởng đúc tiền, đúc súng, đóng tàu... Ngành khai thác mỏ được mở rộng, nhưng cách khai thác còn lạc hậu và hoạt động thất thường.

+ Các nghề thủ công vẫn phát triển nhưng phân tán, thợ thủ công phải nộp thuế sản phẩm nặng nề. Buôn bán trong nước có nhiều thuận lợi do đất nước đã thống nhất, xuất hiện thêm những thị tứ mới.

- Về ngoại thương, nói chung nhà nước hạn chế buôn bán với nước ngoài.

**3. Các cuộc nổi dậy của nhân dân dưới triều Nguyễn**

*Biết được nguyên nhân và trình bày được những nét chính về các cuộc nổi dậy của nông dân trên lược đồ ; ý nghĩa của các cuộc nổi dậy :*

*-* Nguyên nhân : đời sống các tầng lớp nhân dân ngày càng khổ cực vì địa chủ, hào lí chiếm đoạt ruộng đất, quan lại tham nhũng, tô thuế phu dịch nặng nề. Nạn dịch bệnh, nạn đói hoành hành khắp nơi.

*-* Các cuộc nổi dậy :

*+* Khởi nghĩa Phan Bá Vành (1821 - 1827)

• Phan Bá Vành người làng Minh Giám (Thái Bình), ông kêu gọi nông dân trong vùng nổi dậy chống địa chủ, quan lại.

• Địa bàn hoạt động bao gồm các tỉnh Thái Bình, Nam Định,
Hải Dương và Quảng Yên. Nhà Nguyễn phải tốn nhiều công sức mới dẹp nổi.

*+* Khởi nghĩa Nông Văn Vân (1833 - 1835)

• Nông Văn Vân là tù trưởng dân tộc Tày, ông cùng một số tù trưởng tập hợp dân chúng nổi dậy.

• Địa bàn hoạt động của nghĩa quân lan rộng khắp núi rừng Việt Bắc và một số vùng ở trung du. Nhà Nguyễn phải ba lần đem đạo quân lớn mới dẹp nổi.

*+* Khởi nghĩa Lê Văn Khôi (1833 - 1835)

• Lê Văn Khôi vốn là thổ hào ở Cao Bằng, sau vào Nam. Năm 1833, ông khởi binh chiếm thành Phiên An (Gia Định).

• Năm 1834, ông qua đời vì bệnh, con trai lên thay lúc đó mới 8 tuổi. Năm 1835, cuộc khởi nghĩa bị đán áp khốc liệt.

*+* Khởi nghĩa Cao Bá Quát (1854 - 1856)

Cao Bá Quát người huyện Gia Lâm (Hà Nội), là nhà nho, nhà thơ lỗi lạc. Ông cùng một số bè bạn đã tập hợp nông dân và các dân tộc miền Trung du nổi dậy. Đầu năm 1855, ông hi sinh trong một trận chiến đấu ở ở vùng Sơn Tây. Cuộc khởi nghĩa vẫn tiếp tục đến năm 1857 mới bị dập tắt.

Sử dụng hình 65 (SGK) để giới thiệu những nơi bùng nổ cuộc nổi dậy của nhân dân chống lại vương triều Nguyễn ở đầu thế kỉ XIX ; trao đổi để hiểu rõ các cuộc nổi dậy của nhân dân đầu thế kỉ XIX chống vương triều Nguyễn thường có sự liên kết, phối hợp với nhau, không chỉ bó hẹp trong địa phương mà lan rộng ra nhiều vùng lân cận. Đây là cuộc đấu tranh không chỉ của một tộc người mà là cuộc đấu tranh của cả dân tộc Việt Nam chống lại vương triều Nguyễn.

- Ý nghĩa các cuộc nổi dậy :

+ Là các cuộc đấu tranh thể hiện sự kế thừa truyền thống chống áp bức, cường quyền của dân tộc.

+ Góp phần củng cố khối đoàn kết thống nhất của cộng đồng dân tộc Việt Nam.

- Quan sát lược đồ hình 65 trong SGK, xác định những nơi bùng nổ cuộc nổi dậy của nhân dân chống vương triều Nguyễn nửa đầu thế kỉ XIX.

- Lập bảng thống kê các cuộc khởi nghĩa nông dân thời Nguyễn (nửa đầu thế kỉ XIX).

**Nội dung 2 : SỰ PHÁT TRIỂN CỦA VĂN HOÁ DÂN TỘC
THẾ KỈ XVIII - NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Những tác phẩm văn học, nghệ thuật, công trình tiêu biểu trong thời kì này : tác giả, nội dung chủ yếu, giá trị.

- Những thành tựu về giáo dục, khoa học - kĩ thuật ; một số tác giả và tác phẩm chủ yếu.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

*Kết hợp với kiến thức của môn Ngữ văn khi tìm hiểu về sự phát triển của văn hoá :*

- Văn học :

+ Văn học dân gian ở thế kỉ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX, phát triển rực rỡ với nhiều hình thức phong phú : tục ngữ, ca dao, truyện thơ, tiếu lâm...Văn học viết bằng chữ Nôm phát triển đến đỉnh cao.

+ Nội dung văn học dân gian và văn học viết bằng chữ Nôm phản ánh phong phú và sâu sắc cuộc sống xã hội đương thời cùng những thay đổi trong tâm tư, tình cảm và nguyện vọng của con người Việt Nam.

+ Một số tác giả và tác phẩm nổi tiếng : Truyện Kiều của Nguyễn Du ; Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm khúc, thơ của Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan, Cao Bá Quát, Nguyễn Văn Siêu...

*-* Nghệ thuật :

+ Văn nghệ dân gian phát triển phong phú...

+ Nghệ thuật sân khấu, tuồng chèo phổ biến...

+ Tranh dân gian đậm đà bản sắc dân tộc, nổi tiếng nhất là dòng tranh Đông Hồ (Bắc Ninh).

+ Các công trình kiến trúc nổi tiếng : chùa Tây Phương (Hà Tây, nay thuộc Hà Nội) ; đình làng Đình Bảng (Bắc Ninh), lăng tẩm các vua Nguyễn ở Huế...

Nhớ được những kiến thức đã học ở môn Văn (các câu ca dao, tục ngữ, Truyện Kiều...) và sử dụng các hình 66, 67 và 68 trong SGK để hiểu giá trị của tranh dân gian, nghệ thuật kiến trúc...

- Giáo dục, thi cử :

+ Thời Tây Sơn, Quang Trung ra "Chiếu lập học", chấn chỉnh lại việc học tập, thi cử ; đưa chữ Nôm vào nội dung học tập, thi cử.

+ Thời nhà Nguyễn, nội dung học tập, thi cử không có gì thay đổi. Quốc Tử Giám được đặt ở Huế. Năm 1836, Minh Mạng cho lập "Tứ dịch quán" để dạy tiếng Pháp, tiếng Xiêm.

***-*** Sử học, Địa lí, Y học :

+ Về Sử học, triều Tây Sơn có bộ "Đại Việt sử kí tiền biên", triều Nguyễn có "Đại Nam thực lục", "Đại Nam liệt truyện".

• Lê Quý Đôn (1726 - 1783) người làng Diên Hà (Thái Bình), nhà bác học lớn nhất của thế kỉ XVIII, tác phẩm nổi tiếng của ông là Đại Việt thông sử, Phủ biên tạp lục...

• Phan Huy Chú (1782- 1840) người Quốc Oai (Hà Tây), tác giả bộ *Lịch triều hiến chương loại chí.*

+ Về y học có Lê Hữu Trác, biệt hiệu Hải Thượng Lãn Ông
(1720 - 1791). Ông nghiên cứu các loại cây thuốc quý của Việt Nam, thu thập các bài thuốc gia truyền và kinh nghiệm chữa bệnh của nhân dân rồi viết thành sách.

***-*** Những thành tựu về kĩ thuật :

+ Từ thế kỉ XVIII, một số kĩ thuật tiên tiến của phương Tây đã ảnh hưởng vào nước ta. Thợ thủ công Nguyễn Văn Tú (người Đàng Trong) đã học được nghề làm đồng hồ và kính thiên lí của Hà Lan.

+ Thợ thủ công nhà nước (thời Nguyễn) chế tạo được máy xẻ gỗ chạy bằng sức nước và thử nghiệm thành công tàu thuỷ chạy bằng máy hơi nước.

Sưu tầm tài liệu về Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú và Lê Hữu Trác. Biết được tài năng vốn có của các thế hệ thợ thủ công Việt Nam (thời Bắc thuộc các thợ khéo bị bắt sang Trung Quốc) ; hiểu vì sao tài năng đó không được phát huy ở cuối thế kỉ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX.

Bước đầu giải thích vì sao trong khi kinh tế, xã hội khủng hoảng mà văn học, nghệ thuật, khoa học vẫn phát triển.

***Chủ đề 9***

**TỔNG KẾT**

**NHỮNG NÉT LỚN TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN
CỦA LỊCH SỬ DÂN TỘC TỪ THẾ KỈ X ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Nhớ được tên các triều đại phong kiến Việt Nam đã tồn tại trong thời gian này.

- Điểm lại những nét chính phản ánh diễn biến của lịch sử dân tộc trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá.

- Kể tên các cuộc kháng chiến lớn của dân tộc ta. Tên và nêu công lao chính của các nhân vật lịch sử tiêu biểu trong công cuộc dựng và giữ nước.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

- Các triều đại phong kiến Việt Nam từ thế kỉ thứ X đến giữa thế kỉ XIX : Lập bảng hệ thống kiến thức theo nội dung sau :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Triều đại** | **Thời gian** | **Vua đầu tiên** |
| **Nhà Ngô** | **Từ năm 939 đến năm 965** | **Ngô vương (Ngô Quyền)** |
| **Nhà Đinh** | **Từ năm 970 đến năm 980** | **Đinh Tiên Hoàng (Đinh Bộ Lĩnh)** |
| **...** | **...** | **...** |

- Nội dung chính của lịch sử dân tộc trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá : Lập bảng hệ thống kiến thức theo nội dung sau :

|  |  |
| --- | --- |
| **Lĩnh vực** | **Sự kiện** |
| **Chính trị** |  |
| ***...*** | ***...*** |

- Các cuộc kháng chiến lớn và tên các nhân vật lịch sử tiêu biểu của dân tộc ta : Lập niên biểu theo nội dung sau :

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Cuộc kháng chiến** | **Nhân vật lịch sử tiêu biểu** |
| **Năm 981** | **Chống quân xâm lược Tống** | **Lê Hoàn** |
| **...** | **...** | **...** |

**LỚP 8**

**LỊCH SỬ THẾ GIỚI**

**LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI
(Từ giữa thế kỉ XVI đến năm 1917)**

***Chủ đề 1***

**CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ SỰ XÁC LẬP CỦA CHỦ NGHĨA
TƯ BẢN (Từ giữa thế kỉ XVI đến nửa sau thế kỉ XIX)**

**Nội dung 1 : NHỮNG CUỘC CÁCH MẠNG TƯ SẢN ĐẦU TIÊN**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

Nhận biết :

- Những chuyển biến lớn về kinh tế, chính trị, xã hội ở châu Âu trong các thế kỉ XVI - XVII.

- Mâu thuẫn ngày càng sâu sắc giữa lực lượng sản xuất mới - tư bản chủ nghĩa với chế độ phong kiến. Từ đó, thấy được cuộc đấu tranh giữa tư sản và quý tộc phong kiến tất yếu nổ ra.

- Cách mạng Hà Lan - cuộc cách mạng tư sản đầu tiên.

- Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII. Ý nghĩa lịch sử và hạn chế của Cách mạng tư sản Anh.

- Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ mang tính chất một cuộc cách mạng tư sản.

- Sự ra đời của Hợp chúng quốc Mĩ - nhà nước tư sản.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Sự biến đổi về kinh tế, chính trị, xã hội Tây Âu trong các thế kỉ XV - XVII**

*Nhận biết được những biến đổi lớn về kinh tế, chính trị, xã hội ở Tây Âu trong các thế kỉ XV- XVII :*

- Đến thế kỉ XV, yếu tố kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu đã phát triển khá mạnh, với nhiều công trường thủ công như dệt vải, luyện kim, nấu đường... có thuê mướn nhân công, biến Tây Âu thành những trung tâm sản xuất và buôn bán lớn.

- Trong xã hội, hai giai cấp mới được hình thành là tư sản và vô sản. Giai cấp tư sản có thế lực lớn về kinh tế, nhưng trên thực tế họ vẫn là giai cấp bị trị, bị chế độ phong kiến kìm hãm, chèn ép. Vì vậy, mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và nhân dân nói chung với chế độ phong kiến rất gay gắt.

Đây là nguyên nhân sâu xa làm bùng nổ các cuộc cách mạng
tư sản.

**2. Cách mạng Hà Lan thế kỉ XVI - cuộc cách mạng đầu tiên**

*Trình bày được nguyên nhân, diễn biến và kết quả của Cách mạng Hà Lan :*

*-* Nguyên nhân :

+ Vào thế kỉ XVI, nền kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Nê-đéc-lan([[1]](#footnote-1)) phát triển mạnh nhất châu Âu, nhưng lại bị Vương quốc Tây Ban Nha thống trị (từ thế kỉ XII), ra sức ngăn cản sự phát triển này.

+ Chính sách cai trị hà khắc của phong kiến Tây Ban Nha ngày càng làm tăng thêm mâu thuẫn dân tộc.

*-* Diễn biến :

+ Nhiều cuộc đấu tranh của nhân dân Nê-đéc-lan chống lại chính quyền phong kiến Tây Ban Nha đã diễn ra, đỉnh cao là năm 1566.

+ Năm 1581, các tỉnh miền Bắc Nê-đéc-lan đã thành lập "Các tỉnh liên hiệp" (sau là Cộng hoà Hà Lan).

+ Năm 1648, chính quyền Tây Ban Nha công nhận nền độc lập của Hà Lan. Cuộc cách mạng kết thúc, Hà Lan được giải phóng.

*-* Ý nghĩa :

Cách mạng Hà Lan thế kỉ XVI là cuộc cách mạng tư sản đầu tiên trên thế giới, đã lật đổ ách thống trị của thực dân Tây Ban Nha, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

**3. Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII**

*Biết được nguyên nhân, trình bày được diễn biến và ý nghĩa của Cách mạng tư sản Anh :*

*-* Nguyên nhân :

+ Đến thế kỉ XVII, nền kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Anh đã phát triển mạnh với nhiều công trường thủ công như luyện kim, làm đồ sứ, dệt len dạ... Trong đó, Luân Đôn trở thành trung tâm công nghiệp, thương mại và tài chính lớn nhất nước Anh.

+ Ở nông thôn, nhiều quý tộc phong kiến đã chuyển sang kinh doanh theo con đường tư bản, bằng cách "rào đất cướp ruộng", biến ruộng đất chiếm được thành những đồng cỏ, thuê nhân công nuôi cừu để lấy lông cung cấp cho thị trường. Họ trở thành tầng lớp quý tộc mới, còn nông dân mất đất thì trở nên nghèo khổ.

+ Trong khi đó, chế độ phong kiến tiếp tục kìm hãm giai cấp tư sản và quý tộc mới, ngăn cản họ phát triển theo con đường tư bản. Vì vậy, giai cấp tư sản và quý tộc mới đã liên minh lại với nhau nhằm lật
đổ chế độ phong kiến chuyên chế, xác lập quan hệ sản xuất tư bản
chủ nghĩa.

*-* Tiến trình cách mạng :

Cách mạng tư sản Anh được chia làm hai giai đoạn :

+ Giai đoạn 1 (1642 - 1648)

• Năm 1640, vua Sác-lơ I triệu tập Quốc hội Anh (Quốc hội gồm phần lớn là quý tộc mới) nhằm đặt ra thuế mới, thực hiện chính sách cai trị độc đoán của mình. Quốc hội được sự ủng hộ của nhân dân đã phản đối kịch liệt, Sác-lơ I liền chuẩn bị lực lượng chống lại Quốc hội.

• Năm 1642, nội chiến bùng nổ, bước đầu thắng lợi nghiêng về phía nhà vua. Nhưng từ khi Ô-li-vơ Crôm-oen lên làm chỉ huy quân đội Quốc hội, xây dựng đội quân có kỉ luật đã liên tiếp đánh bại quân đội của nhà vua. Sác-lơ I bị bắt.

+ Giai đoạn 2 (1649 - 1688) (biết được đôi nét về Crôm-oen)

• Ngày 30 - 1 - 1649, Crôm-oen đưa vua Sác-lơ I ra xử tử. Nước Anh chuyển sang nền cộng hoà và cách mạng đạt tới đỉnh cao.

• Tuy nhiên, chỉ có giai cấp tư sản và quý tộc mới được hưởng quyền lợi, còn nhân dân không có. Vì vậy, nhân dân tiếp tục đấu tranh.

• Để đối phó với cuộc đấu tranh của nhân dân, quý tộc mới và tư sản lại thoả hiệp với phong kiến, đưa Vin-hem Ô-ran-giơ (Quốc trưởng Hà Lan và là con rể của vua Giêm II) lên ngôi, thiết lập chế độ quân chủ lập hiến.

Cách mạng tư sản Anh kết thúc, đây là cuộc cách mạng không triệt để.

- Ý nghĩa lịch sử của cuộc cách mạng :

+ Cuộc cách mạng tư sản Anh do tầng lớp quý tộc mới liên minh với giai cấp tư sản lãnh đạo, được đông đảo quần chúng nhân dân ủng hộ đã giành được thắng lợi, đưa nước Anh phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa.

+ Tuy nhiên, đây là cuộc cách mạng không triệt để vì vẫn còn "ngôi vua". Mặt khác, cách mạng chỉ đáp ứng được quyền lợi cho giai cấp tư sản và quý tộc mới, còn nhân dân không được hưởng chút quyền lợi gì.

- Mở rộng nội hàm khái niệm "cách mạng tư sản".

- Lập bảng thống kê tiến trình Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII.

- Quan sát hình 1- *Lược đồ cuộc nội chiến ở Anh* trong SGK, xác định vùng ủng hộ nhà vua và vùng ủng hộ Quốc hội.

- Quan sát hình 2 - *Xử tử Sác-lơ I* và nhận xét về sự kiện vua Sác-lơ I bị xử tử.

**4. Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ**

*Nhận biết vài nét về tình hình 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ ; trình bày được diễn biến, kết quả và ý nghĩa của cuộc chiến tranh :*

***a) Tình hình các thuộc địa. Nguyên nhân của chiến tranh***

- Sau khi Cô-lôm-bô tìm ra châu Mĩ, người Anh đến Bắc Mĩ ngày một nhiều. Đến thế kỉ XVIII, họ đã thiết lập được 13 thuộc địa và tiến hành chính sách cai trị, bóc lột nhân dân ở đây.

- Giữa thế kỉ XVIII, nền kinh tế tư bản chủ nghĩa ở 13 thuộc địa phát triển mạnh, nhưng thực dân Anh lại tìm mọi cách ngăn cản, kìm hãm như tăng thuế, độc quyền buôn bán trong và ngoài nước... Vì vậy, mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Bắc Mĩ và giai cấp tư sản, chủ nô với thực dân Anh trở nên gay gắt.

- Dưới sự lãnh đạo của giai cấp tư sản, chủ nô, nhân dân Bắc Mĩ đã đứng lên đấu tranh để lật đổ ách thống trị của thực dân Anh, đồng thời mở đường cho nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển.

Quan sát hình 3 - Lược đồ 13 thuộc địa của Anh ở Bắc Mĩ, xác định trên lược đồ vị trí của 13 thuộc địa và nêu nhận xét về ví trí của các thuộc địa.

***b) Diễn biến cuộc chiến tranh***

- Tháng 12 - 1773, nhân dân cảng Bô-xtơn tấn công ba tàu chở chè của Anh để phản đối chế độ thu thuế. Đáp lại, thực dân Anh đã ra lệnh đóng cửa cảng.

- Năm 1774, đại biểu các thuộc địa đã họp Hội nghị lục địa ở
Phi-la-đen-phi-a, yêu cầu vua Anh phải xoá bỏ các luật cấm vô lí, nhưng không đạt kết quả.

- Tháng 4 - 1775, cuộc chiến tranh bùng nổ. Nhờ có sự lãnh đạo tài giỏi của Gioóc-giơ Oa-sinh-tơn, quân thuộc địa đã giành được nhiều thắng lợi quan trọng.

- Ngày 4 - 7 - 1776, bản *Tuyên ngôn Độc lập* được công bố, xác định quyền của con người và quyền độc lập của 13 thuộc địa. Nhưng thực dân Anh không chấp nhận và cuộc chiến tranh vẫn tiếp diễn.

- Tháng 10 - 1777, quân 13 thuộc địa giành thắng lợi lớn ở Xa-ra-tô-ga, làm quân Anh suy yếu. Năm 1783, thực dân Anh phải kí Hiệp ước Véc-xai, công nhận nền độc lập của các thuộc địa. Cuộc chiến tranh kết thúc.

- Lập niên biểu về cuộc Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ.

- Quan sát hình 4 - *G. Oa-sinh-tơn (1732 - 1799)* (SGK) và nhận xét về vai trò của ông đối với cuộc chiến tranh.

***c) Kết quả, ý nghĩa của cuộc Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ***

*-* Kết quả :

Cuộc chiến tranh kết thúc, Anh phải thừa nhận nền độc lập
của 13 thuộc địa và Hợp chúng quốc Mĩ ra đời. Năm 1787, Mĩ ban hành Hiến pháp, quy định Mĩ là nước cộng hoà liên bang, đứng đầu là Tổng thống.

*-* Ý nghĩa :

+ Cuộc Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ về thực chất là cuộc cách mạng tư sản, nó đã thực hiện được hai nhiệm vụ cùng một lúc là lật đổ ách thống trị của thực dân và mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

+ Tuy nhiên, cũng như Cách mạng tư sản Anh, cuộc cách mạng này không triệt để vì chỉ có giai cấp tư sản, chủ nô được hưởng quyền lợi, còn nhân dân lao động nói chung không được hưởng chút quyền lợi gì.

**Nội dung 2 : CÁCH MẠNG TƯ SẢN PHÁP CUỐI THẾ KỈ XVIII**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Tình hình kinh tế và xã hội Pháp trước cách mạng.

- Việc chiếm ngục Ba-xti (14 - 7 - 1789) - mở đầu cách mạng.

- Diễn biến chính của cách mạng, những nhiệm vụ mà cách mạng đã giải quyết : chống thù trong giặc ngoài, giải quyết các nhiệm vụ dân tộc, dân chủ ; ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tư sản Pháp.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Tình hình kinh tế và xã hội Pháp trước cách mạng**

*Nhận biết những nét chính về tình hình kinh tế, chính trị - xã hội, đấu tranh tư tưởng ở Pháp trước khi cách mạng bùng nổ :*

***-*** Tình hình kinh tế :

+ Giữa thế kỉ XVIII, nền nông nghiệp Pháp vẫn lạc hậu, công cụ canh tác rất thô sơ (chủ yếu dùng cày, cuốc) nên năng suất thấp.
Nạn mất mùa, đói kém thường xuyên xảy ra, đời sống nông dân rất khổ cực.

+ Trong lĩnh vực công thương nghiệp, kinh tế tư bản chủ nghĩa tuy đã phát triển nhưng lại bị chế độ phong kiến cản trở, kìm hãm. Nước Pháp bấy giờ lại chưa có sự thống nhất về đơn vị đo lường và tiền tệ.

***-*** Tình hình chính trị - xã hội :

+ Trước cách mạng, Pháp vẫn là nước quân chủ chuyên chế do vua Lu-i XVI đứng đầu. Xã hội tồn tại ba đẳng cấp là Tăng lữ, Quý tộc và Đẳng cấp thứ ba, mâu thuẫn với nhau rất gay gắt.

+ Hình thành các khái niệm "quân chủ chuyên chế", "đẳng cấp", "quý tộc", ‘tăng lữ", "đẳng cấp thứ ba".

+ Đẳng cấp Tăng lữ và Quý tộc có trong tay mọi quyền lợi, không phải đóng thuế. Trong khi đó, Đẳng cấp thứ ba gồm tư sản, nông dân và dân nghèo thành thị không có quyền lợi gì, phải đóng nhiều thứ thuế. Nông dân chiếm 90% dân số, là giai cấp nghèo khổ nhất.

+ Mâu thuẫn giữa Đẳng cấp thứ ba với các đẳng cấp Tăng lữ, Quý tộc ngày càng gay gắt.

+ Vì vậy, dưới sự lãnh đạo của giai cấp tư sản, nông dân Pháp hăng hái tham gia cách mạng để lật đổ chế độ phong kiến.

***-*** Đấu tranh trên mặt trận tư tưởng :

+ Thời kì này, đại diện cho trào lưu triết học Ánh sáng Pháp là Mông-te-xki-ơ, Vôn-te, Giăng Giắc Rút-xô đã ủng hộ tư tưởng tiến bộ của giai cấp tư sản, kịch liệt tố cáo và lên án chế độ quân chủ chuyên chế của Lu-i XVI.

+ Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng đã thúc đẩy cách mạng sớm bùng nổ.

- Quan sát hình 5 – *Tình cảnh nông dân Pháp trước cách mạng* (SGK) và tìm hiểu nội dung bức tranh.

- Quan sát các hình 6, 7, 8 trong SGK và nêu một số nét chính về các nhân vật Mông-te-xki-ơ, Vôn-te, Rút-xô.

**2. Cách mạng bùng nổ và sự phát triển của cách mạng**

*Trình bày được nguyên nhân trực tiếp và diễn biến cuộc cách mạng :*

- Nguyên nhân trực tiếp dẫn tới bùng nổ cuộc cách mạng :

+ Do ăn chơi xa xỉ, vua Lu-i XVI phải vay của tư sản 5 tỉ livrơ. Số tiền nợ này vua không có khả năng trả nên đã liên tiếp tăng thuế. Mâu thuẫn giữa nông dân với chế độ phong kiến vì thế càng trở nên sâu sắc.

+ Ngày 5 - 5 - 1789, Lu-i XVI lại triệu tập Hội nghị ba đẳng cấp để tăng thuế. Nhưng đại diện của Đẳng cấp thứ ba kịch liệt phản đối và họ đã tự họp Hội đồng dân tộc, tuyên bố Quốc hội lập hiến, tự soạn thảo Hiến pháp, thông qua đạo luật mới về tài chính. Ngay lập tức, nhà vua và quý tộc dùng quân đội để uy hiếp.

Cách mạng tư sản Pháp diễn ra qua 3 giai đoạn chính :

+ Giai đoạn phái Lập hiến thiết lập chế độ quân chủ lập hiến (từ ngày 14 - 7 - 1789 đến ngày 10 - 8 - 1792) :

• Ngày 14 - 7 - 1789, dưới sự lãnh đạo của phái Lập hiến([[2]](#footnote-2)), quần chúng nhân dân kéo đến tấn công và chiếm pháo đài - nhà ngục
Ba-xti. Họ đốt các văn tự, khế ước của phong kiến và làm chủ các cơ quan quan trọng của thành phố (tìm hiểu khái niệm phái Lập hiến).

• Sau khi giành thắng lợi, phái Lập hiến lên nắm quyền và họ đã làm được hai việc quan trọng đối với cách mạng :

Thông qua *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền*, nêu cao khẩu hiệu "Tự do - Bình đẳng - Bác ái" (tháng 8 - 1789).

Ban hành Hiến pháp (tháng 9 - 1791), xác lập chế độ quân chủ
lập hiến.

Theo đó, vua không được nắm thực quyền mà là Quốc hội. Vì vậy, Lu-i XVI đã liên kết với lực lượng phản cách mạng trong nước, cầu cứu bên ngoài để giành lại chính quyền.

• Tháng 4 - 1792, liên minh hai nước Áo - Phổ cùng bọn phản động ở Pháp chống phá cách mạng. Phái Lập hiến đã không kiên quyết chống lại, tình hình đất nước trở nên lâm nguy.

• Trước tình hình đó, ngày 10 - 8 - 1792, phái Gi-rông-đanh đứng lên lãnh đạo nhân dân tiếp tục làm cách mạng, lật đổ phái Lập hiến và xoá bỏ chế độ phong kiến.

+ Giai đoạn phái Gi-rông-đanh tiếp tục làm cách mạng, lật đổ phái Lập hiến và thiết lập nền cộng hoà (từ ngày 21 - 9 - 1792 đến ngày
2 - 6 - 1793).

• Khái niệm "Gi-rông-đanh".

• Sau khi lật đổ phái Lập hiến và xoá bỏ chế độ phong kiến, phái Gi-rông-đanh bầu ra Quốc hội mới, thiết lập nền cộng hoà. Ngày 21 - 1 - 1793, vua Lu-i XVI bị xử tử vì tội phản quốc.

• Mùa xuân năm 1793, quân Anh cùng quân đội các nước phong kiến châu Âu tấn công nước Pháp. Bọn phản động trong nước ở mọi nơi cũng nổi dậy tấn công cách mạng, làm cho tình hình nước Pháp gặp nhiều khó khăn. Trong khi đó, phái Gi-rông-đanh không lo chống ngoại xâm và nội phản, chỉ lo củng cố quyền lực.

• Ngày 2 - 6 - 1793, dưới sự lãnh đạo của phái Gia-cô-banh, đứng đầu là Rô-be-spie, quần chúng nhân dân đã lật đổ phái Gi-rông-đanh.

+ Giai đoạn phái Gia-cô-banh lãnh đạo nhân dân lật đổ phái
Gi-rông-đanh và thiết lập nền chuyên chính dân chủ Gia-cô-banh

• Hình thành khái niệm "Gia-cô-banh".

• Sau khi lật đổ phái Gi-rông-đanh, phái Gia-cô-banh được sự ủng hộ của nhân dân lên nắm chính quyền, thiết lập nền chuyên chính dân chủ do Rô-be-spie đứng đầu. Chính quyền cách mạng đã thi hành nhiều biện pháp quan trọng để trừng trị bọn phản cách mạng, giải quyết những yêu cầu của nhân dân, như : xoá bỏ mọi nghĩa vụ của nông dân đối với phong kiến, chia ruộng đất cho nông dân, quy định giá các mặt hàng bán cho dân nghèo,...

• Phái Gia-cô-banh cũng ban hành lệnh tổng động viên, xây dựng đội quân cách mạng hùng mạnh, nhờ đó đã đánh bại bọn ngoại xâm và nội phản.

• Do nội bộ bị chia rẽ, nhân dân lại không ủng hộ như trước (do phái Gia-cô-banh không đem lại đầy đủ quyền lợi cho họ như đã hứa), nên phái tư sản phản cách mạng đã tiến hành đảo chính, bắt Rô-be-spie để xử tử (28 - 7 - 1794).

Cách mạng kết thúc vào cuối thế kỉ XVIII.

- Quan sát hình 9 - *Tấn công pháo đài - nhà tù Ba-xti* (SGK) và trình bày diễn biến cuộc tấn công này.

- Lập bảng niên biểu những sự kiện chính của Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII.

- Quan sát hình 10 (SGK) để biết được lực lượng phản cách mạng tấn công nước Pháp năm 1793 và nhận xét về tình hình nước Pháp lúc bấy giờ.

- Quan sát hình 11 - *M. Rô-be-spie* và nêu vai trò của ông trong việc đưa Cách mạng tư sản Pháp phát triển đến đỉnh cao.

**3. Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII**

*Hiểu và đánh giá được ý nghĩa cuộc Cách mạng tư sản Pháp 1789 :*

Cách mạng tư sản Pháp đã lật đổ được chế độ phong kiến, đưa giai cấp tư sản lên cầm quyền, xoá bỏ nhiều trở ngại trên con đường phát triển của chủ nghĩa tư bản. Quần chúng nhân dân là lực lượng chủ yếu đưa cách mạng đạt tới đỉnh cao với nền chuyên chính dân chủ Gia-cô-banh.

Tuy Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII được coi là cuộc cách mạng tư sản triệt để nhất, nhưng nó vẫn chưa đáp ứng được đầy đủ quyền lợi cho nhân dân, vẫn không hoàn toàn xoá bỏ được chế độ phong kiến, chỉ có giai cấp tư sản là được hưởng lợi.

Củng cố nhận thức khái niệm "cách mạng tư sản" và bước đầu hiểu rằng, cách mạng Việt Nam sẽ không đi theo con đường cách mạng tư sản.

**Nội dung 3 : SỰ XÁC LẬP CHỦ NGHĨA TƯ BẢN TRÊN PHẠM VI THẾ GIỚI**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Một số phát minh chủ yếu về kĩ thuật và quá trình công nghiệp hoá ở các nước Âu - Mĩ từ giữa thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX.

- Đánh giá được hệ quả kinh tế, xã hội của cách mạng công nghiệp.

- Cuộc cách mạng tư sản nổ ra ở một số nước với những hình thức khác nhau : thống nhất Đức, thống nhất I-ta-li-a, Minh Trị Duy tân ở Nhật, nội chiến ở Mĩ, cải cách nông nô ở Nga.

- Trình bày quá trình xâm lược thuộc địa và sự hình thành hệ thống thuộc địa.

- Đôi nét về quá trình đấu tranh giữa chủ nghĩa tư bản và chế độ phong kiến trên phạm vi toàn thế giới.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Cách mạng công nghiệp**

*Biết được một số phát minh lớn trong cách mạng công nghiệp ; hệ quả của cách mạng công nghiệp :*

***a) Cách mạng công nghiệp ở Anh***

- Từ những năm 60 của thế kỉ XVIII, Anh là nước đầu tiên trên thế giới tiến hành cách mạng công nghiệp với việc phát minh ra máy móc trong ngành dệt.

+ Năm 1764, Giêm Ha-gri-vơ sáng chế ra máy kéo sợi Gien-ni, nâng cao năng suất gấp 8 lần. Năm 1769, Ác-crai-tơ phát minh ra máy kéo sợi chạy bằng sức nước.

+ Năm 1785, Ác-crai-tơ chế tạo thành công máy dệt chạy bằng sức nước, nâng cao năng suất lao động tới 40 lần so với dệt vải bằng tay, nhưng có hạn chế là phải xây dựng nhà máy gần những khúc sông chảy xiết, về mùa đông nước đóng băng nên máy không hoạt
động được.

- Đặc biệt năm 1784, Giêm Oát đã phát minh ra máy hơi nước, khắc phục được tất cả những nhược điểm của các máy móc trước đây, thúc đẩy nhiều ngành kinh tế khác ra đời như ngành dệt, luyện kim, khai thác mỏ, tiêu biểu là ngành giao thông vận tải có tàu thuỷ, tàu hoả sử dụng đầu máy chạy bằng hơi nước.

- Nhờ cách mạng công nghiệp, Anh sớm diễn ra quá trình chuyển biến từ sản xuất nhỏ, thủ công sang sản xuất lớn bằng máy móc, là nước đầu tiên tiến hành công nghiệp hoá. Từ một nước nông nghiệp, Anh đã
trở thành nước công nghiệp phát triển nhất thế giới, là "công xưởng” của thế giới.

- Quan sát hình 13, 14, 15 trong SGK, nêu ý nghĩa của những phát minh này.

- Lập bảng niên biểu về các phát minh máy móc trong cách mạng công nghiệp ở Anh.

***b) Cách mạng công nghiệp ở Pháp, Đức***

- Năm 1830, cách mạng công nghiệp ở Pháp mới bắt đầu, nhưng tốc độ lại diễn ra rất nhanh. Đến năm 1870, nước Pháp đã có 27000 máy hơi nước, giúp công nghiệp Pháp vươn lên đứng thứ hai thế giới (sau Anh).

- Ở Đức, từ những năm 40 của thế kỉ XIX dù đất nước chưa được thống nhất nhưng quá trình cách mạng công nghiệp đã diễn ra. Được thừa hưởng những thành tựu của các nước đi trước, đến những năm 1850 - 1860, các ngành kinh tế của Đức đều sử dụng máy móc. Sau năm 1870, công nghiệp của Đức đã vươn lên đứng đầu châu Âu và đứng thứ hai thế giới (sau Mĩ).

***c) Hệ quả của cách mạng công nghiệp***

- Cách mạng công nghiệp đã làm thay đổi bộ mặt các nước tư bản, như nâng cao năng suất lao động, hình thành các trung tâm kinh tế, thành phố lớn,...

- Về xã hội, hình thành hai giai cấp tư sản và vô sản, mâu thuẫn với nhau gay gắt, dẫn đến các cuộc đấu tranh giai cấp trong xã hội tư bản.

- Hình thành khái niệm "cách mạng công nghiệp".

- Quan sát hình 17, 18 trong SGK và nhận xét về sự thay đổi
các khu công nghiệp, các thành phố và số lượng dân cư ở các thành phố đó.

**2. Chủ nghĩa tư bản xác lập trên phạm vi thế giới**

*Biết được những cuộc cách mạng tư sản nổ ra ở khu vực Mĩ La-tinh, châu Âu và sự bành trướng của các nước tư bản ở các nước
Á, Phi :*

***a) Các cuộc cách mạng tư sản thế kỉ XIX***

Do sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế tư bản chủ nghĩa, cộng với những tác động từ cuộc Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ, Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII, nhân dân các nước thuộc địa ở khu vực Mĩ La-tinh đã nổi dậy đấu tranh lật đổ ách thống trị của thực dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, giành chính quyền về tay mình, thành lập hàng loạt quốc gia tư sản như Cô-lôm-bi-a,
Ác-hen-ti-na, Chi-lê, Vê-nê-xu-ê-la, ...

- Ở châu Âu, tháng 7 - 1830, phong trào cách mạng tư sản lại nổ ra ở Pháp, sau đó nhanh chóng lan ra các nước Bỉ, Đức, I-ta-li-a,
Ba Lan,... Năm 1848 - 1849, cách mạng tư sản lại diễn ra sôi nổi ở nhiều nước châu Âu, làm rung chuyển chế độ phong kiến châu Âu và đế quốc Áo - Hung.

- Ở I-ta-li-a, từ năm 1859 đến năm 1870, dưới sự lãnh đạo của quý tộc tư sản hoá, đại diện là Ca-vua, sau đó là người anh hùng dân tộc
Ga-ri-ban-đi, các Vương quốc ở I-ta-li-a đã thoát khỏi sự thống trị của đế quốc Áo và thống nhất thành vương quốc I-ta-li-a, mở đường cho nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển.

- Ở Đức, từ năm 1864 đến năm 1871, giai cấp tư sản và quý tộc quân phiệt Phổ - đại diện là Bi-xmác đã lãnh đạo nhân dân tiến hành công cuộc thống nhất, đưa nước Đức phát triển đi lên theo con đường tư bản chủ nghĩa.

- Ở Nga, năm 1861, Nga hoàng A-lếch-xan-đrơ II đã ban bố "Sắc lệnh giải phóng nông nô", nhờ đó tạo thêm nguồn nhân công cho nền sản xuất tư bản, giúp Nga sớm chuyển sang chủ nghĩa tư bản.

Quan sát hình 19 - SGK, xác định vị trí và tên các quốc gia tư sản ở khu vực Mĩ La-tinh trên lược đồ.

Lập bảng thống kê các quốc gia tư sản ở khu vực Mĩ La-tinh theo thứ tự niên đại thành lập.

Quan sát hình 20 - SGK, xác định địa điểm nơi bùng nổ các cuộc cách mạng ở châu Âu trong những năm 1848 - 1849.

So sánh điểm giống nhau và khác nhau giữa cuộc đấu tranh thống nhất Đức và I-ta-li-a.

***b) Sự xâm lược của tư bản phương Tây đối với các nước Á, Phi***

- Từ khi tiến hành cách mạng công nghiệp, nhu cầu về nguyên liệu, thị trường của các nước tư bản Anh và Pháp trở nên cấp thiết, khiến chính phủ tư sản các nước này đẩy mạnh việc xâm lược đối với phương Đông, đặc biệt là Ấn Độ, Trung Quốc và khu vực Đông Nam Á.

- Tại châu Phi, các nước Anh, Pháp, Đức, I-ta-li-a, Bỉ,... cũng
ráo riết đẩy mạnh xâu xé, biến toàn bộ châu lục này thành thuộc địa của mình.

- Kết quả, cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, hầu hết các nước ở châu Á, châu Phi đều trở thành thuộc địa hoặc phụ thuộc của chủ nghĩa thực dân phương Tây.

- Hiểu các khái niệm "thuộc địa", "nước phụ thuộc".

- Xác định trên lược đồ thế giới các nước châu Á, châu Phi trở thành thuộc địa của thực dân nào.

**Nội dung 4 : PHONG TRÀO CÔNG NHÂN
 VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA CHỦ NGHĨA MÁC**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Sự ra đời của giai cấp công nhân gắn liền với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Tình cảnh của giai cấp công nhân.

- Những cuộc đấu tranh tiêu biểu của giai cấp công nhân trong những năm 30-40 của thế kỉ XIX.

- Mác - Ăng-ghen và sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học : Những hoạt động cách mạng, đóng góp to lớn của hai ông đối với phong trào công nhân quốc tế.

- Nội dung tiêu biểu của Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản.

- Phong trào công nhân quốc tế (Quốc tế thứ nhất) sau khi chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời.

**1. Phong trào công nhân nửa đầu thế kỉ XIX**

*Biết được những nét chính về các hình thức đấu tranh và những phong trào tiêu biểu của giai cấp công nhân :*

***a) Phong trào đập phá máy móc và bãi công***

- Cùng với sự phát triển của công nghiệp, giai cấp công nhân sớm ra đời. Ngay từ buổi đầu, họ đã bị giai cấp tư sản bóc lột nặng nề, thường phải làm việc từ 14 đến 16 giờ mỗi ngày trong điều kiện thiếu an toàn, đồng lương lại rẻ mạt. Cả phụ nữ và trẻ em cũng bị bóc lột. Vì vậy, công nhân đã nổi dậy đấu tranh.

- Hình thức đấu tranh đầu tiên của công nhân là đập phá máy móc và đốt công xưởng([[3]](#footnote-3)). Cuộc đấu tranh nổ ra ở Anh, sau đó là Pháp,
Đức, Bỉ,...

- Đến đầu thế kỉ XIX, công nhân đã chuyển sang đấu tranh với hình thức bãi công, đòi tăng lương và giảm giờ làm, thành lập các công đoàn để bảo vệ mình.

- Quan sát hình 24 - SGK, nhận xét về lao động trẻ em trong
hầm mỏ.

***b) Phong trào công nhân trong những năm 1830 - 1840***

- Cuộc đấu tranh của công nhân thành phố Li-ông (Pháp) : Năm 1831, công nhân dệt ở Li-ông (Pháp) khởi nghĩa đòi tăng lương, giảm giờ làm. Họ nêu cao khẩu hiệu "Sống trong lao động, chết trong chiến đấu". Cuộc khởi nghĩa cuối cùng bị giới chủ đàn áp.

- Năm 1844, công nhân dệt vùng Sơ-lê-din (Đức) khởi nghĩa, chống lại sự hà khắc của giới chủ.

- Phong trào Hiến chương ở Anh : từ năm 1836 đến năm 1847, nước Anh diễn ra "Phong trào Hiến chương" có quy mô, tổ chức và mang tính chất chính trị rõ rệt.

- Các cuộc đấu tranh của công nhân ở Pháp, Đức, Anh nêu trên tuy cuối cùng đều bị thất bại, nhưng nó đánh dấu sự trưởng thành của phong trào công nhân quốc tế, tạo điều kiện cho sự ra đời của lí luận cách mạng sau này.

**2. Sự ra đời của chủ nghĩa Mác**

*Biết được những hoạt động, đóng góp của C. Mác và Ph. Ăng-ghen đối với phong trào công nhân quốc tế :*

***a) C. Mác và Ph. Ăng-ghen***

- C. Mác sinh năm 1818 trong một gia đình trí thức gốc Do Thái ở Tơ-ri-ơ (Đức). Từ nhỏ, Mác nổi tiếng là người thông minh, rất quý trọng người lao động.

Sau khi đỗ Tiến sĩ Triết học, Mác vừa nghiên cứu khoa học, vừa có nhiều đóng góp cho phong trào cách mạng ở Đức và châu Âu.

- Ph. Ăng-ghen sinh năm 1820 trong một gia đình chủ xưởng giàu có ở Bác-men (Đức). Khi lớn lên, Ăng-ghen hiểu rõ những thủ đoạn bóc lột của giai cấp tư sản đối với người lao động. Vì vậy, năm 1842, ông sang Anh để tìm hiểu thêm về đời sống của người công nhân và đã viết cuốn "Tình cảnh giai cấp công nhân Anh".

- Năm 1844, Mác và Ăng-ghen gặp nhau ở Pháp. Hai người có cùng chí hướng nên đã kết bạn thân với nhau, cùng hoạt động cách mạng (học tập tấm gương đấu tranh cách mạng, về "tình bạn vĩ đại" giữa hai ông).

- Sưu tầm tranh, ảnh, các tài liệu về Mác và Ăng ghen.

***b) Sự ra đời của "Đồng minh những người cộng sản" và "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản"***

- Khi hoạt động ở Anh, Mác và Ăng-ghen đã tham gia tổ chức bí mật của công nhân Tây Âu "Đồng minh những người chính nghĩa", sau đó hai ông cải tổ thành "Đồng minh những người cộng sản". Đây là chính Đảng độc lập đầu tiên của giai cấp vô sản quốc tế.

- Tháng 2 - 1848, Mác và Ăng-ghen công bố cương lĩnh "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản". Đây là văn kiện quan trọng, là những luận điểm cơ bản về sự phát triển của xã hội và cách mạng xã hội chủ nghĩa (Dựa vào SGK, nêu một vài luận điểm trong "Tuyên ngôn").

***c) Phong trào công nhân từ năm 1848 đến năm 1870 - Quốc tế thứ nhất***

- Sau khi "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" ra đời, phong trào đấu tranh của công nhân ở châu Âu tiếp tục diễn ra quyết liệt.

+ Ở Pháp, ngày 23 - 6 - 1848, công nhân và nhân dân lao động Pa-ri lại khởi nghĩa vũ trang kéo dài trong bốn ngày.

+ Ở Đức, công nhân và thợ thủ công nổi dậy đấu tranh làm giới chủ khiếp sợ.

- Ngày 28 - 9 - 1864, công nhân Anh và đại biểu công nhân nhiều nước châu Âu tham gia mít tinh có tổ chức, sau đó thành lập "Hội Liên hiệp lao động quốc tế", lấy tên là Quốc tế thứ nhất. Mác là đại biểu của công nhân Đức đã trở thành "linh hồn" của Quốc tế thứ nhất.

- Từ khi thành lập đến năm 1870, Quốc tế thứ nhất thực hiện việc truyền bá chủ nghĩa Mác, qua đó thúc đẩy phong trào công nhân quốc tế phát triển tích cực, tự giác.

- Quan sát hình 29 (SGK) để biết được lễ thành lập Quốc tế thứ nhất.

- Đánh giá vai trò của Mác đối với việc thành lập Quốc tế thứ nhất.

***Chủ đề 2***

**CÁC NƯỚC ÂU - MĨ CUỐI THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX**

**Nội dung 1 : CÔNG XÃ PA-RI**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

Học sinh biết và hiểu :

- Mâu thuẫn giai cấp ở Pháp trở nên gay gắt và sự xung đột giữa tư sản và công nhân.

- Công xã Pa-ri ; cuộc khởi nghĩa ngày 18 - 3 - 1871 thắng lợi.

- Một số chính sách quan trọng của Công xã Pa-ri.

- Ý nghĩa lịch sử của Công xã Pa-ri.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Sự thành lập Công xã**

*Nhận biết về hoàn cảnh ra đời của Công xã Pa-ri ; những nét chính về diễn biến cuộc khởi nghĩa ngày 18* - *3* - *1871 và sự ra đời Công xã Pa-ri :*

***a) Hoàn cảnh ra đời Công xã Pa-ri***

- Để giảm bớt mâu thuẫn trong nước và ngăn cản sự phát triển của nước Đức thống nhất, Pháp tuyên chiến với Phổ, song chiến tranh đã gây cho Pháp nhiều khó khăn.

- Ngày 2 - 9 - 1870, Hoàng đế Na-pô-lê-ông III cùng toàn bộ 10 vạn quân chủ lực bị quân Phổ bắt làm tù binh. Nhân cơ hội này, ngày 4 - 9 - 1870, nhân dân Pa-ri (phần lớn là công nhân và tiểu tư sản) đứng lên khởi nghĩa.

- Chính quyền của Na-pô-lê-ông III bị lật đổ, nhưng giai cấp tư sản đã cướp mất thành quả cách mạng của quần chúng nhân dân, thành lập Chính phủ lâm thời tư sản, mang tên "Chính phủ vệ quốc".

- Khi quân Phổ kéo vào nước Pháp và bao vây Pa-ri, Chính phủ tư sản hèn nhát vội vàng xin đình chiến. Trước tình hình đó, quần chúng nhân dân một lần nữa lại đứng lên quyết chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

***b) Cuộc khởi nghĩa ngày 18 - 3 - 1871. Sự thành lập Công xã***

- Khi mâu thuẫn giữa Chính phủ tư sản (ở Véc-xai) với nhân dân ngày càng gay gắt, Chi-e tiến hành âm mưu bắt hết các uỷ viên của uỷ ban Trung ương (đại diện cho nhân dân).

- Ngày 18 - 3 - 1871, Chi-e cho quân đánh úp đồi Mông-mác (Bắc Pa-ri) - là nơi tập trung đại bác của Quốc dân quân, nhưng cuối cùng chúng đã thất bại. Âm mưu chiếm đồi Mông-mác không thành, Chi-e phải cho quân chạy về Véc-xai. Nhân dân nhanh chóng làm chủ Pa-ri và đảm nhiệm vai trò Chính phủ lâm thời.

- Ngày 26 - 3 - 1871, nhân dân Pa-ri tiến hành bầu cử Hội đồng Công xã theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu. Những người trúng cử phần đông là công nhân và trí thức - đại diện cho nhân dân lao động Pa-ri.

Tường thuật buổi lễ thành lập Hội đồng Công xã (26 - 3 - 1871).

**2. Tổ chức bộ máy và chính sách của Công xã Pa-ri**

*Trình bày được sơ đồ về tổ chức bộ máy và hiểu bản chất Nhà nước kiểu mới :*

*-* Tổ chức bộ máy :

+ Cơ quan cao nhất của Nhà nước là Hội đồng Công xã.

+ Hội đồng Công xã có nhiệm vụ ban bố pháp luật và lập ra 10 uỷ ban để thi hành pháp luật (vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước và nêu tính chất dân chủ của nó - do dân bầu, chịu trách nhiệm trước dân, vì quyền lợi của nhân dân).

*-* Chính sách của Công xã :

+ Công xã đã ra sắc lệnh giải tán quân đội và bộ máy cảnh sát của tư sản, thành lập lực lượng vũ trang của nhân dân.

+ Công xã đã ban hành các sắc lệnh mới : tách nhà thờ ra khỏi hoạt động của nhà nước, quy định tiền lương tối thiểu, thực hiện giáo dục bắt buộc không đóng học phí, quy định giá bán bánh mì,...

+ Tất cả những chính sách trên của Công xã đều phục vụ quyền lợi cho nhân dân lao động. Đây thực sự là một Nhà nước kiểu mới.

- Hiểu được nội hàm khái niệm "Nhà nước kiểu mới".

- Phân tích tổ chức bộ máy, chính sách của Công xã (dựa vào
*Sơ đồ bộ máy Hội đồng Công xã* trong SGK).

**3. Nội chiến ở Pháp, ý nghĩa lịch sử của Công xã Pa-ri**

*Trình bày được cuộc chiến đấu của các chiến sĩ Công xã :*

- Thất bại trong âm mưu chiếm đồi Mông-mác, Chi-e ráo riết chuẩn bị lực lượng và đánh chiếm các pháo đài ở phía tây và phía nam Pa-ri.

- Từ ngày 20 đến ngày 28 - 5 - 1871, Chi-e cho quân tấn công thành phố Pa-ri. Cuộc chiến đấu giữa hai bên đã diễn ra ác liệt trong suốt một tuần lễ, trở thành "Tuần lễ đẫm máu".

- Tham gia chiến đấu chống quân của chính phủ Véc-xai có cả người già, phụ nữ và trẻ em. Các chiến sĩ Công xã đã chiến đấu, hi sinh đến người cuối cùng tại nghĩa địa Cha La-se-dơ.

- Quan sát hình 31 (SGK) và nêu nhận xét về cuộc chiến đấu của các chiến sĩ Công xã trên chiến luỹ.

- Tường thuật được cuộc chiến đấu của các chiến sĩ Công xã ở nghĩa địa Cha La-se-dơ.

- Ý nghĩa, bài học của Công xã Pa-ri :

+ Tuy chỉ tồn tại 72 ngày (từ ngày 18 - 3 đến ngày 28 - 5 - 1871), nhưng Công xã Pa-ri có ý nghĩa lịch sử to lớn. Công xã là hình ảnh thu nhỏ của một chế độ xã hội mới, đem lại một tương lai tốt đẹp cho nhân dân lao động.

+ Công xã để lại bài học kinh nghiệm quý báu : muốn cách mạng vô sản thắng lợi thì phải có đảng cách mạng chân chính lãnh đạo ; phải thực hiện liên minh công nông và phải kiên quyết trấn áp kẻ thù ngay từ đầu.

- Lập niên biểu các sự kiện cơ bản của Công xã Pa-ri.

**Nội dung 2 : CÁC NƯỚC ANH, PHÁP, ĐỨC, MĨ CUỐI THẾ KỈ XIX -
ĐẦU THẾ KỈ XX**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Những nét chính về các nước đế quốc Anh, Pháp, Đức, Mĩ.

+ Sự phát triển nhanh chóng về kinh tế.

+ Những đặc điểm về chính trị, xã hội.

+ Chính sách bành trướng, xâm lược và tranh giành thuộc địa.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Tình hình các nước Anh, Pháp, Đức, Mĩ**

*Nhận biết được những chuyển biến lớn về kinh tế, chính sách đối nội, đối ngoại của các nước Anh, Pháp, Đức, Mĩ cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX. Sự phát triển không đều của các nước :*

***-*** Anh :

+ Về kinh tế : Trước năm 1870, Anh đứng đầu thế giới về sản xuất công nghiệp, nhưng từ sau năm 1870, Anh mất dần vị trí này và tụt xuống hàng thứ ba thế giới (sau Mĩ và Đức).

Tuy mất vai trò bá chủ thế giới về công nghiệp, nhưng Anh vẫn đứng đầu về xuất khẩu tư bản, thương mại và thuộc địa. Nhiều công ti độc quyền về công nghiệp và tài chính đã ra đời, chi phối toàn bộ nền kinh tế.

+ Về chính trị : Anh là nước quân chủ lập hiến, hai đảng Bảo thủ và Tự do thay nhau cầm quyền, bảo vệ quyền lợi cho giai cấp tư sản.

+ Về đối ngoại : Anh ưu tiên và đẩy mạnh chính sách xâm lược thuộc địa. Đến năm 1914, thuộc địa Anh trải rộng khắp thế giới với 33 triệu km2 và 400 triệu dân, gấp 50 lần diện tích và dân số nước Anh bấy giờ, gấp 12 lần thuộc địa của Đức. Chính vì vậy, Lê-nin gọi chủ nghĩa đế quốc Anh là "chủ nghĩa đế quốc thực dân".

***-*** Pháp :

+ Về kinh tế : Trước năm 1870, công nghiệp Pháp đứng hàng thứ hai thế giới (sau Anh), nhưng từ năm 1870 trở đi, Pháp phải nhường vị trí này cho Đức và tụt xuống hàng thứ tư thế giới.

Tuy nhiên, tư bản Pháp vẫn phát triển mạnh, nhất là các ngành khai mỏ, đường sắt, luyện kim, chế tạo ô tô,... Nhiều công ti độc quyền ra đời chi phối nền kinh tế Pháp, đặc biệt trong lĩnh vực ngân hàng. Pháp cho các nước tư bản chậm tiến vay với lãi suất rất cao, nên
Lê-nin gọi chủ nghĩa đế quốc Pháp là "chủ nghĩa đế quốc cho vay lãi".

+ Về chính trị : Sau năm 1870, nền Cộng hoà thứ ba được thành lập, đã thi hành chính sách đàn áp nhân dân, tích cực xâm lược thuộc địa. Vì vậy, Pháp là đế quốc có thuộc địa lớn thứ hai thế giới (sau Anh), với 11 triệu km2.

***-*** Đức :

+ Về kinh tế : Trước năm 1870, công nghiệp Đức đứng hàng thứ ba thế giới (sau Anh, Pháp), nhưng từ khi hoàn thành thống nhất (1871), công nghiệp Đức phát triển rất nhanh, vượt qua Anh và Pháp, đứng hàng thứ hai thế giới (sau Mĩ).

Sự phát triển mạnh của công nghiệp Đức đã dẫn đến việc tập trung tư bản cao độ. Nhiều công ti độc quyền ra đời, nhất là về luyện kim, than đá, sắt thép,... chi phối nền kinh tế Đức.

+ Về chính trị : Đức là nước quân chủ lập hiến, theo thể chế liên bang, thi hành chính sách đối nội và đối ngoại hết sức phản động, như : đề cao chủng tộc Đức, đàn áp phong trào công nhân, truyền bá bạo lực và chạy đua vũ trang. Đức là nước đế quốc "trẻ", khi công nghiệp phát triển mạnh đòi hỏi cần có nhiều vốn, nguyên liệu và thị trường. Những thứ này ở các nước châu Á, châu Phi rất nhiều nhưng đã bị các đế quốc "già" (Anh, Pháp) chiếm hết. Vì vậy, Đức hung hãn đòi dùng vũ lực để chia lại thị trường. Đặc điểm của đế quốc Đức là "chủ nghĩa đế quốc quân phiệt hiếu chiến".

***-*** Mĩ :

+Về kinh tế : Trước năm 1870, tư bản Mĩ đứng thứ tư thế giới (sau Anh, Pháp và Đức). Từ năm 1870 trở đi, công nghiệp Mĩ phát triển mạnh, vươn lên vị trí số 1 thế giới. Sản phẩm công nghiệp Mĩ luôn gấp đôi Anh và gấp 1/2 các nước Tây Âu gộp lại.

Công nghiệp phát triển mạnh đã dẫn đến sự tập trung tư bản cao độ. Nhiều công ti độc quyền ở Mĩ ra đời như "vua dầu mỏ" Rốc-phe-lơ, "vua thép" Moóc-gan, "vua ô tô" Pho,... đã chi phối toàn bộ nền kinh
tế Mĩ.

Nông nghiệp, nhờ điều kiện tự nhiên thuận lợi, lại áp dụng phương thức canh tác hiện đại, Mĩ vừa đáp ứng đầy đủ nhu cầu lương thực trong nước, vừa xuất khẩu cho thị trường châu Âu.

*+* Về chính trị : Mĩ theo chế độ cộng hoà, đứng đầu là Tổng thống. Hai đảng Dân chủ và Cộng hoà thay nhau cầm quyền, thi hành chính sách đối nội và đối ngoại phục vụ cho giai cấp tư sản.

Cũng như Đức, Mĩ cũng là đế quốc "trẻ", khi công nghiệp phát triển mạnh thì nhu cầu về vốn, nguyên liệu và thị trường trở nên cấp thiết. Để đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế tư bản, Mĩ tăng cường bành trướng ở khu vực Thái Bình Dương, gây chiến tranh với Tây Ban Nha để tranh giành thuộc địa, dùng vũ lực và đồng đôla để can thiệp vào khu vực Mĩ La-tinh.

- Quan sát hình 32 (SGK) và nhận xét về quyền lực của các công ti độc quyền ở Mĩ.

**2. Chuyển biến quan trọng ở các nước đế quốc**

*Trình bày được những chuyển biến quan trọng của các nước đế quốc cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX :*

Chuyển biến lớn nhất và rõ rệt nhất ở các nước đế quốc cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX là sự hình thành các tổ chức độc quyền, chi phối toàn bộ đời sống xã hội. Ở Mĩ có "vua dầu mỏ", "vua thép" ; ở Đức có các ông chủ độc quyền về luyện kim, than đá ; ở Pháp là các công ti độc quyền trong lĩnh vực ngân hàng,...

Chuyển biến quan trọng thứ hai là tăng cường xâm lược thuộc địa, chuẩn bị chiến tranh đòi chia lại thị trường thế giới. Bất kì đế quốc "già" như Anh, Pháp hay đế quốc "trẻ" như Đức, Mĩ đều thể hiện rõ điều này. Sự chênh lệch về diện tích thuộc địa giữa các nước đế quốc đã khiến họ tích cực chuẩn bị chiến tranh để đòi chia lại thế giới.

- Quan sát lược đồ hình 33 (SGK), xác định tên các nước đế quốc và thuộc địa của các nước này đầu thế kỉ XX.

- So sánh vị trí của các nước Anh, Pháp, Đức, Mĩ trong sản xuất công nghiệp ở hai thời điểm năm 1870 và 1913.

**Nội dung 3 : PHONG TRÀO CÔNG NHÂN QUỐC TẾ CUỐI THẾ KỈ XIX -
ĐẦU THẾ KỈ XX**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Những nét chính về phong trào công nhân quốc tế : cuộc đấu tranh của công nhân Si-ca-gô (Mĩ) ; sự phục hồi và phát triển phong trào đấu tranh của công nhân các nước ; sự thành lập Quốc tế thứ hai.

- Phong trào công nhân Nga và sự ra đời của chủ nghĩa Lê-nin (sự phát triển trong thời kì mới của chủ nghĩa Mác) : Cách mạng 1905 - 1907 ở Nga, V. I. Lê-nin.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Phong trào công nhân quốc tế cuối thế kỉ XIX. Quốc tế
thứ hai**

*Biết được một số sự kiện tiêu biểu trong phong trào công nhân quốc tế cuối thế kỉ XIX và sự ra đời của Quốc tế thứ hai :*

***a) Phong trào công nhân quốc tế cuối thế kỉ XIX***

- Từ 30 năm cuối thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, mâu thuẫn giữa tư sản và vô sản ngày càng gay gắt, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân các nước diễn ra liên tục, nhất là ở Anh, Pháp và Mĩ.

- Ở Mĩ, ngày 1 - 5 - 1886, gần 40 vạn công nhân Si-ca-gô xuống đường biểu tình đòi ngày làm 8 giờ đã được giới chủ chấp thuận cho
5 vạn người. Về sau, ngày 1 - 5 hằng năm trở thành ngày Quốc tế
Lao động.

- Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân thế giới dẫn tới sự ra đời của nhiều tổ chức chính trị độc lập của giai cấp công nhân ở mỗi nước như Đảng Xã hội dân chủ Đức, Đảng Công nhân Pháp,...

- Quan sát hình 34 (SGK) và nhận xét về cuộc biểu tình của công nhân Niu Oóc năm 1882.

***b) Quốc tế thứ hai (1889 - 1914)***

- Ngày 14 - 7 - 1889, nhân kỉ niệm 100 năm ngày nhân dân Pháp phá ngục Ba-xti, gần 400 đại biểu công nhân của 22 nước họp ở Pa-ri, tuyên bố thành lập *Quốc tế thứ hai*.

- Đại hội đã thông qua những quyết định quan trọng : sự cần thiết phải thành lập một chính đảng của giai cấp công nhân ở mỗi nước ; đấu tranh giành chính quyền ; đòi ngày làm 8 giờ và lấy ngày 1 - 5 hằng năm là ngày Quốc tế Lao động.

- Quốc tế thứ hai hoạt động trải qua hai thời kì (từ năm 1889 đến năm 1895 và từ năm 1895 đến năm 1914), đã có nhiều đóng góp cho phong trào công nhân thế giới, làm chậm lại quá trình chiến tranh đế quốc của các nước,... Ăng-ghen được coi là "linh hồn của Quốc tế thứ hai".

- Khi Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ (1914), Quốc tế thứ hai đã bị phân hoá, trừ Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga vẫn tiếp tục hoạt động tích cực, gắn liền với lãnh tụ Lê-nin.

- So sánh với Quốc tế thứ nhất về sự ra đời, hoạt động và vai trò lãnh đạo của Mác với Ăng-ghen.

**2. Phong trào công nhân Nga và cuộc Cách mạng 1905 - 1907**

*Hiểu rõ về Lê-nin và sự ra đời của Đảng Bôn-sê-vích. Diễn biến chính, ý nghĩa của cuộc Cách mạng 1905* - *1907 ở Nga :*

***a) Lê-nin và việc thành lập đảng vô sản kiểu mới***

- Lê-nin sinh ngày 22 - 4 – 1870 trong một gia đình nhà giáo tiến bộ. Từ nhỏ, Lê-nin sớm có tinh thần cách mạng chống lại chế độ chuyên chế Nga hoàng. Năm 1893, Lê-nin trở thành người lãnh đạo của nhóm công nhân mác-xít ở Pê-téc-bua, rồi bị bắt và bị tù đày.

- Năm 1903, Lê-nin thành lập Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga, thông qua Cương lĩnh cách mạng lật đổ chính quyền tư sản, xây dựng xã hội chủ nghĩa.

- Quan sát hình 35 (SGK), tìm hiểu về cuộc đời và hoạt động cách mạng của Lê-nin.

***b) Cách mạng Nga 1905 - 1907***

- Nguyên nhân bùng nổ cách mạng :

+ Đầu thế kỉ XX, nước Nga lâm vào tình trạng khủng hoảng, đời sống nhân dân nói chung, nhất là công nhân rất cực khổ, họ phải lao động từ 12 đến 14 giờ/ngày nhưng tiền lương không
đủ sống.

+ Từ năm 1905 đến năm 1907, Nga hoàng đẩy nhân dân vào cuộc chiến tranh với Nhật Bản để tranh giành thuộc địa, bị thất bại nặng nề, càng làm cho nhân dân chán ghét chế độ. Nhiều cuộc bãi công nổ ra với những khẩu hiệu "Đả đảo chế độ chuyên chế", "Đả đảo chiến tranh", "Ngày làm 8 giờ",...

- Diễn biến :

+ Trong các phong trào đấu tranh chống Nga hoàng, lớn nhất là cuộc Cách mạng 1905 - 1907 có sự tham gia của công nhân, nông dân và binh lính.

+ Mở đầu là ngày 9 - 1 - 1905, 14 vạn công nhân Pê-téc-bua và gia đình tay không vũ khí kéo đến trước Cung điện Mùa Đông đưa bản yêu sách đến Nga hoàng. Nga hoàng ra lệnh cho quân đội nổ súng vào đoàn người làm hơn 1000 người chết và bị thương, trở thành
"Ngày chủ nhật đẫm máu". Lập tức, công nhân nổi dậy cầm vũ khí khởi nghĩa.

+ Tiếp đó, tháng 5 - 1905, nông dân nhiều vùng nổi dậy phá dinh cơ của địa chủ phong kiến, lấy của người giàu chia cho người nghèo.

+ Tháng 6 - 1905, binh lính trên chiến hạm Pô-tem-kin cũng
khởi nghĩa.

+ Đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Mát-xcơ-va
(12 - 1905) của các chiến sĩ cách mạng kéo dài gần hai tuần lễ, khiến Chính phủ Nga hoàng lo sợ.

+ Sau cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Mát-xcơ-va, phong trào cách mạng vẫn tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi, đến năm 1907 mới tạm dừng.

- Lập bảng niên biểu để ghi nhớ các sự kiện chính về cuộc Cách mạng 1905 - 1907.

*-* Kết quả, ý nghĩa :

+ Cách mạng Nga 1905 - 1907 tuy thất bại nhưng nó làm lung lay nền thống trị của địa chủ và tư sản.

+ Là bước chuẩn bị cần thiết cho cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa sẽ diễn ra 10 năm sau đó. Đồng thời, Cách mạng Nga 1905 - 1907 cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc trên thế giới.

**Nội dung 4 : SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KĨ THUẬT, KHOA HỌC, VĂN HỌC VÀ NGHỆ THUẬT THẾ KỈ XVIII - XIX**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

Một vài thành tựu tiêu biểu về kĩ thuật, khoa học, văn học, nghệ thuật ; các nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ thiên tài, hoạ sĩ nổi tiếng và một số tác phẩm tiêu biểu của họ.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Những thành tựu chủ yếu về kĩ thuật**

*Nhận biết được những thành tựu tiêu biểu về kĩ thuật :*

**-** Cuộc cách mạng công nghiệp bắt đầu ở Anh, sau đó là Pháp, Đức, Mĩ,... đã tạo nên một cuộc cách mạng trong sản xuất, chuyển từ lao động thủ công sang lao động bằng máy móc, đưa nền kinh tế tư bản các nước phát triển nhanh chóng.

- Việc phát minh ra máy hơi nước đã thúc đẩy ngành giao thông vận tải đường thuỷ và đường sắt ra đời. Năm 1807, kĩ sư người Mĩ là Phơn-tơn đã đóng được tàu thuỷ chạy bằng động cơ hơi nước đầu tiên có thể vượt được đại dương.

- Năm 1814, thợ máy người Anh là Xti-phen-xơn đã chế tạo thành công xe lửa chạy trên đường sắt chở được nhiều hành khách và hàng hoá trên các toa, đạt tốc độ 6 km/giờ, mở đầu cho sự ra đời của ngành đường sắt.

- Máy điện tín được phát minh ở Nga, Mĩ, tiêu biểu là Moóc-xơ (Mĩ) thế kỉ XIX.

- Trong nông nghiệp, những tiến bộ về kĩ thuật, về phương pháp canh tác cũng góp phần nâng cao năng suất lao động.

- Trong lĩnh vực quân sự, nhiều nước đã sản xuất ra nhiều loại vũ khí hiện đại như đại bác, súng trường bắn nhanh, ngư lôi, khí cầu,... phục vụ cho chiến tranh.

- Quan sát hình 37 (SGK), nêu nhận xét về tiến bộ của ngành giao thông vận tải.

**2. Những tiến bộ về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội**

*Biết được những tiến bộ tiêu biểu về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội :*

***a) Khoa học tự nhiên***

- Đầu thế kỉ XVIII, Niu-tơn (người Anh) đã tìm ra thuyết vạn vật
hấp dẫn.

- Giữa thế kỉ XVIII, Lô-mô-nô-xốp (người Nga) tìm ra định luật bảo toàn vật chất và năng lượng, cùng nhiều phát minh lớn về vật lí, hoá học.

- Năm 1837, Puốc-kin-giơ (người Séc) khám phá ra bí mật về sự phát triển của thực vật và đời sống của các mô động vật. Ông trở thành người đầu tiên chứng minh rằng đời sống của mô sinh vật là sự phát triển của tế bào và sự phân bào.

- Năm 1859, Đác-uyn (người Anh) nêu lên thuyết tiến hoá và di truyền, đập tan quan niệm về nguồn gốc thần thánh của sinh vật...

***b) Khoa học xã hội***

- Về triết học, xuất hiện chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng của Phoi-ơ-bách và Hê-ghen (người Đức).

- Về kinh tế học, A-đam Xmít và Ri-các-đô (người Anh) đã xây dựng học thuyết chính trị - kinh tế học tư sản.

- Về tư tưởng, xuất hiện chủ nghĩa xã hội không tưởng, gắn liền với tên tuổi của Xanh Xi-mông, Phu-ri-ê và Ô-oen.

- Đặc biệt là sự ra đời của học thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học (năm 1848) do Mác và Ăng-ghen sáng lập, được coi là cuộc cách mạng trong lịch sử tư tưởng của loài người.

- Quan sát hình 38 (SGK), tìm hiểu về tiểu sử và những phát minh của Niu-tơn.

**3. Sự phát triển của văn học và nghệ thuật**

*Trình bày sự phát triển của văn học nghệ thuật :*

Văn học và nghệ thuật thế kỉ XVIII – XIX có những đóng góp cho cuộc đấu tranh chống chế độ phong kiến và giải phóng nhân dân bị
áp bức :

- Ở Pháp có các nhà Triết học Ánh sáng như Mông-te-xki-ơ,
Vôn-te, Rút-xô, kịch liệt phê phán chế độ phong kiến lỗi thời, ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân.

- Ở Anh, nhà thơ Bai-rơn dùng văn học trào phúng làm vũ khí để phê phán những bất công trong xã hội.

- Trong văn học hiện thực phê phán có Ban-dắc (Pháp), Đích-ken (Anh), Gô-gôn và Lép Tôn-xtôi (Nga),... đã viết nhiều tác phẩm, một mặt lên án chế độ bóc lột, mặt khác thông cảm với người dân lao động bị áp bức bất công.

- Về âm nhạc, những nhạc sĩ thiên tài như Mô-da (người Áo), Bách và Bét-tô-ven (người Đức), Sô-panh (người Ba Lan), Trai-cốp-xki (người Nga),... đã cho ra đời nhiều tác phẩm nổi tiếng phản ánh cuộc sống chứa chan tình nhân ái, ca ngợi cuộc sống tự do...

- Về hội hoạ, xuất hiện nhiều danh hoạ gắn bó với quần chúng nhân dân, tiêu biểu là Đa-vít, Đơ-la-croa, Cuốc-bê (Pháp), Gôi-a... với nhiều bức tranh phê phán chế độ phong kiến và Giáo hội, ca ngợi cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng nhân dân...

- Lập bảng hệ thống kiến thức từng phần, toàn bài, sưu tầm một số tài liệu đang học.

- Phân tích tính chất tiến bộ của các tác phẩm văn học.

***Chủ đề 3***

**CHÂU Á THẾ KỈ XVIII - ĐẦU THẾ KỈ XX**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

Học sinh biết :

- Tình hình Trung Quốc trước âm mưu xâm lược của các nước
tư bản.

- Một số phong trào tiêu biểu từ giữa thế kỉ XIX đến cuộc Cách mạng Tân Hợi (1911) : cuộc vận động Duy tân (1898), phong trào Nghĩa Hoà đoàn, Tôn Trung Sơn và Cách mạng Tân Hợi (1911).

- Sự xâm lược của các nước tư bản phương Tây và phong trào đấu tranh của nhân dân Ấn Độ, các nước Đông Nam Á : cuộc khởi nghĩa Xi-pay, hoạt động của Đảng Quốc đại, phong trào đấu tranh chống thực dân ở In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin và ba nước Đông Dương.

- Cuộc Duy tân Minh Trị và quá trình Nhật Bản trở thành một nước đế quốc.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

I. ẤN ĐỘ THẾ KỈ XVIII - ĐẦU THẾ KỈ XX

**1. Sự xâm lược và chính sách thống trị của Anh**

*Biết được những nét chính về tình hình kinh tế, chính trị - xã hội Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX, nguyên nhân của tình hình đó :*

*-* Quá trình thực dân Anh xâm lược

+ Đến giữa thế kỉ XIX, thực dân Anh đã hoàn thành việc xâm lược và áp đặt ách thống trị đối với Ấn Độ.

+ Ấn Độ trở thành thuộc địa quan trọng nhất của thực dân Anh, phải cung cấp ngày càng nhiều lương thực, nguyên liệu cho chính quốc.

*-* Chính sách thống trị của thực dân Anh

+ Về chính trị, Chính phủ Anh cai trị trực tiếp Ấn Độ.

+ Thực hiện nhiều chính sách để củng cố ách thống trị của mình như "chia để trị", khoét sâu sự cách biệt về chủng tộc, tôn giáo và đẳng cấp trong xã hội.

**2. Phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Ấn Độ**

*Hiểu rõ những vấn đề chủ yếu trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Ấn Độ từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX :*

***a) Khởi nghĩa Xi-pay***

- Nguyên nhân sâu xa : chính sách thống trị hà khắc của thực dân Anh, nhất là chính sách "chia để trị", tìm cách khơi sâu sự khác biệt về chủng tộc, tôn giáo và đẳng cấp trong xã hội đã dẫn đến mâu thuẫn sâu sắc giữa nhân dân Ấn Độ với thực dân Anh.

- Duyên cớ : binh lính Xi-pay bất mãn trước việc bọn chỉ huy Anh bắt giam những người lính có tư tưởng chống đối.

- Diễn biến của cuộc khởi nghĩa Xi-pay : ngày 10 - 5 - 1857, hàng vạn lính Xi-pay đã nổi dậy khởi nghĩa vũ trang chống thực dân Anh. Cuộc khởi nghĩa đã nhận được sự hưởng ứng của đông đảo nông dân, nhanh chóng lan ra khắp miền Bắc và một phần miền Trung Ấn Độ. Nghĩa quân đã lập được chính quyền, giải phóng được một số thành phố lớn. Cuộc khởi nghĩa duy trì khoảng 2 năm (1857 - 1859) thì bị thực dân Anh đàn áp đẫm máu.

- Ý nghĩa : cuộc khởi nghĩa tiêu biểu cho tinh thần đấu tranh bất khuất của nhân dân Ấn Độ chống chủ nghĩa thực dân, giải phóng dân tộc. Thúc đẩy phong trào đấu tranh chống thực dân Anh giành
độc lập.

***b) Phong trào đấu tranh chống thực dân Anh cuối thế kỉ XIX -
đầu thế kỉ XX***

- Từ giữa thế kỉ XIX, phong trào đấu tranh của nông dân, công nhân đã thức tỉnh ý thức dân tộc của giai cấp tư sản và tầng lớp trí thức Ấn Độ.

- Cuối năm 1885, Đảng Quốc đại - chính đảng đầu tiên của giai cấp tư sản Ấn Độ được thành lập, đánh dấu một giai đoạn mới trong phong trào giải phóng dân tộc, giai cấp tư sản Ấn Độ bước lên vũ đài chính trị.

- Trong quá trình hoạt động, Đảng Quốc đại bị phân hoá thành hai phái, phái "ôn hoà" chủ trương thoả hiệp, chỉ yêu cầu Chính phủ Anh tiến hành cải cách, phái "cấp tiến" do Ti-lắc cầm đầu thì kiên quyết chống thực dân Anh.

- Tháng 7 - 1905, chính quyền thực dân Anh thi hành chính sách chia đôi xứ Ben-gan : miền Đông của người theo đạo Hồi, miền Tây của người theo đạo Ấn. Hành động này như lửa đổ thêm dầu, khiến nhân dân Ấn Độ càng căm phẫn. Nhiều cuộc biểu tình đã nổ ra rầm rộ.

- Tháng 6 - 1908, thực dân Anh bắt giam Ti-lắc và kết án ông 6 năm tù. Vụ án Ti-lắc đã thổi bùng lên ngọn lửa đấu tranh mới.

- Tháng 7 - 1908, công nhân Bom-bay tổ chức nhiều cuộc bãi công chính trị, lập các đơn vị chiến đấu, xây dựng chiến luỹ để chống quân Anh. Thực dân Anh đàn áp rất dã man. Các phong trào tuy thất bại nhưng đã đặt cơ sở cho các thắng lợi sau này của nhân dân Ấn Độ.

- Quan sát hình 41 (SGK) và nhận xét tinh thần đấu tranh bất khuất của nhân dân Ấn Độ.

- Lập bảng niên biểu và trao đổi về điểm giống, khác nhau giữa phong trào do Đảng Quốc đại lãnh đạo và phong trào công nhân vào đầu thế kỉ XX.

II. TRUNG QUỐC GIỮA THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX

**1. Trung Quốc bị các nước đế quốc xâu xé**

*Nhận biết được những nét chính về quá trình phân chia, xâu xé Trung Quốc của các nước đế quốc từ giữa thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX :*

- Trung Quốc là quốc gia rộng lớn, đông dân, có nhiều tài nguyên khoáng sản, sớm trở thành mục tiêu xâm lược của các nước đế quốc.

- Từ năm 1840 đến năm 1842, thực dân Anh đã tiến hành cuộc Chiến tranh thuốc phiện, mở đầu quá trình xâm lược Trung Quốc, từng bước biến Trung Quốc từ một nước phong kiến độc lập thành nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến.

- Sau Chiến tranh thuốc phiện, các nước đế quốc từng bước xâu xé Trung Quốc. Đến cuối thế kỉ XIX, Đức chiếm vùng Sơn Đông ; Anh chiếm vùng châu thổ sông Dương Tử ; Pháp chiếm vùng Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông ; Nga, Nhật chiếm vùng Đông Bắc...

- Quan sát hình 42 (SGK) và nêu nhận xét về việc các nước đế quốc xâu xé Trung Quốc.

- Xác định trên lược đồ các vùng của Trung Quốc bị các nước đế quốc xâm chiếm Trung Quốc.

**2. Phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX**

*Biết được những nét chính : tên phong trào, thời gian, người lãnh đạo, kết quả và ý nghĩa :*

- Trước sự xâm lược của các nước đế quốc và thái độ thoả hiệp của triều đình Mãn Thanh, nhân dân Trung Quốc đã đứng dậy đấu tranh. Tiêu biểu là phong trào nông dân Thái bình Thiên quốc do Hồng Tú Toàn lãnh đạo (1851 - 1864).

- Năm 1898, cuộc vận động Duy tân do hai nhà nho yêu nước - Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu khởi xướng, được vua Quang Tự ủng hộ, kéo dài hơn 100 ngày, nhưng cuối cùng bị thất bại vì Từ Hi Thái hậu làm chính biến.

- Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, phong trào nông dân Nghĩa Hoà đoàn nêu cao khẩu hiệu chống đế quốc, được nhân dân nhiều nơi hưởng ứng. Khởi nghĩa thất bại vì thiếu vũ khí và bị triều đình
phản bội.

- Quan sát hình 43 - *Lược đồ phong trào Nghĩa Hoà đoàn* - SGK để tìm hiểu địa điểm diễn ra và diễn biến của phong trào.

**3. Cách mạng Tân Hợi (1911)**

*Biết về Tôn Trung Sơn, học thuyết Tam dân ; trình bày được nguyên nhân, diễn biến, ý nghĩa của Cách mạng Tân Hợi :*

*-* Về Tôn Trung Sơn và học thuyết Tam dân :

Giai cấp tư sản Trung Quốc ra đời vào cuối thế kỉ XIX và đã lớn mạnh rất nhiều vào đầu thế kỉ XX. Do bị tư bản nước ngoài chèn ép, giai cấp tư sản Trung Quốc đã bước lên vũ đài chính trị và thành lập các tổ chức riêng của mình. Tôn Trung Sơn là đại diện ưu tú và là lãnh tụ của phong trào cách mạng theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Trung Quốc.

+ Tháng 8 - 1905, Tôn Trung Sơn cùng với các đồng chí của ông đãthành lập Trung Quốc Đồng minh hội - chính đảng của giai cấp tư sản Trung Quốc, đề ra học thuyết Tam dân (Dân tộc độc lập, Dân quyền tự do, Dân sinh hạnh phúc) nhằm "đánh đổ Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa, thành lập Dân quốc".

- Nguyên nhân :

Ngày 9 - 5 - 1911, chính quyền Mãn Thanh ra sắc lệnh "Quốc hữu hoá đường sắt", thực chất là trao quyền kinh doanh đường sắt cho các nước đế quốc, bán rẻ quyền lợi dân tộc. Sự kiện này đã châm ngòi cho Cách mạng Tân Hợi.

- Diễn biến :

+ Ngày 10 - 10 - 1911, Cách mạng Tân Hợi bùng nổ và giành thắng lợi ở Vũ Xương, sau đó lan sang tất cả các tỉnh miền Nam và miền Trung của Trung Quốc.

+ Ngày 29 - 12 - 1911, chính phủ lâm thời tuyên bố thành lập Trung Hoa Dân quốc và bầu Tôn Trung Sơn làm Tổng thống.

+ Tôn Trung Sơn đã mắc sai lầm là thương lượng với Viên Thế Khải (quan đại thần của nhà Thanh), đồng ý nhường cho ông ta lên làm Tổng thống (2 – 1912). Cách mạng coi như chấm dứt.

*-* Ý nghĩa :

+ Cách mạng Tân Hợi là một cuộc cách mạng dân chủ tư sản,
đã lật đổ chế độ phong kiến chuyên chế Mãn Thanh, thành lập Trung Hoa Dân quốc, tạo điều kiện cho nền kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Trung Quốc phát triển.

+ Cách mạng Tân Hợi có ảnh hưởng lớn đến phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, trong đó có Việt Nam.

+ Tuy nhiên, cách mạng còn nhiều hạn chế, đó là không nêu vấn đề đánh đuổi đế quốc, không tích cực chống phong kiến đến cùng (thương lượng với Viên Thế Khải), không giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.

- Quan sát hình 44 (SGK), tìm hiểu nét chính về cuộc đời và hoạt động của Tôn Trung Sơn.

- Quan sát lược đồ hình 45 (SGK) để xác định phạm vi của cách mạng. Trình bày diễn biến dựa theo lược đồ.

- Lập niên biểu tóm tắt phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc từ năm 1840 đến năm 1911.

III - CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á CUỐI THẾ KỈ XIX -
 ĐẦU THẾ KỈ XX

**1. Quá trình xâm lược của chủ nghĩa thực dân ở các nước Đông Nam Á**

*Biết được quá trình xâm lược của chủ nghĩa thực dân ở Đông
Nam Á :*

- Đông Nam Á là một khu vực có vị trí địa lí quan trọng, giàu tài nguyên, chế độ phong kiến lại đang lâm vào khủng hoảng, suy yếu nên không tránh khỏi bị các nước phương Tây nhòm ngó, xâm lược.

- Từ nửa sau thế kỉ XIX, tư bản phương Tây đẩy mạnh xâm lược Đông Nam Á : Anh chiếm Mã Lai, Miến Điện ; Pháp chiếm Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia ; Tây Ban Nha, rồi Mĩ chiếm Phi-líp-pin ; Hà Lan và Bồ Đào Nha chiếm In-đô-nê-xi-a.

- Xiêm (nay là Thái Lan) là nước duy nhất ở Đông Nam Á vẫn còn giữ được độc lập, nhưng cũng trở thành "vùng đệm" của tư bản Anh và Pháp.

- Quan sát lược đồ hình 46 (SGK), xác định tên các nước trong khu vực Đông Nam Á và tên các nước thực dân phương Tây xâm lược đối với khu vực này.

**2. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc**

*Biết được nét chính về phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực Đông Nam Á :*

- Ngay từ khi thực dân phương Tây nổ súng xâm lược, nhân dân Đông Nam Á đã nổi dậy đấu tranh để bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, do thế lực đế quốc mạnh, chính quyền phong kiến nhiều nước lại không kiên quyết đánh giặc đến cùng, nên bọn thực dân đã hoàn thành xâm lược, áp dụng chính sách "chia để trị" để cai trị, vơ vét của cải của nhân dân.

- Chính sách cai trị của chính quyền thực dân càng làm cho mâu thuẫn dân tộc ở các nước Đông Nam Á thêm gay gắt, hàng loạt phong trào đấu tranh nổ ra :

+ Ở In-đô-nê-xi-a, từ cuối thế kỉ XIX, nhiều tổ chức yêu nước của trí thức tư sản tiến bộ ra đời. Năm 1905, các tổ chức công đoàn thành lập và bắt đầu quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác, chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản (1920).

+ Ở Phi-líp-pin, cuộc cách mạng 1896 – 1898, do giai cấp tư sản lãnh đạo chống thực dân Tây Ban Nha giành thắng lợi, dẫn tới sự thành lập nước Cộng hoà Phi-líp-pin, nhưng ngay sau đó lại bị đế quốc Mĩ thôn tính.

+ Ở Cam-pu-chia, có cuộc khởi nghĩa của A-cha Xoa lãnh đạo ở Ta-keo (1863 - 1866), tiếp đó là khởi nghĩa của nhà sư Pu-côm-bô (1866 - 1867), có liên kết với nhân dân Việt Nam gây cho Pháp nhiều khó khăn.

+ Ở Lào, năm 1901, Pha-ca-đuốc lãnh đạo nhân dân Xa-van-na-khét tiến hành cuộc đấu tranh vũ trang. Cùng năm đó, cuộc khởi nghĩa ở cao nguyên Bô-lô-ven bùng nổ, lan sang cả Việt Nam, gây khó khăn cho thực dân Pháp trong quá trình cai trị, đến năm 1907 mới bị dập tắt.

+ Ở Việt Nam, sau khi triều đình Huế đầu hàng, phong trào
Cần vương bùng nổ và quy tụ thành nhiều cuộc khởi nghĩa lớn
(1885 - 1896). Phong trào nông dân Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo, kéo dài 30 năm (1884 - 1913) cũng gây nhiều khó khăn cho thực dân Pháp,...

- Rút ra đặc điểm của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á.

- Lập niên biểu về các cuộc đấu tranh của nhân dân Đông Nam Á cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.

IV - NHẬT BẢN GIỮA THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX

**1. Cuộc Duy tân Minh Trị**

*Trình bày được những nội dung chính, ý nghĩa của cuộc Duy tân Minh Trị :*

- Đến giữa thế kỉ XIX, chế độ phong kiến Nhật Bản lâm vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng, trong khi đó các nước tư bản phương Tây, đi đầu là Mĩ ra sức tìm cách xâm nhập vào nước này.

- Đầu năm 1868, Thiên hoàng Minh Trị đã tiến hành một loạt cải cách tiến bộ.

+ Về chính trị : xác lập quyền thống trị của tầng lớp quý tộc tư sản ; ban hành Hiến pháp 1889, thiết lập chế độ quân chủ lập hiến.

+Về kinh tế : thống nhất thị trường, tiền tệ, phát triển kinh tế
tư bản chủ nghĩa ở nông thôn, xây dựng cơ sở hạ tầng, đường sá,
cầu cống...

+ Về quân sự :tổ chức và huấn luyện quân đội theo kiểu phương Tây, thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự, phát triển kinh tế quốc phòng.

+Về giáo dục :thi hành chính sách giáo dục bắt buộc, chú trọng nội dung khoa học - kĩ thuật, cử học sinh ưu tú du học phương Tây.

- Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, Nhật Bản trở thành một nước tư bản công nghiệp.

- Quan sát hình 47 - *Thiên hoàng Minh Trị* (SGK) và nêu nhận xét về những cải cách của ông.

**2. Nhật Bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa**

*Biết được những biểu hiện của sự hình thành chủ nghĩa đế quốc ở Nhật Bản vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX :*

- Sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế Nhật Bản dẫn tới sự ra đời các công ti độc quyền như Mít-xưi, Mít-su-bi-si... Sự lũng đoạn của các công ti độc quyền này đối với nền kinh tế, chính trị Nhật Bản.

- Sự phát triển kinh tế đã tạo ra sức mạnh về quân sự, chính trị ở Nhật Bản. Giới cầm quyền đã thi hành chính sách xâm lược hiếu chiến : chiến tranh Đài Loan, chiến tranh Trung - Nhật, chiến tranh Nga - Nhật, chiếm Liêu Đông, Lữ Thuận, Sơn Đông, bán đảo Triều Tiên... Tình hình đó làm cho đế quốc Nhật có đặc điểm là đế quốc phong kiến quân phiệt.

- Quan sát lược đồ 49 - *Đế quốc Nhật cuối thế kỉ XIX - đầu thế
 kỉ XX* trong SGK để xác định được các vùng đất mà Nhật Bản xâm chiếm và nêu nhận xét về chính sách đối ngoại của Nhật Bản.

**3. Cuộc đấu tranh của nhân dân lao động Nhật Bản**

*Biết được vài nét về các sự kiện chủ yếu :*

- Quần chúng nhân dân, tiêu biểu là công nhân vẫn bị bần
cùng hoá.

- Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân lên cao, dẫn tới sự thành lập Đảng Xã hội dân chủ Nhật Bản năm 1901.

***Chủ đề 4***

**CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT
(1914 - 1918)**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Những nét chính về mâu thuẫn giữa các nước đế quốc và sự hình thành hai khối quân sự ở châu Âu : khối Liên minh (Đức, Áo - Hung, I-ta-li-a) và khối Hiệp ước (Anh, Pháp, Nga). Chiến tranh thế giới thứ nhất là cách giải quyết mâu thuẫn giữa đế quốc với đế quốc.

- Sơ lược diễn biến của chiến tranh qua hai giai đoạn :

+ 1914 - 1916 : ưu thế thuộc về Đức, Áo - Hung.

+ 1917 - 1918 : ưu thế thuộc về Anh, Pháp.

- Hậu quả của chiến tranh.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Nguyên nhân của chiến tranh**

*Biết rõ sự phát triển không đều giữa các nước đế quốc vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX và giải thích được mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thuộc địa là nguyên nhân sâu xa của cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất :*

- Vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, sự phát triển không đều giữa các nước tư bản về kinh tế và chính trị đã làm thay đổi sâu sắc so sánh lực lượng giữa các nước đế quốc. Mâu thuẫn về vấn đề thuộc địa đã dẫn tới các cuộc chiến tranh đế quốc đầu tiên : chiến tranh Mĩ -
Tây Ban Nha (1898) ; chiến tranh Anh - Bô-ơ (1899 - 1902) ; chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905).

- Để chuẩn bị cho cuộc chiến tranh nhằm tranh giành thị trường, thuộc địa, các nước đế quốc đã thành lập hai khối quân sự đối lập : khối Liên minh gồm Đức - Áo - Hung (1882) và khối Hiệp ước của Anh, Pháp và Nga (1907). Cả hai khối đều tích cực chạy đua vũ trang nhằm tranh nhau làm bá chủ thế giới.

**2. Diễn biến của chiến tranh**

*Trình bày được sơ lược diễn biến của chiến tranh qua hai giai đoạn :*

**-** Giai đoạn thứ nhất (1914 - 1916) :

+ Sau sự kiện Thái tử Áo - Hung bị một người Xéc-bi ám sát (ngày 28 - 6 - 1914), từ ngày 1 đến ngày 3 - 8, Đức tuyên chiến với Nga và Pháp. Ngày 4 - 8, Anh tuyên chiến với Đức. Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ.

+ Giai đoạn này, Đức tập trung lực lượng đánh phía tây nhằm nhanh chóng thôn tính nước Pháp. Song nhờ có Nga tấn công quân Đức ở phía đông, nên nước Pháp được cứu nguy. Từ năm 1916, chiến tranh chuyển sang thế cầm cự đối với cả hai phe.

+ Chiến tranh bùng nổ, cả hai phe đều lôi kéo nhiều nước tham gia và sử dụng nhiều loại vũ khí hiện đại, đã giết hại và làm bị thương hàng triệu người.

- Giai đoạn thứ hai (1917 - 1918) :

+ Tháng 2 - 1917, Cách mạng tháng Hai diễn ra ở Nga, buộc Mĩ phải sớm nhảy vào tham chiến và đứng về phe Hiệp ước (4 - 1917), vì thế phe Liên minh liên tiếp bị thất bại.

+ Từ cuối năm 1917, phe Hiệp ước liên tiếp mở các cuộc tấn công làm cho đồng minh của Đức lần lượt đầu hàng.

+ Ngày 11 - 11 - 1918, Đức đầu hàng đồng minh vô điều kiện. Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc với sự thất bại của phe Liên minh.

- Trình bày diễn biến cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất theo lược đồ.

- Lập niên biểu các giai đoạn chính của Chiến tranh thế giới
thứ nhất.

**3. Kết cục của Chiến tranh thế giới thứ nhất**

*Trình bày được kết cục của chiến tranh :*

- Chiến tranh gây nên nhiều tai hoạ cho nhân loại : 10 triệu người chết, hơn 20 triệu người bị thương, nhiều thành phố, làng mạc, đường sá bị phá huỷ,... chi phí cho chiến tranh lên tới 85 tỉ đôla.

- Chiến tranh chỉ đem lại lợi ích cho các nước đế quốc thắng trận, nhất là Mĩ. Bản đồ chính trị thế giới đã bị chia lại : Đức mất hết thuộc địa ; Anh, Pháp và Mĩ được mở rộng thêm thuộc địa của mình.

- Tuy nhiên, vào giai đoạn cuối của chiến tranh, phong trào cách mạng thế giới tiếp tục phát triển, đặc biệt là sự bùng nổ và thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga.

- Giải thích được Chiến tranh thế giới thứ nhất là cuộc chiến tranh đế quốc, phi nghĩa.

***Chủ đề 5***

**TỔNG KẾT, ÔN TẬP**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

Tiến trình lịch sử thế giới cận đại và những nội dung chính của thời kì này.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Những sự kiện lịch sử chính**

Điền các sự kiện chính của lịch sử thế giới cận đại vào bảng hệ thống kiến thức trong SGK.

**2. Những nội dung chủ yếu**

Khái quát những nội dung chính sau :

- Sự ra đời, phát triển của nền sản xuất mới - tư bản chủ nghĩa ; mâu thuẫn giữa chế độ phong kiến với tư sản và các tầng lớp nhân dân ngày càng gay gắt dẫn tới những cuộc cách mạng tư sản.

- Những cuộc cách mạng tư sản đầu tiên – Cách mạng Hà Lan thế kỉ XVI, Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII và Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ thế kỉ XVIII, đưa đến nhiều kết quả có tác động đến sự phát triển xã hội (nêu rõ những kết quả).

- Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII là cuộc cách mạng tư sản triệt để nhất, có ảnh hưởng lớn đến lịch sử châu Âu, song có hạn chế (giải thích hiện tượng này).

- Tiếp đó, nhiều cuộc cách mạng tư sản diễn ra dưới các hình thức khác nhau ở nhiều nước, tuy kết quả không giống nhau, song đều đạt được mục tiêu chung là chủ nghĩa tư bản thắng lợi trên phạm vi thế giới, một số nước phát triển kinh tế, chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

- Cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, sự xâm lược của thực dân phương Tây đối với các nước phương Đông được đẩy mạnh (dựa vào bản đồ thế giới, đánh dấu các nước thuộc địa).

- Hậu quả sự thống trị của chế độ thực dân rất nặng nề và phong trào đấu tranh của nhân dân thuộc địa diễn ra sôi nổi (nêu một số
dẫn chứng).

- Cuộc đấu tranh của công nhân ở các nước tư bản ngày càng mạnh mẽ (nêu một số cuộc đấu tranh lớn). Chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời. Các tổ chức quốc tế của công nhân được thành lập.

- Văn học, nghệ thuật, khoa học - kĩ thuật phát triển (nêu một số thành tựu tiêu biểu).

- Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) : nguyên nhân, tính chất, diễn biến và kết cục.

**LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI
(Phần từ năm 1917 đến năm 1945)**

***Chủ đề 1***

**CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA NĂM 1917
VÀ CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
Ở LIÊN XÔ (1921 - 1941)**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Sự bùng nổ Cách mạng tháng Hai năm 1917 và từ Cách mạng tháng Hai đến Cách mạng tháng Mười năm 1917. Kết quả của Cách mạng tháng Hai và tình trạng hai chính quyền song song tồn tại.

- Cách mạng tháng Mười năm 1917 : diễn biến chính, ý nghĩa
lịch sử.

- Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1921 - 1941) : những thành tựu (trong một thời gian ngắn đã đưa Liên Xô trở thành cường quốc về công nghiệp, nông nghiệp, quân sự) ; một số sai lầm, thiếu sót.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

I - CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA NĂM 1917 VÀ CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ CÁCH MẠNG (1917 - 1921)

**1. Hai cuộc cách mạng ở nước Nga năm 1917**

*Biết được tình hình kinh tế - xã hội nước Nga trước cách mạng ; trình bày được những nét chính về diễn biến cuộc Cách mạng tháng Hai và Cách mạng tháng Mười năm 1917 :*

***a) Tình hình nước Nga trước cách mạng***

- Nước Nga là một đế quốc quân chủ chuyên chế, đứng đầu là Nga hoàng Ni-cô-lai II.

- Nga hoàng tham gia Chiến tranh thế giới thứ nhất đã gây nên những hậu quả nghiêm trọng cho đất nước.

- Những mâu thuẫn xã hội trở nên hết sức gay gắt, phong trào phản chiến lan rộng khắp nơi đòi lật đổ chế độ Nga hoàng.

Quan sát hình 52 - *Những người nông dân Nga đầu thế kỉ XX* (SGK), nhận xét về đời sống của người nông dân Nga trước cách mạng.

***b) Cách mạng tháng Hai năm 1917***

- Mở đầu là cuộc biểu tình ngày 23 - 2 (8 - 3 theo công lịch) của 9 vạn nữ công nhân ở Pê-tơ-rô-grát. Ba ngày sau, tổng bãi công bao trùm khắp thành phố, biến thành khởi nghĩa vũ trang, nhất là được sự hưởng ứng của binh lính. Cuộc khởi nghĩa thắng lợi. Chế độ quân chủ chuyên chế bị lật đổ, nước Nga đã trở thành một nước cộng hoà.

- Phong trào cách mạng diễn ra trong cả nước, các Xô viết đại biểu của công nhân, nông dân và binh lính được thành lập. Cùng lúc, giai cấp tư sản lập ra Chính phủ lâm thời nhằm giành lại chính quyền từ các Xô viết. Đó là tình trạng hai chính quyền song song tồn tại với những đường lối chính trị khác nhau.

- Quan sát hình 53 - *Cuộc tổng bãi công ở Pê-tơ-rô-grát* *(tháng
2 - 1917)* (SGK) để biết được quy mô của cuộc đấu tranh đó.

- Giải thích được vì sao nước Nga trong thời kì này lại có tình trạng hai chính quyền song song tồn tại.

***c) Cách mạng tháng Mười năm 1917***

- Trước tình hình phức tạp đó, Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích chủ trương tiếp tục làm cách mạng, lôi cuốn đông đảo quần chúng công nhân và nông dân, dùng bạo lực lật đổ Chính phủ lâm thời, chấm dứt tình trạng hai chính quyền song song tồn tại, giành chính quyền về tay các Xô viết. Trong khi đó, Chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản lại xem cuộc cách mạng đã thành công, tiếp tục theo đuổi cuộc chiến tranh đế quốc.

- Tới đầu tháng 10, không khí cách mạng bao trùm cả nước.
Lê-nin từ Phần Lan bí mật trở về Pê-tơ-rô-grát để trực tiếp lãnh đạo cuộc cách mạng. Đêm 24 - 10 (6 - 11), cuộc khởi nghĩa bùng nổ, quân cách mạng đã làm chủ toàn bộ thành phố. Đêm 25 - 10 (7 - 11), Cung điện Mùa Đông, nơi ẩn náu cuối cùng của Chính phủ lâm thời, bị đánh chiếm. Chính phủ lâm thời tư sản sụp đổ.

- Quan sát hình 54 - *Cuộc tấn công Cung điện Mùa Đông* (SGK) và tường thuật diễn biến cuộc tấn công này.

**2. Cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ thành quả cách mạng. Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917**

*Biết được nét chính về việc xây dựng Chính quyền Xô viết sau thắng lợi của cách mạng, hiểu được những việc làm của Chính quyền Xô viết do Lê-nin đứng đầu ; trình bày được cuộc đấu tranh chống thù trong giặc ngoài và ý nghĩa của Cách mạng tháng Mười :*

***a) Xây dựng Chính quyền Xô viết***

- Ngay trong đêm thắng lợi đầu tiên của cách mạng 25 - 10
(7 - 11), Đại hội Xô viết toàn Nga lần thứ hai đã tuyên bố thành lập Chính quyền Xô viết do Lê-nin đứng đầu và thông qua hai sắc lệnh đầu tiên của Nhà nước công nông : *Sắc lệnh hoà bình và Sắc lệnh ruộng đất.* Sắc lệnh ruộng đất đã đem lại hơn 150 triệu hécta ruộng đất tịch thu của địa chủ trao cho nông dân.

- Chính quyền Xô viết tuyên bố xoá bỏ các đẳng cấp xã hội và những đặc quyền của Giáo hội ; thực hiện các quyền tự do dân chủ và quyền dân tộc tự quyết ; nhà nước nắm các ngành kinh tế then chốt như ngân hàng, ngoại thương..., trao cho công nhân quyền kiểm soát sản xuất.

- Để nhanh chóng rút ra khỏi cuộc chiến tranh đế quốc, Chính quyền Xô viết đã kí *Hoà ước Brét Li-tốp* với Đức vào đầu tháng
3 - 1918. Tuy phải chịu những điều kiện hết sức nặng nề, song hoà ước đã mang lại cho nước Nga thời gian hoà bình để củng cố chính quyền, xây dựng lực lượng và phát triển kinh tế.

- Quan sát hình 55 - Lê-nin tại Đại hội Xô viết toàn Nga lần thứ hai và nhận xét về vai trò của Lê-nin đối với việc bảo vệ những thành quả của Cách mạng tháng Mười.

*b) Chống thù trong giặc ngoài*

- Năm 1918, quân đội 14 nước đế quốc đã câu kết với bọn phản cách mạng trong nước mở cuộc tấn công vũ trang vào nước Nga Xô viết. Cuộc chiến kéo dài ba năm (1918 - 1920).

- Trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn gian khổ, Chính quyền Xô viết đã thi hành *Chính sách cộng sản thời chiến* với việc nhà nước nắm độc quyền các ngành công nghiệp và việc thu mua lúa mì cũng như phân phối lương thực, thi hành chế độ lao động bắt buộc...

- Tới cuối năm 1920, nước Nga Xô viết đã đánh thắng thù trong giặc ngoài.

- Quan sát lược đồ hình 57 - *Nước Nga Xô viết chống thù trong giặc ngoài* *(1918 - 1920)* trong SGK để biết được cuộc đấu tranh chống thù trong giặc ngoài của nhân dân Xô viết.

- Lập bảng thống kê các sự kiện chính của Cách mạng tháng Mười.

***c) Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười***

- Cách mạng tháng Mười đã làm thay đổi hoàn toàn vận mệnh nước Nga. Lần đầu tiên những người lao động lên nắm chính quyền, xây dựng chế độ xã hội mới - chế độ xã hội chủ nghĩa, trên một đất nước rộng lớn.

- Cách mạng tháng Mười đã dẫn đến những thay đổi to lớn trên thế giới, cổ vũ mạnh mẽ và tạo ra những điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh giải phóng của giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới.

- Giải thích Cách mạng tháng Hai năm 1917 là một cuộc cách mạng dân chủ tư sản và Cách mạng tháng Mười năm 1917 là cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa (hay còn gọi là cách mạng vô sản).

II - LIÊN XÔ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1921 - 1941)

**1. Chính sách kinh tế mới và công cuộc khôi phục kinh tế (1921 - 1925)**

*Biết được nội dung Chính sách kinh tế mới và công cuộc khôi phục kinh tế :*

- Năm 1921, nước Nga Xô viết bước vào thời kì hoà bình, xây dựng đất nước. Bảy năm chiến tranh và nội chiến (1914 - 1921) đã tàn phá nặng nề hầu hết mọi lĩnh vực của nền kinh tế - công nghiệp, nông nghiệp và thương mại. Đất nước còn lâm vào nạn đói trầm trọng và sự chống phá điên cuồng của các thế lực phản cách mạng.

- Trong tình hình ấy, tháng 3 - 1921 nước Nga Xô viết thực hiện *Chính sách kinh tế mới* do Lê-nin đề xướng. Nội dung quan trọng nhất của Chính sách kinh tế mới là thay thế chế độ trưng thu lương thực thừa bằng chế độ thu thuế lương thực (hiện vật) ;đồng thời thực hiện tự do buôn bán, cho phép tư nhân được mở các xí nghiệp nhỏ... Chính sách kinh tế mới đã thu được kết quả tốt đẹp : nông nghiệp
và các ngành kinh tế khác được phục hồi và phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện.

- Tháng 12 - 1922, *Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết* (Liên Xô) được thành lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng giữa các dân tộc, nhằm củng cố sự liên minh và giúp đỡ lẫn nhau giữa các nước cộng hoà trong công cuộc bảo vệ và phát triển Liên bang Xô viết.

**2. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô
 (1925 - 1941)**

*Trình bày được những thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô :*

- Sau khi khôi phục kinh tế, Liên Xô vẫn là một nước nông nghiệp lạc hậu so với các nước tư bản phương Tây. Vì vậy, để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, Liên Xô đã tiến hành công cuộc công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa theo đường lối ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, mà trọng tâm là ngành công nghiệp chế tạo máy móc và công nghiệp năng lượng. Cùng với nhiệm vụ công nghiệp hoá, nhân dân Liên Xô tiến hành công cuộc tập thể hoá nông nghiệp, thu hút nông dân tham gia các nông trang tập thể.

**-** Bằng hai kế hoạch 5 năm - kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1928 - 1932) và kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1933 - 1937), Liên Xô đã giành những thắng lợi to lớn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội : trở thành nước công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa với sản lượng công nghiệp đứng đầu châu Âu, đứng thứ hai trên thế giới (sau Mĩ) ; đã tiến hành tập thể hoá nông nghiệp, có quy mô sản xuất lớn và được cơ giới hoá.

- Về văn hoá - giáo dục, Liên Xô đã thanh toán nạn mù chữ, phát triển hệ thống giáo dục quốc dân, đạt nhiều thành tựu rực rỡ về khoa học - kĩ thuật và văn hoá - nghệ thuật.

- Về xã hội, các giai cấp bóc lột đã bị xoá bỏ, chỉ còn lại hai giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa. Từ tháng 6 - 1941, trước cuộc tấn công xâm lược của phát xít Đức, nhân dân Liên Xô phải ngừng việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ ba (1937 - 1941).

- Quan sát hình 59, 60 trong SGK để nhận xét về những thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.

- Giải thích vì sao qua hai kế hoạch 5 năm, trong vòng 10 năm (1928 – 1937), nhân dân Liên Xô đã xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội.

***Chủ đề 2***

**CHÂU ÂU VÀ NƯỚC MĨ
GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939)**

**Nội dung 1 : CHÂU ÂU GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI
(1918 - 1939)**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

Học sinh biết :

- Những nét khái quát về tình hình châu Âu trong những năm 1918 - 1939 : hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ nhất, sự phát triển kinh tế, ổn định tam thời và khủng hoảng.

- Sự phát triển của phong trào cách mạng (1918 - 1939) ở châu Âu và sự thành lập Quốc tế Cộng sản (chú ý các Đại hội II, V, VII) ; cách mạng ở Đức ; Đảng Cộng sản được thành lập ở các nước ; phong trào cách mạng thế giới.

- Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) và tác động của nó đối với châu Âu ; nguyên nhân, diễn biến chính, hậu quả.

- Chủ nghĩa phát xít thắng lợi ở một số nước, nguy cơ chiến tranh thế giới.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Châu Âu trong những năm 1918 - 1929**

*Nhận biết được những nét chung về châu Âu trong những năm 1918* - *1929 ; biết được nét chính về diễn biến cao trào cách mạng 1918* - *1923 và sự thành lập Quốc tế Cộng sản :*

***a) Những nét chung***

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, tình hình châu Âu có nhiều biến đổi :

+ Một số quốc gia mới đã ra đời từ sự tan vỡ của đế quốc Áo - Hung và bại trận của nước Đức.

+ Hầu hết các nước châu Âu, kể cả thắng trận và thua trận, đều bị suy sụp về kinh tế (nước Pháp có tới 1,4 triệu người chết, nước Đức với 1,7 triệu người chết và mất toàn bộ thuộc địa...

+ Một cao trào cách mạng đã bùng nổ ở các nước châu Âu, nền thống trị của giai cấp tư sản bị chấn động dữ dội, có nơi khủng hoảng trầm trọng.

+ Trong những năm 1924 - 1929, các nước tư bản châu Âu trở lại sự ổn định về chính trị, phục hồi và phát triển về kinh tế.

***b) Cao trào cách mạng 1918 - 1923 và sự thành lập Quốc tế Cộng sản***

- Trong những năm 1918 - 1923, do hậu quả của cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất và ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga, một cao trào cách mạng đã bùng nổ ở hầu khắp các nước châu Âu từ Anh, Pháp qua Đức, Hung-ga-ri đến Tiệp Khắc, Ba Lan... Nước Đức là một trong những nơi tiêu biểu nhất. Ngày 9 - 11 - 1918, tổng đình công nổ ra ở Béc-lin, sau chuyển thành khởi nghĩa vũ trang của công nhân và nhân dân thủ đô. Chế độ quân chủ bị lật đổ, nhưng giai cấp tư sản đã giành mọi thành quả của cách mạng, thiết lập chế độ cộng hoà tư sản ở Đức.

- Từ cao trào cách mạng, nhiều đảng Cộng sản đã được thành lập như ở Hung-ga-ri, Đức, Pháp..., đòi hỏi phải có một tổ chức quốc tế để chỉ đạo phong trào cách mạng thế giới. Vì vậy, đầu tháng 3 - 1919 tại Mát-xcơ-va, *Quốc tế Cộng sản* đã được thành lập với những cố gắng bền bỉ của Lê-nin và những người cộng sản Nga. Quốc tế Cộng sản đã hoạt động tích cực từ năm 1919 đến năm 1943, có công lao to lớn trong việc thống nhất và phát triển phong trào cách mạng thế giới.

- Quan sát hình 61 - *Một đường phố ở Béc-lin trong cao trào
cách mạng 1918 - 1923* (SGK) để biết được cuộc cách mạng ở Đức năm 1918.

**2. Châu Âu trong những năm 1929 - 1939**

*Biết được nét chính về cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929* - *1933) và hậu quả của cuộc khủng hoảng ; phong trào mặt trận nhân dân chống chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh diễn ra như
thế nào :*

***a) Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) và những
hậu quả***

- Tháng 10 - 1929, cuộc khủng hoảng kinh tế bùng nổ trong thế giới tư bản. Đây là cuộc khủng hoảng trầm trọng, kéo dài, có sức tàn phá chưa từng thấy đã đẩy lùi mức sản xuất hàng chục năm, hàng chục triệu công nhân thất nghiệp, hàng trăm triệu người rơi vào tình trạng đói khổ.

- Để thoát ra khỏi khủng hoảng, một số nước tư bản như Anh, Pháp... tiến hành những cải cách kinh tế, xã hội... ; một số nước khác như Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản đã tiến hành phát xít hoá chế độ thống trị (thủ tiêu mọi quyền tự do dân chủ, thiết lập chế độ khủng bố công khai) và phát động chiến tranh để phân chia lại thế giới.

- Tìm hiểu khái niệm "chủ nghĩa phát xít".

***b) Phong trào Mặt trận nhân dân chống chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh***

- Từ đầu những năm 30 của thế kỉ XX, trước nguy cơ của chủ nghĩa phát xít và chiến tranh, một cao trào cách mạng đã bùng nổ.

- Dưới sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, Mặt trận nhân dân đã được thành lập ở nhiều nước nhằm đoàn kết lực lượng chống chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh, tiêu biểu là ở Pháp.

- Trong cuộc bầu cử tháng 5 - 1936, Mặt trận Nhân dân Pháp giành được thắng lợi và đã thành lập Chính phủ của Mặt trận với việc thi hành một số chính sách tiến bộ trong những năm 1936 - 1939...

Lập bảng hệ thống kiến thức vềnhững sự kiện nổi bật trong hai giai đoạn 1918 - 1929 và 1929 - 1939. Nêu nhận xét về mỗi giai đoạn*.*

**Nội dung 2 : NƯỚC MĨ GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI
(1918 - 1939)**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế Mĩ và nguyên nhân của sự phát triển.

- Tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) và "Chính sách mới" nhằm đưa nước Mĩ thoát ra khỏi khủng hoảng.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Nước Mĩ trong thập niên 20 của thế kỉ XX**

*Biết được tình kinh tế - xã hội nước Mĩ trong thập niên 20 của thế kỉ XX :*

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, trong những năm 20 nước Mĩ bước vào thời kì phồn vinh, trở thành trung tâm kinh tế và tài chính số một của thế giới.

- Năm 1928, Mĩ chiếm 48% tổng sản lượng công nghiệp thế giới, đứng đầu thế giới về nhiều ngành công nghiệp như xe hơi, dầu mỏ, thép... và nắm 60% dự trữ vàng của thế giới.

- Nước Mĩ chú trọng cải tiến kĩ thuật, thực hiện phương pháp sản xuất dây chuyền nhằm nâng cao năng suất và tăng cường độ lao động của công nhân.

- Do bị áp bức bóc lột và nạn phân biệt chủng tộc, phong trào công nhân phát triển ở nhiều bang trong nước. Tháng 5 - 1921, Đảng Cộng sản Mĩ thành lập, đánh dấu sự phát triển của phong trào công nhân Mĩ.

- Quan sát hình 65 - *Bãi đỗ ô tô ở Niu Oóc năm 1928* ; hình 66 -
*Công nhân xây dựng cao ốc ở Mĩ* và nêu nhận xét về tình hình kinh
tế Mĩ.

**2. Nước Mĩ trong những năm 1929 - 1939**

*Trình bày được tình hình nước Mĩ trong những năm 1929 - 1939 :*

- Cuối tháng 10 - 1929, nước Mĩ lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế chưa từng thấy. Nền kinh tế - tài chính Mĩ bị chấn động dữ dội.

- Năm 1932, sản xuất công nghiệp giảm 2 lần so với năm 1929, khoảng 75% dân trại bị phá sản. Hàng chục triệu người thất nghiệp.

- Các mâu thuẫn xã hội trở nên hết sức gay gắt, đã đưa tới các cuộc biểu tình, tuần hành diễn ra sôi nổi trong cả nước.

- Để đưa nước Mĩ thoát khỏi khủng hoảng, Tổng thống Mĩ Ru-dơ-ven đã đưa ra *Chính sách mới.* Chính sách mới bao gồm các đạo luật về phục hưng công nghiệp, nông nghiệp và ngân hàng nhằm giải quyết nạn thất nghiệp, phục hồi sự phát triển của các ngành kinh tế - tài chính và đặt dưới sự kiểm soát của Nhà nước.

- Các biện pháp của Chính sách mới đã góp phần giải quyết những khó khăn của nền kinh tế, đưa nước Mĩ thoát dần khỏi khủng hoảng.

- Quan sát hình 68 - *Dòng người thất nghiệp trên đường phố
Niu Oóc* (SGK) và nhận xét về tình hình kinh tế Mĩ trong những năm 1929 - 1939.

- Quan sát hình 69 - SGK, nhận xét về Chính sách mới của chính quyền Tổng thống Ru-dơ-ven đề ra.

- Lí giải sự phát triển nhanh về kinh tế của Mĩ.

***Chủ đề 3***

**CHÂU Á GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI
(1918 – 1939)**

**Nội dung 1 : NHẬT BẢN GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI
(1918 - 1939)**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

Những nét khái quát về tình hình kinh tế - xã hội Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, quá trình "phát xít hoá" ở Nhật Bản và những hậu quả của nó.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ nhất**

*Biết được tình hình Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ nhất :*

- Nhật Bản hầu như không tham gia chiến trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, nhưng đã thu được nhiều lợi, nhất là về kinh tế (sản lượng công nghiệp tăng 5 lần).

- Nhưng ngay sau chiến tranh, kinh tế Nhật Bản ngày càng gặp khó khăn, nông nghiệp vẫn lạc hậu, không có gì thay đổi. Giá gạo tăng cao, đời sống nông dân rất khó khăn. Vì vậy, năm 1918 "cuộc bạo động lúa gạo" đã nổ ra, lôi cuốn tới 10 triệu người tham gia.

- Phong trào bãi công diễn ra sôi nổi ; tháng 7 - 1922, Đảng Cộng sản Nhật Bản thành lập và trở thành lực lượng lãnh đạo phong trào công nhân.

- Năm 1927, Nhật Bản lại lâm vào cuộc khủng hoảng tài chính, chấm dứt sự phục hồi ngắn ngủi của nền kinh tế nước này.

**2. Nhật Bản trong những năm 1929 - 1939**

*Trình bày được tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế đến Nhật Bản và quá trình phát xít hoá bộ máy chính quyền :*

- Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 đã giáng một đòn nặng nề vào nền kinh tế Nhật Bản (sản lượng công nghiệp giảm tới 1/3). Giới cầm quyền Nhật Bản chủ trương quân sự hoá đất nước, phát động chiến tranh xâm lược để thoát khỏi khủng hoảng (Bản "*Tấu thỉnh*" của Thủ tướng Ta-na-ca năm 1927 với kế hoạch xâm chiếm Trung Quốc, châu Á và toàn thế giới).

- Tháng 9 - 1931, Nhật Bản tấn công vùng Đông Bắc Trung Quốc, dẫn tới việc hình thành lò lửa chiến tranh đầu tiên trên thế giới.

- Trong thập niên 30, ở Nhật Bản đã diễn ra quá trình thiết lập chế độ phát xít với việc sử dụng triệt để bộ máy quân sự và cảnh sát của chế độ quân chủ chuyên chế Nhật Bản.

- Giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân, kể cả binh sĩ, đã tiến hành cuộc đấu tranh mạnh mẽ, góp phần làm chậm lại quá trình phát xít hoá ở Nhật Bản.

- Quan sát hình 71 - *Quân Nhật chiếm vùng Đông Bắc Trung Quốc năm 1931* và nhận xét về chính sách đối ngoại của Nhật Bản.

- Nhận xét về quá trình phát xít hoá ở Nhật Bản*.* So sánh với ở Đức về thời gian, sử dụng bộ máy chính quyền đang tồn tại, tổ chức đảng phái...

**Nội dung 2 : PHONG TRÀO ĐỘC LẬP DÂN TỘC Ở CHÂU Á (1918 - 1939)**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

Những nét chung về phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á ; phong trào cách mạng ở Trung Quốc và phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á trong thời kì này : diễn biến của phong trào, sự tham gia của giai cấp công nhân vào cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, sự thành lập các Đảng cộng sản (Trung Quốc, Ấn Độ...).

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Những nét chung về phong trào độc lập dân tộc ở châu Á. Cách mạng Trung Quốc trong những năm 1919 - 1939**

***a) Những nét chung***

*Biết được những nét chính của phong trào độc lập dân tộc ở châu Á trong những năm 1918 - 1939 ; trình bày được những sự kiện quan trọng và nổi bật của phong trào cách mạng Trung Quốc trong thời kì này :*

- Từ sau Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á đã bước sang thời kì phát triển mới. Phong trào diễn ra mạnh mẽ và lan rộng ở nhiều khu vực của lục địa châu Á rộng lớn, tiêu biểu là phong trào đấu tranh ở Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam và In-đô-nê-xi-a. Đó là :

+ Phong trào Ngũ tứ năm 1919 ở Trung Quốc.

+ Cuộc cách mạng nhân dân ở Mông Cổ đưa tới việc thành lập Nhà nước Cộng hoà Nhân dân Mông Cổ.

+ Phong trào đấu tranh của nhân dân Ấn Độ dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc đại do M. Gan-đi đứng đầu.

+ Thắng lợi của cuộc chiến tranh giải phóng ở Thổ Nhĩ Kì
(1919 – 1922) đưa tới việc thành lập nước Cộng hoà Thổ Nhĩ Kì... Trong cao trào đấu tranh giải phóng, giai cấp công nhân đã tích cực tham gia và nhiều đảng cộng sản đã được thành lập như ở Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a và Việt Nam...

- Quan sát hình 72 (SGK) và tìm hiểu một số nét chính về
M. Gan-đi.

***b) Cách mạng Trung Quốc trong những năm 1919 - 1939***

- Phong trào Ngũ tứ bùng nổ ngày 4 - 5 - 1919, khởi đầu là cuộc biểu tình của 3000 học sinh yêu nước ở Bắc Kinh chống lại âm mưu xâu xé Trung Quốc của các nước đế quốc. Phong trào nhanh chóng lan rộng ra cả nước, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân. Lực lượng chủ yếu của phong trào chuyển từ sinh viên sang giai cấp công nhân. Phong trào Ngũ tứ đã mở đầu cao trào chống đế quốc, chống phong kiến. Từ đó, chủ nghĩa Mác - Lê-nin được truyền bá sâu rộng ở Trung Quốc. Từ nhiều nhóm cộng sản, ngày 1 - 7 - 1921, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã được thành lập.

- Trong 10 năm (1926 - 1937), tình hình chính trị ở Trung Quốc diễn ra nhiều biến động. Trong nhữngnăm 1926 - 1927 là cuộc Chiến tranh Bắc phạtcủa các lực lượng cách mạng nhằm đánh đổ các tập đoàn quân phiệt đang chia nhau thống trị nhiều vùng trong nước. Sau đó, trong những năm 1927 - 1937diễn ra cuộcnội chiến giữa Quốc dân đảng - Tưởng Giới Thạch và Đảng Cộng sản Trung Quốc.

- Tháng 7 - 1937, Nhật Bản phát động cuộc tấn công xâm lược nhằm thôn tính toàn bộ Trung Quốc. Trước nguy cơ đó, Đảng Cộng sản Trung Quốc và Quốc dân đảng đã đình chỉ nội chiến, cùng hợp
tác chống Nhật. Cách mạng Trung Quốc chuyển sang thời kì mới : Quốc - Cộng hợp tác, kháng chiến chống Nhật.

**2. Phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á (1918 - 1939)**

*Biết được những nét lớn của tình hình Đông Nam Á trong thời
kì này ; trình bày được phong trào độc lập diễn ra sôi nổi, liên tục ở nhiều nước :*

***a) Tình hình chung***

- Đầu thế kỉ XX, hầu hết các nước Đông Nam Á (trừ Xiêm, nay là Thái Lan) đều là thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Sau thất bại của phong trào Cần vương ("phò vua cứu nước"), tầng lớp trí thức mới ở các nước này chủ trương đấu tranh giành độc lập theo con đường dân chủ tư sản.

- Từ những năm 20, nét mới của phong trào cách mạng ở Đông Nam Á là giai cấp vô sản từng bước trưởng thành và tham gia lãnh đạo cuộc đấu tranh. Đó là do sự gia tăng số lượng, phát triển và trưởng thành của giai cấp công nhân sau chính sách khai thác thuộc địa của các nước đế quốc và những ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga.

- Trong thời kì này, nhiều đảng cộng sản đã ra đời ở nhiều nước Đông Nam Á, như ở In-đô-nê-xi-a năm 1920 ; ở Việt Nam, Mã Lai và Xiêm năm 1930. Dưới sự lãnh đạo của các đảng cộng sản, nhiều cuộc đấu tranh đã diễn ra như cuộc khởi nghĩa ở Gia-va, Xu-ma-tơ-ra (1926 - 1927) ở In-đô-nê-xi-a, phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh (1930 - 1931) tại Việt Nam.

- Phong trào dân chủ tư sản ở Đông Nam Á cũng có những bước tiến bộ rõ rệt. Nếu như trước đây mới chỉ xuất hiện những nhóm lẻ tẻ thì đến giai đoạn này đã ra đời những chính đảng có tổ chức và ảnh hưỏng xã hội lớn như Đảng Dân tộc ở In-đô-nê-xi-a, Phong trào Tha-kin ở Miến Điện...

***b) Phong trào độc lập dân tộc ở một số nước Đông Nam Á***

- Ở Đông Dương, cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp được tiến hành dưới nhiều hình thức, với sự tham gia của các tầng lớp nhân dân. Đó là cuộc khởi nghĩa của Ong Kẹo và Com-ma-đam kéo dài hơn 30 năm ở Lào ; phong trào yêu nước theo xu hướng dân chủ tư sản do nhà sư A-cha Hem Chiêu đứng đầu (1930 - 1935) ở Cam-pu-chia.

- Tại khu vực hải đảo, đã diễn ra nhiều phong trào chống thực dân, lôi cuốn hàng triệu người tham gia, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa ở hai đảo Gia-va và Xu-ma-tơ-ra (In-đô-nê-xi-a) trong những năm
1926 - 1927 dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a. Sau khi cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, quần chúng đã ngả theo phong trào dân tộc tư sản do Xu-các-nô - lãnh tụ của Đảng Dân tộc, đứng đầu.

- Từ năm 1940, khi phát xít Nhật tấn công đánh chiếm Đông Nam Á, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân các nước trong khu vực đã tập trung vào kẻ thù hung hãn nhất này.

***Chủ đề 4***

**CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI
(1939 – 1945)**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Những nét chính về quá trình dẫn đến chiến tranh : nguyên nhân chiến tranh.

- Trình bày sơ lược về mặt trận ở châu Âu và mặt trận Thái Bình Dương : chiến tranh bùng nổ ở châu Âu, lan nhanh ra khắp thế giới ; Liên Xô tham gia mặt trận chống phát xít, làm cho tính chất chiến tranh thay đổi ; những trận chiến lớn, chiến tranh kết thúc.

- Hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

I - NGUYÊN NHÂN BÙNG NỔ CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

*Biết được những nét chính về quá trình dẫn đến chiến tranh -
nguyên nhân chiến tranh :*

- Những mâu thuẫn tiếp tục nảy sinh giữa các nước đế quốc sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

- Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933 làm gay gắt thêm các mâu thuẫn đó.

- Chính sách thù địch chống Liên Xô càng thúc đẩy các nước đế quốc phát động chiến tranh xâm lược nhằm xoá bỏ nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới.

- Từ giữa những năm 30, đã hình thành hai khối đế quốc đối địch nhau với các chính sách đối ngoại khác nhau. Với chính sách hiếu chiến xâm lược, các nước phát xít Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản chủ trương nhanh chóng phát động chiến tranh thế giới.

- Các nước Anh, Pháp, Mĩ lại thực hiện đường lối nhân nhượng, thoả hiệp với các nước phát xít, cố làm cho các nước này chĩa mũi nhọn chiến tranh về phía Liên Xô.

- Nhưng với những tính toán của mình, nước Đức đã tiến đánh các nước tư bản châu Âu trước khi tấn công Liên Xô.

- Sau những cuộc thôn tính nước Áo (3 - 1938) và Tiệp Khắc (3 - 1939) như những "khúc dạo đầu" ngày 1 - 9 - 1939, phát xít Đức tấn công Ba Lan, dẫn tới sự bùng nổ cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai kéo dài tới 6 năm đầy khốc liệt.

- Quan sát hình 75 (SGK) và nhận xét về chính sách đối ngoại của các nước đế quốc châu Âu.

II - NHỮNG DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA CUỘC CHIẾN TRANH

*Trình bày trên trên lược đồ những nét chính về diễn biến cuộc chiến tranh :*

**1. Chiến tranh bùng nổ và lan rộng toàn thế giới (1 - 9 - 1939 -đầu năm 1943)**

Trong giai đoạn đầu (9 - 1939 - 6 - 1941) với chiến lược "chiến tranh chớp nhoáng", phát xít Đức đã đánh chiếm phần lớn các nước châu Âu. Ngày 22 - 6 - 1941, Đức tấn công và tiến sâu vào lãnh thổ Liên Xô.

- Ngày 7 - 12 - 1941, Nhật Bản bất ngờ tập kích hạm đội Mĩ ở Trân Châu cảng (đảo Ha-oai). Hạm đội Mĩ tổn thất nặng nề. Liền sau đó, Nhật Bản ồ ạt tấn công chiếm vùng Đông Nam Á và một số đảo ở Thái Bình Dương.

- Ở Bắc Phi, quân I-ta-li-a tấn công Ai Cập. Tháng 1 - 1942, khối Đồng minh chống phát xít đã được hình thành do ba cường quốc
Liên Xô, Mĩ, Anh làm trụ cột.

**2. Quân Đồng minh phản công, chiến tranh kết thúc (đầu năm 1943 đến tháng 8 - 1945)**

- Chiến thắng của Hồng quân Liên Xô trong chiến dịch phản công ở Xta-lin-grát (2 - 1943) đã tạo nên bước ngoặt căn bản của Chiến tranh thế giới thứ hai - quyền chủ động tấn công đã thuộc về Liên Xô và phe Đồng minh.

- Hồng quân Liên Xô và liên quân Mĩ - Anh đã liên tiếp mở nhiều cuộc tấn công lớn trên khắp các mặt trận (tới cuối năm 1944, Hồng quân đã quét sạch quân Đức ra khỏi lãnh thổ Xô viết, liên quân Mĩ - Anh làm chủ Bắc Phi và mở Mặt trận thứ hai ở Tây Âu).

- Hồng quân mở chiến dịch công phá Béc-lin và rạng sáng 9 - 5 - 1945 phát xít Đức kí văn kiện đầu hàng đồng minh không điều kiện. Chiến tranh kết thúc ở châu Âu.

- Ở mặt trận châu Á - Thái Bình Dương, liên quân Mĩ - Anh đã giáng cho không quân và hải quân Nhật Bản những tổn thất nặng nề trong năm 1943 và năm 1944. Ngày 8 - 8 - 1945, Hồng quân Liên Xô mở cuộc tấn công và đã đánh tan đội quân Quan Đông tinh nhuệ của Nhật ở Đông Bắc Trung Quốc.

- Ngày 6 và 9 - 8 - 1945, lần đầu tiên trong lịch sử Mĩ, đã ném hai quả bom nguyên tử xuống Hi-rô-si-ma và Na-ga-xa-ki làm trên 10 vạn người thiệt mạng, hàng chục vạn người bị tàn phế. Ngày 15 - 8 - 1945, Nhật Bản đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

- Quan sát các hình 77, 78, 79 trong SGK, nhận xét về mức độ ác liệt của chiến tranh.

- Giải thích vì sao tính chất của chiến tranh thay đổi khi Liên Xô tham chiến.

- Lập niên biểu về những sự kiện chính của Chiến tranh thế giới thứ hai.

III - KẾT CỤC CỦA CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

*Biết được kết cục của cuộc chiến tranh :*

- Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc với sự thất bại hoàn toàn của các nước phát xít Đức - I-ta-li-a - Nhật Bản. Khối Đồng minh (Liên Xô - Mĩ - Anh) đã chiến thắng.

- Chiến tranh thế giới thứ hai là cuộc chiến tranh lớn nhất, khốc liệt nhất và tàn phá nặng nề nhất trong lịch sử loài người (60 triệu người chết, 90 triệu người bị tàn tật và những thiệt hại vật chất
khổng lồ).

- Chiến tranh kết thúc đã dẫn đến những biến đổi căn bản của tình hình thế giới.

***Chủ đề 5***

**SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC – KĨ THUẬT
VÀ VĂN HOÁ THẾ GIỚI NỬA ĐẦU THẾ KỈ XX**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

**-** Những tiến bộ vượt bậc của khoa học – kĩ thuật thế giới đầu thế kỉ XX.

**-** Sự hình thành và phát triển của nền văn hoá Xô viết.

- Những tiến bộ của khoa học – kĩ thuật cần được sử dụng vì những lợi ích của loài người.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Sự phát triển của khoa học - kĩ thuật thế giới nửa đầu thế kỉ XX**

*Trình bày được những thành tựu của khoa học - kĩ thuật thế giới nửa đầu thế kỉ XX :*

- Bước vào thế kỉ XX, sau cuộc cách mạng công nghiệp, nhân loại tiếp tục đạt được những thành tựu rực rỡ về khoa học – kĩ thuật.

- Các ngành khoa học cơ bản như Hoá học, Sinh học, các khoa học về Trái Đất... đều đạt được những tiến bộ phi thường, nhất là về Vật lí học với sự ra đời của lí thuyết nguyên tử hiện đại, đặc biệt là lí thuyết tương đối có ảnh hưởng lớn của nhà bác học Đức An-be Anh-xtanh.

- Nhiều phát minh khoa học cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX đã được sử dụng như điện tín, điện thoại, rađa, hàng không, điện ảnh... Nhờ đó, cuộc sống vật chất và tinh thần của con người đã được nâng cao rõ rệt.

- Đánh giá mặt trái của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật : những thành tựu khoa học đó lại được sử dụng để sản xuất những vũ khí giết người hàng loạt.

- Quan sát hình 80 (SGK), tìm hiểu vài nét về đóng góp của
A. Anh-xtanh.

- Quan sát hình 81 (SGK) và nhận xét về thành tựu khoa học - kĩ thuật nửa đầu thế kỉ XX.

**2. Sự hình thành và phát triển nền văn hoá Xô viết**

*Biết được những thành tựu của nền văn hoá Xô viết :*

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 đã mở đường cho việc xây dựng một nền văn hoá mới, đó là nền văn hoá Xô viết, dựa trên cơ sở những tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và kế thừa những tinh hoa của di sản văn hoá nhân loại.

- Nền văn hoá Xô viết đã đạt được những thành tựu to lớn và rực rỡ :

+ Xoá bỏ tình trạng mù chữ và nạn thất học, sáng tạo chữ viết cho các dân tộc trước đây chưa có chữ viết.

+ Phát triển hệ thống giáo dục quốc dân với chế độ giáo dục phổ cập bắt buộc 7 năm, trở thành một đất nước mà đa số người dân có trình độ văn hoá cao cùng một đội ngũ trí thức có năng lực sáng tạo.

+ Nền khoa học - kĩ thuật Xô viết đã chiếm lĩnh nhiều đỉnh cao của khoa học - kĩ thuật thế giới. Nền văn hoá - nghệ thuật Xô viết đã có những cống hiến xuất sắc vào kho tàng văn hoá - nghệ thuật nhân loại.

- Quan sát hình 82 (SGK) để biết được những thành tựu trong giáo dục của Liên Xô.

***Chủ đề 6***

**ÔN TẬP LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI
(Phần từ năm 1917 đến năm 1945)**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

Nêu được những nội dung chính đã học với những sự kiện lịch sử tiêu biểu :

- Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga năm 1917.

- Cao trào cách mạng ở châu Âu (1918 - 1923).

- Phong trào cách mạng ở châu Á.

- Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) và Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945).

- Lập niên biểu những sự kiện chủ yếu từ năm 1917 đến
năm 1945.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

*Biết được**những nội dung chủ yếu đã học về lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1917 đến năm 1945 :*

- Lập bảng thống kê (mục I). Trong 3 cột (Thời gian, Sự kiện, Kết quả, ý nghĩa), cần chú ý cột "Kết quả, ý nghĩa".

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Sự kiện** | **Kết quả, ý nghĩa** |
| **Tháng 10 - 1917**  | **Cách mạng XHCN tháng Mười Nga thắng lợi** | **- Lật đổ Chính phủ tư sản lâm thời****- Thành lập Chính quyền Xô viết** **- Sắc lệnh hoà bình và Sắc lệnh ruộng đất - tạo điều kiện cho việc xây dựng chế độ XHCN** **- Cổ vũ phong trào cách mạng thế giới**  |
|  |  |  |

**LỊCH SỬ VIỆT NAM
TỪ NĂM 1858 ĐẾN NĂM 1918**

***Chủ đề 1***

**CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP
XÂM LƯỢC (1858 - 1884)**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

Trình bày được :

- Nguyên nhân thực dân Pháp xâm lược nước ta.

- Âm mưu xâm lược của chúng.

- Quá trình xâm lược của thực dân Pháp : tấn công Đà Nẵng và sự thất bại của chúng ; tấn công Gia Định, mở rộng đánh chiếm các tỉnh miền Đông Nam Kì ; Hiệp ước 1862 (những nét chính).

- Phong trào đấu tranh chống Pháp của nhân dân ta.

- Thái độ và trách nhiệm của triều đình nhà Nguyễn trong việc để mất ba tỉnh miền Tây (không kiên quyết chống giặc, không phát huy được tinh thần quyết tâm đánh giặc của nhân dân,...).

- Các hình thức đấu tranh phong phú của phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Nam Kì (diễn biến, kết quả).

- Những đề nghị canh tân đất nước : nội dung, lí do không được chấp nhận.

- Âm mưu của thực dân Pháp sau khi chiếm được chuẩn bị đánh chiếm Bắc Kì : xâm lược cả nước Việt Nam.

- Thái độ của triều đình Huế trước việc thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kì.

- Sự chống trả quyết liệt của quân dân Hà Nội và các địa phương khác ở Bắc Kì trước cuộc tấn công của thực dân Pháp.

- Những điểm chính của các hiệp ước 1883 và 1884.

Nam Kì,

- Trách nhiệm của triều đình Huế đối với việc để mất nước vào tay Pháp.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

I. CUỘC KHÁNG CHIẾN TỪ NĂM 1858 ĐẾN NĂM 1873

**1. Thực dân Pháp xâm lược Việt Nam**

*Trình bày nguyên nhân Pháp xâm lược Việt Nam và nét chính về diễn biến chiến sự tại Đà Nẵng ; trình bày được diễn biến chiến sự ở Gia Định và biết được nội dung cơ bản một số điều khoản trong Hiệp ước Nhâm Tuất :*

***a) Chiến sự ở Đà Nẵng những năm 1858 - 1859***

- Nguyên nhân Pháp xâm lược :

+ Từ giữa thế kỉ XIX, các nước tư bản phương Tây đẩy mạnh xâm lược các nước phương Đông để mở rộng thị trường, vơ vét nguyên liệu.

+ Việt Nam có vị trí địa lí thuận lợi, giàu tài nguyên thiên nhiên.

+ Chế độ phong kiến Việt Nam khủng hoảng, suy yếu.

- Pháp đánh Đà Nẵng :

+ Lấy cớ bảo vệ đạo Gia-tô, liên quân Pháp – Tây Ban Nha kéo đến Việt Nam.

+ Ngày 1 - 9 - 1858, quân Pháp nổ súng đánh Đà Nẵng.

+ Quân dân ta dưới sự chỉ huy của Nguyễn Tri Phương đã lập phòng tuyến và anh dũng chống trả.

+ Sau 5 tháng xâm lược, Pháp chỉ chiếm được bán đảo Sơn Trà. Kế hoạch đánh nhanh, thắng nhanh của Pháp bước đầu thất bại.

***b) Chiến sự ở Gia Định năm 1859***

- Diễn biến :

+ Ngày 17 - 2 - 1959, Pháp tấn công thành Gia Định, quân triều đình chống cự yếu ớt rồi tan rã.

+ Ngày 24 - 2 - 1861, Pháp chiếm được Đại đồn Chí Hoà, thừa thắng lần lượt chiếm ba tỉnh miền Đông và thành Vĩnh Long. Ngày 5 - 6 - 1862, triều đình Huế kí với Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất, thừa nhận quyền cai quản của Pháp ở ba tỉnh miền Đông Nam Kì và đảo Côn Lôn...

- Quan sát hình 84 (SGK) để biết được quân Pháp tấn công Đại đồn Chí Hoà.

**2. Cuộc kháng chiến chống Pháp từ năm 1858 đến năm 1873**

*Biết được diễn biến cuộc kháng chiến ở Đà Nẵng và ba tỉnh miền Đông Nam Kì ; cuộc kháng chiến lan rộng ra ba tỉnh miền Tây :*

***a) Kháng chiến ở Đà Nẵng và ba tỉnh miền Đông Nam Kì***

- Tại Đà Nẵng, nhiều toán nghĩa binh nổi dậy phối hợp với quân triều đình chống Pháp.

- Nghĩa quân Nguyễn Trung Trực đốt cháy tàu Hi Vọng của Pháp trên sông Vàm Cỏ Đông (10 - 12 - 1861).

- Khởi nghĩa của Trương Định ở Gò Công làm cho quân Pháp khốn đốn và gây cho chúng nhiều thiệt hại.

- Quan sát hình 85 (SGK) và nhận xét về cuộc khởi nghĩa của Trương Định.

***b) Kháng chiến lan rộng ra ba tỉnh miền Tây***

- Thái độ và hành động của triều đình Huế trong việc để mất ba tỉnh miền Tây :

+ Triều đình Huế ngăn cản phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta ở Nam Kì, ra lệnh bãi binh.

+ Do thái độ cầu hoà của triều đình Huế, Pháp chiếm được ba tỉnh miền Tây Nam Kì không tốn một viên đạn (6 - 1867).

- Phong trào đấu tranh chống Pháp diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú :

+ Bất hợp tác với giặc, một bộ phận kiên quyết đấu tranh vũ trang, nhiều trung tâm kháng chiến ra đời : Đồng Tháp Mười, Tây Ninh.

+ Một bộ phận dùng văn thơ lên án thực dân Pháp và tay sai, cổ vũ lòng yêu nước : Phan Văn Trị, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Thông...

- Liên hệ các kiến thức đã học ở môn Văn học.

- Dựa vào lược đồ hình 86 (SGK), xác định một số địa điểm diễn ra khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Kì.

II - KHÁNG CHIẾN LAN RỘNG RA TOÀN QUỐC (1873 - 1884)

**1. Thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kì lần thứ nhất (1873)**

*Biết được âm mưu, diễn biến cuộc tấn công đánh chiếm Bắc Kì lần thứ nhất của thực dân Pháp :*

*-* Âm mưu của Pháp đánh ra Bắc Kì :

+ Lợi dụng việc triều đình nhờ Pháp đem tàu ra vùng biển Hạ Long đánh dẹp "hải phỉ", cho tên lái buôn Đuy-puy vào gây rối ở Hà Nội.

+ Lấy cớ giải quyết vụ Đuy-puy, Pháp cử Gác-ni-ê chỉ huy 200 quân kéo ra Bắc.

*-* Diễn biến :

+ Ngày 20 - 11 - 1873, quân Pháp nổ súng đánh và chiếm thành Hà Nội. Quân Pháp nhanh chóng chiếm các tỉnh Hải Dương, Hưng Yên, Ninh Bình, Nam Định.

**2. Kháng chiến ở Hà Nội và các tỉnh đồng bằng Bắc Kì (1873 - 1874)**

*Trình bày được cuộc kháng chiến của quân dân Hà Nội và các địa phương khác ở Bắc Kì trước cuộc tấn công của thực dân Pháp :*

- Khi Pháp kéo vào Hà Nội, nhân dân ta anh dũng chống Pháp như trận chiến đấu ở cửa Ô Thanh Hà (Quan Chưởng).

- Tại các tỉnh đồng bằng, ở đâu Pháp cũng vấp phải sự kháng cự của nhân dân ta. Các căn cứ kháng chiến được hình thành ở Thái Bình, Nam Định...

- Ngày 21 - 12 - 1873, quân Pháp bị thất bại ở Cầu Giấy, Gác-ni-ê bị giết.

- Song triều đình Huế lại kí Hiệp ước Giáp Tuất (15 - 3 - 1874). Pháp rút quân khỏi Bắc Kì ; triều đình thừa nhận 6 tỉnh Nam Kì hoàn toàn thuộc Pháp.

**3. Thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kì lần thứ hai năm 1882**

*Biết được âm mưu, diễn biến cuộc tấn công đánh chiếm Bắc Kì lần thứ hai của thực dân Pháp :*

- Âm mưu của Pháp :

+ Sau Hiệp ước 1874, Pháp quyết tâm chiếm bằng được Bắc Kì, biến nước ta thành thuộc địa.

+ Lấy cớ triều đình Huế vi phạm Hiệp ước năm 1874, tiếp tục giao thiệp với nhà Thanh, Pháp đem quân xâm lược Bắc Kì lần thứ hai.

- Diễn biến :

+ Ngày 3 - 4 - 1882, quân Pháp do Ri-vi-e chỉ huy đã kéo ra Hà Nội khiêu khích.

+ Ngày 25 - 4 - 1882, Ri-vi-e gửi tối hậu thư cho Tổng đốc thành Hà Nội là Hoàng Diệu buộc phải nộp thành. Không đợi trả lời, Pháp mở cuộc tiến công và chiếm thành Hà Nội, cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt từ sáng đến trưa. Hoàng Diệu thắt cổ tự vẫn.

+ Sau đó, Pháp chiếm một số nơi khác như Hòn Gai, Nam Định...

- Quan sát hình 87 - SGK và nhận xét về Hoàng Diệu.

**4. Nhân dân Bắc Kì tiếp tục kháng Pháp**

*Trình bày được sự chống trả quyết liệt của quân dân Hà Nội và các địa phương khác ở Bắc Kì trước cuộc tấn công của thực dân Pháp lần thứ hai :*

- Ở Hà Nội, nhân dân tự tay đốt nhà, tạo thành bức tường lửa chặn bước tiến của quân giặc.

- Tại các nơi khác, nhân dân tích cực đắp đập, cắm kè trên sông, làm hầm chông, cạm bẫy để ngăn bước tiến của quân Pháp.

- Ngày 19 - 5 - 1883, quân ta giành thắng lợi trong trận Cầu Giấy lần thứ hai, Ri-vi-e bị giết tại trận.

- Chiến thắng Cầu Giấy lần thứ hai làm cho quân Pháp thêm hoang mang, dao động, chúng định bỏ chạy nhưng triều đình Huế lại chủ trương thương lượng với Pháp với hi vọng Pháp sẽ rút quân.

**5. Hiệp ước Pa-tơ-nốt 1884. Nhà nước phong kiến Việt Nam sụp đổ**

*Biết được nội dung chính của Hiệp ước Hác-măng và Hiệp ước Pa-tơ-nốt :*

- Chiều 18 - 8 - 1883, Pháp bắt đầu tấn công vào Thuận An, đến ngày 20 - 8, Pháp đổ bộ lên khu vực này.

- Ngày 25 - 8 - 1883, triều đình Huế kí với Pháp Hiệp ước
Hác-măng.

- Nội dung : thừa nhận quyền bảo hộ của Pháp ở Bắc Kì, Trung Kì.

- Sau Hiệp ước Hác-măng, Pháp chiếm hàng loạt các tỉnh ở Bắc Kì : Bắc Ninh, Tuyên Quang, Thái Nguyên...

- Ngày 6 - 6 - 1884, Pháp buộc triều đình Huế kí Hiệp ước Pa-tơ-nốt. Với hiệp ước này, nhà nước phong kiến Nguyễn với tư cách một quốc gia độc lập đã hoàn toàn sụp đổ.

- Lập niên biểu các sự kiện Pháp hai lần đánh chiếm Bắc Kì và cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

- Đánh giá về trách nhiệm của nhà Nguyễn đối với việc để mất nước.

***Chủ đề 2***

**PHONG TRÀO KHÁNG PHÁP TRONG NHỮNG NĂM CUỐI THẾ KỈ XIX (TỪ SAU NĂM 1885)**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Việc phân hoá trong triều đình Huế từ sau Hiệp ước 1884 : phe chủ chiến và phe chủ hoà.

- Cuộc phản công ở kinh thành Huế của phái chủ chiến (1885).

- Những cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương : khởi nghĩa Ba Đình, khởi nghĩa Bãi Sậy, khởi nghĩa Hương Khê (thời gian, người lãnh đạo, kết quả, ý nghĩa).

- Phong trào nông dân Yên Thế : thời gian tồn tại, diễn biến, nguyên nhân thất bại, ý nghĩa.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Cuộc phản công quân Pháp của phái chủ chiến ở kinh thành Huế tháng 7 - 1885**

*Trình bày trên lược đồ cuộc phản công quân Pháp của phái chủ chiến ở kinh thành Huế :*

- Sau hai hiệp ước 1883 và 1884, phe chủ chiến trong triều đình nuôi hi vọng giành lại chủ quyền từ tay Pháp.

- Pháp lo sợ, tìm cách bắt cóc những người cầm đầu.

- Đêm mồng 4 rạng sáng 5 - 7 - 1885, Tôn Thất Thuyết hạ lệnh tấn công quân Pháp ở đồn Mang Cá và Toà Khâm sứ.

Nhờ có ưu thế về vũ khí, quân giặc phản công, chiếm kinh thành Huế.

**2. Phong trào Cần vương bùng nổ và lan rộng**

*Hiểu được khái niệm "phong trào Cần vương", biết được hai giai đoạn của phong trào Cần vương :*

- Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi chạy ra Tân Sở (Quảng Trị). Ngày 13 - 7 - 1885, ông nhân danh nhà vua xuống chiếu
Cần vương, kêu gọi văn thân, sĩ phu và nhân dân đứng lên giúp vua cứu nước.

- Phong trào yêu nước chống Pháp dưới ngọn cờ Cần vương diễn ra sôi nổi từ năm 1885 đến cuối thế kỉ XIX.

- Diễn biến phong trào có thể chia thành 2 giai đoạn :

+ Giai đoạn 1 (1885 - 1888), phong trào bùng nổ trên khắp cả nước, nhất là từ Phan Thiết trở ra.

+ Giai đoạn 2 (1888 - 1896), phong trào quy tụ trong những cuộc khởi nghĩa lớn, tập trung ở các tỉnh Bắc Trung Kì và Bắc Kì.

- Quan sát hình 89, 90 (SGK), tìm hiểu nét chính về vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết.

**3. Những cuộc khởi nghĩa lớn trong phong trào Cần vương**

*Trình bày trên lược đồ diễn biến các cuộc khởi nghĩa lớn trong phong trào Cần vương :*

*-* Khởi nghĩa Ba Đình (1886 - 1887) :

+ Địa bàn thuộc ba làng Mậu Thịnh, Thượng Thọ, Mĩ Khê (huyện Nga Sơn - Thanh Hoá. Lãnh đạo là Phạm Bành và Đinh Công Tráng.

+ Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt từ tháng 12 - 1886 đến tháng 1 - 1887, nghĩa quân đẩy lui nhiều cuộc tấn công của quân Pháp.

+ Cuối cùng, nghĩa quân rút lên Mã Cao, tiếp tục chiến đấu thêm một thời gian rồi tan rã.

*-* Khởi nghĩa Bãi Sậy (1883 - 1892) :

+ Địa bàn thuộc các huyện Văn Lâm, Văn Giang, Khoái Châu (thuộc tỉnh Hưng Yên) và Kinh Môn (thuộc Hải Dương), sau đó phát triển ra các tỉnh xung quanh như Bắc Ninh, Thái Bình, Nam Định... Lãnh đạo khởi nghĩa là Nguyễn Thiện Thuật.

+ Trong những năm 1885 - 1889, nhiều trận đánh ác liệt xảy ra giữa nghĩa quân và quân Pháp.

+ Sau những trận chống càn, lực lượng nghĩa quân suy giảm và bị bao vây. Đến cuối năm 1889, nghĩa quân dần dần tan rã.

+ Tìm hiểu đôi nét về Nguyễn Thiện Thuật.

*-* Khởi nghĩa Hương Khê (1885 - 1896) :

+ Địa bàn hoạt động thuộc các huyện Hương Khê và Hương Sơn tỉnh Hà Tĩnh, sau đó lan rộng ra nhiều tỉnh khác. Lãnh đạo là Phan Đình Phùng, Cao Thắng.

+ Từ năm 1885 đến năm 1889, nghĩa quân xây dựng lực lượng, luyện tập quân đội, rèn đúc vũ khí.

+ Từ năm 1889 đến năm 1895, khởi nghĩa bước vào giai đoạn quyết liệt, đầy lùi nhiều cuộc càn quét của địch. Sau khi Phan Đình Phùng hi sinh, cuộc khởi nghĩa dần dần tan rã.

+ Mặc dù bị thất bại, nhưng khởi nghĩa Hương Khê là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu, có qui mô lớn nhất, trình độ tổ chức cao và chiến đấu bền bỉ.

+ Sau khởi nghĩa Hương Khê, phong trào yêu nước dưới ngọn cờ Cần vương, chịu ảnh hưởng của hệ tư tưởng phong kiến đã hoàn toàn thất bại. Phong trào yêu nước Việt Nam chuyển qua một giai đoạn mới.

+ Tìm hiểu về Phan Đình Phùng.

+ Giải thích khởi nghĩa Hương Khê là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương.

**4. Khởi nghĩa Yên Thế (1884 - 1913)**

*Biết được nguyên nhân, trình bày diễn biến theo lược đồ và kết quả, ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Yên Thế :*

*-* Nguyên nhân :

+ Kinh tế nông nghiệp sa sút, đời sống nông dân đồng bằng Bắc Kì vô cùng khó khăn, một bộ phận phải phiêu tán lên Yên Thế, họ sẵn sàng nổi dậy đấu tranh bảo vệ cuộc sống của mình.

+ Khi Pháp thi hành chính sách bình định, cuộc sống bị xâm phạm, nhân dân Yên Thế đã đứng dậy đấu tranh.

*-* Diễn biến :

+ Giai đoạn 1884 - 1892, nhiều toán nghĩa quân hoạt động riêng rẽ dưới sự chỉ huy của thủ lĩnh Đề Nắm.

+ Giai đoạn 1893 - 1908, nghĩa quân vừa xây dựng vừa chiến đấu dưới sự chỉ huy của Đề Thám.

+ Giai đoạn 1909 - 1913,Pháp tập trung lực lượng tấn công Yên Thế, lực lượng nghĩa quân hao mòn... Ngày 10 - 2 - 1913, Đề Thám bị sát hại. Phong trào tan rã.

Quan sát hình 97 (SGK) và nhận xét về vai trò của Hoàng Hoa Thám đối với cuộc khởi nghĩa Yên Thế.

- Nguyên nhân thất bại, ý nghĩa

+ Nguyên nhân thất bại : do Pháp lúc này còn mạnh, câu kết với phong kiến lực lượng nghĩa quân còn mỏng và yếu. Cách thức tổ chức và lãnh đạo còn nhiều hạn chế.

**+** Ý nghĩa : cuộc khởi nghĩa thể hiện tinh thần yêu nước chống Pháp của giai cấp nông dân. Góp phần làm chậm quá trình bình định của Pháp.

**5. Phong trào đấu tranh của đồng bào miền núi**

*Biết được phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của đồng bào các dân tộc ở miền núi :*

- Phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp ở vùng trung du và miền núi nổ ra muộn nhưng lại kéo dài.

- Phong trào diễn ra rộng khắp như ở Nam Kì, Trung Kì, Tây Nguyên, Tây Bắc.

- Phong trào đấu tranh của đồng bào miền núi đã trực tiếp góp phần làm chậm quá trình xâm lược và bình định của thực dân Pháp.

***Chủ đề 3***

**XÃ HỘI VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM
CUỐI THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Cuộc khai thác lần thứ nhất của thực dân Pháp ở Việt Nam : mục đích, kế hoạch, nội dung, cách tiến hành.

- Những chuyển biến về kinh tế : xuất hiện đồn điền, mỏ, cơ sở sản xuất công nghiệp nhẹ, đường sắt.

- Những chuyển biến về xã hội, sự ra đời các giai cấp, tầng lớp mới : công nhân, tư sản dân tộc và tư sản mại bản.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp và sự chuyển biến về kinh tế - xã hội Việt Nam**

*Trình bày được các chính sách khai thác lần thứ nhất của thực dân Pháp ở Việt Nam, phân tích được mục đích cuộc khai thác :*

***a) Chính sách kinh tế***

- Trong nông nghiệp, Pháp đẩy mạnh việc cướp đoạt ruộng đất, lập các đồn điền.

- Trong công nghiệp, Pháp tập trung khai thác than và kim loại. Ngoài ra, Pháp đầu tư vào một số ngành khác như xi măng, điện, chế biến gỗ...

Thực dân Pháp xây dựng hệ thống giao thông vận tải đường bộ, đường sắt để tăng cường bóc lột kinh tế và phục vụ mục đích quân sự.

- Về thương nghiệp, Pháp độc chiếm thị trường Việt Nam, hàng hoá của Pháp nhập vào Việt Nam chỉ bị đánh thuế rất nhẹ hoặc được miễn thuế, nhưng đánh thuế cao hàng hoá các nước khác.

- Pháp còn tiến hành đề ra các thứ thuế mới bên cạnh các loại thuế cũ, nặng nhất là thuế muối, thuế rượu, thuế thuốc phiện...

Mục đích các chính sách trên của thực dân Pháp là nhằm vơ vét sức người, sức của của nhân dân Đông Dương.

Quan sát hình 98 - Ga Hà Nội (năm 1900) trong SGK, nêu nhận xét về những chuyển biến kinh tế do tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của Pháp ở Việt Nam.

***b) Chính sách về văn hoá, giáo dục***

- Đến năm 1919, Pháp vẫn duy trì chế độ giáo dục của thời phong kiến.

- Về sau, Pháp bắt đầu mở trường học mới nhằm đào tạo lớp người bản sứ phục vụ công việc cai trị. Cùng với đó, Pháp mở một số cơ sở văn hoá, y tế.

**2. Những biến chuyển trong xã hội Việt Nam**

*Trình bày được sự phân hoá giai cấp trong xã hội Việt Nam sau cuộc khai thác :*

- Giai cấp địa chủ phong kiến đã đầu hàng, làm chỗ dựa, tay sai cho thực dân Pháp. Tuy nhiên, có một bộ phận địa chủ vừa và nhỏ có tinh thần yêu nước.

- Giai cấp nông dân, số lượng đông đảo, bị áp bức bóc lột nặng nề nhất, họ sẵn sàng hưởng ứng, tham gia cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. Một bộ phận nhỏ mất ruộng đất vào làm việc trong các hầm mỏ, đồn điền.

- Tầng lớp tư sản đã xuất hiện, có nguồn gốc từ các nhà thầu khoán, chủ xí nghiệp, xưởng thủ công, chủ hãng buôn... bị chính quyền thực dân kìm hãm, tư bản Pháp chèn ép.

- Tiểu tư sản thành thị, bao gồm chủ các xưởng thủ công nhỏ, cơ sở buôn bán nhỏ, viên chức cấp thấp và những người làm nghề tự do.

- Công nhân phần lớn xuất thân từ nông dân, làm việc trong các đồn điền, hầm mỏ, nhà máy, xí nghiệp, lương thấp nên đời sống khổ cực, có tinh thần đấu tranh mạnh mẽ chống giới chủ nhằm cải thiện đời sống.

- Quan sát hình 99, 100 (SGK), nêu nhận xét về đời sống của giai cấp công nhân và nông dân dưới tác động của cuộc khai thác.

***Chủ đề 4***

**PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN NĂM 1918**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Bước đầu hiểu mục đích, tính chất, hình thức của phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỉ XX : yêu nước mang màu sắc dân chủ tư sản, hình thức bạo động và cải cách.

- Nêu nguyên nhân, diễn biến của phong trào Đông du, Đông Kinh nghĩa thục, cuộc vận động Duy tân và phong trào chống thuế ở Trung Kì.

- Nhận thức được những hạn chế của các phong trào.

- Đặc điểm phong trào đấu tranh của nhân dân ta trong thời gian Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) : nổ ra nhiều cuộc khởi nghĩa của binh lính, hình thức đấu tranh vũ trang ; các cuộc đấu tranh trong thời gian này đều thất bại.

- Trình bày vụ mưu khởi nghĩa của binh lính ở Huế và cuộc khởi nghĩa của binh lính ở Thái Nguyên.

- Bước đầu hoạt động yêu nước của Nguyễn Tất Thành : quyết chí ra đi tìm con đường cứu nước mới, cuộc hành trình và quá trình chuyển biến về tư tưởng.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Phong trào Đông du (1905 - 1909)**

*Trình bày được nét chính về phong trào Đông du :*

- Nhật Bản là nước duy nhất ở châu Á nhờ đi theo con đường tư bản chủ nghĩa mà thoát khỏi ách thống trị của tư bản Âu - Mĩ, lại
có cùng màu da, cùng nền văn hoá Hán học với Việt Nam, có thể
nhờ cậy.

- Phục Nhật, sợ Nhật, muốn nương nhờ Nhật là tâm lí phổ biến của nhân dân ở các nước châu Á cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, trong đó có Việt Nam.

Những nét chính về các hoạt động của phong trào Đông du :

- Năm 1904, Duy tân hội được thành lập do Phan Bội Châu đứng đầu. Hội chủ trương dùng bạo động vũ trang đánh Pháp, khôi phục
độc lập.

- Năm 1905, Phan Bội Châu sang Nhật với mục đích cầu viện, rồi từ cầu viện chuyển sang cầu học.

- Từ năm 1905 đến năm 1908, Hội phát động phong trào Đông du, đưa được khoảng 200 học sinh Việt Nam sang Nhật học tập nhằm đào tạo nhân tài để xây dựng lực lượng chống Pháp.

- Tháng 9 - 1908, thực dân Pháp câu kết với Chính phủ Nhật Bản, trục xuất những người Việt Nam khỏi đất Nhật.

- Tháng 3 - 1909, phong trào Đông du tan rã. Hội Duy tân ngừng hoạt động.

- Ý nghĩa : cách mạng Việt Nam bắt đầu hướng ra thế giới, gắn vấn đề dân tộc với vấn đề thời đại.

- Quan sát hình 102 (SGK), tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp của Phan Bội Châu.

**2. Đông Kinh nghĩa thục (1907)**

*Biết được những hoạt động của Đông Kinh nghĩa thục :*

- Tháng 3 - 1907, Lương Văn Can, Nguyễn Quyền lập trường học lấy tên là Đông Kinh nghĩa thục, trường dạy các môn khoa học thường thức ; tổ chức các buổi diễn thuyết, bình văn, xuất bản sách báo tuyên truyền tinh thần yêu nước...

- Phạm vi hoạt động khá rộng : Hà Nội, Hà Đông, Sơn Tây, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Thái Bình...

- Tháng 11- 1907, thực dân Pháp ra lệnh đóng cửa trường.

- Thông qua các hoạt động, Đông Kinh nghĩa thục góp phần thức tỉnh lòng yêu nước, truyền bá tư tưởng dân chủ, dân quyền và một nền văn hoá mới ở nuớc ta.

- Tìm hiểu về Lương Văn Can.

**3. Cuộc vận động Duy tân và phong trào chống thuế ở
Trung Kì**

*Trình bày được nét chính cuộc vận động Duy tân và phong trào chống thuế ở Trung Kì :*

- Cuộc vận động Duy tân :

+ Diễn ra mạnh nhất ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định...

+ Người khởi xướng là Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng...

+ Nội dung cơ bản của phong trào : mở trường dạy học theo lối mới, hô hào chấn hưng thực nghiệp, phổ biến cái mới và vận động làm theo cái mới, cái tiến bộ.

- Phong trào chống thuế ở Trung Kì :

+ Khi cuộc vận động Duy tân lan tới vùng nông thôn, đúng vào lúc nhân dân Trung Kì đang điêu đứng vì chính sách áp bức bóc lột của đế quốc và phong kiến, đã làm bùng lên phong trào chống thuế sôi nổi.

+ Phong trào đã bị thực dân Pháp đàn áp đẫm máu.

- Tính chất, hình thức của phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỉ XX : là phong trào yêu nước mang màu sắc dân chủ tư sản, hình thức bạo động và cải cách.

**4. Phong trào yêu nước trong thời kì Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918)**

*Trình bày được vụ mưu khởi nghĩa của binh lính ở Huế và cuộc khởi nghĩa của binh lính ở Thái Nguyên :*

*-* Vụ mưu khởi nghĩa ở Huế :

Do Thái Phiên, Trần Cao Vân cầm đầu, có mời vua Duy Tân tham gia. Chỗ dựa chủ yếu là binh lính Việt Nam trong quân đội Pháp. Kế hoạch khởi nghĩa bị bại lộ. Thái Phiên, Trần Cao Vân bị xử tử, vua Duy Tân bị bắt đi đày.

- Khởi nghĩa của binh lính ở Thái Nguyên :

+ Binh lính Việt Nam bị bạc đãi, căm phẫn vì phải làm bia đỡ đạn... Họ phối hợp với tù chính trị ở Thái Nguyên, do Lương Ngọc Quyến, Trịnh Văn Cấn lãnh đạo, đứng lên khởi nghĩa vào đêm 30 rạng sáng 31 - 8 - 1917.

+ Nghĩa quân chiếm được tỉnh lị, tuyên bố "Thái Nguyên độc lập" nhưng sau 5 tháng chiến đấu, khởi nghĩa đã bị dập tắt.

+ Để lại nhiều bài học kinh nghiệm về khởi nghĩa vũ trang như chuẩn bị, thời cơ...

**5. Hoạt động của Nguyễn Tất Thành sau khi ra đi tìm đường cứu nước**

*Trình bày trên lược đồ bước đầu những hoạt động của Nguyễn Tất Thành :*

- Hoàn cảnh : đất nước bị Pháp thống trị, các phong trào yêu nước chống Pháp đều thất bại.

- Những hoạt động :

+ Ngày 5 - 6 - 1911 ; từ cảng Nhà Rồng, Người ra đi tìm đường cứu nước.

+ Năm 1917, Người từ Anh trở về Pháp, tham gia hoạt động trong Hội những người Việt Nam yêu nước ở Pa-ri.

+ Người tích cực tham gia hoạt động trong phong trào công nhân Pháp và tiếp nhận ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga.

***Chủ đề 5***

**ÔN TẬP
LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1858 ĐẾN NĂM 1918**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Phong trào đấu tranh chống xâm lược từ năm 1858 đến những năm cuối thế kỉ XIX : các giai đoạn, nội dung, tính chất.

- Trách nhiệm của nhà Nguyễn trong việc để mất nước ta.

- Chỉ ra những nét mới trong phong trào đấu tranh của nhân dân ta những năm cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.

- Sự biến chuyển về kinh tế và phân hoá giai cấp xã hội của Việt Nam qua cuộc khai thác lần thứ nhất của thực dân Pháp.

- Trình bày các phong trào đấu tranh và tính chất của các phong trào đó.

- Bước đầu phân tích nguyên nhân thất bại của các phong trào.

Bước đầu hoạt động yêu nước của Nguyễn Tất Thành : quyết định ra đi tìm con đường cứu nước mới, cuộc hành trình và sự chuyển biến về tư tưởng.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

- Lập niên biểu thống kê những sự kiện chính về :

+ Tiến trình Pháp xâm lược Việt Nam (1858 - 1884) :

|  |  |
| --- | --- |
| **Niên đại** | **Sự kiện** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

+ Về phong trào Cần vương (1885 - 1896)

|  |  |
| --- | --- |
| **Niên đại** | **Sự kiện** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

+ Về phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX (đến năm 1918)

|  |  |
| --- | --- |
| **Niên đại** | **Sự kiện** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

- Nắm nội dung cơ bản các kiến thức :

+ Nguyên nhân Pháp xâm lược Việt Nam :

Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, nhu cầu xâm chiếm thuộc địa, Việt Nam giàu sức người sức của.

+ Nguyên nhân làm cho nước ta bị mất vào tay thực dân Pháp : Đường lối, cách thức tổ chức kháng chiến của triều đình Huế mắc nhiều sai lầm, bất cập. Bối cảnh quốc tế bất lợi.

+ Về phong trào Cần vương chống Pháp cuối thế kỉ XIX :

Nguyên nhân bùng nổ :

Âm mưu thống trị của thực dân Pháp.

Lòng yêu nước, ý chí bất khuất của quần chúng nhân dân.

Thái độ kiến quyết chống Pháp của phái chủ chiến.

+ Nhận xét chung về phong trào chống Pháp ở nửa cuối thế kỉ XIX :

Quy mô : diễn ra khắp Bắc Trung Kì và Bắc Kì. Thành phần tham gia bao gồm các sĩ phu, văn thân yêu nước và đông đảo nông dân, rất quyết liệt, tiêu biểu là ba cuộc khởi nghĩa lớn : Ba Đình, Bãi Sậy, Hương Khê.

Hình thức và phương pháp đấu tranh : khởi nghĩa vũ trang (phù hợp với truyền thống đấu tranh của dân tộc).

Tính chất : là cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Ý nghĩa : chứng tỏ ý chí đấu tranh giành lại độc lập dân tộc của nhân dân ta rất mãnh liệt.

+ Những chuyển biến về kinh tế, xã hội, tư tưởng trong phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỉ XX.

Nguyên nhân : tác động của cuộc khai thác của thực dân Pháp ở Việt Nam và những luồng tư tưởng tiến bộ trên thế giới dội vào, nhất là tấm gương tự cường của Nhật Bản.

**LỚP 9**

**LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI
TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY**

***Chủ đề 1***

**LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU
TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI**

**A - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

**-** Biết được tình hình Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991 qua hai giai đoạn :

**+** Giai đoạn từ năm 1945 đến giữa những năm 70 thế kỉ XX :

• Liên Xô :

Công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh (1945 − 1950)

Những thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội

• Các nước Đông Âu :

Thành lập Nhà nước dân chủ nhân dân

Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và những thành tựu chính.

+ Giai đoạn từ giữa những năm 70 đến đầu những năm 90 của thế kỉ XX : giai đoạn khủng hoảng dẫn đến sự tan rã của Liên Xô và sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.

- Biết đánh giá những thành tựu đạt được và một số sai lầm, hạn chế của Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu.

**B - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

I. LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN GIỮA NHỮNG NĂM 70 CỦA THẾ KỈ XX

**1. Liên Xô**

***a) Công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh (1945 − 1950)***

*Biết được tình hình Liên Xô và kết quả công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh :*

- Đất nước Xô viết bị chiến tranh tàn phá hết sức nặng nề : hơn 27 triệu người chết, 1 710 thành phố, hơn 70 000 làng mạc bị phá huỷ,...

- Nhân dân Liên Xô thực hiện và hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ tư (1946 − 1950) trước thời hạn.

- Công nghiệp tăng 73%, một số ngành nông nghiệp vượt
mức trước chiến tranh. Năm 1949, Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.

***b) Tiếp tục công cuộc xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội (từ năm 1950 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX)***

*Trình bày được những thành tựu chủ yếu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô từ năm 1950 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX :*

- Liên Xô tiếp tục thực hiện các kế hoạch dài hạn với các phương hướng chính là : phát triển kinh tế với ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, đẩy mạnh tiến bộ khoa học – kĩ thuật, tăng cường sức mạnh quốc phòng.

- Kết quả : Liên Xô đã đạt được nhiều thành tựu to lớn : Sản xuất công nghiệp bình quân hằng năm tăng 9,6%, là cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới, chỉ sau Mĩ ; là nước mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của con người − năm 1957, phóng thành công vệ tinh nhân tạo, năm 1961 phóng tàu "Phương Đông" đưa con người (I. Gagarin) lần đầu tiên bay vòng quanh Trái Đất.

- Về đối ngoại : Liên Xô chủ trương duy trì hoà bình thế giới, quan hệ hữu nghị với các nước và ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc.

- Quan sát hình 1. *Vệ tinh nhân tạo đầu tiên của Liên Xô* và nhận xét về thành tựu khoa học − kĩ thuật của nước này.

**2. Các nước Đông Âu**

***a) Sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu***

*Biết được tình hình các nước dân chủ nhân dân Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai :*

- Trong thời kì Chiến tranh thế giới thứ hai, nhân dân ở hầu hết các nước Đông Âu tiến hành cuộc đấu tranh chống phát xít và đã giành được thắng lợi : giải phóng đất nước, thành lập các nhà nước dân chủ nhân dân (Ba Lan tháng 7 − 1944, Tiệp Khắc 5 – 1945,...).

- Riêng nước Đức bị chia cắt, với sự thành lập nhà nước Cộng hoà Liên bang Đức (9 − 1949) ở phía Tây lãnh thổ và nhà nước Cộng hoà Dân chủ Đức (10 − 1949) ở phía Đông.

- Từ năm 1945 đến năm 1949, các nước Đông Âu hoàn thành những nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân chủ nhân dân : xây dựng bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân, tiến hành cải cách ruộng đất, thực hiện các quyền tự do dân chủ và cải thiện đời sống nhân dân,...

- Quan sát hình 2 – SGK, xác định tên các nước dân chủ nhân dân Đông Âu trên lược đồ.

***b) Tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội (từ năm 1950 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX)***

*Trình bày được những thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu :*

- Sau 20 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội (1950 − 1970), với sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô, các nước Đông Âu đã giành được những thắng lợi to lớn :

+ Xoá bỏ sự bóc lột của giai cấp tư sản.

+ Đưa nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể thông qua hình thức hợp tác xã.

+ Công nghiệp hoá, xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.

- Nhờ đó, các nước Đông Âu đã trở thành các nước công – nông nghiệp, bộ mặt kinh tế − xã hội của đất nước đã thay đổi căn bản và sâu sắc.

II. LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ GIỮA NHỮNG NĂM 70 ĐẾN ĐẦU NHỮNG NĂM 90 CỦA THẾ KỈ XX

**1. Sự khủng hoảng và tan rã của Liên bang Xô viết**

*Biết được nguyên nhân, quá trình khủng hoảng và tan rã của Liên bang Xô viết :*

- Từ sau cuộc khủng hoảng dầu mỏ năm 1973, nhất là từ đầu những năm 80, nền kinh tế − xã hội của Liên Xô ngày càng rơi vào tình trạng trì trệ, không ổn định và lâm dần vào khủng hoảng. Đó là, sản xuất công nghiệp và nông nghiệp không tăng, đời sống nhân dân khó khăn, lương thực và hàng hoá tiêu dùng thiết yếu ngày càng khan hiếm, tệ nạn quan liêu, tham nhũng trầm trọng...

- Tháng 3 − 1985, sau khi lên nắm quyền lãnh đạo Đảng Cộng sản Liên Xô, Goóc-ba-chốp đề ra đường lối cải tổ nhằm đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng, khắc phục những sai lầm và xây dựng chủ nghĩa xã hội theo đúng ý nghĩa và bản chất tốt đẹp của nó.

- Do thiếu chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết và thiếu một đường lối chiến lược đúng đắn, công cuộc cải tổ nhanh chóng lâm vào tình trạng bị động, khó khăn và bế tắc. Đất nước càng lún sâu vào khủng hoảng và rối loạn : bãi công, nhiều nước cộng hoà đòi li khai, tệ nạn xã hội gia tăng,...

- Sau cuộc đảo chính ngày 19 − 8 − 1991 không thành, Đảng Cộng sản và Nhà nước Liên bang hầu như tê liệt. Ngày 21 − 12 − 1991, 11 nước cộng hoà kí hiệp định về giải tán Liên bang, thành lập Cộng đồng các quốc gia độc lập (viết tắt là SNG). Tối 25 − 12 − 1991, Goóc-ba-chốp tuyên bố từ chức Tổng thống, lá cờ Liên bang Xô viết trên nóc điện Crem-li bị hạ xuống, đánh dấu sự chấm dứt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên bang Xô viết sau 74 năm tồn tại.

- Quan sát hình 3. *Cuộc biểu tình đòi li khai và độc lập ở Lít-va* − SGK và nhận xét về tình hình ở Liên Xô từ giữa những năm 70 đến đầu những năm 90 của thế kỉ XX.

- Quan sát *Lược đồ các nước SNG* − SGK và xác định tên các nước SNG trên lược đồ.

**2. Cuộc khủng hoảng và tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu**

*Biết được sự khủng hoảng và tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu :*

- Từ cuối những năm 70 và đầu những năm 80 của thế kỉ XX, các nước Đông Âu lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế và chính trị ngày càng gay gắt.

Tới cuối năm 1988, cuộc khủng hoảng lên tới đỉnh cao, khởi đầu từ Ba Lan sau đó lan sang các nước khác. Các cuộc mít tinh, biểu tình diễn ra dồn dập, mà mũi nhọn đấu tranh là nhằm vào các đảng cộng sản cầm quyền...

- Qua các cuộc tổng tuyển cử, các lực lượng đối lập thắng cử, giành được chính quyền nhà nước còn các đảng cộng sản đều thất bại. Chính quyền mới ở các nước Đông Âu đều tuyên bố từ bỏ chủ nghĩa xã hội, thực hiện đa nguyên về chính trị và chuyển nền kinh tế theo cơ chế thị trường với nhiều thành phần sở hữu. Tên nước thay đổi, nói chung đều gọi là các nước cộng hoà.

- Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên Xô chấm dứt sự tồn tại của hệ thống xã hội chủ nghĩa (ngày 28 − 6 − 1991, SEV ngừng hoạt động và ngày 1 − 7 − 1991, Tổ chức Hiệp ước Vácsava giải tán). Đây là những tổn thất hết sức nặng nề đối với phong trào cách mạng thế giới và các lực lượng dân chủ, tiến bộ ở
các nước.

- Giáo viên hướng dẫn học sinh biết đánh giá một số thành tựu đã đạt được và một số sai lầm, hạn chế của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.

***Chủ đề 2***

**CÁC NƯỚC Á, PHI, MĨ LA-TINH TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY**

**A − CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

**-** Biết được các vấn đề chủ yếu của tình hình chung ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh : quá trình đấu tranh giành độc lập và sự phát triển, hợp tác sau khi giành được độc lập.

- Trung Quốc : sự ra đời của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ; các giai đoạn phát triển từ năm 1949 đến năm 2000.

- Các nước Đông Nam Á : cuộc đấu tranh giành độc lập ; sự ra đời và phát triển của tổ chức ASEAN.

- Các nước châu Phi : tình hình chung ; Cộng hoà Nam Phi và cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc.

- Các nước Mĩ La-tinh : những nét chung về xây dựng và phát triển đất nước ; Cu-ba và cuộc cách mạng nhân dân.

**B − HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

I. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ SỰ TAN RÃ CỦA HỆ THỐNG THUỘC ĐỊA

**1. Giai đoạn từ năm 1945 đến giữa những năm 60 của thế
kỉ XX**

*Biết được một số nét chính về quá trình giành độc lập ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến những năm 60 của thế kỉ XX :*

- Phong trào đấu tranh được khởi đầu từ Đông Nam Á với những thắng lợi trong các cuộc khởi nghĩa giành chính quyền và tuyên bố độc lập ở các nước như In-đô-nê-xi-a (17 − 8 − 1945), Việt Nam (2 − 9 − 1945) và Lào (12 − 10 − 1945).

- Phong trào tiếp tục lan sang Nam Á, Bắc Phi như ở Ấn Độ, Ai Cập và An-giê-ri,...

- Năm 1960 là "Năm châu Phi" với 17 nước ở lục địa này tuyên bố độc lập.

- Ngày 1 − 1 − 1959, cuộc cách mạng nhân dân thắng lợi ở Cu-ba.

Kết quả là tới giữa những năm 60 của thế kỉ XX, hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc về cơ bản đã bị sụp đổ (năm 1967 chỉ còn 5,2 triệu km2 với 35 triệu dân, tập trung chủ yếu ở Nam châu Phi).

**2. Giai đoạn từ giữa những năm 60 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX**

Nội dung chính của giai đoạn này là thắng lợi của phong trào đấu tranh lật đổ ách thống trị của thực dân Bồ Đào Nha, giành độc lập ở ba nước Ăng-gô-la, Mô-dăm-bích và Ghi-nê Bít-xao vào những năm 1974 − 1975.

**3. Giai đoạn từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 của thế kỉ XX**

*Biết được nét chính về phong trào giành độc lập của các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh từ giữa những năm 70 đến giữa những năm 90 của
thế kỉ XX :*

- Nội dung chính của giai đoạn này là cuộc đấu tranh xoá bỏ chế độ phân biệt chủng tộc (A-pac-thai), tập trung ở 3 nước miền Nam châu Phi là : Rô-đê-di-a, Tây Nam Phi và Cộng hoà Nam Phi.

- Sau nhiều năm đấu tranh ngoan cường của người da đen, chế độ phân biệt chủng tộc đã bị xoá bỏ và người da đen được quyền bầu cử và các quyền tự do dân chủ khác. Cuộc đấu tranh đã giành được thắng lợi ở Rô-đê-di-a năm1980 (nay là Cộng hoà Dim-ba-bu-ê), ở Tây Nam Phi năm 1990 (nay là Cộng hoà Na-mi-bi-a), đặc biệt ở Cộng hoà
Nam Phi – sào huyệt lớn nhất và cuối cùng của chế độ A-pac-thai.
N. Man-đê-la được bầu là Tổng thống người da đen đầu tiên ở Cộng hoà Nam Phi năm 1994.

- Xác định trên lược đồ ví trí của một số nước Á, Phi, Mĩ La-tinh giành được độc lập.

- Lập bảng niên biểu về quá trình giành độc lập của một số nước Á, Phi, Mĩ La-tinh.

II. CÁC NƯỚC CHÂU Á

**1. Tình hình chung**

*Biết được tình hình chung của các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai :*

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, một cao trào giải phóng dân tộc đã diễn ra ở châu Á. Tới cuối những năm 50, phần lớn các nước châu Á đã giành được độc lập. Sau đó, hầu như trong suốt nửa sau thế kỉ XX, tình hình châu Á lại không ổn định bởi đã diễn ra các cuộc chiến tranh xâm lược của các nước đế quốc, nhất là ở khu vực Đông Nam Á và Trung Đông. Sau Chiến tranh lạnh, lại xảy ra xung đột, li khai, khủng bố ở một số nước như : Phi-líp-pin, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ấn Độ và Pa-ki-xtan,...

- Cũng từ nhiều thập kỉ qua, một số nước châu Á đã đạt sự tăng trưởng nhanh chóng về kinh tế như Trung Quốc, Hàn quốc, Xin-ga-po... Ấn Độ là một trường hợp tiêu biểu với cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp, sự phát triển của công nghiệp phần mềm, các ngành công nghiệp thép, xe hơi,...

**2. Trung Quốc**

*Trình bày được những nét nổi bật của tình hình Trung Quốc qua các giai đoạn phát triển :*

***a) Năm 1949 :*** Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa được thành lập. Đây là một sự kiện có ý nghĩa lịch sử đối với đất nước, nhân dân Trung Quốc và thế giới.

***b) Giai đoạn 1949 – 1959 :*** 10 năm đầu xây dựng chế độ mới.

Các nhiệm vụ chính đã hoàn thành thắng lợi là :

**-** Khôi phục kinh tế, tiến hành cải cách ruộng đất và hợp tác hoá nông nghiệp, cải tạo công thương nghiệp tư bản tư nhân...

**-** Thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1953 − 1957). Nhờ đó, bộ mặt đất nước Trung Quốc thay đổi rõ rệt, đời sống nhân dân được cải thiện.

***c) Giai đoạn 1959 − 1978 :*** Trung Quốc trong thời kì biến động, các sự kiện chính là :

**-** Đường lối "Ba ngọn cờ hồng" (trong đó có phong trào "Đại nhảy vọt") với ý đồ nhanh chóng xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Nhưng kết quả không được như mong muốn.

**-** Cuộc "Đại cách mạng văn hoá vô sản" - thực chất là sự bất đồng về đường lối và tranh giành quyền lực trong nội bộ Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Đất nước Trung Quốc lâm vào tình trạng hỗn loạn cùng những thảm hoạ nghiêm trọng về kinh tế − xã hội.

***d) Giai đoạn từ năm 1978 đến nay :*** tiến hành cải cách - mở cửa

- Tháng 12 - 1978, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra đường lối mới với chủ trương lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, thực hiện cải cách và mở cửa nhằm xây dựng Trung Quốc trở thành một quốc gia giàu mạnh, văn minh.

- Sau hơn 20 năm cải cách − mở cửa, Trung Quốc đã thu được những thành tựu hết sức to lớn. Nền kinh tế phát triển nhanh chóng, đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng trung bình hằng năm 9,6%, tổng giá trị xuất nhập khẩu tăng gấp 15 lần. Đời sống nhân dân được nâng cao rõ rệt.

Về đối ngoại, Trung Quốc đã cải thiện quan hệ với nhiều nước, thu hồi chủ quyền đối với Hồng Công (1997) và Ma Cao (1999). Địa vị của Trung Quốc được nâng cao trên trường quốc tế.

- Quan sát hình 5 - SGK, tìm hiểu một số nét chính về cuộc đời và hoạt động của Mao Trạch Đông.

- Quan sát lược đồ 6 - SGK, xác định vị trí của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa sau ngày thành lập trên lược đồ.

- Quan sát hình 7, 8 − SGK và nhận xét về thành tựu của Trung Quốc trong công cuộc cải cách, mở cửa.

III. CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

**1. Tình hình Đông Nam Á trước và sau năm 1945**

*Biết được tình hình chung của các nước Đông Nam Á trước và sau năm 1945 :*

*-* Trước năm 1945, các nước Đông Nam Á, trừ Thái Lan, đều là thuộc địa của thực dân phương Tây.

- Sau năm 1945 và kéo dài hầu như trong cả nửa sau thế kỉ XX, tình hình Đông Nam Á diễn ra phức tạp và căng thẳng. Các sự kiện tiêu biểu là :

+ Nhân dân nhiều nước Đông Nam Á đã nổi dậy giành chính quyền như ở In-đô-nê-xi-a, Việt Nam và Lào từ tháng 8 đến tháng
10 − 1945. Sau đó, đến giữa những năm 50 thế kỉ XX, hầu hết các nước trong khu vực đã giành được độc lập.

+ Từ năm 1950, trong bối cảnh Chiến tranh lạnh, tình hình Đông Nam Á trở nên căng thẳng, chủ yếu do sự can thiệp của đế quốc Mĩ. Mĩ thành lập khối quân sự SEATO (1954) nhằm đẩy lùi ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội và phong trào giải phóng dân tộc đối với Đông Nam Á. Mĩ đã tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam kéo dài tới 20 năm (1954 − 1975).

- Quan sát lược đồ 9 − SGK, xác định ví trí các nước Đông Nam Á trên lược đồ.

**2. Sự ra đời của tổ chức ASEAN**

*Hiểu được hoàn cảnh ra đời của tổ chức ASEAN và biết được mục tiêu hoạt động của tổ chức này :*

- Sau khi giành được độc lập, nhiều nước Đông Nam Á ngày càng nhận thức rõ sự cần thiết phải cùng nhau hợp tác để phát triển đất nước và hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực.

- Ngày 8 − 8 − 1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (viết tắt theo tiếng Anh là ASEAN) đã được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) với sự tham gia của 5 nước là In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Thái Lan và Xin-ga-po.

Trong thời kì đầu mới thành lập ASEAN có 2 văn kiện quan
trọng là :

1. "Tuyên bố Băng Cốc" (8 − 1967) xác định mục tiêu của ASEAN là tiến hành sự hợp tác kinh tế và văn hoá giữa các nước thành viên trên tinh thần duy trì hoà bình và ổn định khu vực.

2. "Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á" − Hiệp ước Ba-li (2 − 1976) đã xác định những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước thành viên.

- Từ đầu những năm 80 thế kỉ XX, do "vấn đề Cam-pu-chia" quan hệ giữa các nước ASEAN và ba nước Đông Dương lại trở nên căng thẳng, đối đầu nhau. Cũng trong thời gian này, nền kinh tế các nước ASEAN đã có những chuyển biến mạnh mẽ và đạt được sự tăng trưởng cao như Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Thái Lan,...

**3. Từ "ASEAN 6" phát triển thành "ASEAN 10"**

*Trình bày được quá trình phát triển của tổ chức ASEAN từ khi thành lập đến nay :*

- Sau Chiến tranh lạnh, nhất là khi "vấn đề Cam-pu-chia" được giải quyết, tình hình Đông Nam Á đã được cải thiện rõ rệt. Xu hướng nổi bật đầu tiên là sự mở rộng các thành viên của Hiệp hội. Lần
lượt các nước đã gia nhập ASEAN : Việt Nam vào năm 1995, Lào và Mi-an-ma – năm 1997, Cam-pu-chia – năm 1999.

- Với 10 nước thành viên, ASEAN trở thành một tổ chức khu vực ngày càng có uy tín với những hợp tác kinh tế (AFTA, 1992) và hợp tác an ninh (Diễn đàn khu vực ARF, 1994). Nhiều nước ngoài khu vực đã tham gia hai tổ chức trên như : Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mĩ, Ấn Độ,...

- Quan sát hình 11. *Hội nghị cấp cao ASEAN VI họp tại Hà Nội* − SGK và nêu nhận xét về quá trình phát triển của tổ chức này.

- Tìm hiểu một số nội dung cơ bản của "Tuyên ngôn Băng Cốc" (1967) và Hiệp ước Ba-li (1976).

IV. CÁC NƯỚC CHÂU PHI

**1. Tình hình chung**

*Biết được nét chính tình hình chung ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai :*

- Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc đã diễn ra sôi nổi ở châu Phi, sớm nhất là ở Bắc Phi - nơi có trình độ phát triển hơn. Ở Ai Cập, đã nổ ra cuộc đảo chính lật đổ chế độ quân chủ (1952). Nhân dân An-giê-ri tiến hành khởi nghĩa vũ trang lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp (1954 − 1962). Năm 1960 − "Năm châu Phi", với 17 nước châu Phi tuyên bố độc lập.

- Sau khi giành được độc lập, các nước châu Phi bắt tay vào công cuộc xây dựng đất nước và đã thu được nhiều thành tích. Tuy nhiên, nhiều nước châu Phi vẫn trong tình trạng đói nghèo, lạc hậu, thậm chí lại diễn ra các cuộc xung đột, nội chiến đẫm máu.

- Châu Phi đã thành lập nhiều tổ chức khu vực để các nước giúp đỡ, hợp tác cùng nhau, lớn nhất là Tổ chức thống nhất châu Phi – nay là Liên minh châu Phi (viết tắt là AU).

- Quan sát lược đồ 12. *Các nước châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai* − SGK, xác định trên lược đồ vị trí một số nước tiêu biểu trong quá trình đấu tranh giành độc lập.

**2. Cộng hoà Nam Phi**

*Trình bày được kết quả cuộc đấu tranh của nhân dân Nam Phi chống chế độ phân biệt chủng tộc (A-pac-thai) :*

- Là nước nằm ở cực nam châu Phi, Cộng hoà Nam Phi có dân số là 43,2 triệu người (2002), trong đó 75,2% là người da đen, 13,6% -
người da trắng, 11,2% - người da màu. Kéo dài hơn ba thế kỉ (kể từ năm 1662, khi người Hà Lan tới đây), chế độ phân biệt chủng tộc
(A-pac-thai) đã thống trị cực kì tàn bạo đối với người da đen và da màu ở Nam Phi.

- Người da đen đã ngoan cường và bền bỉ đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc. Dưới sự lãnh đạo của tổ chức "Đại hội dân tộc Phi" (ANC), người da đen đã giành được những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử. Năm 1993, chế độ phân biệt chủng tộc được tuyên bố xoá bỏ.

- Năm 1994, cuộc bầu cử dân chủ đa chủng tộc lần đầu tiên được tiến hành và Nen-xơn Man-đê-la - lãnh tụ ANC được bầu và trở thành vị Tổng thống người da đen đầu tiên ở Cộng hoà Nam Phi.

- Nam Phi đang tập trung sức phát triển kinh tế và xã hội nhằm xoá bỏ "chế độ A-pac-thai" về kinh tế.

- Quan sát hình 13. *Nen-xơn Man-đê-la* và tìm hiểu thêm về cuộc đời và hoạt động của ông.

V. CÁC NƯỚC MĨ LA-TINH

**1. Những nét chung**

*Biết được nét chính tình hình chung của các nước Mĩ La-tinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai :*

- Khác với châu Á và châu Phi, nhiều nước ở Mĩ La-tinh như Bra-xin, Vê-nê-xu-ê-la,... đã giành được độc lập ngay từ những thập kỉ đầu thế kỉ XIX, nhưng sau đó lại rơi vào vòng lệ thuộc và trở thành "sân sau" của đế quốc Mĩ.

- Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nhất là từ đầu những năm 60 của thế kỉ XX, một cao trào đấu tranh đã diễn ra ở nhiều nước Mĩ La-tinh với mục tiêu là thành lập các chính phủ dân tộc, dân chủ và tiến hành các cải cách tiến bộ, nâng cao đời sống của nhân dân. Tiêu biểu là cuộc cách mạng nhân dân ở Cu-ba đầu năm 1959...

- Các nước Mĩ La-tinh đã thu được nhiều thành tựu trong công cuộc củng cố độc lập dân tộc, dân chủ hoá đời sống chính trị, tiến hành các cải cách dân chủ... Tuy nhiên, ở một số nước có lúc đã gặp phải những khó khăn như : tăng trưởng kinh tế chậm lại, tình hình chính trị không ổn định do sự tranh giành quyền lực giữa các phe phái...

Quan sát lược đồ 14. *Khu vực Mĩ La-tinh sau năm 1945* − SGK xác định vị trí một số nước trong quá trình đấu tranh giành độc lập ở khu vực này.

**2. Cu-ba**

*Trình bày được nét chính về cuộc cách mạng Cu-ba và kết quả công cuộc xây dựng CNXH ở nước này :*

- Khởi đầu từ cuộc tấn công vũ trang của 135 thanh niên yêu nước vào pháo đài Môn-ca-đa ngày 26 − 7 − 1953, nhân dân Cu-ba dưới sự lãnh đạo của Phi-đen Cát-xtơ-rô đã tiến hành cuộc đấu tranh kiên cường, vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ nhằm lật đổ chính quyền Ba-ti-xta thân Mĩ. Ngày 1 − 1 − 1959, cuộc cách mạng nhân dân giành được thắng lợi.

- Sau ngày cách mạng thắng lợi, Chính phủ cách mạng do Phi-đen đứng đầu đã tiến hành cuộc cải cách dân chủ triệt để : cải cách ruộng đất, quốc hữu hoá các xí nghiệp của tư bản nước ngoài, xây dựng chính quyền cách mạng các cấp và thanh toán nạn mù chữ, phát triển giáo dục, y tế... Bộ mặt đất nước Cu-ba thay đổi căn bản và sâu sắc.

- Trong nửa thế kỉ qua, nhân dân Cu-ba đã kiên cường, bất khuất vượt qua những khó khăn to lớn do chính sách phá hoại, bao vây, cấm vận về kinh tế của Mĩ, cũng như sự tan rã của Liên Xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa (không còn những đồng minh, nguồn viện trợ và bạn hàng buôn bán...). Cu-ba vẫn đứng vững và tiếp tục đạt được những thành tích mới.

- Quan sát hình 15 − SGK và tìm hiểu thêm về cuộc đời và sự nghiệp của Phi-đen Cát-xtơ-rô.

***Chủ đề 3***

**MĨ, NHẬT BẢN, TÂY ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY**

**A − CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Nêu được những nét lớn về tình hình kinh tế, khoa học – kĩ thuật, văn hoá, chính trị, xã hội của Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu từ năm 1945 đến nay.

**-** Chú ý :

+ Mĩ : sự phát triển của khoa học – kĩ thuật. Chính sách đối nội, đối ngoại sau chiến tranh.

+ Nhật Bản : sự khôi phục và tăng trưởng nhanh về kinh tế. Chính sách đối nội, đối ngoại.

+ Tây Âu : sự liên kết khu vực ở Tây Âu.

**B − HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

I. NƯỚC MĨ

**1. Tình hình kinh tế nước Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai**

*Trình bày được sự phát triển của kinh tế Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nguyên nhân của sự phát triển đó :*

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ đã vươn lên trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất, đứng đầu hệ thống tư bản chủ nghĩa. Trong những năm 1945 – 1950, Mĩ chiếm hơn một nửa sản lượng công nghiệp thế giới (56,4%), 3/4 trữ lượng vàng của thế giới. Mĩ có lực lượng quân sự mạnh nhất thế giới tư bản và độc quyền vũ khí nguyên tử.

- Trong những thập niên tiếp sau, kinh tế Mĩ đã suy yếu tương đối và không còn giữ ưu thế tuyệt đối như trước kia. Điều đó do nhiều nguyên nhân như : sự cạnh tranh của các nước đế quốc khác, khủng hoảng chu kì, những chi phí khổng lồ cho việc chạy đua vũ trang và các cuộc chiến tranh xâm lược,...

- Giải thích vì sao nước Mĩ lại trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

**2. Sự phát triển về khoa học – kĩ thuật của Mĩ sau chiến tranh**

*Biết được những thành tựu về khoa học − kĩ thuật của Mĩ sau chiến tranh :*

- Nước Mĩ là nơi khởi đầu cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai, diễn ra từ giữa những năm 40 thế kỉ XX.

- Là nước đi đầu về khoa học – kĩ thuật và công nghệ, Mĩ đã thu được nhiều thành tựu to lớn trong các lĩnh vực như : sáng chế công cụ sản xuất mới, các nguồn năng lượng mới, vật liệu tổng hợp mới, "cách mạng xanh" trong nông nghiệp, trong giao thông liên lạc, chinh phục vũ trụ...

- Quan sát hình 16. *Tàu con thoi của Mĩ đang được phóng lên* − SGK và nhận xét về sự phát triển khoa học của Mĩ sau chiến tranh.

**3. Chính sách đối nội và đối ngoại của Mĩ sau chiến tranh**

*Trình bày được chính sách đối nội và đối ngoại của Mĩ sau
chiến tranh :*

- Sau chiến tranh, Nhà nước Mĩ đã ban hành hàng loạt các đạo luật phản động nhằm chống lại Đảng Cộng sản Mĩ, phong trào công nhân và phong trào dân chủ.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, nhiều phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân Mĩ vẫn tiếp tục diễn ra, có lúc mạnh mẽ như phong trào của người da đen năm 1963, phong trào chống chiến tranh Việt Nam những năm 1969 − 1972.

- Nhằm mưu đồ thống trị thế giới, các chính quyền Mĩ đã đề ra "chiến lược toàn cầu" với các mục tiêu chống phá các nước xã hội chủ nghĩa, đẩy lùi phong trào giải phóng dân tộc, đàn áp phong trào công nhân và phong trào dân chủ. Mĩ đã viện trợ cho các chính quyền thân Mĩ, gây ra nhiều cuộc chiến tranh xâm lược, tiêu biểu là chiến tranh xâm lược Việt Nam và Mĩ đã bị thất bại nặng nề.

- Quan sát bản đồ nước Mĩ (gồm 3 bộ phận lãnh thổ - lục địa
Bắc Mĩ, bang A-la-xca và quần đảo Ha-oai) và xác định vị trí thủ đô Oa-sinh-tơn và thành phố Niu Oóc trên bản đồ.

II. NHẬT BẢN

**1. Tình hình Nhật Bản sau chiến tranh**

*Biết được tình hình và những cải cách dân chủ ở Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai :*

- Là nước bại trận, bị tàn phá nặng nề, xuất hiện nhiều khó khăn lớn, bao trùm đất nước : nạn thất nghiệp trầm trọng (13 triệu người), thiếu thốn lương thực, thực phẩm và hàng hoá tiêu dùng,...

- Dưới chế độ chiếm đóng của Mĩ, nhiều cải cách dân chủ đã được tiến hành như : ban hành Hiến pháp mới (1946), thực hiện cải cách ruộng đất, xoá bỏ chủ nghĩa quân phiệt và trừng trị các tội phạm chiến tranh, ban hành các quyền tự do dân chủ (luật Công đoàn, nam nữ bình đẳng...),... Những cải cách này đã trở thành nhân tố quan trọng giúp Nhật Bản phát triển mạnh mẽ sau này.

- Quan sát lược đồ 17. *Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai* −
SGK, xác định vị trí một số thành phố lớn.

**2. Nhật Bản khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh**

*Trình bày được sự phát triển kinh tế của Nhật Bản sau chiến tranh và nguyên nhân của sự phát triển đó* :

- Từ đầu những năm 50 đến đầu những năm 70 thế kỉ XX, kinh tế Nhật Bản tăng trưởng mạnh mẽ, được coi là "sự phát triển thần kì", với những thành tựu chính là : tốc độ tăng trưởng công nghiệp bình quân hằng năm trong những năm 50 là 15%, những năm 60 – 13,5% ; tổng sản phẩm quốc dân (GNP) năm 1950 là 20 tỉ USD, năm 1968 – 183 tỉ USD, đứng thứ hai trên thế giới, sau Mĩ (830 tỉ USD)...

- Cùng với Mĩ và Tây Âu, Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế − tài chính trên thế giới.

- Những nguyên nhân chính của sự phát triển đó là : con người Nhật Bản được đào tạo chu đáo và có ý chí vươn lên ; sự quản lí có hiệu quả của các xí nghiệp, công ti ; vai trò điều tiết và đề ra các chiến lược phát triển của Chính phủ Nhật Bản.

- Trong thập kỉ 90, kinh tế Nhật bị suy thoái kéo dài, có năm tăng trưởng âm (1997 – âm 0,7%, 1998 – âm 1,0%). Nền kinh tế Nhật Bản đòi hỏi phải có những cải cách theo hướng áp dụng những tiến bộ của khoa học – công nghệ.

- Quan sát hình 18, 19, 20 trong SGK và nhận xét về sự phát triển khoa học – công nghệ của Nhật Bản.

- Giải thích nguyên nhân sự phát triển "thần kì" của kinh tế
Nhật Bản.

**3. Chính sách đối nội và đối ngoại của Nhật Bản sau chiến tranh**

*Biết được chính sách đối nội, đối ngoại của Nhật Bản sau
chiến tranh :*

- Sau chiến tranh, nhờ những cải cách dân chủ, Nhật Bản đã chuyển từ một xã hội chuyên chế sang một xã hội dân chủ ở những mức độ nhất định. Từ năm 1955 đến năm 1993, Đảng Dân chủ Tự do (LDP) liên tục cầm quyền. Hiện nay, Chính phủ Nhật Bản là liên minh cầm quyền của nhiều chính đảng.

- Về đối ngoại, sau chiến tranh Nhật Bản thi hành một chính sách đối ngoại lệ thuộc vào Mĩ, tiêu biểu là kí kết Hiệp ước an ninh Mĩ -
Nhật (tháng 9 − 1951). Từ nhiều thập kỉ qua, Nhật Bản thi hành chính sách đối ngoại mềm mỏng về chính trị và phát triển các quan hệ kinh tế đối ngoại, nỗ lực vươn lên trở thành một cường quốc chính trị để tương xứng với vị thế siêu cường kinh tế.

III. CÁC NƯỚC TÂY ÂU

**1. Tình hình chung**

*Biết được nét nổi bật về kinh tế, chính trị và chính sách đối ngoại các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai :*

- Về kinh tế, để khôi phục nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá nặng nề, các nước Tây Âu đã nhận viện trợ kinh tế của Mĩ theo "Kế hoạch Mác-san" (16 nước được viện trợ khoảng 17 tỉ USD trong những năm từ 1948 đến 1951). Kinh tế được phục hồi, nhưng các nước Tây Âu ngày càng lệ thuộc vào Mĩ.

- Về chính trị, Chính phủ các nước Tây Âu tìm cách thu hẹp các quyền tự do dân chủ, xoá bỏ các cải cách tiến bộ đã thực hiện trước đây, ngăn cản các phong trào công nhân và dân chủ, củng cố thế lực của giai cấp tư sản cầm quyền.

- Về đối ngoại, nhiều nước Tây Âu đã tiến hành các cuộc chiến tranh tái chiếm thuộc địa. Trong bối cảnh Chiến tranh lạnh, các nước Tây Âu tham gia khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) nhằm chống lại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nước Đức bị chia cắt thành hai nhà nước : Cộng hoà Liên bang Đức và Cộng hoà Dân chủ Đức, với các chế độ chính trị đối lập nhau. Tháng 10 − 1990, nước Đức thống nhất, trở thành một quốc gia có tiềm lực kinh tế và quân sự mạnh nhất Tây Âu.

**2. Sự liên kết khu vực**

*Trình bày được quá trình liên kết khu vực của các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai :*

*-* Sau chiến tranh, ở Tây Âu xu hướng liên kết khu vực ngày càng nổi bật và phát triển. Những mốc phát triển chính của xu hướng này là :

+ Tháng 4 − 1951, "Cộng đồng than, thép châu Âu" được thành lập, gồm 6 nước : Pháp, Đức, I-ta-li-a, Bỉ, Hà Lan, Lúc-xăm-bua.

+ Tháng 3 − 1957, "Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu" và "Cộng đồng kinh tế châu Âu" (EEC) được thành lập, gồm 6 nước trên. Cộng đồng kinh tế châu Âu chủ trương xoá bỏ dần hàng rào thuế quan, thực hiện tự do lưu thông hàng hoá, tư bản và nhân công giữa 6 nước.

+ Tháng 7 − 1967, "Cộng đồng châu Âu"(EC) ra đời trên cơ sở sáp nhập 3 cộng đồng trên.

+ Sau 10 năm chuẩn bị, tháng 12 − 1991 các nước EC họp Hội nghị cấp cao tại Ma-a-xtơ-rích (Hà Lan). Hội nghị đã thông qua hai quyết định quan trọng : xây dựng một liên minh kinh tế và một liên minh chính trị, tiến tới một nhà nước chung châu Âu. Theo đòi hỏi của sự phát triển, Cộng đồng châu Âu (EC) đổi tên thành Liên minh châu Âu (EU) và từ ngày 1 − 1 − 1999, một đồng tiền chung của Liên minh đã được phát hành với tên gọi là đồng ơrô (EURO). Tới nay, Liên minh châu Âu là một liên minh kinh tế − chính trị lớn nhất thế giới, có tổ chức chặt chẽ nhất với 25 nước thành viên (2004).

- Quan sát lược đồ 21. *Các nước trong Liên minh châu Âu (năm 2004)* − SGK, xác định ví trí các nước thuộc Liên minh châu Âu trên lược đồ và nêu nhận xét về tổ chức này.

- Lập niên biểu về sự thành lập các tổ chức liên kết kinh tế ở
châu Âu.

***Chủ đề 4***

**QUAN HỆ QUỐC TẾ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY**

**A − CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

**-** Hiểu được những nội dung cơ bản của quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến năm 1991.

- Sự hình thành trật tự thế giới mới và sự thành lập tổ chức Liên hợp quốc.

- Những đặc điểm của quan hệ quốc tế từ năm 1991 đến nay.

**B − HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Sự hình thành trật tự thế giới mới**

*Biết được sự hình thành trật tự thế giới mới − Trật tự hai cực
I-an-ta sau Chiến tranh thế giới thứ hai :*

- Vào giai đoạn cuối của Chiến tranh thế giới thứ hai, nguyên
thủ của ba cường quốc là Liên Xô, Mĩ và Anh đã có cuộc gặp gỡ tại
I-an-ta từ ngày 4 đến ngày 11 − 2 − 1945. Hội nghị đã thông qua những quyết định quan trọng về phân chia khu vực ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á giữa hai cường quốc Liên Xô và Mĩ.

- Những thoả thuận trên đã trở thành khuôn khổ của một trật tự thế giới mới, mà lịch sử gọi là *Trật tự thế giới hai cực I-an-ta*.

- Quan sát hình 22 − SGK, tìm hiểu về các nhân vật Sớc-sin,
Ru-dơ-ven, Xta-lin.

**2. Sự thành lập Liên hợp quốc**

*Biết được sự hình thành, mục đích và vai trò của tổ chức Liên
hợp quốc :*

- Liên hợp quốc được chính thức thành lập vào tháng 10 − 1945, nhằm duy trì hoà bình an ninh thế giới, phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia dân tộc, thực hiện sự hợp tác quốc tế về kinh tế, văn hoá, xã hội...

- Trong hơn nửa thế kỉ qua, Liên hợp quốc đã có vai trò quan trọng trong việc duy trì hoà bình, an ninh thế giới, đấu tranh xoá bỏ chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, giúp đỡ các nước phát triển kinh tế, xã hội,...

- Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc từ tháng 9 − 1977 và là thành viên thứ 149.

- Quan sát hình 23. *Một cuộc họp của Đại hội đồng Liên hợp quốc* − SGK và nêu nhận xét về vai trò của Liên hợp quốc đối với việc giải quyết một số vấn đề mang tính quốc tế hiện nay.

**3. Chiến tranh lạnh**

*Trình bày được những biểu hiện của cuộc Chiến tranh lạnh và những hậu quả của nó :*

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã diễn ra sự đối đầu căng thẳng giữa hai siêu cường Mĩ và Liên Xô và hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, mà đỉnh điểm là tình trạng chiến tranh lạnh.

- Chiến tranh lạnh là chính sách thù địch của Mĩ và các nước đế quốc trong quan hệ với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

- Những biểu hiện của Chiến tranh lạnh là : Mĩ và các nước đế quốc ráo riết chạy đua vũ trang, thành lập các khối và căn cứ quân sự, tiến hành các cuộc chiến tranh cục bộ.

- Chiến tranh lạnh đã gây ra những hậu quả nặng nề như : sự căng thẳng của tình hình thế giới, những chi phí khổng lồ, cực kì tốn kém cho chạy đua vũ trang và chiến tranh xâm lược,...

- Giải thích được khái niệm thế nào là Chiến tranh lạnh.

**4. Thế giới sau Chiến tranh lạnh**

*Biết được đặc điểm trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh :*

Từ sau năm 1991, thế giới bước sang thời kì sau Chiến tranh lạnh. Nhiều xu hướng mới đã xuất hiện như :

- Xu hướng hoà hoãn và hoà dịu trong quan hệ quốc tế.

- Một trật tự thế giới mới đang hình thành và ngày càng theo chiều hướng đa cực, đa trung tâm.

- Dưới tác động của cách mạng khoa học – công nghệ, hầu hết các nước đều điều chỉnh chiến lược phát triển, lấy kinh tế làm trọng điểm.

- Nhưng ở nhiều khu vực (như châu Phi, Trung Á,...) lại xảy ra các cuộc xung đột, nội chiến đẫm máu với những hậu quả nghiêm trọng.

Tuy nhiên, xu thế chung của thế giới ngày nay là hoà bình ổn định và hợp tác phát triển.

***Chủ đề 5***

**CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC – KĨ THUẬT
TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY**

**A − CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

**-** Biết được những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học –
kĩ thuật.

- Đánh giá được ý nghĩa, những tác động tích cực và hậu quả tiêu cực của cách mạng khoa học – kĩ thuật.

**B − HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học - kĩ thuật**

*Biết được những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học -
kĩ thuật :*

- Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, một cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật đã diễn ra với những nội dung phong phú và toàn diện, tốc độ phát triển hết sức nhanh chóng và những hệ quả về nhiều mặt là không thể lường hết được.

- Những thành tựu chủ yếu của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật là :

+ Những phát minh to lớn trong lĩnh vực khoa học cơ bản – Toán học, Vật lí, Hoá học và Sinh học (cừu Đô-li ra đời bằng phương pháp sinh sản vô tính, bản đồ gen người,...).

+ Những phát minh lớn về công cụ sản xuất mới như : máy tính điện tử, máy tự động và hệ thống máy tự động,...

+ Tìm ra những nguồn năng lượng mới hết sức phong phú như : năng lượng nguyên tử, năng lượng mặt trời, năng lượng gió,...

+ Sáng chế những vật liệu mới như : pôlime (chất dẻo), những vật liệu siêu bền, siêu nhẹ, siêu dẫn, siêu cứng,...

+ Tiến hành cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp.

+ Những tiến bộ thần kì trong giao thông vận tải và thông tin
liên lạc.

+ Những thành tựu kì diệu trong lĩnh vực du hành vũ trụ.

- Quan sát hình 24, 25, 26 – SGK để biết thêm về những thành tựu của cách mạng khoa học – kĩ thuật.

**2. Ý nghĩa và tác động của cách mạng khoa học - kĩ thuật**

*Đánh giá được ý nghĩa, tác động tích cực và hậu quả tiêu cực của cách mạng khoa học* - *kĩ thuật :*

- Cho phép thực hiện những bước nhảy vọt về sản xuất và năng suất lao động, nâng cao mức sống và chất lượng cuộc sống của
con người.

- Đưa đến những thay đổi lớn về cơ cấu dân cư lao động trong nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ.

- Mang lại những hậu quả tiêu cực (chủ yếu do con người tạo ra) : chế tạo các loại vũ khí huỷ diệt, ô nhiễm môi trường, những tai nạn lao động và giao thông, các loại dịch bệnh mới,...

- Sưu tầm tranh ảnh, tài liệu về những thành tựu, tiến bộ của cách mạng khoa học – kĩ thuật.

- Nêu suy nghĩ về tình trạng ô nhiễm môi trường, có thể liên hệ với địa phương.

***Chủ đề 6***

**TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI
TỪ SAU NĂM 1945 ĐẾN NAY**

**A − CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Nội dung chính của lịch sử thế giới từ sau năm 1945 đến nay.

- Các xu thế phát triển của thế giới hiện nay

**B − HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Những nội dung chính của lịch sử thế giới từ sau năm 1945 đến nay**

*Trình bày được những nội dung chính của lịch sử thế giới từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay :*

Trong khoảng hơn nửa thế kỉ, giai đoạn lịch sử từ sau năm 1945 đến năm 2000 đã diễn ra nhiều sự kiện to lớn, quyết liệt và cả những đảo lộn đầy bất ngờ.

***a)*** Chủ nghĩa xã hội từ phạm vi một nước đã trở thành một hệ thống thế giới. Trong nhiều thập niên, hệ thống xã hội chủ nghĩa
thế giới là một lực lượng hùng mạnh, có ảnh hưởng to lớn đối với tiến trình phát triển của thế giới. Nhưng do phạm phải nhiều sai lầm, hệ thống xã hội chủ nghĩa đã tan rã vào những năm 1989 – 1991.

***b)*** Sau chiến tranh, cao trào giải phóng dân tộc đã diễn ra mạnh mẽ ở châu Á, châu Phi và Mĩ La-tinh. Kết quả là hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc đã sụp đổ. Hơn 100 các quốc gia độc lập trẻ tuổi ra đời, ngày càng giữ vai trò quan trọng trên trường quốc tế. Nhiều nước đã thu được những thành tựu to lớn về phát triển kinh tế, xã hội.

***c)*** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, những nét nổi bật của hệ thống tư bản chủ nghĩa là :

- Nhìn chung, nền kinh tế các nước tư bản phát triển tương đối nhanh, tuy không tránh khỏi có lúc suy thoái, khủng hoảng.

- Mĩ vươn lên trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất, đứng đầu hệ thống tư bản chủ nghĩa và theo đuổi mưu đồ thống trị thế giới.

- Xu hướng liên kết khu vực về kinh tế - chính trị ngày càng phổ biến, điển hình là Liên minh châu Âu (EU).

***d)*** Về quan hệ quốc tế, sự xác lập của Trật tự thế giới hai cực với đặc trưng lớn là sự đối đầu gay gắt giữa hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa. Đặc trưng lớn này là nhân tố chủ yếu chi phối nền chính trị thế giới và quan hệ quốc tế trong phần lớn nửa sau thế kỉ XX.

***e)*** Với những tiến bộ phi thường và những thành tựu kì diệu, cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật đã và sẽ đưa lại những hệ quả nhiều mặt không lường hết được đối với loài người cũng như mỗi quốc gia,
dân tộc.

- Lập niên biểu những sự kiện lớn của lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến nay.

**2. Các xu thế phát triển của thế giới ngày nay**

 Xem mục 4, chủ đề 4.

**LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NAY**

***Chủ đề 1***

**VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1919 - 1930**

**A − CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp trong các lĩnh vực : nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, tài chính, thuế,...

- Sự biến đổi về mặt kinh tế, xã hội trên đất nước ta dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai.

- Phong trào yêu nước và phong trào công nhân ở nước ta trong những năm 1919 – 1929.

- Các hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài từ năm 1919 đến năm 1925, nêu được ý nghĩa và tác dụng của những hoạt động đó đối với phong trào giải phóng dân tộc ở nước ta.

- Sự ra đời và hoạt động của ba tổ chức cộng sản : Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản
liên đoàn.

- Việt Nam Quốc dân đảng và cuộc khởi nghĩa Yên Bái.

**B − HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

I. VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

**1. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp**

*Trình bày được nguyên nhân và những chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất :*

*-* Nguyên nhân : Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, Pháp là nước thắng trận, nhưng bị tàn phá nặng nề, nền kinh tế kiệt quệ, tư bản Pháp đẩy mạnh chương trình khai thác thuộc địa để bù bắp những thiệt hại do chiến tranh gây ra.

*-* Chính sách khai thác của Pháp :

+ Trong nông nghiệp, Pháp tăng cường đầu tư vốn, chủ yếu vào đồn điền cao su, làm cho diện tích trồng cây cao su tăng lên nhanh chóng.

+ Trong công nghiệp, Pháp chú trọng khai mỏ, số vốn đầu tư tăng ; nhiều công ti mới ra đời. Pháp còn mở thêm một số cơ sở công nghiệp chế biến.

+ Về thương nghiệp*,* phát triển hơn trước ; Pháp độc quyền, đánh thuế nặng hàng hoá các nước nhập vào Việt Nam.

+ Trong giao thông vận tải, đầu tư phát triển thêm, đường sắt xuyên Đông Dương được nối liền nhiều đoạn.

+ Về ngân hàng*,* ngân hàng Đông Dương nắm quyền chỉ huy các ngành kinh tế Đông Dương.

- Quan sát hình 27 − SGK, xác định nguồn lợi của tư bản Pháp ở Việt Nam trong cuộc khai thác lần thứ hai trên lược đồ.

- So sánh với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của Pháp ở Việt Nam về mục đích, quy mô.

**2. Các chính sách chính trị, văn hoá, giáo dục**

*Biết được những nét chính về chính sách chính trị, văn hoá, giáo dục của thực dân Pháp :*

*-* Về chính trị, Pháp thực hiện chính sách "chia để trị", thâu tóm mọi quyền hành, cấm đoán mọi quyền tự do dân chủ, thẳng tay đàn áp, khủng bố,...

*-* Về văn hoá giáo dục, Pháp khuyến khích các hoạt động mê tín dị đoan, các tệ nạn xã hội, hạn chế mở trường học,...

**3. Xã hội Việt Nam phân hoá**

*Chỉ ra được sự chuyển biến về kinh tế, xã hội Việt Nam dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai :*

- Giai cấp địa chủ phong kiến ngày càng câu kết chặt chẽ và làm tay sai cho Pháp, áp bức bóc lột nhân dân. Có một bộ phận nhỏ có tinh thần yêu nước.

- Giai cấp tư sản ra đời sau chiến tranh, trong quá trình phát triển phân hoá thành hai bộ phận : tư sản mại bản làm tay sai cho Pháp, tư sản dân tộc ít nhiều có tinh thần dân tộc, dân chủ chống đế quốc và phong kiến.

- Tầng lớp tiểu tư sản thành thị, tăng nhanh về số lượng, nhưng bị chèn ép, bạc đãi, đời sống bấp bênh. Bộ phận trí thức, sinh viên, học sinh có tinh thần hăng hái cách mạng và là một lực lượng của cách mạng.

- Giai cấp nông dân chiếm trên 90% dân số, bị thực dân, phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề. Họ bị bần cùng hoá, đây là lực lượng hăng hái và đông đảo của cách mạng.

- Giai cấp công nhân ngày càng phát triển, bị áp bức bóc lột, có quan hệ gắn bó với nông dân, có truyền thống yêu nước,... vươn lên thành giai cấp lãnh đạo cách mạng.

II. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

**1. Ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga và phong trào cách mạng thế giới**

*Biết được những ảnh hưởng, tác động của tình hình thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến cách mạng Việt Nam :*

- Sự thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga.

- Sự thành lập Quốc tế Cộng sản (3 - 1919).

- Sự ra đời của hàng loạt các đảng cộng sản như : Đảng Cộng sản Pháp (1920), Đảng Cộng sản Trung Quốc (1921),... đã tác động rất lớn đến cách mạng Việt Nam.

**2. Phong trào dân tộc dân chủ công khai (1919 - 1925)**

*Trình bày được những nét chính về các cuộc đấu tranh trong phong trào dân chủ công khai trong những năm 1919 – 1925 :*

**-** Tư sản dân tộc phát động phong trào chấn hưng nội hoá, bài trừ ngoại hoá (1919), chống độc quyền cảng Sài Gòn và chống độc quyền xuất cảng lúa gạo ở Nam Kì (1923).

- Các tầng lớp tiểu tư sản được tập hợp trong các tổ chức chính trị như Việt Nam Nghĩa đoàn, Hội Phục Việt,... với nhiều hình thức đấu tranh như : xuất bản những tờ báo tiến bộ, tổ chức ám sát những tên trùm thực dân (tiếng bom Sa Diện), phong trào đòi thả Phan Bội Châu, đám tang Phan Châu Trinh.

**3. Phong trào công nhân (1919 - 1925)**

*Trình bày được phong trào đấu tranh của công nhân trong những năm 1919 - 1925, qua đó thấy được sự phát triển của phong trào :*

- Năm 1920, công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn đã thành lập tổ chức Công hội (bí mật).

- Năm 1922, công nhân viên chức các Sở Công thương ở Bắc Kì đấu tranh đòi nghỉ chủ nhật có trả lương.

- Năm 1924, diễn ra nhiều cuộc bãi công của công nhân ở Nam Định, Hà Nội, Hải Dương.

- Tháng 8 - 1925, công nhân Ba Son bãi công nhằm ngăn cản tàu chiến Pháp chở binh lính sang đàn áp cách mạng Trung Quốc.

Cuộc đấu tranh này đã đánh dấu một bước tiến mới của phong trào công nhân Việt Nam – giai cấp công nhân bước đầu đi vào đấu tranh có tổ chức và mục đích chính trị rõ ràng.

- Lập niên biểu về phong trào yêu nước và phong trào công nhân từ năm 1919 đến năm 1925.

- Nhận xét về phong trào công nhân trong thời kì này.

III. NHỮNG HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC Ở NƯỚC NGOÀI (1919 - 1925)

**1. Nguyễn Ái Quốc ở Pháp (1917 - 1923)**

*Trình bày được những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1917 đến năm 1923, nhấn mạnh đến việc Người tìm thấy con đường cứu nước cho nhân dân Việt Nam :*

- Tháng 6 - 1919, Nguyễn Ái Quốc gửi bản Yêu sách, đòi Chính phủ Pháp thừa nhận quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng và tự quyết của dân tộc Việt Nam.

- Tháng 7 - 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lê-nin, tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc - con đường cách mạng vô sản.

- Tháng 12 - 1920, Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, đánh dấu bước ngoặt trong hoạt quá trình hoạt động cách mạng của Người từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

- Tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Hội liên hiệp thuộc địa, làm chủ nhiệm kiêm chủ bút báo *Người cùng khổ*, viết bài cho báo *Nhân đạo*, viết *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Các sách báo trên được bí mật chuyển về Việt Nam.

- Quan sát hình 28 − SGK để biết được Nguyễn Ái Quốc tham gia Đại hội của Đảng Xã hội Pháp (12 - 1920).

**2. Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô (1923 - 1924)**

*Trình bày được những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1923 đến năm 1924 ở Liên Xô để hiểu rõ đó là sự chuẩn bị về tư tưởng cho sự thành lập Đảng :*

- Tháng 6 - 1923, Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế nông dân.

- Trong thời gian ở Liên Xô, Người làm nhiều việc : nghiên cứu, học tập, viết bài cho báo *Sự thật* và tạp chí *Thư tín Quốc tế*.

- Năm 1924, Nguyễn Ái Quốc dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản và tham luận về vị trí, chiến lược của cách mạng ở các nước thuộc địa, về mối quan hệ giữa phong trào công nhân ở các nước đế quốc với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa,...

**3. Nguyễn Ái Quốc ở Trung Quốc (1924 - 1925)**

*Trình bày được những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1924 đến năm 1925 ở Trung Quốc để hiểu rõ đó là sự chuẩn bị về tổ chức cho sự thành lập Đảng :*

- Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc). Tại đây, Người thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, mà nòng cốt là tổ chức Cộng sản đoàn (6 - 1925).

- Mở các lớp huấn luyện chính trị để đào tạo cán bộ.

- Xuất bản báo *Thanh niên*, in cuốn *Đường Kách mệnh* (đầu năm 1927).

- Năm 1928, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên có chủ trương "vô sản hoá" nhằm tạo điều kiện cho hội viên tự rèn luyện, truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tổ chức và lãnh đạo công nhân đấu tranh.

- Lập bảng hệ thống về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến năm 1925 và nêu nhận xét.

IV. CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRƯỚC KHI ĐẢNG CỘNG SẢN
RA ĐỜI

**1. Bước phát triển mới của phong trào cách mạng Việt Nam (1926 - 1927)**

*Trình bày được những phong trào cách mạng trong những năm 1926 - 1927, chú ý bước phát triển mới của phong trào :*

- Trong hai năm 1926 - 1927, nhiều cuộc bãi công của công nhân liên tiếp nổ ra như các cuộc bãi công của công nhân nhà máy sợi Nam Định, đồn điền cao su Cam Tiêm và Phú Riềng,...

- Phong trào mang tính thống nhất trong toàn quốc, mang tính chính trị, có sự liên kết với nhau (nêu vài sự kiện để chứng minh).

- Phong trào nông dân, tiểu tư sản và các tầng lớp nhân dân yêu nước khác phát triển thành một làn sóng cách mạng dân tộc dân chủ khắp cả nước. Các tổ chức cách mạng lần lượt ra đời.

**2. Tân Việt Cách mạng đảng (7 - 1928)**

*Biết được được sự ra đời và hoạt động của Tân Việt Cách mạng đảng :*

- Hội Phục Việt sau nhiều lần đổi tên đến tháng 7 - 1928 lấy tên là Tân Việt Cách mạng đảng.

- Thành phần : trí thức trẻ và thanh niên tiểu tư sản yêu nước.

- Địa bàn hoạt động : chủ yếu ở Trung Kì.

- Hoạt động : cử người dự các lớp huấn luyện của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Nội bộ diễn ra cuộc đấu tranh giữa hai xu hướng : vô sản và tư sản, cuối cùng xu hướng vô sản chiếm ưu thế. Một số đảng viên tiên tiến chuyển sang Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, tích cực chuẩn bị thành lập Đảng.

**3. Việt Nam Quốc dân đảng và cuộc khởi nghĩa Yên Bái (1930)**

*Biết được sự ra đời và hoạt động của Việt Nam Quốc dân đảng, đồng thời trình bày được những nét chính diễn biến cuộc khởi nghĩa Yên Bái trên lược đồ :*

*- Việt Nam Quốc dân đảng :*

+ Bối cảnh ra đời : sự phát triển mạnh của phong trào dân tộc dân chủ, ảnh hưởng của trào lưu tư tưởng từ bên ngoài,...

+ Ngày 25 - 12 - 1927, Việt Nam Quốc dân đảng ra đời do Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Phó Đức Chính sáng lập. Đây là một chính đảng chính trị theo xu hướng cách mạng dân chủ tư sản.

+ Mục tiêu của đảng là nhằm đánh đuổi giặc Pháp, thiết lập
dân quyền.

+ Thành phần : tư sản, học sinh, sinh viên, công chức, thân hào, binh lính, hạ sĩ quan,...

+ Địa bàn hoạt động chính là Bắc Kì.

*- Khởi nghĩa Yên Bái :*

+ Ngày 9 - 2 - 1929, sau vụ tên trùm mộ phu Ba-danh bị giết, thực dân Pháp tổ chức nhiều cuộc vây ráp lớn, Việt Nam Quốc dân đảng bị tổn thất nặng. Những người chủ chốt còn lại quyết định khởi nghĩa.

+ Khởi nghĩa nổ ra ở Yên Bái, Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình,
Hà Nội, nhưng nhanh chóng bị thất bại.

+ Nguyên nhân thất bại là do thực dân Pháp còn mạnh, bản thân Việt Nam Quốc dân đảng còn non kém về chính trị và tổ chức.

+ Ý nghĩa : cổ vũ lòng yêu nước và ý chí căm thù của nhân dân ta đối với bè lũ cướp nước và tay sai.

**4. Ba tổ chức cộng sản nối tiếp nhau ra đời trong năm 1929**

*Trình bày được trong năm 1929 ba tổ chức cộng sản lần lượt
ra đời :*

- Cuối năm 1928 - đầu năm 1929, phong trào dân tộc dân chủ ở nước ta, đặc biệt là phong trào công nông theo con đường cách mạng vô sản, phát triển mạnh, đặt ra yêu cầu cần phải thành lập một đảng cộng sản để lãnh đạo phong trào.

- Tháng 3 - 1929, Chi bộ Cộng sản đầu tiên được thành lập tại số nhà 5D phố Hàm Long - Hà Nội.

- Tháng 5 - 1929, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên họp Đại hội lần thứ nhất. Đoàn đại biểu Bắc Kì đưa ra ý kiến thành lập đảng cộng sản song không được chấp nhận, họ rút khỏi Đại hội về nước.

- Tháng 6 - 1929, Đông Dương Cộng sản đảng thành lập ở
Bắc Kì.

- Tháng 8 - 1929, An Nam Cộng sản đảng thành lập ở Nam Kì.

- Tháng 9 - 1929, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn thành lập ở Trung Kì.

- Quan sát hình 30 - SGK để biết được trụ sở của Chi bộ Cộng sản đầu tiên - số nhà 5D phố Hàm Long - Hà Nội.

***Chủ đề 2***

**VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1930 - 1939**

**A − CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam : thời gian, địa điểm, nội dung và ý nghĩa lịch sử.

- Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng.

- Phong trào cách mạng trong những năm 1930 – 1931. Trình bày đôi nét về Xô viết Nghệ - Tĩnh.

- Những diễn biến chính của phong trào dân chủ những năm
1936 - 1939 : Mặt trận Dân chủ Đông Dương, ý nghĩa.

**B − HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

I. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI

**1. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam**

*Lí giải được sự cần thiết phải thống nhất các tổ chức cộng sản ; trình bày được nội dung, ý nghĩa của Hội nghị thành lập Đảng:*

- Sự cần thiết phải triệu tập hội nghị thành lập Đảng : Ba tổ chức cộng sản ra đời song lại hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng với nhau. Yêu cầu cấp bách là phải có một đảng thống nhất.

- Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Cửu Long (Hội nghị bắt đầu họp từ ngày 6 – 1 – 1930 tại Hương Cảng - Trung Quốc).

- Nội dung Hội nghị :

+ Tán thành việc thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng duy nhất là Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ tóm tắt của Đảng do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo.

Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt được Hội nghị thông qua là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

- Ý nghĩa : Hội nghị có ý nghĩa như một đại hội thành lập Đảng.

- Nguyễn Ái Quốc là người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, đề ra đường lối cơ bản cho cách mạng Việt Nam.

**2. Luận cương chính trị (10 - 1930)**

*Trình bày được nội dung cơ bản của Luận cương chính trị :*

- Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tại Hương Cảng (Trung Quốc) vào tháng 10 - 1930, thông qua Luận cương chính trị.

- Nội dung cơ bản của Luận cương :

+ Khẳng định tính chất của cách mạng Đông Dương lúc đầu là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền, sau đó bỏ qua thời kì tư bản chủ nghĩa mà tiến thẳng lên con đường XHCN.

+ Đảng phải coi trọng việc vận động tập hợp lực lượng đa số quần chúng,... phải liên lạc mật thiết với vô sản và các dân tộc thuộc địa nhất là vô sản Pháp.

- Quan sát hình 31. *Trần Phú* - SGK và đánh giá vai trò của ông đối với sự ra đời của bản Luận cương.

**3. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng**

*Hiểu được ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng :*

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam, là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

- Là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam, khẳng định giai cấp công nhân Việt Nam đủ sức lãnh đạo cách mạng Việt Nam, chấm dứt thời kì khủng hoảng về giai cấp lãnh đạo cách mạng.

- Từ đây cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới.

- Là sự chuẩn bị có tính tất yếu, quyết định những bước phát triển nhảy vọt về sau của cách mạng Việt Nam.

II. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG TRONG NHỮNG NĂM 1930 - 1931

**1. Việt Nam trong thời kì khủng hoảng kinh tế thế giới
(1929 - 1933)**

*Biết được những nét chính về những tác động của cuộc khủng hoảng đến kinh tế và xã hội Việt Nam :*

- Nền kinh tế Việt Nam phải chịu những hậu quả nặng nề của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới : nông nghiệp, công nghiệp đều bị suy sụp ; xuất nhập khẩu đình đốn, hàng hoá khan hiếm,...

- Đời sống mọi giai cấp, tầng lớp đều bị ảnh hưởng.

- Pháp còn đẩy mạnh khủng bố, đàn áp,... làm cho tinh thần cách mạng của nhân dân ta ngày càng lên cao.

**2. Phong trào cách mạng 1930 - 1931 với đỉnh cao Xô viết
Nghệ - Tĩnh**

*Trình bày được diễn biến chính của phong trào cách mạng 1930 -
1931 trong cả nước và ở Nghệ - Tĩnh trên lược đồ ; làm rõ những hoạt động của Xô viết Nghệ − Tĩnh và ý nghĩa :*

- Từ tháng 2 đến tháng 5, diễn ra nhiều cuộc đấu tranh của công nhân và nông dân.

- Phong trào nổ ra mạnh mẽ từ tháng 5, nhân ngày Quốc tế Lao động 1 - 5 - 1930, lần đầu tiên công nhân và nông dân Đông Dương tỏ rõ dấu hiệu đoàn kết với vô sản thế giới.

- Nghệ - Tĩnh là nơi phong trào phát triển mạnh nhất. Tháng
9 - 1930, phong trào công - nông phát triển đến đỉnh cao với những cuộc đấu tranh quyết liệt như : tuần hành thị uy, biểu tình có vũ trang tự vệ, tấn công cơ quan chính quyền địch.

+ Chính quyền của đế quốc, phong kiến ở nhiều huyện bị tê liệt, nhiều xã tan rã. Các Ban Chấp hành Nông hội xã do các Chi bộ Đảng lãnh đạo đứng ra quản lí mọi mặt đời sống chính trị và xã hội ở nông thôn, làm nhiệm vụ của chính quyền nhân dân theo hình thức Xô viết. Lần đầu tiên nhân dân ta thực sự nắm chính quyền ở một số huyện ở hai tỉnh Nghệ - Tĩnh.

+ Chính quyền cách mạng đã kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng, bãi bỏ các thứ thuế, thực hiện quyền tự do dân chủ, chia lại ruộng đất,...

+ Phong trào Xô viết có ý nghĩa lịch sử to lớn, chứng tỏ tinh thần oanh liệt và năng lực cách mạng của nhân dân lao động.

- Quan sát lược đồ hình 32. *Phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh* trong SGK, xác định địa điểm diễn ra một số cuộc đấu tranh tiêu biểu trên lược đồ.

III. CUỘC VẬN ĐỘNG DÂN CHỦ TRONG NHỮNG NĂM 1936 - 1939

**1. Tình hình thế giới và trong nước**

*Biết được những tác động, ảnh hưởng của tình hình thế giới đến cách mạng nước ta :*

- Tình hình thế giới :

+ Chủ nghĩa phát xít được thiết lập và lên nắm quyền ở Đức,
I-ta-li-a, Nhật Bản, trở thành mối nguy cơ dẫn tới một cuộc chiến tranh thế giới mới đe doạ hoà bình và an ninh thế giới.

+ Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản (7 - 1935) đề ra những chủ trương mới : thành lập Mặt trận Nhân dân ở các nước nhằm tập trung lực lượng chống phát xít và nguy cơ chiến tranh.

+ Ở Pháp, Mặt trận Nhân dân Pháp lên cầm quyền, ban bố một số chính sách tiến bộ đối với các thuộc địa. Một số tù chính trị ở Việt Nam được thả.

- Trong nước : Hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế cùng với chính sách phản động của thực dân Pháp ở thuộc địa đã làm cho đời sống nhân dân ta càng đói khổ, ngột ngạt.

**2. Mặt trận Dân chủ Đông Dương và phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ**

*Trình bày được những chủ trương mới của Đảng ta và diễn biến các phong trào đấu tranh tiêu biểu trong thời kì này :*

*-* Chủ trương của Đảng :

+ Xác định kẻ thù cụ thể trước mắt là bọn phản động Pháp cùng tay sai.

+ Nhiệm vụ là chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa, tay sai, đòi tự do, cơm áo, hoà bình.

+ Chủ trương thành lập Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương, sau đổi thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

+ Hình thức đấu tranh : hợp pháp, nửa hợp pháp, công khai, nửa công khai.

*-* Diễn biến :

+ Phong trào Đông Dương Đại hội (8 - 1936) nhằm thu thập nguyện vọng của quần chúng, tiến tới triệu tập Đông Dương Đại hội.

+ Phong trào "đón rước" phái viên Chính phủ Pháp và Toàn quyền mới, thực chất là biểu dương lực lượng, đưa "dân nguyện".

+ Phong trào đấu tranh của quần chúng với các cuộc bãi công, bãi thị, mít tinh... Tiêu biểu là cuộc mít tinh tại Khu Đấu xảo (Hà Nội) nhân ngày Quốc tế Lao động 1 - 5 - 1938.

+ Trong phong trào báo chí công khai, nhiều tờ báo của Đảng, Mặt trận ra đời như Tiền phong, Dân chúng, Lao động,... nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chính sách của Đảng.

- Quan sát hình 33. *Cuộc mít tinh ở Khu Đấu xảo (Hà Nội)* - SGK và nêu nhận xét về quy mô của phong trào.

**3. Ý nghĩa của phong trào**

- Trình độ chính trị, công tác của cán bộ, đảng viên được nâng cao, uy tín, ảnh hưởng của Đảng được mở rộng.

- Quần chúng được tập dượt đấu tranh, một đội quân chính trị hùng hậu được hình thành.

- Phong trào là cuộc tập dượt lần thứ hai chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám.

***Chủ đề 3***

**CUỘC VẬN ĐỘNG TIẾN TỚI CÁCH MẠNG
THÁNG TÁM NĂM 1945**

**A − CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Tình hình thế giới và Đông Dương trong năm 1939 - 1945 ; các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kì và binh biến Đô Lương : nguyên nhân bùng nổ, diễn biến chính, ý nghĩa.

- Tình cảnh nhân dân ta dưới hai tầng áp bức của Nhật - Pháp ;
các chủ trương của Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5 - 1941 (chú
ý việc đặt vấn đề dân tộc lên hàng đầu và vai trò của lãnh tụ
Nguyễn Ái Quốc).

- Sự ra đời của Mặt trận Việt Minh và việc xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang trên khắp các vùng trong cả nước.

- Cao trào kháng Nhật cứu nước : nét chính về diễn biến, khí thế cách mạng sôi nổi, rộng khắp trong cả nước, bước phát triển mới của lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, chính quyền cách mạng bắt đầu hình thành.

- Thời cơ khởi nghĩa và lệnh Tổng khởi nghĩa.

- Cuộc Tổng khởi nghĩa trong toàn quốc (diễn biến, đặc biệt chú ý khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn).

- Thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và ra bản Tuyên ngôn Độc lập.

- Ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

**B − HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

I. VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1939 - 1945

**1. Tình hình thế giới và Đông Dương**

*Biết được những nét chính về tình hình thế giới và Đông Dương trong những năm chiến tranh :*

- Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, phát xít Đức tấn công nước Pháp, tư bản phản động Pháp đầu hàng và làm tay sai cho Đức.

- Quân phiệt Nhật Bản tiến sát biên giới Việt - Trung và tiến vào Đông Dương (9 - 1940).

- Nhật - Pháp câu kết với nhau cùng áp bức bóc lột nhân dân ta, mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc ta với Pháp - Nhật càng sâu sắc.

**2. Những cuộc nổi dậy đầu tiên**

*Trình bày được những nét chính diễn biến những cuộc khởi nghĩa theo lược đồ :*

***- Khởi nghĩa Bắc Sơn (27*** - ***9*** - ***1940)***

+ Quân Nhật đánh vào Lạng Sơn, quân Pháp thua chạy qua châu Bắc Sơn.

+ Đảng bộ Bắc Sơn đã lãnh đạo nhân dân nổi dậy tước vũ khí của tàn quân Pháp, giải tán chính quyền địch, thành lập chính quyền cách mạng (27 - 9 - 1940).

+ Tuy khởi nghĩa thất bại, nhưng đội du kích Bắc Sơn ra đời.

***- Khởi nghĩa Nam Kì (23*** - ***11*** - ***1940)***

+ Thực dân Pháp bắt binh lính Việt Nam đi làm bia đỡ đạn chống lại quân phiệt Xiêm.

+ Đảng bộ Nam Kì quyết định khởi nghĩa (đêm 22 rạng ngày
23 - 11 - 1940) ở hầu hết các tỉnh Nam Kì, thành lập chính quyền nhân dân và toà án cách mạng, cờ đỏ sao vàng lần đầu tiên xuất hiện.

***- Binh biến Đô Lương (13*** - ***1*** - ***1941)***

+ Binh lính người Việt bất bình vì bị bắt sang Lào làm bia đỡ đạn cho quân Pháp nên đã nổi dậy đấu tranh.

+ Binh lính đồn Chợ Rạng nổi dậy (13 - 11 - 1940), đánh chiếm đồn Đô Lương, kéo về thành Vinh.

- Các cuộc khởi nghĩa và binh biến đã thể hiện tinh thần yêu nước. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về xây dựng lực lượng vũ trang, về thời cơ khởi nghĩa,...

- Quan sát lược đồ 34, 35, 36 trong SGK và xác định một số địa điểm diễn ra các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kì và binh biến
Đô Lương trên lược đồ.

II. CAO TRÀO CÁCH MẠNG TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945

**1. Mặt trận Việt Minh ra đời (19** - **5** - **1941)**

*Trình bày được chủ trương mới của Đảng được đề ra trong Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8, sự ra đời và phát triển của Mặt trận Việt Minh :*

- Chiến tranh thế giới thứ hai bước sang năm thứ ba. Trên thế giới đã hình thành hai trận tuyến. Ở Đông Dương, thực dân Pháp ra sức đàn áp cách mạng. Ngày 28 - 1 - 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Người chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ 8 họp tại Pác Bó (Cao Bằng) từ ngày 10 đến ngày 19 - 5 - 1941.

- Hội nghị chủ trương trước hết phải giải phóng cho được các dân tộc Đông Dương ra khỏi ách Pháp - Nhật. Tạm giác khẩu hiệu "Đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày", thực hiện khẩu hiệu "Tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo...". Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh.

- Sự phát triển lực lượng cách mạng :

+ Lực lượng chính trị : Mặt trận Việt Minh được thành lập ngày 19 - 5 - 1941, bao gồm các đoàn thể cứu quốc ở khắp cả nước.

+ Lực lượng vũ trang : duy trì đội du kích Bắc Sơn, phát triển thành Cứu quốc quân, phát động chiến tranh du kích, thành lập đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân (22 - 12 - 1944).

- Nhận xét về vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

- Quan sát hình 37 – SGK, tìm hiểu thêm về những đội viên của đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân.

**2. Cao trào kháng Nhật cứu nước tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.**

***a) Nhật đảo chính Pháp (9* - *3* - *1945)***

*Biết được những nét chính về cuộc Nhật đảo chính Pháp :*

- Chiến tranh bước vào giai đoạn kết thúc, nước Pháp được giải phóng. Ở mặt trận Thái Bình Dương, phát xít Nhật bị nguy khốn. Quân Pháp ở Đông Dương cũng ráo riết chuẩn bị, chờ thời cơ để giành lại địa vị thống trị cũ. Tình thế trên buộc Nhật phải đảo chính Pháp, độc chiếm Đông Dương.

- Đêm 9 - 3 - 1945, Nhật đảo chính Pháp trên toàn Đông Dương, Pháp nhanh chóng đầu hàng.

***b) Tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945***

*Trình bày được chủ trương của Đảng và diễn biến cao trào kháng Nhật cứu nước :*

- Ngay khi Nhật đảo chính Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp hội nghị mở rộng và ra chỉ thị ‘‘Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", xác định kẻ thù chính, cụ thể trước mắt là phát xít Nhật.

Hội nghị quyết định phát động cao trào "Kháng Nhật cứu nước" mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa.

- Từ giữa tháng 3 - 1945, cách mạng đã chuyển sang cao trào đấu tranh vũ trang và những cuộc khởi nghĩa từng phần. Ở căn cứ địa Cao -
Bắc - Lạng nhiều xã, châu, huyện được giải phóng.

- Ngày 15 - 4 - 1945, Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kì họp, thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam giải phóng quân, Uỷ ban Quân sự Bắc Kì được thành lập, khu giải phóng Việt Bắc ra đời (6 - 1945).

- Khẩu hiệu "Phá kho thóc, giải quyết nạn đói" đã dấy lên phong trào đánh chiếm kho thóc của Nhật chia cho dân nghèo. Không khí khởi nghĩa sục sôi trong cả nước.

- Quan sát hình 38. *Khu giải phóng Việt Bắc* - SGK, xác định các địa danh trong khu giải phóng Việt Bắc và nêu nhận xét về cao trào kháng Nhật cứu nước.

III. TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM 1945 VÀ SỰ THÀNH LẬP NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

**1. Lệnh Tổng khởi nghĩa được ban bố**

*Biết được thời cơ của cách mạng đã đến, Đảng đã nắm được thời cơ và quyết tâm khởi nghĩa :*

- Chiến tranh thế giới thứ hai ở giai đoạn cuối : phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện (8 - 1945). Ở trong nước, quân Nhật hoang mang, dao động cực độ.

- Ngay khi nghe tin Chính phủ Nhật đầu hàng, Uỷ ban Khởi nghĩa toàn quốc được thành lập và ra Quân lệnh số 1 kêu gọi toàn dân
nổi dậy.

- Đảng ta họp Hội nghị toàn quốc (ngày 14 và 15 - 8 - 1945) ở Tân Trào (Tuyên Quang), quyết định phát động Tổng khởi nghĩa, giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào nước ta.

- Tiếp đó, Đại hội Quốc dân Tân Trào họp (16 - 8) tán thành quyết định khởi nghĩa của Đảng, lập Uỷ ban Dân tộc giải phóng. Sau đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước nổi dậy khởi nghĩa.

**2. Giành chính quyền ở Hà Nội**

*Trình bày được những nét chính diễn biến cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội :*

- Ngay sau khi Nhật đảo chính Pháp, không khí cách mạng rất sôi động... Các đội Tuyên truyền xung phong của Việt Minh hoạt động khắp thành phố...

- Ngày 15 - 8, Việt Minh tổ chức diễn thuyết ở ba rạp hát trong thành phố. Ngày 16 - 8, truyền đơn, biểu ngữ kêu gọi khởi nghĩa xuất hiện khắp mọi nơi. Chính phủ bù nhìn lung lay đến tận gốc rễ.

- Ngày 19 - 8, mít tinh tại Nhà hát lớn biến thành cuộc biểu tình đánh chiếm các công sở chính quyền địch, khởi nghĩa thắng lợi ở
Hà Nội.

- Quan sát hình 39. *Cuộc mít tinh tại Nhà hát lớn Hà Nội
(19* - *8* - *1945)* - SGK và nhận xét về cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội.

**3. Giành chính quyền trong cả nước**

*Trình bày được nét chính về các cuộc khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước :*

- Từ ngày 14 đến ngày 18 - 9, bốn tỉnh giành chính quyền sớm nhất cả nước là Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh và Quảng Nam.

- Khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi ở Huế (23 - 8), Sài Gòn (25 - 8). Đến ngày 28 - 8, Tổng khởi nghĩa đã thành công trong cả nước.

- Ngày 2 - 9 - 1945, tại Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập*, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

- Quan sát hình 40. *Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn
Độc lập* (2 - 9 - 1945) - SGK và nhận xét về sự kiện này.

- Liên hệ với cuộc khởi nghĩa ở địa phương.

**4. Ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thành công của Cách mạng tháng Tám**

*Trình bày được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của
Cách mạng tháng Tám :*

- Ý nghĩa :

+ Cách mạng tháng Tám là sự kiện vĩ đại trong lịch sử dân tộc, phá tan hai xiềng xích nô lệ Nhật - Pháp, lật đổ ngai vàng phong kiến, lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đưa nước ta trở thành một nước độc lập, mở ra một kỉ nguyên mới cho dân tộc ta – kỉ nguyên độc lập, tự do.

+ Cổ vũ nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc, góp phần củng cố hoà bình ở khu vực Đông Nam Á nói riêng, trên toàn thế giới
nói chung.

- Nguyên nhân thắng lợi :

+ Dân tộc có truyền thống yêu nước sâu sắc, khi có Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh phất cao ngọn cờ cứu nước thì được mọi người hưởng ứng.

+ Có khối liên minh công nông vững chắc, tập hợp được mọi lực lượng yêu nước trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi.

+ Điều kiện quốc tế thuận lợi, Liên Xô và các nước Đồng minh đánh bại phát xít Đức - Nhật.

***Chủ đề 4***

**VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM
ĐẾN TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN (1945 - 1946)**

**A − CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Nhận rõ tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 : chính quyền dân chủ nhân dân ở trong tình thế "ngàn cân treo sợi tóc", vì thù trong giặc ngoài, những khó khăn do thiên tai, hậu quả của chế độ thuộc địa,...

- Trình bày được những biện pháp giải quyết khó khăn trước mắt và phần nào chuẩn bị cho lâu dài : xây dựng nền móng của chính quyền nhân dân ; diệt giặc dốt, giặc đói và giặc ngoại xâm ; hoàn cảnh, ý nghĩa của việc kí Hiệp định Sơ bộ 6 - 3 - 1946 và Tạm ước
14 - 9 - 1946 ; ý nghĩa của những kết quả bước đầu đã đạt được.

**B − HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Tình hình nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945**

*Biết được những khó khăn của nước ta sau Cách mạng tháng Tám như trong tình thế "ngàn cân treo sợi tóc" :*

- Từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc, hơn 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch và bọn tay sai phản động ồ ạt kéo vào nước ta, âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng, thành lập chính quyền tay sai.

Từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam, quân Anh cũng kéo vào, dọn đường cho thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta.

- Các lực lượng phản cách mạng ngóc đầu dậy chống phá cách mạng.

- Nền kinh tế nước ta vốn đã nghèo nàn, lạc hậu, còn bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Hậu quả của nạn đói cuối năm 1944 - đầu năm 1945 chưa được khắc phục, lụt lội, hạn hán diễn ra, sản xuất đình đốn, nạn đói mới đe doạ đời sống nhân dân.

- Ngân sách nhà nước hầu như trống rỗng. Nhà nước chưa kiểm soát được Ngân hàng Đông Dương.

- Hơn 90% dân số mù chữ, các tệ nạn xã hội tràn lan.

**2. Bước đầu xây dựng chế độ mới**

*Trình bày được những biện pháp của Đảng và Chính phủ để củng cố và kiện toàn chính quyền cách mạng :*

- Ngày 6 - 1 - 1946, nhân dân cả nước đi bầu Quốc hội khoá I với hơn 90% cử tri tham gia.

- Ngày 2 - 3 - 1946, Quốc hội họp phiên đầu tiên, lập ra Ban Dự thảo Hiến pháp và thông qua danh sách Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do Hồ Chí Minh đứng đầu.

- Sau đó, cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp và thành lập Uỷ ban hành chính các cấp được tiến hành ở các địa phương.

- Ngày 29 - 5 - 1946, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Hội Liên Việt) được thành lập.

- Quan sát hình 41. *Cử tri Sài Gòn bỏ phiếu bầu Quốc hội
khoá I* – SGK để biết được không khí trong cuộc bầu cử tại đây.

**3. Diệt giặc đói, giặc dốt và giải quyết khó khăn về tài chính**

*Trình bày được những biện pháp giải quyết khó khăn trước mắt và phần nào chuẩn bị lâu dài : diệt giặc dốt, giặc đói và giải quyết những khó khăn về tài chính :*

- Diệt giặc đói : biện pháp trước mắt là tổ chức quyên góp, lập hũ gạo cứu đói, tổ chức "ngày đồng tâm", kêu gọi đồng bào nhường cơm sẻ áo. Biện pháp lâu dài là đẩy mạnh tăng gia sản xuất, chia ruộng đất cho nông dân. Kết quả là nạn đói được đẩy lùi.

- Diệt giặc dốt : Ngày 8 - 9 - 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập Nha bình dân học vụ, kêu gọi mọi người tham gia phong trào xoá nạn mù chữ. Các trường học sớm được khai giảng, nội dung và phương pháp dạy học bước đầu đổi mới.

- Giải quyết khó khăn về tài chính : kêu gọi nhân dân đóng góp, xây dựng "Quỹ độc lập", phong trào "Tuần lễ vàng". Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam (11 - 1946).

- Quan sát hình 42, 43 - SGK, nhận xét về những biện pháp của Đảng trong việc diệt giặc đói, giặc dốt.

**4. Nhân dân Nam Bộ kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược**

*Biết được những diễn biến chính về cuộc kháng chiến chống
thực dân Pháp trở lại xâm lược Nam Bộ :*

- Đêm 22 rạng sáng 23 - 9 - 1945, quân Pháp đánh úp trụ sở Uỷ ban nhân dân Nam Bộ, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.

- Nhân dân ta anh dũng đánh trả quân xâm lược ở Sài Gòn - Chợ Lớn, sau đó là ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

- Nhân dân miền Bắc tích cực chi viện cho nhân dân miền Nam chiến đấu : những đoàn quân "Nam tiến" nô nức lên đường vào Nam chiến đấu.

**5. Đấu tranh chống quân Tưởng và bọn phản cách mạng**

*Trình bày được các biện pháp đối phó với quân Tưởng và bọn
tay sai :*

- Nhằm hạn chế sự phá hoại của bọn tay sai của Tưởng, Quốc hội đồng ý chia cho chúng 70 ghế trong Quốc hội không qua bầu cử và một số ghế bộ trưởng trong Chính phủ Liên hiệp.

- Ta còn nhân nhượng cho Tưởng một số quyền lợi về kinh tế như cung cấp lương thực, nhận tiêu tiền "quan kim",...

- Mặt khác, Chính phủ ban hành một số sắc lệnh nhằm trấn áp bọn phản cách mạng ; giam giữ, lập toà án quân sự để trừng trị bọn phản cách mạng.

**6. Hiệp định Sơ bộ (6 - 3 - 1946) và Tạm ước Việt - Pháp
(14 - 9 - 1946)**

*Trình bày được chủ trương của ta trong việc đối phó với Tưởng và Pháp, mục đích, nội dung, ý nghĩa Hiệp định Sơ bộ (6 - 3 - 1946) và Tạm ước 14 - 9 - 1946 :*

- Tưởng Giới Thạch và Pháp kí Hiệp ước Hoa - Pháp (28 - 2 - 1946), bắt tay chống phá cách mạng nước ta.

Trước tình hình đó, ta chủ động đàm phán, hoà hoãn với Pháp và kí Hiệp định Sơ bộ (6 - 3 - 1946) nhằm đuổi quân Tưởng về nước, tranh thủ thời gian chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.

- Nội dung Hiệp định Sơ bộ : Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng. Quân Pháp ra miền Bắc thay thế quân Tưởng để giải giáp quân Nhật và sẽ rút dần trong 5 năm.

- Cuộc đàm phán chính thức tại Phông-ten-nơ-blô (Pháp) thất bại. Hồ Chí Minh đã kí với Pháp bản Tạm ước ngày 14 - 9 - 1946, tiếp tục nhượng bộ cho Pháp một số quyền lợi kinh tế, văn hoá ở Việt Nam.

- Ý nghĩa : Việc ta kí Hiệp định Sơ bộ và bản Tạm ước Việt – Pháp đã giúp chúng ta loại được một kẻ thù là quân Tưởng, có thêm thời gian hoà hoãn để chuẩn bị cuộc kháng chiến lâu dài.

- Lập niên biểu về những sự kiện chính của thời kì này.

***Chủ đề 5***

**VIỆT NAM TỪ CUỐI NĂM 1946 ĐẾN NĂM 1954**

**A − CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 - 1950) :

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Đường lối kháng chiến.

+ Cuộc chiến đấu anh dũng của quân dân thủ đô Hà Nội và các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16 trong những ngày đầu kháng chiến toàn quốc ; đôi nét về diễn biến và ý nghĩa.

+ Các biện pháp chính của Chính phủ chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.

+ Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 : âm mưu của thực dân Pháp khi tấn công lên Việt Bắc và cuộc chiến đấu của quân dân ta : tóm tắt diễn biến, kết quả, ý nghĩa.

+ Đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện.

- Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến từ năm 1950 đến năm 1953 : chiến dịch Biên giới thu − đông 1950 ; chủ động mở nhiều chiến dịch đánh địch 1951 – 1952 (chiến dịch Hoà Bình - Tây Bắc).

+ Những kết quả chính đã đạt được trong công cuộc xây dựng hậu phương về mọi mặt từ năm 1951 đến năm 1953 ; ý nghĩa của những sự kiện đó.

+ Đặt quan hệ ngoại giao với các nước.

+ Đôi nét về Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2 −1951).

- Cuộc tiến công chiến lược Đông − Xuân 1953 – 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ.

- Những nét chính về quá trình đấu tranh ngoại giao tại Hội nghị
Giơ-ne-vơ năm 1954 và tác động của chiến thắng Điện Biên Phủ ; giới thiệu ngắn gọn nội dung cơ bản của Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương.

- Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 − 1954).

**B − HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

I. NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946 - 1950)

**1. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ (19 - 12 - 1946)**

***a) Kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bùng nổ***

*Giải thích được nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp :*

- Sau khi kí Hiệp định Sơ bộ (6 - 3 - 1946) và Tạm ước (14 - 9 - 1946), thực dân Pháp tăng cường hoạt động khiêu khích, tiến công ta ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, ở Hải Phòng, Lạng Sơn, nhất là ở Hà Nội
(12 - 1946).

Ngày 18 - 12 - 1946, quân Pháp gửi tối hậu thư đòi Chính phủ ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu... nếu không chúng sẽ hành động vào sáng 20 - 12 - 1946.

- Trước đó, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp (ngày 18 và
19 - 12 - 1946), quyết định phát động toàn quốc kháng chiến.

- Tối 19 - 12 - 1946, Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*.

- Hưởng ứng *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước đứng lên kháng chiến.

- Phân tích một số điểm chủ yếu trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*.

***b)* *Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của ta***

*Trình bày được nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp :*

- Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp được thể hiện trong các văn kiện : "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chỉ thị "Toàn dân kháng chiến" của Ban Thường vụ Trung ương Đảng và tác phẩm "Kháng chiến nhất định thắng lợi" của Tổng Bí thư Trường Chinh (9 - 1947).

Đó là cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, trường kì,
tự lực cánh sinh, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế. Tập trung vào hai nội dung :

+ Kháng chiến toàn dân, tất cả mọi người dân tham gia kháng chiến.

+ Kháng chiến toàn diện, trên tất cả các mặt trận quân sự, kinh tế, ngoại giao,...

**2. Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16**

*Trình bày được nét chính của cuộc chiến đấu anh dũng của quân dân ta ở thủ đô Hà Nội và các đô thị từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc, ý nghĩa của cuộc chiến đấu đó :*

- Tại Hà Nội : cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt ở Bắc Bộ phủ, Hàng Bông,... Quân dân Hà Nội đã loại khỏi vòng chiến đấu hàng nghìn tên địch, giam chân địch ở trong thành phố... Đến đêm 17 - 2 - 1947, Trung đoàn Thủ đô thực hiện cuộc rút quân khỏi vòng vây của địch ra căn cứ an toàn.

- Tại các thành phố khác như : Nam Định, Huế, Đà Nẵng,... quân ta tiến công, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giam chân địch ở đây.

- Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 đã giam chân địch trong các đô thị, làm giảm bước tiến của chúng, tạo điều kiện cho Đảng, Chính phủ rút lên căn cứ Việt Bắc và chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.

**3. Tích cực chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài**

*Biết được sự chuẩn bị mọi mặt của ta cho cuộc kháng chiến
lâu dài :*

- Cuối tháng 11 - 1946, để chuẩn bị cho kháng chiến, ta tiến hành đợt tổng di chuyển máy móc, thiết bị, hàng hoá đến nơi an toàn. Đồng thời, ta tiến hành "tiêu thổ kháng chiến".

- Sau khi hoàn thành việc di chuyển, Nhà nước tích cực xây dựng lực lượng về mọi mặt, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài :

+ Về chính trị, chia nước ta thành 12 khu hành chính và quân sự.

+ Về quân sự, tích cực huy động mọi người tham gia lực lượng chống Pháp, vũ khí vừa tự tạo, vừa lấy của địch.

+ Về kinh tế, Chính phủ ban hành chính sách để duy trì và phát triển sản xuất, thành lập Nha tiếp tế,...

+ Về giáo dục, phong trào Bình dân học vụ tiếp tục được duy trì và phát triển.

**4. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947**

***a) Thực dân Pháp tiến công căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc***

*Biết được âm mưu và trình bày được trên lược đồ cuộc tiến công lên Việt Bắc của thực dân Pháp :*

- Thực dân Pháp mở cuộc tiến công lên căn cứ Việt Bắc nhằm phá tan cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta, khoá chặt biên giới Việt Trung,...

- Ngày 7 - 10 - 1947, Pháp mở cuộc tấn công lên Việt Bắc với việc cho quân nhảy dù xuống chiếm thị xã Bắc Kạn, thị trấn Chợ Mới, Chợ Đồn,... ; một cánh quân từ Lạng Sơn đánh lên Cao Bằng, rồi từ Cao Bằng đánh xuống Bắc Kạn ; một cánh quân khác ngược sông Hồng, sông Lô và sông Gâm lên thị xã Tuyên Quang, Chiêm Hoá, Đài Thị. Các cánh quân tạo thành hai gọng kìm bao vây căn cứ Việt Bắc.

***b) Quân dân chiến đấu bảo vệ căn cứ địa Việt Bắc***

*Trình bày được trên lược đồ diễn biến, kết quả, ý nghĩa của
chiến dịch :*

- Diễn biến :

+ Tại Bắc Kạn, quân dân ta chủ động phản công bao vây, chia cắt, đánh tập kích địch.

+ Ở hướng đông, quân ta phục kích, chặn đánh địch trên đường Bản Sao - đèo Bông Lau.

+ Ở hướng tây, quân ta phục kích địch ở Đoan Hùng, Khe Lau,...

- Kết quả : Đại bộ phận quân Pháp phải rút khỏi Việt Bắc, căn cứ Việt Bắc vẫn được bảo toàn, bộ đội chủ lực của ta ngày càng trưởng thành.

- Ý nghĩa : Chiến thắng của ta buộc Pháp phải chuyển từ ‘‘đánh nhanh thắng nhanh’’ sang đánh lâu dài.

**5. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân toàn diện**

*Biết được sau chiến thắng Việt Bắc thu – đông năm 1947 ta đã đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện :*

- Về quân sự : thực hiện vũ trang toàn dân, phát động chiến tranh du kích.

- Về chính trị - ngoại giao : Năm 1948, tại Nam Bộ, lần đầu tiên ta tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân từ cấp xã đến cấp tỉnh. Củng cố Uỷ ban kháng chiến hành chính các cấp. Đầu năm 1950, Trung Quốc, Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân đã đặt quan hệ ngoại giao với nước ta.

- Về kinh tế : Ta chủ trương phá hoại kinh tế địch, xây dựng nền kinh tế tự cấp, tự túc.

- Về văn hoá giáo dục : Tháng 7 - 1950, Chính phủ đề ra chủ trương cải cách giáo dục phổ thông.

II. BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP ( 1950 - 1953)

**1. Chiến dịch biên giới thu – đông năm 1950**

***a) Hoàn cảnh lịch sử mới***

*Biết được hoàn cảnh lịch sử mới của cuộc kháng chiến :*

- Cách mạng Trung Quốc thắng lợi (1 - 10 - 1949), tình hình thế giới và Đông Dương có lợi cho cuộc kháng chiến của ta.

- Pháp liên tiếp bị thất bại trên chiến trường và lệ thuộc vào Mĩ nhiều hơn. Mĩ ngày càng can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương.

***b) Quân ta tiến công địch ở biên giới phía Bắc***

*Trình bày được theo lược đồ âm mưu của Pháp sau chiến dịch Việt Bắc, chủ trương của ta, diễn biến, kết quả của chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950 :*

- Âm mưu của Pháp : thực hiện "Kế hoạch Rơ-ve" nhằm khoá chặt biên giới Việt – Trung, thiết lập "Hành lang Đông - Tây", chuẩn bị tấn công quy mô lớn lên Việt Bắc lần thứ hai.

- Chủ trương của ta : Tháng 6 - 1950, Trung ương Đảng và Chính phủ quyết định mở chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, khai thông biên giới, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

- Diễn biến :

+ Quân ta tiêu diệt Đông Khê (18 - 9 - 1950), uy hiếp Thất Khê ; Cao Bằng bị cô lập ; hệ thống phòng ngự của địch trên Đường số 4 bị lung lay.

+ Pháp được lệnh rút khỏi Cao Bằng theo Đường số 4, đồng thời lực lượng chúng ở Thất Khê được lệnh đánh lên Đông Khê để đón cánh quân từ Cao Bằng xuống.

+ Quân ta mai phục, chặn đánh địch trên Đường số 4 làm cho hai cánh quân của chúng không gặp được nhau. Đến ngày 22 - 10 - 1950, quân Pháp rút khỏi Đường số 4.

- Kết quả, ý nghĩa :

+ Chiến dịch Biên giới kết thúc thắng lợi, ta giải phóng được tuyến biên giới Việt – Trung từ Cao Bằng đến Đình Lập với 35 vạn dân, thế bao vây cả trong và ngoài căn cứ Việt Bắc của địch bị phá vỡ. Kế hoạch Rơve bị phá sản.

+ Chiến dịch Biên giới kết thúc thắng lợi đã đưa cuộc kháng chiến của ta chuyển sang giai đoạn mới.

- Quan sát hình 46. *Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp bàn mở chiến* *dịch Biên giới* - SGK và nhận xét về chủ trương mở chiến dịch của Đảng ta.

**2. Âm mưu đẩy mạnh chiến tranh xâm lược Đông Dương của thực dân Pháp**

*Biết được những âm mưu của Pháp, Mĩ sau chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950 :*

- Sau thất bại trong chiến dịch Biên giới, thực dân Pháp thực hiện âm mưu giành lại quyền chủ động chiến lược đã mất. Mĩ tăng cường viện trợ cho Pháp để đẩy mạnh chiến tranh ở Đông Dương, từng bước thay chân Pháp.

- Pháp đề ra kế hoạch Đờ Lát đờ Tát-xi-nhi (12 - 1950), gấp rút xây dựng lực lượng, bình định vùng tạm chiếm,...

**3. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2 - 1951)**

*Trình bày được nội dung, ý nghĩa của Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng :*

- Đại hội đại biểu lần thứ II (2 - 1951) họp tại Chiêm Hoá - Tuyên Quang.

+ Đại hội thông qua "Báo cáo chính trị" của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Báo cáo "Bàn về cách mạng Việt Nam" của Tổng Bí thư Trường Chinh.

+ Đại hội quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai, lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam, bầu Ban Chấp hành Trung ương và
Bộ Chính trị do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch và Trường Chinh làm Tổng Bí thư.

- Đại hội đánh dấu bước trưởng thành của Đảng, thúc đẩy cuộc kháng chiến chống Pháp đi đến thắng lợi.

- Quan sát hình 48 - SGK để biết được quang cảnh Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng.

**4. Phát triển hậu phương kháng chiến về mọi mặt**

*Trình bày được những kết quả chính đã đạt được trong công cuộc xây dựng hậu phương về mọi mặt từ sau Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng :*

- Về chính trị, thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thành Mặt trận Liên Việt (3 - 1951). Liên minh nhân dân Việt - Miên -
Lào được thành lập.

- Về kinh tế, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, xây dựng nền tài chính, thương nghiệp, giảm tô ở một số xã thuộc vùng tự do,...

- Về văn hoá giáo dục, tiến hành cải cách giáo dục, số học sinh phổ thông và đại học tăng nhanh.

Ngày 1 - 5 - 1952, tại Đại hội Chiến sĩ thi đua và Cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất đã bầu chọn được 7 anh hùng.

- Quan sát hình 49 - SGK và tìm hiểu về một số anh hùng được bầu trong Đại hội Chiến sĩ thi đua và Cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất.

**5. Các chiến dịch giữ vững quyền chủ động đánh địch trên chiến trường**

*Biết được từ sau chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950 ta liên tiếp mở các chiến dịch quân sự, giữ vững quyền chủ động đánh địch trên chiến trường ; dựa vào lược đồ trình bày được diễn biến các
chiến dịch đó :*

- Trong đông - xuân 1950 - 1951, quân ta mở ba chiến dịch là : Trung Du, Đường số 18 và Hà – Nam − Ninh, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1vạn tên địch.

- Ta chủ động đón đánh địch ở Hoà Bình (11 - 1951), phá tan âm mưu tiến công Hoà Bình, nối lại Hành lang Đông - Tây của địch.

- Tiếp đó, quân ta mở chiến dịch Tây Bắc (cuối năm 1952), tiến công địch ở Nghĩa Lộ, Lai Châu, Sơn La, Yên Bái, giải phóng được toàn tỉnh Nghĩa Lộ, hầu hết tỉnh Sơn La..., phá tan âm mưu lập ′′xứ Thái tự trị′′ của địch.

- Đầu năm 1953, Trung ương Đảng và Chính phủ ta phối hợp với Chính phủ kháng chiến Lào và Mặt trận Ít-xa-la của Lào mở chiến dịch Thượng Lào (8 - 4 - 1953), giải phóng toàn tỉnh Sầm Nưa, một phần tỉnh Phong Xa-lì và tỉnh Xiêng Khoảng. Căn cứ kháng chiến ở Thượng Lào được mở rộng, nối liền với Tây Bắc Việt Nam.

III. CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC KẾT THÚC (1953 - 1954)

**1. Kế hoạch Na-va của Pháp - Mĩ**

*Trình bày được nội dung kế hoạch Nava :*

- Ngày 7-5-1953, tướng Na-va được cử sang làm Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương và vạch ra kế hoạch quân sự Na-va (gồm hai bước).

+ Bước một : thu - đông 1953 và xuân 1954, giữ thế phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược ở miền Trung và Nam Đông Dương.

+ Bước hai : từ thu - đông 1954, thực hiện tiến công chiến lược ở miền Bắc, giành thắng lợi quân sự quyết định, kết thúc chiến tranh.

- Thực hiện kế hoạch Na-va, Pháp xin tăng thêm viện trợ Mĩ, tăng thêm quân ở Đông Dương, tập trung quân ở đồng bằng Bắc Bộ gồm 44 tiểu đoàn...

**2. Cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ**

***a) Cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954***

*Trình bày được theo lược đồ các cuộc tiến công chiến lược Đông -
Xuân 1953 – 1954 :*

- Tháng 9 - 1953, Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp, đề ra phương hướng chiến lược của ta là : tập trung lực lượng mở các cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà lực lượng địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai, đồng thời buộc địch phải bị động phân tán lực lượng đối phó với ta.

- Thực hiện phương hướng chiến lược trên, tháng 12 - 1953, bộ đội ta tiến công và giải phóng tỉnh Lai Châu (trừ Điện Biên Phủ), Pháp buộc phải điều quân tăng cường cho Điện Biên Phủ, biến nơi đây trở thành nơi tập trung quân thứ hai của Pháp.

- Đầu tháng 12 - 1953, liên quân Lào - Việt mở cuộc tiến công Trung Lào, giải phóng Thà Khẹt, buộc địch phải tăng cường lực lượng cho Xê-nô, biến nơi đây trở thành nơi tập trung binh lực thứ ba
của Pháp.

- Tháng 1 - 1954, liên quân Lào - Việt tiến công địch ở Thượng Lào, giải phóng toàn tỉnh Phong Xa-lì, buộc Pháp tăng quân cho Luông Pha-bang, biến nơi đây trở thành nơi tập trung quân thứ tư
của Pháp.

- Tháng 2 - 1954, quân ta giải phóng thị xã Kon Tum, uy hiếp Plâycu, địch phải tăng cường lực lượng cho Plâycu, nơi đây trở thành nơi tập trung quân thứ năm của Pháp.

- Quan sát hình 52. *Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp quyết định chủ* *trương tác chiến Đông - Xuân 1953 - 1954* và nhận xét về chủ trương này.

***b) Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ (1954)***

*Trình bày được diễn biến chiến dịch dựa vào lược đồ, tranh ảnh :*

- Được sự giúp đỡ của Mĩ, Pháp cho xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương với 49 cứ điểm, 3 phân khu...

- Đầu tháng 12 - 1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ nhằm tiêu diệt lực lượng địch, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.

*-* Chiến dịch Điện Biên Phủ bắt đầu từ ngày 13 - 3 - 1954 đến hết ngày 7 - 5 - 195, chia làm 3 đợt :

+ Đợt 1,quân ta tiến công tiêu diệt cụm cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc.

+ Đợt 2,quân ta tiến công tiêu diệt các cứ điểm phía đông phân khu Trung tâm.

+ Đợt 3,quân ta đồng loạt tiến công các cứ điểm còn lại ở phân khu Trung tâm và phân khu Nam. Chiều 7 - 5, tướng Đờ Ca-xtơ-ri cùng toàn bộ Ban tham mưu của địch đầu hàng.

*-* Kết quả :Ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 16 200 địch, bắn rơi
và phá huỷ 62 máy bay các loại, thu toàn bộ vũ khí, phương tiện
chiến tranh.

- Ý nghĩa : làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Na-va, buộc Pháp phải kí Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương.

**3. Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương**

*Trình bày được diễn biến Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương, nội dung, ý nghĩa của Hiệp định Giơ-ne-vơ :*

- Ngày 8 - 5 - 1954, Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương chính thức khai mạc. Phái đoàn ta do Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Văn Đồng dẫn đầu.

- Cuộc đấu tranh trên bàn hội nghị diễn ra gay gắt và phức tạp. Ngày 21 - 7 - 1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết.

*-* Nội dung :

+ Các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

+ Hai bên tham chiến cùng ngừng bắn, lập lại hoà bình trên toàn Đông Dương.

+ Hai bên tập kết quân đội, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới quân sự tạm thời.

+ Việt Nam tiến tới thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước vào tháng 7 - 1956.

- Ý nghĩa : với Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và can thiệp Mĩ ở Đông Dương. Đây là văn bản mang tính pháp lí quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của các nước Đông Dương, buộc Pháp phải rút hết quân về nước ; miền Bắc được hoàn toàn giải phóng.

**4. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)**

*Trình bày được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp :*

- Ý nghĩa lịch sử :

+ Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và ách thống trị của thực dân Pháp trên đất nước ta trong gần một thế kỉ. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng XHCN, tạo điều kiện để giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

+ Giáng một đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược và nô dịch của chủ nghĩa đế quốc, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chúng, cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới

- Nguyên nhân thắng lợi :

+ Có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, với đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo,...

+ Có chính quyền dân chủ nhân dân, có lực lượng vũ trang ba thứ quân không ngừng được mở rộng, có hậu phương vững chắc.

+ Tình đoàn kết, liên minh chiến đấu Việt - Miên – Lào ; sự giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và các nước XHCN, cùng các lực lượng tiến bộ khác.

***Chủ đề 6***

**VIỆT NAM TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975**

**A − CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Biết được những nét chính về tình hình nước ta sau năm 1954.

- Trình bày được những thành tựu chính của nhân dân miền Bắc : hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ
sản xuất.

- Trình bày được những sự kiện chính trong phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam (1954 - 1960) : chống "tố cộng", "diệt cộng", đòi tự do, dân chủ, dân sinh ; hoàn cảnh nổ ra, diễn biến và ý nghĩa của phong trào "Đồng khởi" (1959 - 1960).

- Nắm được hoàn cảnh, nội dung chính của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 - 1960).

- Những thành tựu chính về chính trị, kinh tế, văn hoá của nhân dân miền Bắc trong kế hoạch 5 năm (1961 - 1965).

- Trình bày được những nội dung chính về cuộc chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ của nhân dân miền Nam (1961 − 1965) : âm mưu của Mĩ, trận Ấp Bắc, cuộc đấu tranh chính trị trong các thành phố, sự phá sản của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ.

- Nêu được những nét chính của cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ", "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ : sơ lược âm mưu của đế quốc Mĩ ; chiến thắng Vạn Tường ; cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968), cuộc tiến công chiến lược năm 1972 và ý nghĩa của các chiến thắng đó.

- Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ, vừa sản xuất và chi viện cho miền Nam.

- Chỉ ra được những nội dung chính của Hiệp định Pa-ri năm 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.

- Biết được những điểm chính của tình hình nước ta sau khi kí Hiệp định Pa-ri.

- Nêu được những mốc chính của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 và Chiến dịch Hồ Chí Minh.

**B − HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

I. XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC. ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MĨ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954 - 1965)

**1. Tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương**

*Biết được nét chính tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương :*

- Quân Pháp rút khỏi miền Bắc (5 - 1955), nhưng hội nghị hiệp thương giữa hai miền Nam - Bắc để tổ chức Tổng tuyển cử chưa được tiến hành.

- Mĩ thay thế Pháp, đưa tay sai lên nắm chính quyền ở miền Nam, thực hiện âm mưu chia cắt đất nước ta làm hai miền, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự của chúng.

- Quan sát hình 57. *Đồng bào Hà Nội đón bộ đội vào tiếp quản Thủ đô* - SGK để biết được không khí phấn khởi của bộ đội và nhân dân khi Thủ đô được giải phóng.

**2. Miền Bắc hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất (1954 - 1960)**

***a) Hoàn thành cải cách ruộng đất***

*Trình bày được kết quả công cuộc cải cách ruộng đất :*

- Sau 5 đợt cải cách ruộng đất đã thu 81 vạn ha ruộng, 10 vạn trâu bò, 1,8 triệu nông cụ từ tay địa chủ chia cho 2 triệu hộ nông dân. Khẩu hiệu "Người cày có ruộng" trở thành hiện thực.

- Sau cải cách bộ mặt nông thôn miền Bắc thay đổi, giai cấp địa chủ phong kiến bị đánh đổ, khối công nông liên minh được củng cố.

- Thắng lợi này đã góp phần thực hiện nhiệm vụ khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh ở miền Bắc.

- Quan sát hình 58. *Nông dân được chia ruộng trong cải
cách ruộng đất* – SGK và nhận xét về kết quả của công cuộc cải cách ruộng đất.

***b) Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh***

*Trình bày những thành tựu chính của nhân dân miền Bắc trong công cuộc khôi phục kinh tế :*

- Về nông nghiệp, cuối năm 1957, sản lượng nông nghiệp đạt vượt mức trước Chiến tranh thế giới thứ hai, nạn đói kinh niên đã bị đẩy lùi.

- Về công nghiệp, nhanh chóng khôi phục và mở rộng hầu hết các cơ sở công nghiệp quan trọng như mỏ than Hòn Gai, nhà máy xi măng Hải Phòng,... ; nhiều nhà máy mới được xây dựng như : cơ khí Hà Nội, diêm Thống Nhất, gỗ Cầu Đuống,...

- Về thủ công nghiệp, nhiều mặt hàng tiêu dùng được sản xuất, đáp ứng đuợc nhu cầu của nhân dân.

- Về thương nghiệp, mậu dịch quốc doanh, hợp tác xã mua bán ngày càng mở rộng và phát triển.

***c) Cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế -
văn hoá (1958 - 1960)***

*Biết được những thành tựu trong công cuộc cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế - văn hoá :*

- Cải tạo quan hệ sản xuất : trong 3 năm (1958 – 1960), miền Bắc tiến hành cải tạo quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp, công thương nghiệp tư bản tư doanh.

Kết quả : quan hệ người bóc lột người ở miền Bắc đã được xoá bỏ, có tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển.

- Bước đầu phát triển kinh tế - văn hoá : đồng thời với việc cải tạo miền Bắc thực hiện nhiệm vụ sản xuất, xây dựng và phát triển kinh tế -
văn hoá. Đến cuối năm 1960, miền Bắc đã có 172 cơ sở công nghiệp lớn do Nhà nước quản lí, 500 cơ sở do địa phương quản lí.

Sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế phát triển, hệ thống giáo dục phổ thông được hoàn chỉnh và mở rộng. Cuối năm 1960, căn bản xoá được nạn mù chữ ở miền xuôi, số học sinh phổ thông và sinh viên đại học đều tăng.

**3. Miền Nam đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng, tiến tới *Đồng khởi* (1954 - 1960)**

***a) Đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng (1954 - 1959)***

*Biết được những nét chính về phong trào đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng :*

- Trong hai năm đầu, nhân dân miền Nam đấu tranh dưới hình thức đấu tranh chính trị, chống Mĩ - Diệm, đòi chúng thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước, bảo vệ hoà bình, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng. Mở đầu là "Phong trào hoà bình" ở Sài Gòn - Chợ Lớn. Tại Sài Gòn - Chợ Lớn và khắp miền Nam những "Uỷ ban bảo vệ hoà bình" được thành lập.

- Khi Mĩ - Diệm tiến hành khủng bố, đàn áp phong trào, mở những chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng, từ những năm 1958 – 1959, phong trào đấu tranh chuyển sang kết hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

***b) Phong trào “Đồng khởi” (1959 - 1960)***

*Biết được bối cảnh lịch sử, trình bày được diễn biến của phong trào “Đồng khởi” trên lược đồ cũng như ý nghĩa phong trào :*

- Trong những năm 1957 - 1959, Mĩ - Diệm tăng cường khủng bố, đàn áp cách mạng miền Nam ; ra sắc lệnh "đặt cộng sản
ngoài vòng pháp luật", thực hiện "đạo luật 10-59"công khai chém giết những người vô tội khắp miền Nam...

- Hội nghị Trung ương lần thứ 15 của Đảng (đầu năm 1959) đã xác định con đường cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, kết hợp lực lượng chính trị với lực lượng vũ trang.

*-* Dưới ánh sáng của nghị quyết của Đảng,phong trào nổi dậy của quần chúng lúc đầu lẻ tẻ ở Vĩnh Thạnh - Bình Định, Trà Bồng -
Quảng Ngãi,... sau đã lan rộng ra khắp miền Nam, trở thành cao trào cách mạng với cuộc "Đồng khởi", tiểu biểu nhất là ở Bến Tre.

- Ngày 17 - 1 - 1960, "Đồng khởi" nổ ra ở huyện Mỏ Cày (Bến Tre), sau đó nhanh chóng lan ra toàn tỉnh, phá vỡ từng mảng lớn chính quyền của địch ở thôn, xã.

- "Đồng khởi" như nước vỡ bờ nhanh chóng lan ra khắp Nam Bộ, Tây Nguyên và một số nơi ở Trung Trung Bộ.

- Ý nghĩa :

+ Phong trào đã giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới, làm lung lay chính quyền Ngô Đình Diệm, tạo ra một bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam : chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

+ Tạo điều kiện đưa đến sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (ngày 20 - 12 - 1960).

+ Quan sát hình 61 - SGK để có thêm biểu tượng về cuộc nổi dậy của nhân dân ở Trà Bồng (Quảng Ngãi - năm 1959)

**4. Miền Bắc xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội (1961 - 1965 )**

***a) Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 - 1960)***

*Trình bày được hoàn cảnh, nội dung và ý nghĩa của Đại hội :*

- Hoàn cảnh : Miền Bắc giành được những thắng lợi quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ cải tạo và phát triển kinh tế. Ở miền Nam, cách mạng có bước nhảy vọt với phong trào "Đồng khởi".

*-* Nội dung :

Tháng 9 - 1960, Đảng Lao động Việt Nam họp Đại hội đại
biểu toàn quốc lần thứ III tại Hà Nội, thông qua những nội dung cơ bản như :

+ Đại hội đã xác định nhiệm vụ của cách mạng từng miền : Miền Bắc tiến hành cách mạng XHCN. Miền Nam đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất nước nhà. Trong đó :

Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có vai trò *quyết định nhất* đối với sự phát triển của cách mạng cả nước.

Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có vai trò *quyết định trực tiếp* đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.

+ Đại hội đề ra đường chung của cả thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

- Ý nghĩa : Nghị quyết của Đại hội là nguồn ánh sáng mới cho toàn Đảng, toàn dân xây dựng thắng lợi CNXH ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà.

- Quan sát hình 62. *Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng* - SGK và nêu nhận xét về ý nghĩa của Đại hội.

***b) Miền Bắc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 - 1965)***

*Trình bày được những thành tựu chủ yếu trong thực hiện kế hoạch 5 năm 1961- 1965 trên các lĩnh vực :*

- Công nghiệp,được ưu tiên đầu tư vốn phát triển, nhiều khu công nghiệp và nhà máy mới được xây dựng như : gang thép Thái Nguyên, nhiệt điện Uông Bí,...

- Nông nghiệp, ưu tiên phát triển các nông lâm trường quốc doanh, thực hiện chủ trương xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc cao, nhiều hợp tác xã đạt năng suất 5 tấn thóc/ha...

*-* Thương nghiệp quốc doanh được ưu tiên phát triển, góp phần củng cố quan hệ sản xuất mới, cải thiện đời sống nhân dân.

- Giao thông đường bộ, đường sắt, đường sông, đường hàng không được củng cố.

- Các ngành văn hoá, giáo dục có bước phát triển và tiến bộ đáng kể, số học sinh phổ thông và đại học tăng ; ngành y tế mở rộng mạng lưới đến tận huyện, xã.

- Miền Bắc còn làm tròn nghĩa vụ hậu phương, chi viện cho miền Nam một khối lượng lớn vũ khí, đạn dược, thuốc men,...

**5. Miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ (1961 - 1965)**

***a) Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ ở miền Nam***

*Hiểu được âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược Chiến tranh đặc biệt” :*

- Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" - một chiến lược chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mĩ, được tiến hành bằng quân đội tay sai, do "cố vấn" Mĩ chỉ huy cùng với vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mĩ.

- Được sự hỗ trợ của Mĩ, quân đội Sài Gòn mở các cuộc hành quân càn quét, tiêu diệt lực lượng cách mạng, tiến hành dồn dân lập "ấp chiến lược", nhằm tách dân khỏi cách mạng, tiến tới bình định miền Nam.

- Mĩ và chính quyền Sài Gòn còn tiến hành hoạt động phá hoại miền Bắc, phong toả biên giới nhằm ngăn chặn mọi sự chi viện cho miền Nam.

- Quan sát hình 63 - SGK để có biểu tượng về chiến thuật "trực thăng vận" của Mĩ trong "Chiến tranh đặc biệt".

***b) Chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ***

*Trình bày được những thắng lợi của quân và dân ta trong chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ :*

- Trên mặt trận chống phá "bình định", ta và địch đấu tranh giằng co giữa lập và phá "ấp chiến lược".

- Trên mặt trận quân sự, quân và dân ta giành thắng lợi vang dội ở Ấp Bắc (Mĩ Tho) ngày 2 - 1 - 1963. Thắng lợi này khẳng định ta có khả năng đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ, làm dấy lên phong trào "Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công".

- Các cuộc đấu tranh chính trị của tăng ni, Phật tử, của quần chúng nhân dân,... đã làm cho Mĩ phải làm cuộc đảo chính lật đổ chính quyền của anh em Diệm - Nhu (1 - 11 - 1963).

- Với các chiến thắng Bình Giã (Bà Rịa), Ba Gia (Quảng Ngãi), Đồng Xoài (Biên Hoà),... trong đông - xuân 1964 - 1965 trên khắp miền Nam đã làm phá sản chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mĩ.

- Quan sát hình 64 - SGK và tìm hiểu về thắng lợi của quân và dân ta trên mặt trận chống phá "ấp chiến lược".

II. CẢ NƯỚC TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG MĨ CỨU NƯỚC (1965 - 1973)

**1. Chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ (1965 - 1968)**

***a) Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ ở miền Nam***

*Trình bày được âm mưu và hành động của Mĩ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" :*

- Sau khi chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" bị thất bại, Mĩ chuyển sang chiến lược "Chiến tranh cục bộ" (1965 - 1968). Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" được tiến hành bằng quân Mĩ, quân đồng minh của Mĩ và quân đội Sài Gòn, lúc cao nhất là gần 1,5 triệu quân.

- Dựa vào ưu thế quân sự, Mĩ liên tiếp mở các cuộc hành quân "tìm diệt" vào căn cứ Quân giải phóng ở Vạn Tường (Quảng Ngãi), tiếp đó là hai cuộc phản công mùa khô 1965 - 1966 và 1966 - 1967 bằng các cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định".

***b) Miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ***

*Trình bày được những thắng lợi lớn của nhân dân miền Nam trong chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ, tiêu biểu là chiến thắng Vạn Tường, trên lược đồ :*

- Nhân dân ta chiến đấu chống "Chiến tranh cục bộ" với ý chí "quyết chiến quyết thắng giặc Mĩ xâm lược", mở đầu là thắng lợi ở Vạn Tường - Quảng Ngãi (8 - 1965). Chiến thắng Vạn Tường đã mở đầu cho cao trào "Tìm Mĩ mà đánh, lùng nguỵ mà diệt" trên khắp miền Nam, với thắng lợi này đã chứng minh khả năng ta có thể đánh thắng Mĩ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ".

- Tiếp theo, quân dân miền Nam đã đánh bại các cuộc hành quân càn quét lớn của Mĩ trong hai mùa khô 1965 - 1966 và 1966 - 1967.

- Trên mặt trận chính trị, các phong trào đấu tranh của quần chúng nổ ra từ thành thị đến nông thôn, phá vỡ từng mảng "ấp chiến lược"... Vùng giải phóng được mở rộng, uy tín của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam được nâng cao trên trường quốc tế.

- Quan sát hình 66, 67 – SGK để biết được các phong trào đấu tranh chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ".

***c) Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968)***

*Trình bày được những nội dung chính về hoàn cảnh lịch sử, diễn biến, ý nghĩa của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968) :*

- Hoàn cảnh lịch sử : Bước vào xuân 1968, so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta ; đồng thời lợi dụng mâu thuẫn trong năm bầu cử tổng thống ở Mĩ, ta chủ trương mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam, trọng tâm là các đô thị, nhằm tiêu diệt một bộ phận quân Mĩ, quân đồng minh và quân đội Sài Gòn,... buộc Mĩ phải đàm phán, rút quân về nước.

- Diễn biến : Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mở đầu bằng cuộc tập kích chiến lược Tết Mậu Thân (đêm 30, rạng ngày 31 - 1 - 1968). Tại Sài Gòn, Quân giải phóng đã tiến công các vị trị đầu não như toà Đại sứ Mĩ, Dinh Độc lập,...

- Ý nghĩa : làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mĩ, buộc Mĩ phải tuyên bố ‘‘phi Mĩ hoá’’ chiến tranh, tức thừa nhận thất bại của chiến lược "Chiến tranh cục bộ", chấm dứt ném bom phá hoại miền Bắc và buộc phải ngồi vào bàn đàm phán ở Pa-ri.

**2. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ, vừa sản xuất (1965 - 1968)**

***a) Mĩ tiến hành chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc***

*Biết được cuộc chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc của Mĩ :*

- Mĩ dựng lên "sự kiện Vịnh Bắc Bộ" (8 - 1964), cho máy bay ném bom miền Bắc.

- Đến ngày 7 - 2 - 1965, lấy cớ "trả đũa" việc Quân giải phóng miền Nam tiến công doanh trại quân Mĩ ở Plâycu, Mĩ chính thức gây ra cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc.

***b) Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa
sản xuất***

*Trình bày được những thành tích của quân dân miền Bắc trong chiến đấu và sản xuất :*

- Trong chiến đấu, miền Bắc kịp thời chuyển mọi hoạt động sang thời chiến, thực hiện quân sự hoá toàn dân, đào đắp công sự,... Tính đến ngày 1 - 11 - 1968, miền Bắc đã bắn rơi, phá huỷ 3243 máy bay, loại khỏi vòng chiến đấu hàng nghìn phi công, bắn cháy và chìm 143 tàu chiến.

- Trong sản xuất, miền Bắc cũng lập được những thành tích
quan trọng :

+ Về nông nghiệp, diện tích được mở rộng, năng suất lao động không ngừng tăng.

+ Về công nghiệp, kịp thời sơ tán và ổn định sản xuất, đáp ứng được các nhu cầu thiết yếu của nhân dân.

+ Giao thông vận tải vẫn đảm bảo được sự thông suốt, đáp ứng được yêu cầu phục vụ chiến đấu, sản xuất và tiêu dùng của nhân dân.

- Quan sát hình 68, 69 - SGK để biết thêm về cuộc chiến đấu của quân dân miền Bắc chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ.

***c) Miền Bắc thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn***

*Biết được những chi viện của hậu phương miền Bắc cho tiền tuyến miền Nam :*

- Tuyến đường vận chuyển chiến lược - đường Hồ Chí Minh trên bộ và trên biển được khai thông từ tháng 5 - 1959.

- Trong 4 năm, miền Bắc đã đưa vào miền Nam hơn 30 vạn cán bộ, bộ đội và hàng chục vạn tấn vũ khí, đạn dược,... phục vụ cho miền Nam đánh Mĩ.

- Quan sát hình 70. *Những thửa ruộng vì miền Nam của nông dân xã Hoà* *Lạc (Kim Sơn, Ninh Bình)* - SGK và nhận xét về tình cảm của nhân dân miền Bắc đối với miền Nam.

**3. Chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ (1969 - 1973)**

***a) Chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ***

*Hiểu được âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" :*

- Sau thất bại của chiến lược "Chiến tranh cục bộ", Mĩ chuyển sang chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" ở miền Nam và mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương, thực hiện "Đông Dương hoá
chiến tranh".

- Lực lượng chính tiến hành cuộc chiến tranh là quân đội Sài Gòn kết hợp với hoả lực Mĩ, vẫn do Mĩ chỉ huy bằng hệ thống cố vấn
quân sự.

- Quân đội Sài Gòn được sử dụng như là lực lượng xung kích trong các cuộc hành quân mở rộng xâm lược Cam-pu-chia năm 1970, Lào năm 1971, thực hiện âm mưu "dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương′′.

***b) Chiến đấu chống chiến lược ′′Việt Nam hoá chiến tranh′′ và ′′Đông Dương hoá chiến tranh′′ của Mĩ***

*Trình bày được những thắng lợi trên các mặt trận quân sự, chính trị chống chiến lược* "*Việt Nam hoá chiến tranh*" *và ′′Đông Dương hoá chiến tranh′′ của Mĩ :*

- Trên mặt trận chính trị :

+ Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra đời (6 - 1969) là thắng lợi chính trị đầu tiên trong cuộc chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh".

+ Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương họp (4 - 1970) để biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước đoàn kết chiến đấu chống Mĩ.

- Trên mặt trận quân sự :

+ Quân đội Việt Nam phối hợp với quân dân Cam-pu-chia đập tan cuộc hành quân xâm lược Cam-pu-chia của 10 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn (từ tháng 4 đến tháng 6 - 1970).

+ Từ tháng 2 đến tháng 3 - 1971, quân đội Việt Nam có sự phối hợp của quân dân Lào đã đập tan cuộc hành quân mang tên "Lam Sơn 719" của 4,5 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn nhằm chiếm giữ Đường 9 - Nam Lào, quét sạch chúng khỏi nơi đây.

- Khắp các đô thị, phong trào của các tầng lớp nhân dân diễn ra liên tục. Đặc biệt ở Huế, Sài Gòn, phong trào học sinh, sinh viên diễn ra rầm rộ.

***c) Cuộc tiến công chiến lược năm 1972***

*Biết được cuộc tiến công chiến lược năm 1972 của quân ta và
ý nghĩa :*

- Từ ngày 30 - 3 - 1972, quân ta mở cuộc tiến công chiến lược đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng trị làm hướng tiến công chủ yếu.

- Đến cuối tháng 6 - 1972, quân ta đã chọc thủng ba phòng tuyến mạnh nhất của địch là Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 20 vạn tên địch.

- Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 đã buộc Mĩ phải "Mĩ hoá" trở lại, tức thừa nhận sự thất bại của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh".

**4. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - văn hoá, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần hai của Mĩ (1969 - 1973)**

***a) Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - văn hoá***

*Trình bày được những thành tựu chính trong công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội của nhân dân miền Bắc (1969 – 1973) :*

- Về nông nghiệp, ta có một số chủ trương khuyến khích sản xuất. Chăn nuôi được đưa lên thành ngành chính. Nhiều hợp tác xã đạt 6 đến 7 tấn/ ha. Năm 1970, sản lượng lương thực tăng hơn 60 vạn tấn so với năm 1968.

- Về công nghiệp, các cơ sở công nghiệp bị tàn phá trong chiến tranh đã nhanh chóng khôi phục, nhiều công trình đang làm dở được ưu tiên đầu tư xây dựng tiếp. Giá trị sản lượng công nghiệp năm 1971 tăng 142% so với năm 1968.

- Giao thông vận tải nhanh chóng được khôi phục, đảm bảo giao thông thông suốt.

***b) Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương***

*Trình bày được những thành tích tiêu biểu của quân dân miền Bắc trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ (1972) :*

- Ngày 16 - 4 - 1972, Mĩ tuyên bố chính thức cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc lần thứ hai.

- Trong điều kiện chiến tranh, các hoạt động sản xuất, xây dựng miền Bắc không bị ngừng trệ, giao thông vẫn bảo đảm thông suốt.

- Mĩ mở cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng 12 ngày đêm cuối tháng 12 - 1972.

- Quân và dân miền Bắc đã làm nên trận "Điện Biên Phủ trên không", buộc Mĩ phải kí Hiệp định Pa-ri (1 - 1973) về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.

- Giải thích được vì sao chiến thắng 12 ngày đêm cuối năm 1972 ở Hà Nội được gọi là trận "Điện Biên Phủ trên không".

**5. Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam**

*Trình bày được nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Pa-ri :*

- Hiệp định Pa-ri năm 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam được kí chính thức ngày 27 - 1 - 1973, nội dung bao gồm các điều khoản cơ bản :

+ Hoa Kì và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

+ Hai bên ngừng bắn ở miền Nam, Hoa Kì cam kết chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống miền Bắc Việt Nam.

+ Hoa Kì rút hết quân đội của mình và quân các nước đồng minh, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

+ Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do...

- Với Hiệp định Pa-ri, Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, phải rút hết quân về nước. Đó là thắng lợi lịch sử quan trọng, tạo cơ sở thuận lợi để ta giải phóng hoàn toàn miền Nam.

III. HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG MIỀN NAM THỐNG NHẤT
ĐẤT NƯỚC (1973 - 1975)

**1. Miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - văn hoá, ra sức chi viện cho miền Nam**

*Biết được những thành tựu của miền Bắc trong khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - văn hoá, chi viện cho miền Nam (1973 - 1975) :*

- Sau 2 năm (1973 - 1974), về cơ bản miền Bắc đã khôi phục xong các cơ sở kinh tế, mạng lưới giao thông... Kinh tế có bước
phát triển.

- Để chi viện miền Nam, trong 2 năm này miền Bắc đã đưa vào miền Nam hàng chục vạn tấn vũ khí, đạn dược, lương thực, hàng chục vạn cán bộ, bộ đội,...

**2. Đấu tranh chống địch ‘‘bình định - lấn chiếm’’, tạo thế và lực, tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam**

*Trình bày được cuộc đấu tranh của nhân dân ta ở miền Nam chống âm mưu, hành động mới của Mĩ và chính quyền Sài Gòn, chú ý đến chiến thắng Phước Long :*

*-* Âm mưu và hành động củaMĩ : Sau Hiệp định Pa-ri, Mĩ vẫn giữ lại hơn 2 vạn cố vấn, lập bộ chỉ huy quân sự... thúc đẩy quân đội Sài Gòn tiến hành chiến dịch "tràn ngập lãnh thổ", mở các cuộc hành quân "bình định – lấn chiếm" vùng giải phóng.

*-* Cuộc chiến đấu của quân và dân ta :

+ Trong giai đoạn đầu sau khi kí kết Hiệp định Pa-ri chúng ta bị mất đất, mất dân ở một số nơi.

+ Thực hiện nghị quyết của Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (7 - 1973), từ cuối năm 1973, quân và dân ta kiên quyết đánh trả địch, bảo vệ vùng giải phóng, chủ động mở cuộc tiến công địch tại các căn cứ xuất phát của chúng.

+ Đầu năm 1975, quân ta giành thắng lợi vang dội trong chiến dịch đánh Đường 14 - Phước Long, giải phóng Đường 14, thị xã và toàn tỉnh Phước Long.

**3. Giải phóng hoàn toàn miền Nam, giành toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc**

***a) Chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam***

*Trình bày được chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam của Bộ Chính trị Trung ương Đảng :*

- Cuối năm 1974, đầu năm 1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975, 1976, nhưng cũng nhấn mạnh : nếu có thời cơ, thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.

- Phân tích được những điểm thể hiện sự đúng đắn, sáng tạo, linh hoạt trong chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam của Đảng ta.

***b) Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975***

*Trình bày được diễn biến chính của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 qua các chiến dịch lớn, kết hợp sử dụng lược đồ,
tranh ảnh :*

*- Chiến dịch Tây Nguyên (từ 4 - 3 đến 24 - 3) :*

+ Ngày 10 - 3 - 1975, quân ta đánh trận mở màn then chốt ở Buôn Ma Thuật và nhanh chóng giành thắng lợi. Ngày 12 - 3 - 1975, địch phản công định chiếm lại Buôn Ma Thuột, nhưng bị thất bại.

+ Ngày 14 - 3 - 1975, địch rút toàn bộ quân khỏi Tây Nguyên
về duyên hải miền Trung, bị quân ta truy kích tiêu diệt, đến ngày
24 - 3 - 1975, Tây Nguyên hoàn toàn giải phóng.

*- Chiến dịch Huế - Đà Nẵng (từ 21 - 3 đến 29 - 3) :*

+ Ngày 21 - 3, quân ta tiến công Huế và chặn đường rút chạy của địch. Ngày 26 - 3, quân ta giải phóng Huế. Cũng thời gian này, ta giải phóng thị xã Tam Kì và toàn tỉnh Quảng Ngãi,...

+ Sáng 29 - 3, quân ta tiến công thành phố Đà Nẵng. Đến 3 giờ chiều, Đà Nẵng hoàn toàn giải phóng.

+ Từ cuối tháng 3 đến tháng 4, nhân dân các tỉnh ven biển miền Trung, Nam Tây Nguyên và một số tỉnh Nam Bộ nổi dậy giải phóng quê hương mình.

*- Chiến dịch Hồ Chí Minh (từ 26 - 4 đến 30 - 4) :*

+ Chiến dịch giải phóng Sài Gòn được mang tên "Chiến dịch Hồ Chí Minh".

+ 5 giờ chiều 26 - 4, quân ta nổ súng mở đầu Chiến dịch Hồ Chí Minh. 10 giờ 45 ngày 30 – 4, xe tăng ta tiến thẳng vào Dinh Độc lập. Tổng thống Việt Nam Cộng hoà Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng.

+ 11 giờ 30 phút, lá cờ cách mạng tung bay trên Dinh Độc lập, Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

- Quan sát các hình 71, 73, 76, 78 - SGK để biết thêm về cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

**4. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 - 1975)**

***a) Ý nghĩa lịch sử***

*Trình bày được ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mĩ,
cứu nước :*

- Đã kết thúc 21 năm kháng chiến chống Mĩ, cứu nước và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và chế độ phong kiến ở nước ta, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất đất nước.

- Mở ra kỉ nguyên mới của lịch sử dân tộc − kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Tác động mạnh đến tình hình nước Mĩ và thế giới, là nguồn cổ vũ to lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, nhất là đối với phong trào giải phóng dân tộc.

***b) Nguyên nhân thắng lợi***

*Rút ra nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ,
cứu nước :*

- Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn,
sáng tạo.

- Nhân dân ta giàu lòng yêu nước, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm.

- Hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh.

- Sự đoàn kết giúp đỡ nhau của ba dân tộc ở Đông Dương ; sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng cách mạng, hoà bình, dân chủ trên thế giới, nhất là của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

***Chủ đề 7***

**VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 2000**

**A − CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Nêu được tình hình hai miền Bắc − Nam sau đại thắng mùa Xuân năm 1975.

- Nhận rõ ý nghĩa của cuộc Tổng tuyển cử ngày 25 - 4 - 1976.

- Trình bày được nội dung cơ bản kì họp đầu tiên của Quốc hội khoá VI (cuối tháng 6 đầu tháng 7 - 1976).

- Nắm được nội dung cơ bản của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12 - 1976) :

- Nêu được thành tựu và những khó khăn, hạn chế cơ bản trong 10 năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước.

- Trình bày cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây − Nam và biên giới phía Bắc, ý nghĩa của nó.

- Công cuộc đổi mới đất nước, thành tựu ban đầu, việc mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước trên thế giới và trong khu vực (là thành viên của tổ chức ASEAN...).

**B − HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

I. VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU SAU ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975

**1. Tình hình hai miền Nam - Bắc sau đại thắng Xuân 1975**

*Trình bày được những nét chính về thuận lợi và khó khăn của nước ta sau đại thắng Xuân 1975 :*

- Ở miền Bắc :

+ Sau hơn 20 năm (1954 - 1975), miền Bắc đã xây dựng được cơ sở vật chất - kĩ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội.

+ Cuộc chiến tranh phá hoại của Mĩ đã tàn phá nặng nề, gây hậu quả lâu dài đối với miền Bắc.

- Ở miền Nam :

+ Miền Nam được giải phóng hoàn toàn, trong chừng mực nhất định có nền kinh tế phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa.

+ Cơ sở của chính quyền cũ cùng bao di hại xã hội vẫn còn tồn tại. Nền kinh tế nông nghiệp vẫn còn lạc hậu, sản xuất nhỏ phân tán là
phổ biến,...

**2. Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - văn hoá ở hai miền đất nước**

*Trình bày những thành tựu đạt được ở hai miền Nam, Bắc :*

*-* Miền Bắc :

+ Đến giữa năm 1976, miền Bắc mới căn bản hoàn thành nhiệm vụ khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế.

+ Trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước cuối năm 1975,
đầu năm 1976 miền Bắc có những tiến bộ đáng kể về nông nghiệp, công nghiệp,...

*-* Miền Nam :

+ Công việc tiếp quản vùng giải phóng đạt kết quả tốt. Ở vùng mới giải phóng, chính quyền cách mạng nhanh chóng được thành lập.

+ Chính quyền cách mạng tịch thu tài sản và ruộng đất của bọn phản động trốn ra nước ngoài, quốc hữu hoá ngân hàng,...

+ Chính quyền cách mạng chú trọng khôi phục sản xuất nông nghiệp, các cơ sở sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp,... đều trở lại hoạt động.

+ Các hoạt động văn hoá, giáo dục, y tế,... được tiến hành khẩn trương.

**3. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước
(1975 - 1976)**

*Trình bày được nội dung và ý nghĩa của công cuộc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước :*

- Ngày 25 - 4 - 1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tiến hành trong cả nước.

- Từ ngày 24 - 6 đến ngày 3 - 7 - 1976, Quốc hội nước Việt Nam thống nhất họp kì đầu tiên, thông qua chính sách đối nội và đối ngoại, quyết định tên nước là Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quyết định Quốc huy, Quốc kì, Quốc ca, thủ đô là Hà Nội, thành phố Sài Gòn – Gia Định được đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh.

*-* Ý nghĩa :

+ Với kết quả của kì họp thứ nhất Quốc hội khoá VI, công cuộc thống nhất đất nước về mặt nhà nước đã hoàn thành.

+ Tạo những điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội và những khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc và mở rộng quan hệ với các nước khác.

- Quan sát hình 79, 80 – SGK để hiểu biết thêm về công cuộc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

II. XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC, ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC
(1976 - 1985)

**1. Việt Nam trong 10 năm đi lên chủ nghĩa xã hội (1976 - 1985)**

***a) Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980)***

*Trình bày được những nội dung cơ bản của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12 - 1976) và những thành tựu cơ bản, những khó khăn trong 10 năm đầu cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội :*

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng :

Đại hội họp vào tháng 12 - 1976 tại Hà Nội. Đại hội đã tổng kết thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước, đề ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước ; quyết định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980).

Đại hội chỉ rõ, trong 5 năm (1976 - 1980), nước ta thực hiện nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa nhằm mục tiêu : xây dựng một bước cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá tinh thần của nhân dân lao động.

- Thành tựu :

+ Nông nghiệp :diện tích gieo trồng tăng thêm gần 2 triệu hécta, nông nghiệp được trang bị thêm máy kéo các loại.

+ Công nghiệp : có nhiều nhà máy được gấp rút xây dựng như nhà máy điện, cơ khí, xi măng v.v...

+ Giao thông vận tải : khôi phục và xây dựng mới 1700km đường. Tuyến đường sắt Thống nhất từ Hà Nội đi Thành phố Hồ Chí Minh đã hoạt động trở lại.

+ Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh, giai cấp tư sản mại bản bị xoá bỏ..., đại bộ phận nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể.

+ Hệ thống giáo dục từ mầm non, phổ thông đến đại học đều
phát triển.

- Khó khăn - hạn chế : kinh tế nước ta mất cân đối lớn, sản xuất phát triển chậm, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn...

- Quan sát hình 81 – SGK để biết thêm về những thành tựu đã đạt được trong thực hiện kế hoạch Nhà nước 1976 - 1980.

***b) Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981 - 1985)***

*Trình bày được những thành tựu cơ bản và khó khăn, hạn chế trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm 1981 – 1985 :*

- Thành tựu :

+ Trong sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, đã chặn được đà giảm sút và có bước phát triển : sản xuất lương thực tăng lên 17 triệu tấn ; thu nhập quốc dân tăng 6,4%...

+ Hoàn thành hàng trăm công trình tương đối lớn, hàng nghìn công trình vừa và nhỏ. Dầu mỏ bắt đầu được khai thác, các công trình như thuỷ điện Sông Đà, thuỷ điện Trị An được xây dựng.

+ Các hoạt động khoa học – kĩ thuật được triển khai.

- Khó khăn - hạn chế : những khó khăn yếu kém của 5 năm trước vẫn chưa được khắc phục, mục tiêu cơ bản là ổn định tình hình kinh tế -xã hội vẫn chưa thực hiện được.

- Quan sát hình 82 - SGK để biết thêm về những thành tựu đã đạt được trong thực hiện kế hoạch Nhà nước 1981 - 1985.

**2. Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1979)**

*Biết được cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc trong những năm 1975 – 1979 :*

- Đấu tranh bảo vệ biên giới Tây – Nam :

+ Ngay sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, tập đoàn Pôn Pốt, đại diện cho "Khơ-me đỏ" ở Cam-pu-chia cho quân khiêu khích dọc biên giới Tây Nam, xâm phạm nhiều vùng lãnh thổ nước ta.

+ Ngày 22 - 12 - 1987, tập đoàn Pôn Pốt huy động 19 sư đoàn tiến đánh Tây Ninh, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lấn biên giới Tây Nam nước ta.

+ Quân ta tổ chức cuộc phản công và tiến công đánh đuổi quân Pôn Pốt ra khỏi nước ta.

- Bảo vệ biên giới phía Bắc :

+ Từ năm 1978, quân Trung Quốc có những hành động khiêu khích dọc biên giới.

+ Sáng 17 - 2 - 1979, quân đội Trung Quốc huy động 32 sư đoàn mở cuộc tiến công dọc biên giới phía Bắc nước ta, từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu).

+ Quân dân ta đã đứng lên chiến đấu ngoan cường. Đến ngày 18 - 3 - 1979, quân Trung Quốc rút khỏi nước ta.

II. VIỆT NAM TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CHỦ NGHĨA
XÃ HỘI (TỪ NĂM 1986 ĐẾN NĂM 2000)

**1. Đường lối đối mới của Đảng**

*Biết được hoàn cảnh thế giới và trong nước đòi hỏi ta phải tiến hành công cuộc đổi mới, trình bày được nội dung đường lối đổi mới của Đảng :*

*- Hoàn cảnh :*

+ Trải qua 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội chúng ta đạt được những thành tựu và ưu điểm đáng kể, song cũng gặp không ít khó khăn, đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng, nhất là về kinh tế
xã hội.

Để khắc phục sai lầm, khuyết điểm đưa đất nước vượt qua khủng hoảng đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta phải đổi mới.

+ Đổi mới còn xuất phát từ sự thay đổi trong tình hình thế giới, sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu, sự phát triển của cách mạng khoa học – kĩ thuật.

*- Đường lối đổi mới của Đảng :* được đề ra đầu tiên tại Đại hội VI (12 - 1986), được điều chỉnh, bổ sung và phát triển tại Đại hội VII
(6 - 1991), Đại hội VIII (6 - 1996), Đại hội IX (4 - 2001) :

+ Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, mà làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.

+ Đổi mới phải toàn diện và đồng bộ, đổi mới về kinh tế phải gắn liền với đổi mới chính trị, nhưng trọng tâm là đổi mới kinh tế.

**2. Việt Nam trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới
(1986 - 2000)**

*Trình bày được những thành tựu và hạn chế trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới :*

*- Thực hiện kế hoạch 5 năm 1986 – 1990 :*

Thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của ba chương trình kinh tế : lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, đạt được những thành tựu cơ bản :

+ Về lương thực - thực phẩm, đến năm 1990 đã đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu. Năm 1988 đạt 19,5 triệu tấn, năm 1989 đạt 21,4 triệu tấn.

+ Hàng hoá trên thị trường dồi dào, đa dạng, lưu thông tương đối thuận lợi, phần bao cấp của Nhà nước giảm đáng kể.

+ Kinh tế đối ngoại phát triển nhanh, hàng xuất khẩu tăng gấp
ba lần.

*- Trong kế hoạch 5 năm 1991 – 1995 :*

+ Cả nước phấn đấu vượt qua khó khăn, thử thách, ổn định và phát triển kinh tế, xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng.

+ Trong 5 năm, nền kinh tế tăng trưởng nhanh, tổng sản phẩm trong nước tăng bình quân hằng năm là 8,2% ; lạm phát bị đẩy lùi, kinh tế đối ngoại phát triển.

+ Quan hệ đối ngoại được mở rộng : Tháng 7 - 1995, Việt Nam và Mĩ bình thường hoá quan hệ ngoại giao. Cũng trong tháng này, Việt Nam chính thức gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

*- Trong kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 :*

+ Mục tiêu đề ra là tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và
bền vững đi đôi với giải quyết bức xúc về xã hội, cải thiện đời sống nhân dân.

+ Tổng sản phẩm trong nước bình quân tăng hằng năm là 7% ; công nghiệp tăng bình quân hằng năm là 13,5% ; nông nghiệp là 5,7%.

+ Hoạt động xuất nhập khẩu không ngừng tăng lên. Tổng số vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài đạt khoảng 10 tỉ USD, gấp 1,5 lần so với 5 năm trước.

+ Quan hệ đối ngoại không ngừng được mở rộng...

- *Hạn chế :*

+ Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp.

+ Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ đảng viên rất nghiêm trọng...

***Chủ đề 8***

**TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM
TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT
ĐẾN NĂM 2000**

**A − CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH**

- Các giai đoạn chính và đặc điểm của tiến trình lịch sử Việt Nam từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất đến năm 2000 : đấu tranh giành độc lập, chiến đấu chống ngoại xâm, thống nhất đất nước, thực hiện đường lối đổi mới đất nước.

- Nguyên nhân thắng lợi, những bài học kinh nghiệm và phương hướng đi lên của cách mạng Việt Nam.

**B − HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG**

**1. Các giai đoạn chính và đặc điểm của tiến trình lịch sử**

*Trình bày khái quát được các giai đoạn chính :*

***a) Giai đoạn 1919 - 1930***

Tập trung vào sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam
(3 - 2 - 1930).

- Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam đã đưa xã hội Việt Nam thực sự trở thành một xã hội thuộc địa nửa phong kiến.

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời ngày 3 - 2 - 1930 đã chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đường lối và lãnh đạo của cách mạng Việt Nam. Cách mạng Việt Nam bước vào một giai đoạn phát triển mới.

***b) Giai đoạn 1930 - 1945***

Tập trung vào công cuộc chuẩn bị và thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

- Đảng lãnh đạo các tầng lớp nhân dân liên tiếp đấu tranh qua ba cao trào cách mạng 1930 - 1931, 1936 - 1939, 1939 - 1945.

- Khi các nước Đồng minh đánh bại phát xít Nhật (8 - 1945), Đảng đã kịp thời lãnh đạo toàn dân nổi dậy giành chính quyền trong
cả nước.

***c) Giai đoạn 1945 - 1954***

Chú ý đến chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (1954).

***d) Giai đoạn 1954 - 1975***

Chú ý đến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.

- Đất nước tạm thời chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị, xã hội khác nhau.

- Đảng lãnh đạo nhân dân cả nước thực hiện đường lối : kết hợp giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống Mĩ, cứu nước của dân tộc ta đi tới thắng lợi vẻ vang.

***e) Giai đoạn từ 1975 đến nay***

Chú ý đến những thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước
(1986 − 2000).

- Cả nước chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Công cuộc đổi mới đất nước đã đạt được những thành tựu đáng phấn khởi trên nhiều lĩnh vực, chủ yếu là về kinh tế (liên hệ tình hình đến nay và ở địa phương).

**2. Nguyên nhân thắng lợi, những bài học kinh nghiệm, phương hướng đi lên**

*Rút ra những bài học kinh nghiệm :*

- Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Củng cố và tăng cường khối đoàn kết toàn dân và đoàn kết
quốc tế.

- Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam luôn là nhân tố hàng đầu của mọi sự thắng lợi.

MỤC LỤC

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Trang* |
| **Lời giới thiệu** | 3 |
| ***Phần một***GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG | 5 |
| ***Phần hai***HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNGMÔN LỊCH SỬ TRUNG HỌC CƠ SỞ | 13 |
| Lớp 6 | 13 |
| Lớp 7 | 34 |
| Lớp 8 | 74 |
| Lớp 9 | 122 |

*Chịu trách nhiệm xuất bản :*

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI

Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

*Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung :*

Phó Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học NGUYỄN HẢI CHÂU

Giám đốc CTCP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội PHAN KẾ THÁI

*Biên tập nội dung và sửa bản in :*

NÔNG THỊ HUỆ - LÊ HỒNG SƠN - LƯU HOA SƠN

*Biên tập tái bản :*

NÔNG THỊ HUỆ - LÊ HỒNG SƠN

*Trình bày bìa :*

LƯU CHÍ ĐỒNG

*Biên tập kĩ thuật :*

NGUYỄN THANH THUÝ

*Chế bản :*

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ VÀ PHÁT HÀNH SÁCH GIÁO DỤC

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam - Bộ Giáo dục và Đào tạo giữ quyền công bố tác phẩm.

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG
MÔN LỊCH SỬ TRUNG HỌC CƠ SỞ**

Số đăng kí KHXB : 259 - 2010/CXB/20 - 330/GD Mã số : C2D04h0 - ĐTH

In ... cuốn, khổ 29 x 20,5 cm, tại ...........

Số in : .......................................................

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 2010.

1. () Hiện nay, Nê-đéc-lan bao gồm vùng đất của Bỉ và Hà Lan. [↑](#footnote-ref-1)
2. () Phái Lập hiến gồm tầng lớp đại tư sản để phân biệt với phái Gi-rông-đanh gồm tầng lớp tư sản công thương và phái Gia-cô-banh gồm những người dân chủ cách mạng được quần chúng ủng hộ. [↑](#footnote-ref-2)
3. () Do nhận thức sai lầm, cho rằng máy móc là nguyên nhân gây nên sự đau khổ. [↑](#footnote-ref-3)